

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA  
VIỆN SỬ HỌC

\*\*\*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI

THÁI ÁP - ĐIỀN TRANG  
THỜI TRẦN

(THẾ KỶ XIII-XIV)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
HÀ NỘI - 2002



## LỜI GIỚI THIỆU

Sự tồn tại của các Thái ấp - điền trang là một trong những đặc điểm nổi bật góp phần tạo nên cơ sở kinh tế - xã hội thời Trần, một thời kỳ hiển hách trong lịch sử dân tộc với võ công ba lần kháng chiến thắng lợi chống quân xâm lược Mông - Nguyên.

Nghiên cứu về kinh tế - xã hội thời Trần, cũng như các thời kỳ khác trong lịch sử dân tộc, là một trong những trọng tâm nghiên cứu của Viện Sử học. Để làm sáng rõ tình hình kinh tế - xã hội thời Trần không thể không chú ý tìm hiểu quá trình hình thành, phát triển và vai trò của các Thái ấp - điền trang.

Đã có không ít tác giả đề cập đến chế độ Điền trang - Thái ấp thời Trần trong các tác phẩm của mình, như Đào Duy Anh trong *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XIX*, Quyển Thượng, Tập san Đại học Sư phạm Hà Nội, 1956; Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn trong *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1963; Trương Hữu Quýnh trong *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I (*Thế kỷ XI-XV*), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1982; Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh trong *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1998...

Trong các tác phẩm kể trên, và cả trong những tác phẩm của nhiều tác giả không có điều kiện nêu tên ở đây, chủ yếu đề cập đến vấn đề Điền trang - Thái ấp từ góc độ sở hữu ruộng đất với nhiều nhận định, đánh giá mang tính chất tổng quát.

Nay, để góp phần nghiên cứu kỹ hơn Thái ấp - điền trang thời Trần, Viện Sử học cho xuất bản cuốn sách *Thái ấp - điền trang thời Trần (Thế kỷ XIII-XIV)* của TS. Nguyễn Thị Phương Chi. Đây là

công trình được biên soạn trên cơ sở Luận án Tiến sĩ Sử học của tác giả, do Giáo sư Trần Quốc Vượng hướng dẫn, được bảo vệ thành công tại cơ sở đào tạo Viện Sử học, tháng 2-2001. Trong tác phẩm này, tác giả đã điểm lại khá rõ nét về tình hình xã hội Đại Việt thời Trần trên các mặt kinh tế, chính trị, tổ chức chính quyền, quân đội... Tác giả đã đưa ra được một số nội dung mới mẻ trong nghiên cứu về lịch sử thời kỳ Cổ - Trung đại khi gắn các vấn đề nông nghiệp, ruộng đất và sự tồn tại của Thái ấp - diền trang thời Trần với điều kiện tự nhiên và môi trường như đất đai, sông biển...

Để giúp bạn đọc hình dung cụ thể về các Thái ấp - diền trang thời Trần, tác giả đã cố gắng giới thiệu tương đối kỹ càng diện mạo một số Thái ấp và Diền trang của các quý tộc, vương hầu và quan lại thời Trần từ đầu triều đại cho đến cuối thế kỷ XIV, như Thái ấp Quắc Hương của Trần Thủ Độ, Vạn Kiếp của Trần Hưng Đạo, Độc Lập của Trần Quang Khải, Kẻ Lâm của Trần Quang Triều, Diền trang của Hoàng Hối Khanh ở Lệ Thuỷ (Quảng Bình).

Tác giả đã đưa ra nhiều nhận xét, đánh giá khá táo bạo về vai trò của các Thái ấp - diền trang thời Trần, nêu ý nghĩa tích cực của các loại hình này trong việc kết hợp nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước thời Trần, nhất là khi cả dân tộc dồn sức chống xâm lược. Đồng thời, tác giả cũng nêu những hạn chế của chế độ Thái ấp và Diền trang đã gây nên tình trạng phân tán là điều mâu thuẫn với xu thế tập quyền thời bấy giờ.

Với những nội dung nêu trên, chúng tôi cho rằng dù còn một số thiếu sót khó tránh khỏi, song có thể nói đây là một cuốn sách có đóng góp trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về tình hình kinh tế - xã hội thời Trần. Chúng tôi xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4-2002

Viện trưởng Viện Sử học  
PGS.TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG

## LỜI BẠT

Lời giới thiệu của PGS.TS.Viện trưởng Viện Sử học đã quá hay và đã đủ để dẫn giải về những nét độc đáo của cuốn sách của TS. Nguyễn Thị Phương Chi đang dưới tay bạn đọc. Đầu có phái *bỗng dung*, mà chỉ sau TS. Bùi Văn Liêm, *cô Phương Chi* được đoạt giải *Tiến sĩ xuất sắc* của Quỹ Giải thưởng Sử học Phạm Thận Duật - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, do GS. Phan Huy Lê - nhân vật lớn của ngành Khoa học lịch sử Việt Nam - và nhà sử học Dương Trung Quốc đứng đầu. Hội đồng xét thưởng rất sáng suốt khi quyết định trao các giải này.

Tôi, hân hạnh là người hướng dẫn của *Phương Chi* (Theo tôi cuốn sách này là *cốt lõi* của Luận án tiến sĩ), Tôi cảm thấy vinh hạnh!

Tuổi trẻ, tài hoa, mà dám dấn thân vào một đề tài *rất cổ đại* là "Thái ấp - điền trang thời Trần" - những ngọt ngào ngàn năm về trước - là cực *khó khăn* và *phức tạp*.

Tôi - với tư cách người hướng dẫn khoa học cho Phương Chi - đã "buộc" Phương Chi phải đi *điền dã*, từ Quảng Bình - nơi Hoàng Hối Khanh thời cuối Trần trị nhạt - đến Gia Lâm và nhiều miền ở Kinh Bắc, xứ Đông, xứ Đoài, xứ Nam...

Phương Chi rất *dũng cảm* để làm nên một Luận án mà *mọi người* - bắt đầu từ Hội đồng cấp Nhà nước nhận xét là *xuất sắc*.

Đó là do: Từ tư cảm và nhận thức về một quá khứ xa xôi mà  
đã như hiện diện cho đến *hôm nay*. "Ôn cũ nhị tri tân" (*Ôn cũ  
tế mà biết mới*) - Tân Tiến sĩ Phương Chi đã biết tìm hiểu cái  
ngày xưa (Thái ấp - điền trang thời Trần) để liên hệ với cái *hôm  
nay* (những trang trại của những người biết *làm giàu* - cho chính  
nó và cho cả nước) - theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bạn đọc có thể không hài lòng về mặt này hay mặt khác của  
cuốn sách này của Tiến sĩ Phương Chi. Điều đó cũng bình  
thường thôi. Vì tác giả và người hướng dẫn khoa học của tác giả  
- đều *sức có hạn*, may ra chỉ có cái *Tâm*. Nhưng theo tôi, đây là  
một cuốn sách *cần đọc và nên đọc*. Để *nghĩ suy*. Và để *ngẫm  
ngợi* cho về lâu về dài của nền Nông nghiệp Việt Nam.

Tháng 4-2002

GS. TRẦN QUỐC VƯỢNG

## LỜI MỞ ĐẦU

Thái áp - điền trang là hai khái niệm có cùng nội dung là ruộng đất và khác nhau về tính chất sở hữu. Thái áp, trước khi ban cấp cho quý tộc tôn thất không phải là ruộng đất hoang hoá. Các quý tộc được sử dụng để hưởng hoa lợi chứ không được quyền sở hữu. Điền trang là đất hoang, được các quý tộc Trần chiêu tập dân nghèo, xiêu tán khai khẩn. Điền trang thuộc sở hữu tư nhân của các vương hầu, quý tộc Trần. Bấy lâu nay, thái áp, điền trang được đa số các nhà nghiên cứu sử dụng như hai khái niệm mà khoảng cách giữa chúng là một dấu phẩy. Theo chúng tôi, thái áp - điền trang có những điểm chung và cũng có những điểm khác biệt. Trong công trình này, chúng tôi tạm sử dụng thái áp - điền trang, mà khoảng cách giữa chúng là một gạch nối: "thái áp - điền trang", để cho việc trình bày các vấn đề về thái áp - điền trang được thuận lợi hơn.

\*  
\* \*

Vương triều Trần từ khi thành lập (năm 1225), đến khi suy vong (năm 1400) tồn tại được 175 năm. Triều Trần tiếp thu sự quản lý đất nước từ vương triều Lý, tiếp tục quá trình xây dựng đất nước độc lập tự chủ, đưa đất nước Đại Việt ngày một phát triển cao hơn triều Lý trên nhiều lĩnh vực. Trong thời gian tồn tại gần hai thế kỷ, quân và dân nhà Trần đã lập nên nhiều kỳ tích, tiêu biểu là ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thắng lợi. Trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, triều đại Trần đã làm phong phú thêm lịch sử dân tộc bằng việc đề ra một số "chủ trương" độc đáo như chế độ Thái thượng hoàng, chế độ hôn nhân nội tộc và chế độ thái ấp - điền trang. Thái thượng hoàng - vua cha tồn tại với tư cách là "cố vấn", có quyền hành rất lớn. Thái thượng hoàng có thể phế vua con đang trị vì đất nước, nếu nhà vua mắc lỗi hoặc lơ là việc nước. Về chế độ hôn nhân nội tộc, giới nghiên cứu đã có nhiều công trình đề cập. Đa số ý kiến cho rằng kiểu hôn nhân nội tộc chủ yếu nhằm bảo vệ quyền lợi chính trị của dòng họ Trần. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng nhà Trần xuất thân từ tầng lớp dân chài, giống như trên thế giới, các bộ tộc chài lưới thường có tục kết hôn với nhau.

Trong quá trình tồn tại của nhà Trần, như sử cũ cho biết, thời kỳ đầu (từ khi thành lập đến đầu thế kỷ XIV), việc quản lý đất nước chủ yếu nằm trong tay nhà vua và các quý tộc đồng tộc. Những chức vụ quan trọng trong

triều đều do người tôn thất nắm giữ. Thái ấp - điền trang là hình thức đặc quyền, đặc lợi dành cho vương hầu, quý tộc. Ban cấp thái ấp ở những vùng đất trọng yếu của đất nước cho con em trong dòng họ Trần, thực sự là vấn đề được vương triều Trần coi trọng. Vương triều Trần đã đảm bảo cho đội ngũ quý tộc, tôn thất quyền lợi về kinh tế (ban cấp thái ấp, lập điền trang), quyền lợi về chính trị (quyền cao chức trọng trong triều); thêm nữa, là mối quan hệ dòng họ. Khi những quyền lợi ấy không là nguyên nhân để tranh giành, tranh chấp thì ngược lại nó lại là nhân tố tạo nên sức mạnh đoàn kết nội bộ triều đình, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chống ngoại xâm thắng lợi, tạo nên hào khí Đông Á lẫy lừng.

Trong quá trình nghiên cứu về nhà Trần, chúng tôi đặc biệt chú trọng tìm hiểu thái ấp - điền trang. Đây cũng là công việc cần thiết góp phần nghiên cứu về thời Trần, một triều đại lừng danh trong lịch sử với nhiều thành công và nhiều điểm đặc sắc trong tiến trình lịch sử dân tộc:

- *Việc nghiên cứu thái ấp - điền trang thời Trần sẽ góp phần giúp cho các nhà sử học hiểu biết sâu sắc hơn về một kiểu ban cấp bỗng lộc và chính sách khẩn hoang dành cho các tôn thất nhà Trần mà ở đó mỗi vị trí của thái ấp đều có quan hệ với vị trí tự nhiên của đất nước.*

Thực tế là, lâu nay các công trình nghiên cứu về thái ấp - điền trang, phần lớn đều tìm hiểu về góc độ sở hữu

ruộng đất hoặc vị trí quân sự của các thái ấp và vai trò quan trọng của các vương hầu, quý tộc cùng quân đội của họ trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm mà chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về thái ấp - điền trang. Và, từ diện mạo thái ấp - điền trang để dựng lại mô hình của chúng, nhất là đặt chúng trong mối quan hệ nhất định với môi trường tự nhiên (sông nước, núi và biển), đặc biệt là vai trò của các dòng sông.

- Với phương châm "Tông tử duy thành"<sup>1</sup> (Dùng con cháu tông thất làm thành luỹ) thể hiện đậm nét ở việc ban cấp thái ấp cho các vương, hầu, quý tộc những người tài giỏi, văn võ song toàn, những người giữ trọng trách trong triều đình.

Các công trình nghiên cứu trước đây khi tìm hiểu việc ban cấp thái ấp thường chỉ nhấn mạnh đến yếu tố ban cấp bổng lộc cho các quý tộc Trần. Theo chúng tôi, triều Trần không ban cấp thái ấp một cách tràn lan, mà ở đây triều Trần rất coi trọng chọn những người tài giỏi, những người giữ nhiều trọng trách trong triều đình để vừa cấp thái ấp vừa giao cho họ trấn giữ từng vùng đất quan trọng của đất

---

1. Chúng tôi dẫn theo Ngô Sĩ Liên. Ngô Sĩ Liên đã mượn ý bài thơ *Bản* trong phần *Đại nhã* của kinh *Thi* ca ngợi chế độ nhà Chu. Bốn câu cuối của bài thơ ấy như sau: "... Hữu đức duy ninh. Tông tử duy thành. Vô tỷ thành hoại, Vô độc tư úy!". Nghĩa là: "...Dùng đức cù xử thì vua yên ổn. Con cháu họ hàng là bức thành bao. Chớ để bức thành ây nghiêng đổ, Thành đổ tro một mình vua đáng sợ lắm sao!".

nước. Ban cấp thái ấp là sự kết hợp độc đáo giữa chính trị, quân sự, kinh tế và môi trường tự nhiên. Vì vậy, công trình của chúng tôi một lần nữa góp phần giúp cho việc nghiên cứu về chế độ thái ấp - điền trang thời Trần một cách đầy đủ hơn.

- Trong một đất nước có truyền thống sản xuất nông nghiệp, việc giải quyết các loại hình sở hữu ruộng đất, trong đó chế độ thái ấp - điền trang có một tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Thời Trần, nền kinh tế tiểu nông và kinh tế hàng hoá đang trên đà phát triển, đã làm cho tầng lớp quý tộc - một bộ phận của giai cấp thống trị phân hoá thành tầng lớp đại địa chủ quý tộc. Hơn nữa, nội, ngoại thương phát triển càng là chất xúc tác kích thích nhu cầu mua bán của tầng lớp quý tộc. Nhu cầu cần tiền để mua sắm vật dụng xa xỉ, ăn chơi, các quý tộc càng có xu hướng mở rộng diện tích đất đai của mình, càng tích cực đẩy mạnh khẩn hoang. Sự tồn tại các làng nghề: nông, công, thương, chài, đã có ý nghĩa lớn cho sự tồn tại của thái ấp - điền trang và là cơ sở cho nền kinh tế tự cấp, tự túc. Nhìn nhận quá khứ để có bài học kinh nghiệm cho hiện tại, cho quá trình xây dựng, phát triển kinh tế-xã hội trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhất là hình thức trang trại đang có xu hướng phát triển ở nước ta hiện nay.

- Ngoài ra, việc nghiên cứu thái ấp - điền trang thời Trần còn góp phần vào việc nghiên cứu toàn diện hơn, đầy

*dù hơn về lịch sử triều Trần nói riêng, lịch sử Việt Nam nói chung.* Những công trình nghiên cứu về nhà Trần đến nay đã có khối lượng đáng kể. Các công trình thường đi sâu vào các vấn đề chống ngoại xâm, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và mỹ thuật... Trong đó thái ấp - điền trang cũng đã có một số luận văn đề cập ở những góc độ khác nhau, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu sâu sắc và đầy đủ.

\*

\* \* \*

Chế độ thái ấp - điền trang, xét dưới góc độ sở hữu ruộng đất, các nhà nghiên cứu Việt Nam có những ý kiến khác nhau. Điền trang, được đa số các tác giả thừa nhận là sở hữu tư nhân. Thái ấp, phần lớn các ý kiến cho rằng ruộng đất ở đó thuộc sở hữu nhà nước, kể cả trước và sau khi ban cấp cho quý tộc Trần. Có ý kiến lại cho rằng, trước khi ban cấp cho quý tộc, ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước, sau khi ban cấp làm thái ấp thì đất đai đó có thể thuộc sở hữu tư nhân của các chủ thái ấp. Vấn đề phạm vi hay quy mô thái ấp cũng có ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng quy mô thái ấp không lớn, nhưng ngược lại, có ý kiến cho rằng phạm vi thái ấp rộng lớn.

Một trong các bộ sử có giá trị nhất ở nước ta là *Đại Việt Sử ký toàn thư* (viết tắt là *Toàn thư*), chép nhiều sự kiện liên quan đến thời đại nhà Trần. Về vấn đề thái ấp - điền trang, *Toàn thư* không cho chúng ta biết rõ năm tháng thực hiện ban cấp thái ấp cho các vương hầu, quý tộc và cũng không trực tiếp chép về thái ấp. Sự kiện liên quan đến "đất bồng lộc" được chép vào năm 1226, ngay sau khi nhà Trần được thành lập: "*Mùa Thu, tháng 8, ngày mồng mười Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tôn ở chùa Chân Giáo...giáng Huệ hậu* (vợ của Lý Huệ Tôn) làm *Thiên Cực công chúa gả cho Trần Thủ Độ, lấy châu Lạng làm ấp thang mộc*". Sau đó, *Toàn thư* còn cho chúng ta biết thêm: "*Chế độ nhà Trần các vương hầu đều ở phủ đệ ở hương của mình khi chầu hầu mới đến kinh sư xong việc lại về. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Chẩn ở Chí Linh đều thế cả*"<sup>1</sup>. Chính sách điền trang được nhà Trần ban hành năm 1266. *Toàn thư* chép như sau: "*Năm 1266 xuống chiêu cho các vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần chiêu tập những người không có sản nghiệp khai khẩn đất hoang lập làm điền trang. Trang thực bắt đầu có từ thời ấy*"<sup>2</sup>. Quốc Sử quán triều Nguyễn trong bộ *Khâm định Việt Sử thông giám cương mục* (viết tắt là *Cương mục*) cũng không trực tiếp chép về thái ấp mà cho chúng ta biết: "*Những vương hầu triều Trần được mở*

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1971, tr.38.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II. Sđd, tr.38.

phủ đệ đều có trại riêng ở hương. Khi có lễ vào hâu thì mới tới kinh, xong việc lại về phủ đệ như Thủ Độ ở Quắc Hương, Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Quốc Chẩn ở Chí Linh, Chiêu Văn ở Thanh Hoá, Quốc Khang ở Diên Châu. Người nào được triệu làm tể tướng mới ở kinh sư<sup>1</sup>. Sau đó, vấn đề thái ấp được Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trực tiếp nêu lên trong *Hịch tướng sĩ*, vào thời điểm khi cả nước chuẩn bị tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285): "Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bỗng lộc của các ngươi cũng thuộc về tay kẻ khác" hoặc "Chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền mà bỗng lộc các ngươi cũng suốt đời tận hưởng".

Tác giả Trần Đức Thảo trong luận văn: *Bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo và xã hội Việt Nam trong thời kỳ thịnh của chế độ phong kiến*, khi viết về thái ấp, tác giả đã cho rằng: "Kinh tế thái ấp và kinh tế hàng hoá phát triển song song trong giai đoạn thịnh của chế độ phong kiến" và "Tổ chức thái ấp được sử dụng triệt để bằng cách khuyến khích bọn vương hầu, công chúa, phò mã triệu tập những người dân nghèo lưu vong làm nô tỳ để khai khẩn đất hoang và lập thành biệt trang"<sup>2</sup>.

1. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội – 1998, tr.489.
2. Trần Đức Thảo."Bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo và xã hội Việt Nam trong thời kỳ thịnh của chế độ phong kiến", Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, số 5-1955, tr.35.

Đào Duy Anh trong *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ mười chín*, quyển Thượng, thì *đại diền trang và thái ấp đều thuộc ruộng đất công* của nhà nước hay của xã dân. *Phạm vi của thái ấp và diền trang là rộng lớn*. Tác giả viết: "Những ruộng đất công gọi là ruộng quốc khố là những đại diền trang của nhà nước từ đời Đinh, Lý truyền xuống và do nhà Trần mở mang thêm" và "Những thái ấp của các vương hầu, tôn thất và quý tộc nhà Trần, do nhà nước cấp lấy ở ruộng đất công của nhà nước hay của xã dân chiếm địa phận rộng"<sup>1</sup>.

Các tác giả *Lịch sử Việt Nam*, chỉ viết sơ qua về thái ấp - diền trang: "những quý tộc này (Quý tộc Trần) được phong cấp thái ấp rộng lớn, được quyền lập phủ đệ và tổ chức lực lượng vũ trang riêng"<sup>2</sup> và "Sự mở rộng diền trang thái ấp tất nhiên xâm phạm đến ruộng đất công của công xã và quyền lợi của nông dân"<sup>3</sup>.

Trong *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, hai Giáo sư Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn đã giành một chương viết về "Sự phát triển thái ấp, diền trang và tình hình kinh tế thời Trần". Các tác giả đã nêu lên một số thái ấp của các quý tộc Trần và khẳng định các vương hầu

- 
1. Đào Duy Anh - *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ mười chín*, Quyển Thượng, Tập san Đại học Sư phạm chuyên san, 1956, tr. 141.
  2. *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1971, tr.186.
  3. *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.226.

*không có quyền thừa kế thái ấp. Sự phát triển của chế độ nô tỳ song song với sự phát triển của thái ấp - điền trang. Về những hạn chế của thái ấp - điền trang, các tác giả viết: "Thời Trần là giai đoạn cực thịnh của thái ấp và điền trang, nó xâm lấn vào ruộng công của làng xã, nó cản trở sự phát triển của kinh tế địa chủ tư hữu gây ra những mâu thuẫn kinh tế và xã hội, đưa đến sự tan rã của điền trang thái ấp thời cuối Trần"<sup>1</sup>.*

Trong công trình *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, của các tác giả Trương Hữu Quýnh (Chủ biên)-Phan Đại Doãn-Nguyễn Cảnh Minh. Quan điểm của các tác giả về thái ấp - điền trang cũng có độ khác biệt. Các tác giả nhận định: "*Nguồn gốc ban đầu của thái ấp có thể thuộc quyền sở hữu nhà nước, nhưng khi ban cấp thành thái ấp thì thái ấp thuộc sở hữu tư nhân của các quý tộc Trần*"<sup>2</sup>. Có thể nói, sự khẳng định thái ấp thuộc sở hữu tư nhân của các quý tộc Trần của các tác giả *Đại cương lịch sử Việt Nam* là một trong không nhiều quan điểm về vấn đề này. Về điền trang, các tác giả viết: "*Điều lệ lập điền trang năm 1266 đã đẩy nhanh sự phát triển sở hữu lớn của các quý tộc Trần, tạo thêm một bước chuyển biến mạnh mẽ mở rộng cho hình thái kinh tế*

- 
1. Trần Quốc Vượng- Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, In lần thứ 2, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội – 1963, tr.282.
  2. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên) - Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb.Giáo dục, Hà Nội-1998, tr.198.

"phong kiến"<sup>1</sup> và "Điền trang và thái ấp là hai bộ phận quan trọng có ý nghĩa quyết định tính chất loại hình sở hữu ruộng đất phong kiến quý tộc thời bấy giờ"<sup>2</sup>.

Hai tác giả Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm trong một số sách và luận văn viết chung: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII* (Nxb. KHXH, Hà Nội - 1975); *Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý - Trần* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 52-1963); *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề lịch sử thời Trần* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 88-1966), đã có những nhận định về lực lượng quân đội của các vương hầu; Về tính chất quốc hữu và tư hữu của thái ấp - điền trang và tư liệu về thái ấp của Trưởng công chúa trên bài minh chuông Thông Thánh.

Trong cuốn: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII*, hai tác giả đã viết khá kỹ về lực lượng quân đội của các vương hầu tham gia kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên là rất lớn. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285): "Riêng số quân của các vương con Trần Quốc Tuấn cũng đã lên tới 20 vạn"<sup>3</sup>. Về vấn đề sở hữu ruộng

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.200.

2. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.201.

3. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII*, In lần thứ tư, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1975, tr.188.

đất, trong đó có thái ấp - điền trang, hai tác giả nhận định: "Bộ phận ruộng đất tư hữu thời Lý - Trần bao gồm ruộng của nông dân tự canh, ruộng của địa chủ tư hữu và cả một phần điền trang thái ấp của quý tộc quan lại hay nhà chùa. Bộ phận ruộng đất quốc hữu thì gồm ruộng quốc khố, ruộng công của làng xã và một phần điền trang thái ấp của quý tộc, quan lại, nhà chùa"<sup>1</sup>. "Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề lịch sử thời Trần" là một trong rất ít luận văn cung cấp tư liệu về thái ấp của Trưởng công chúa thời Trần và sau khi Trưởng công chúa chết, thái ấp đó lại được ban cho Trưởng công chúa khác.

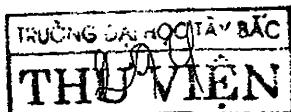
Trong cuốn sách *Theo dòng lịch sử- những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, ở mục: "Dòng Châu Giang và lịch sử văn hoá Đại Việt", Giáo sư Trần Quốc Vượng đã đưa ra một hệ thống các "chốt" - là những thái ấp của dòng họ Trần hay người khác họ nhưng đã được ban quốc tính<sup>2</sup>.

Giáo sư Trương Hữu Quýnh là một trong không nhiều chuyên gia viết về ruộng đất. Ông đã có khá nhiều sách và luận văn về ruộng đất thời Lý - Trần, trong đó có thái ấp -

1. Phạm Thị Tâm- Hà Văn Tấn, *Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 52- 1963, tr.30.
2. Trần Quốc Vượng, *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, Thần và tâm thức người Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội - 1996, tr.356.

điền trang như: *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII* (Tập I- thế kỷ XI-XV), (Nxb. KHXH, Hà Nội-1982); *Chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất thời Lý - Trần* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 4-1976); *Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất thời Lý-Trần* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 4-1979); *Mấy vấn đề về ruộng đất thời Trần trước chiến thắng Bạch Đằng lịch sử* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 3&4-1988) và *Mấy nét lớn về tình hình ruộng đất ở Thanh Hoá thời Lý - Trần*. Đáng chú ý là quan điểm của tác giả về vấn đề thái ấp - điền trang thời Trần trong cuốn: *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XV*. Tác giả viết: "Thái ấp là hình thức đất phong tương tự thực ấp", thái ấp "là những làng xã do nhà nước cấp cho các vương hầu" và "quy mô thái ấp không lớn, thông thường là một xã". Thái ấp có được thừa kế không? - Theo phân tích của tác giả thì: "Yêu cầu xây dựng một nhà nước trung ương ngày càng chặt chẽ, do đó không cho phép tồn tại chế độ thừa kế thái ấp"<sup>1</sup>. Còn điền trang, tác giả khẳng định là loại ruộng đất do khẩn hoang và thuộc sở hữu tư nhân. Quan điểm về thái ấp - điền trang còn được Giáo sư Trương Hữu Quýnh nêu lên trong một số luận văn như đã kể trên. Trong đó phải kể tới: "Mấy ý kiến về ruộng đất thời Trần trước chiến thắng Bạch Đằng lịch sử", một lần

1. Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, Tập I: Thế kỷ XI-XV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1982, tr. 114.



nữa tác giả nhận định: "Chế độ thái ấp là một nét đặc sắc của thời Trần, giữ vị trí quan trọng trong buổi đầu xây dựng vương triều đó"<sup>1</sup> và điền trang là sở hữu tư nhân của các con em trong hoàng tộc Trần tham gia khai phá ruộng đất. Điền trang không xâm phạm đến chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất, không động chạm đến lợi ích của nhân dân làng xã ở bộ phận ruộng đất công.

Trong bài: "Thủ phân loại và xác định hình thái sở hữu ruộng đất thời Lý - Trần", Vũ Huy Phúc cho rằng: "Thái ấp là một hình thức ban cấp bổng lộc cho quý tộc Trần. Thái ấp không khác gì thực ấp, đều là đất mà chủ của nó có đặc quyền thu tô thuế và hưởng hoa lợi"<sup>2</sup>.

Dựa trên thế lực chính trị và kinh tế để phân biệt hai thành phần trong kết cấu giai cấp của bộ máy nhà nước, Lê Kim Ngân viết: "Nhà nước từ giữa thế kỷ XIII gồm hai thành phần rõ ràng: thành phần quý tộc nắm giữ những chức vụ cao nhất trong triều, có ruộng phong và có trang ấp riêng, có nô lệ hàng nghìn v.v... đã chuyển thành giai cấp quý tộc phong kiến thực sự, giai cấp chiếm hữu lớn về ruộng đất. Còn thành phần quan liêu đông đảo đóng vai trò thừa hành trong bộ máy quản lý nhà nước, đó là đám

- 
1. Trương Hữu Quýnh, *Mấy vấn đề về ruộng đất thời Trần trước chiến thắng Bạch Đằng* lịch sử, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 3-4 năm 1988, tr.14.
  2. Vũ Huy Phúc, *Thủ phân loại và xác định hình thái sở hữu ruộng đất thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 68 năm 1976, tr.23-41.

*"nho sī và quan liêu không phải quý tộc, không được phong cấp đất đai, không có nô lệ"*<sup>1</sup>.

Theo tác giả Vũ Minh Giang: "Việc hình thành các thái ấp điền trang lớn ở thế kỷ XIII-XIV chính là kết quả phát triển tất yếu của phương thức sản xuất phong kiến dưới những tác động thuận chiều của chính quyền trung ương"<sup>2</sup>

Để nhấn mạnh hơn mức độ sở hữu lớn điền trang của quý tộc Trần, tác giả Nguyễn Duy Hinh đã viết: "điền trang là hình thức đại sở hữu ruộng đất, chủ yếu là của vương hầu" và "Đại sở hữu ruộng đất tư hữu xuất hiện với tư cách là tài sản riêng của tầng lớp đặc quyền, đặc lợi"<sup>3</sup>.

Năm 1985, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh ra số chuyên đề về triều đại nhà Trần, trong đó có một số bài hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp viết về thái ấp - điền trang: Phạm Xuân Hàm và B.V.T: *Điền trang của trưởng công chúa Thái Đường*; Lê Xuân Quang: *Trần Nhật Duật và người mẹ của ông*; Nguyễn Khánh Thiện: *Cung Thiên Trường*; Nguyễn Khắc Hiếu: *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*.

1. Lê Kim Ngân, *Một giả thiết về kết cấu kinh tế của xã hội Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV. Nguồn gốc phát sinh và sự tiến triển của nó*. Trong: *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội-1981, tr.274-275.
2. Vũ Minh Giang, *Sự phát triển của các hình thức sở hữu ruộng đất trong lịch sử phong kiến Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội. Số 3-1988
3. Nguyễn Duy Hinh, *Kinh tế xã hội Lý-Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 4-1996.

Nghiên cứu thời Trần, chúng ta không thể không tìm hiểu một số chuyên khảo. Chúng tôi đặc biệt chú ý tới ba chuyên khảo về nhà Trần được ấn hành sau Hội thảo khoa học: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần* (Bộ phận Lịch sử dân tộc - Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản - 1986); *Trần Thủ Độ - con người và sự nghiệp* (Sở Văn hoá - Thông tin Thái Bình xuất bản-1994); *Thời Trần và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà* (Sở Văn hoá - Thông tin Nam Hà xuất bản - 1996) của nhiều tác giả. Trong *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, tuy không có luận văn nào nghiên cứu về thái ấp - điền trang, nhưng ở một số khía cạnh có liên quan đến nhà Trần như kho lương ở A Sào; nơi phát tích của nhà Trần; khảo sát về Bát Đụn trang với những luận văn: *Nhà Trần với quá trình dựng nghiệp ở Thái Bình* (Vũ Duy Mên); *Thái Bình - hậu phương lớn đồi nhà Trần* (Phạm Thị Nết); *Bước đầu khảo sát về Bát Đụn trang thời Trần* (Nguyễn Thị Thảo); *Đất Long Hưng thời Trần* (Đinh Khắc Thuân); *A Sào và xác định lại vị trí A Sào* (Nguyễn Ngọc Rao - Vũ Mạnh Quang) tuy không trực tiếp viết về thái ấp - điền trang, nhưng đã cung cấp cho chúng tôi những tư liệu cần thiết.

Đặc biệt, trong *Thời Trần và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà* đã có một số luận văn viết về nhà Trần, về thái ấp như: Trần Quốc Vượng: *Về gốc gác nhà Trần*; Đào Đình Tứu - Đặng Văn Nhiên: *Thái ấp của Thương tướng Thái sư Chiêu minh Đại vương Trần*

*Quang Khải; Tăng Bá Hoành: Trần Hưng Đạo với căn cứ Vạn Kiếp.*

Công trình *Kế sách giữ nước thời Lý - Trần* của các tác giả Lê Đình Sĩ - Nguyễn Danh Phiệt (Nxb Chính trị Quốc gia -1994), ở chương III: "Xây dựng kinh tế làm cho dân giàu nước mạnh, "quốc phú binh cường""", PGS-TS. Nguyễn Danh Phiệt đã viết về mối quan hệ giữa thái ấp và quốc phòng ở hai điểm: "Một là, khi phong cấp thái ấp, nhà nước phong kiến quý tộc Trần có ý thức giao cho các vương hầu trấn giữ những vùng quan yếu của đất nước", hai là: "Cùng với ban cấp thái ấp, nhà Trần cho vương hầu, quý tộc có quyền tập hợp và điều khiển gia binh, hương binh trong phạm vi thái ấp của mình khi quốc gia hữu sự"<sup>1</sup>.

Cùng với sự thừa nhận thái ấp thuộc sở hữu Nhà nước thì vẫn đề phạm vi hay quy mô của thái ấp, Giáo sư Nguyễn Hồng Phong cho rằng thái ấp chỉ bằng một làng. Trong công trình: *Văn hoá chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại* do Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn về phát triển - Nxb Văn hoá Thông tin ấn hành năm 1998, tác giả viết: *Ban cấp thái ấp là hình thức riêng của đời nhà Trần. Thái ấp cũng như ruộng phong theo hộ, người được phong chỉ được hưởng hết một đời, sau đó ruộng đất lại thuộc sự phân phôi của Nhà nước*". Về quy mô của thái ấp, theo Giáo sư: "Thái ấp thực sự là một làng mà nhà

1. Viên Lịch sử quân sự Việt Nam, *Kế sách giữ nước thời Lý - Trần*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội- 1994, tr.106.

*vua phong cho quý tộc với tư cách là quan cai trị được hưởng toàn bộ tô thuế, lao dịch của dân xã (cầy ruộng công). Thời Trần có tất cả 6 thái ấp được sử ghi lại"* (tr.56-57).

Những phát hiện mới về Khảo cổ học (viết tắt là NPHMVKCH) hàng năm, đã có một số bài viết thông báo về một vài thái ấp - điền trang hoặc những vấn đề có liên quan đến triều Trần. Trong đó có bài của Bùi Duy Lan: *Giếng gỗ Lưu Đồn (Thái Bình)* (NPHMVKCH-1977); Đặng Kim Ngọc - Nguyễn Thị Dơn: *Di tích một thái ấp thời Trần ở Hà Nội* (NPHMVKCH-1978); Nguyễn Văn Trò: *Di tích Trần Quốc Tảng ở Hà Nam Ninh* (NPHMVKCH-1984); Tăng Bá Hoành: *Điền dã và thám sát Kiếp Bạc lần thứ hai* (NPHMVKCH- 1985); Đặng Công Nga: *Những di tích có liên quan tới công chúa Trần Thị Ngọc Mật, triều Trần* (NPHMVKCH - 1985).

Trong Tạp chí Tri Tân, số 56-năm 1942, Thanh Khê đã có bài viết giới thiệu về đồn điền của bà Trần Thị Ngọc Hào với nhan đề: *Một bà chủ đồn điền ở thế kỷ XIV*. Tiếp đến số 70- năm 1942, Tạp chí Tri Tân đăng tiếp bài của Lê Nhu Thuý: *Bà Trần Thị Ngọc Hào, vợ vua Trần Duệ Tông (1373-1377)*. Hai bài viết trên đều nói về quá trình khẩn hoang ở vùng Đức Thọ (thuộc Hà Tĩnh ngày nay) vào cuối thế kỷ XIV của bà Trần Thị Ngọc Hào, vợ vua Trần Duệ Tông.

Thái ấp - điền trang thời Trần không chỉ được các nhà sử học Việt Nam chú ý nghiên cứu mà nhiều người nước ngoài cũng rất quan tâm. Tác giả Aléchxây Bôrôxôvich

Pôliacôp, là nhà sử học làm công tác ngoại giao đã viết cuốn: *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X-XIV*. Tác giả đề cập đến nhiều vấn đề của các triều đại quân chủ Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV. Trong đó, thái ấp - điền trang thời Trần được tác giả viết: "Tầng lớp quý tộc cao cấp là thành viên dòng họ Trần- các vương hầu, hoàng tử- không trực tiếp sống ở kinh thành mà có thái ấp, phủ đệ riêng ở các địa phương" và "Để mở rộng diện tích đất canh tác của tầng lớp quý tộc và quan lại cao cấp, nhà nước cho phép họ chiêu tập những người đi khai hoang... đất đai khai khẩn được trở thành sở hữu của các đại biểu giai cấp thống trị, gọi là các "điền trang"<sup>1</sup>.

Như vậy, liên quan đến nhà Trần nói chung, trong đó có vấn đề thái ấp - điền trang nói riêng, đã có một số công trình nghiên cứu đề cập ở những khía cạnh và mức độ khác nhau. Những công trình chúng tôi dẫn ở trên, đã cung cấp nhiều tư liệu quý cùng nhiều nhận định, đánh giá liên quan đến thái ấp - điền trang thời Trần. Đó cũng là những vấn đề mà công trình chúng tôi không chỉ tham khảo mà còn phải kế thừa. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu có những mức độ khác nhau và sự thật là chưa có công trình nào nghiên cứu về thái ấp - điền trang một cách đầy đủ và đặt thái ấp - điền trang trong mối quan hệ nhất định với môi trường tự nhiên: đất,

---

1. A.B.Pôliacôp, *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X-XIV*, Nxb. Chính trị Quốc gia- Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Hà Nội-1996, tr.190.

rừng, sông, biển, núi. Đó chính là mục tiêu mà trong công trình này chúng tôi cần phải giải quyết.

Như đã trình bày ở phần trên, có rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết, nhưng trong khuôn khổ của tập sách này, chúng tôi chủ yếu nghiên cứu mấy vấn đề sau:

1. Bấy lâu nay, khi nghiên cứu các vấn đề của nhà Trần nói chung, vấn đề thái ấp - điền trang nói riêng, chúng ta thường ít chú ý gắn chúng với môi trường tự nhiên. Trong khi môi trường tự nhiên của đất nước như sông, núi và biển đã có ảnh hưởng và tác động đến quá trình ra đời và tồn tại của thái ấp - điền trang. Hay nói cách khác, tìm hiểu nguyên nhân hình thành các thái ấp phải từ trong chính bối cảnh sinh thái và bối cảnh lịch sử của đất nước Đại Việt thế kỷ XIII-XIV. Những vấn đề này có liên quan đến nội dung phân phong thái ấp, đến chính sách lập điền trang, đến mô hình thái ấp - điền trang và vị trí của các thái ấp - điền trang.

2. Trên cơ sở những tư liệu hiện có, chúng tôi tiến hành mô tả một số thái ấp - điền trang thời Trần, nhằm qua đó bước đầu dựng được mô hình thái ấp - điền trang, với kiến trúc phủ đệ, nhà ở và cơ cấu tổ chức sản xuất trong đó. Thông qua những điều được trình bày, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến khía cạnh loại hình ban cấp thái ấp cho tầng lớp quý tộc tôn thất không chỉ đơn thuần là đem lại quyền lợi kinh tế mà còn nhằm mục đích quân sự, chính trị và ổn định xã hội. Về phương diện kinh tế, mô hình thái ấp - điền trang thể hiện hình thức tự cấp, tự túc như quan điểm lâu nay

của các nhà nghiên cứu, nhưng nó có hoàn toàn khép kín hay không, nếu không thì dựa trên cơ sở nào?

3. Từ kết quả nghiên cứu về thái ấp - điền trang, công trình của chúng tôi còn phân tích những ảnh hưởng và tác động của chế độ thái ấp - điền trang đối với các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội thời Trần, với những tác động tích cực và những mặt hạn chế của nó.

Từ mục đích đặt ra trên đây, chúng tôi giới hạn phạm vi thời gian từ năm 1225 đến 1400, về cơ bản là trong khoảng thời gian triều Trần tồn tại. Mặc dù năm 1225 đã đi qua một phần tư của thế kỷ XIII, nhưng để cho vấn đề có tính liên tục, cho nên tạm lấy khoảng thời gian nghiên cứu trong các thế kỷ XIII-XIV.

Về không gian, khi triều Trần thành lập về cơ bản là kế thừa phạm vi đất nước từ triều Lý. Từ năm 1306, vua Chiêm Thành là Chế Mân dâng hai châu Ô và Lý làm sinh lễ. Vì thế, lãnh thổ Đại Việt thời Trần được mở rộng về phía Nam đến Bắc Quảng Nam ngày nay. Như vậy, phạm vi đất nước Đại Việt thời Trần cơ bản là châu thổ Bắc Bộ đến Bắc Quảng Nam.

Trong quá trình thực hiện công trình này, chúng tôi hết sức cố gắng giải quyết những vấn đề đặt ra. Song, trên thực tế chúng tôi gặp không ít khó khăn. Thái ấp - điền trang là một vấn đề khó, lại chưa có công trình chuyên khảo nào, nguồn tư liệu khan hiếm, những tư liệu hiện có thì tản

mạn. Những khó khăn đó làm cho công trình này không thể không có thiếu sót và những quan điểm có thể khác với một số nhà nghiên cứu. Mặt khác, chúng tôi không hy vọng giải quyết đầy đủ mọi vấn đề đặt ra mà trong quá trình tiếp tục nghiên cứu sẽ có dịp tìm hiểu sâu thêm. Những điều trình bày trong tập sách này mới chỉ là kết quả bước đầu, tác giả luôn luôn mong đợi các chỉ dẫn, trao đổi, góp ý của đồng đảo các nhà nghiên cứu và đồng nghiệp.

Nhân dịp cuốn sách được ấn hành, tác giả trân trọng cảm ơn Ban lãnh đạo Viện Sử học đã khuyến khích và tạo mọi điều kiện để công trình hoàn thành và được xuất bản. Tác giả xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới Giáo sư Trần Quốc Vượng - Giáo sư hướng dẫn khoa học - đã tận tình hướng dẫn những ý kiến quý báu về nội dung, kết cấu của cuốn sách kể từ lúc mới hình thành ý tưởng đến khi nó ra đời. Xin cảm ơn các giáo sư, tiến sĩ, các đồng nghiệp của Viện Sử học, Khoa Sử - Đại học Khoa học xã hội & nhân văn, Khoa Sử - Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Khảo cổ học đã góp ý và động viên tác giả hoàn thành công trình này. Xin cảm ơn các đồng nghiệp ở Bảo tàng Nam Định, Hải Dương, Quảng Bình, Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử tỉnh Thanh Hoá, cảm ơn Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Bình; Phòng Văn Hoá, UBND xã Lệ Chi huyện Gia Lâm, UBND xã Thượng Phong, huyện Lê Thuỷ và các cán bộ và nhân dân ở các địa phương có di tích thái ấp - điền trang thời Trần đã cho các chỉ dẫn, các tư liệu và nhiều công sức để tôi hoàn thành công trình này.

## CHƯƠNG I

### NHỮNG ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH THÁI ÁP - ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN

Sự tồn tại của con người gắn liền với các yếu tố tự nhiên và xã hội. Tự nhiên - xã hội - con người cùng tồn tại và tác động qua lại lẫn nhau. Con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội. Tự nhiên và môi trường tự nhiên hay sinh thái và sinh thái- nhân văn là mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và xã hội con người. Nghiên cứu về triều đại nhà Trần nói chung, thái áp - điền trang nói riêng sẽ là thiếu đầy đủ, nếu không đặt con người, xã hội thời Trần trong bối cảnh sinh thái của Đại Việt thế kỷ XIII-XIV.

Triều Trần cũng như các triều đại quân chủ Việt Nam, quá trình tồn tại, thành tựu văn hoá, kết quả kinh tế... đều không nằm ngoài cái không gian của tự nhiên. Xem xét nhiều vấn đề của triều Trần, trong đó có thái áp - điền trang, chúng tôi càng thấy rõ mối quan hệ mật thiết của nó với các yếu tố: sông, biển, đất đai, núi và rừng.

Chế độ thái ấp - điền trang thời Trần là kết quả của chủ thể - con người, từ việc đề ra chính sách đến việc chọn người, chọn đất phân phong. Vùng đất phân phong lại liên quan đến yếu tố môi trường tự nhiên. Thái ấp với vị trí tự nhiên ấy đã có tác động trở lại đối với xã hội và con người.

Với những lý do ấy, chúng tôi xin được trình bày chương: *Những điều kiện, tiền đề hình thành thái ấp - điền trang thời Trần*.

## 1. BỐI CẢNH SINH THÁI ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XIII-XIV

### Đất và rừng

Lãnh thổ Đại Việt đến đầu thế kỷ XI, về cơ bản gồm phần đất các tỉnh miền Bắc ngày nay. Phía Đông giáp biển. Phía Bắc giáp Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây- Trung Quốc ngày nay). Phía Tây giáp Ai Lao (Lào). Phía Nam giáp Chiêm Thành có ranh giới là dãy Hoành Sơn (Bắc Quảng Bình ngày nay).

Năm 1225, Trần Cảnh lên ngôi và chính thức lập ra vương triều Trần. Triều Trần tiếp thu sự quản lý đất nước từ vương triều Lý, về cơ bản phạm vi lãnh thổ đất nước như khi triều Lý cai quản. Đến năm 1306, bằng sự kiện vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân, vị vua này đã dâng sinh lễ bằng

vùng đất thuộc hai châu Ô, Lý (tức vùng Quảng Trị và Thừa Thiên- Huế ngày nay). Vùng đất mới này trở thành nơi biên viễn xa xôi của đất nước Đại Việt dưới triều đại nhà Trần.

Sau khi lên nắm chính quyền, Trần Thái Tông đã thiết lập lại các đơn vị hành chính trong nước. Theo sự ghi chép trong *Toàn thư* thì nhà Trần đổi 24 lộ thời Lý thành 12 lộ, nhưng *Toàn thư* không chép rõ tên các lộ. Đổi chiếu trên bản đồ hiện nay thì về cơ bản phạm vi đất nước Đại Việt thời Trần là vùng châu thổ Bắc Bộ đến Thừa Thiên - Huế.

Do điều kiện địa lý tự nhiên, phần lớn châu thổ Bắc Bộ là do phù sa các con sông lớn như sông Hồng (sông Lô thời Trần), sông Đáy và sông Thái Bình bồi đắp. Quá trình của dòng chảy đã đem phù sa bồi lấp những đầm lầy, chỗ thấp. Chúng ta biết rằng một số nơi ở châu thổ Bắc Bộ hiện nay là những vùng phù sa cũ như vùng ven chân núi Ba Vì và trung du phía Bắc. Một số nơi đọng lại vết tích của vùng biển như chân núi Non Nước, núi Cánh Diều (Ninh Bình) bị xói mòn do sóng biển đập vào. Một số nơi như Nam Định, Ninh Bình, các cửa sông lớn bấy giờ như cửa Thần Phù, cửa Muộn Hải (tức cửa Ba Lạt), Bố Hải khẩu (nay là cầu Bo, Thái Bình) của sứ quân Trần Lãm ở thế kỷ X thì đến thế kỷ XV, đều đã nằm sâu trong đất liền. Quá trình biến tiến và quá trình bồi đắp phù sa của các dòng sông đã để lại dọc bờ biển Nam Định, Ninh Bình dài đất sa bồi

mới, màu mỡ<sup>1</sup>. Châu thổ Bắc Bộ là sản phẩm của tự nhiên. Dưới triều Lê, vua Lê Thánh Tông đã quan tâm nhiều đến vùng đất sa bồi mới, ông đã ra lệnh cho nhân dân đắp đê ngăn nước mặn tràn vào đồng ruộng và ngăn lũ lụt. Tuyến đê đó trong lịch sử được gọi là đê Hồng Đức. Đến thời Nguyễn, Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ đã có công tổ chức dân khai hoang ở vùng ven biển này và hiện nay đó là các huyện Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình) và Tiền Hải (tỉnh Thái Bình). Theo Giáo sư Lê Bá Thảo mỗi năm trung bình biển tiến khoảng  $100m \pm 10m$ . Chúng ta biết nhà thờ Phát Diệm xây vào năm 1891 khi đó còn ở sát bờ biển. Năm 1999, khi chúng tôi đến đây thì nơi này đã cách bờ biển khoảng 12km (trong 108 năm biển tiến được khoảng 1200m). Nhà thờ Thần Phù (xã Thần phù, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) xây dựng năm 1894, khi đó còn ở sát bờ biển, hiện nay đã cách bờ biển hơn 10 km. Như vậy, tự nhiên là cái có trước, con người hưởng sản phẩm của tự nhiên và là tác nhân tác động, cải tạo tự nhiên, khai hoang phục hoá phục vụ cuộc sống của con người.

Vùng Thanh Hoá- Nghệ An, quá trình tụ cư và sinh sống của dân cư chủ yếu tập trung bên đồi bờ các dòng sông Mã, sông Chu và sông Lam (còn gọi là sông Cả). Ở

- 
1. Theo các tài liệu của Hội Sử học Hải Phòng thì từ thời Lý, Tô Hiến Thành, đã khai hoang vùng biển Hải Phòng - Kiến An. Hiện nay ở nhiều nơi của Hải Dương- Hải Phòng có đền thờ Tô Hiến Thành.

vùng này, quá trình biến tiến và sự bồi đắp phù sa của các dòng sông đã đem lại khả năng đất bồi ven sông, ven biển.

Vùng Quảng Bình, Quảng Trị đến Bắc Quảng Nam, địa phận biên giới phía Nam của đất nước Đại Việt thời Trần. Vùng đất này đều có đặc điểm chung là giáp biển Đông, bề ngang thì hẹp nhưng lượng sông ở đây lại tương đối nhiều. Sông Gianh, sông Nhật Lệ ở Quảng Bình, sông Bến Hải, sông Cam Lộ, sông Cửa Việt ở Quảng Trị, sông Ô Lâu, sông Bồ ở Thừa Thiên, sông Hương ở Huế ngày nay. Những vùng đất này ở thời Trần còn hoang vắng, dân cư thưa thớt, triều đình nhà Trần thường điều người vào đây cai quản. Họ đã chiêu tập dân từ vùng Thanh- Nghệ vào và cùng với dân bản địa khai hoang lập làng, lập nên diền trang như trường hợp Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh và diền trang của ông ở vùng kẻ Tiểu, kẻ Đại (nay là xã Phong Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình) và được triều Lê sơ kế thừa, gìn giữ và phát triển.

Những bãi ven sông, bãi bồi ven biển rất hấp dẫn đối với cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Đó chính là nguyên nhân ra đời và thực hiện chính sách lập các diền trang thời Trần ở vùng ven sông, ven biển nói chung.

Cuộc sống của cư dân Đại Việt thời Trần diễn ra chủ yếu trên những vùng đất tập trung ven những dòng sông lớn. Tài liệu Khảo cổ học cho biết, đa số các hiện vật khảo cổ đều tìm thấy ở ven sông lớn. Điều đó chứng tỏ sự sống và quá trình giao lưu, buôn bán đã hình thành và phát

triển trên những vùng đất này. Đó cũng bởi xuất phát từ một đất nước với nền văn minh nông nghiệp lúa nước - xóm làng.

Tài liệu thư tịch cổ không cho chúng ta biết rõ tổng số diện tích thô canh, đất rừng cùng diện tích sông ngòi là bao nhiêu. Chất lọc qua sử liệu, dĩ nhiên là không có số liệu chính xác, chúng ta biết được thời Lý - Trần, đất đai hoang hoá, rừng rậm còn nhiều. Xét riêng vấn đề rừng ở nước ta thời Trần, chúng tôi không có điều kiện đi sâu giải quyết trên phạm vi toàn đất nước. Chúng tôi muốn lấy một điểm, từ điểm đó bằng phương pháp suy luận chúng ta có thể hình dung được phần nào hệ sinh thái rừng của nước Đại Việt. Điểm đó là kinh đô Thăng Long.

Kinh đô Thăng Long, trung tâm đất nước, được tập trung xây dựng từ thời Lý. Thăng Long là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự của triều Lý, được triều Trần, Lê kế thừa và phát triển ngày thêm rực rỡ. Vùng đất Thăng Long trong *Chiếu dời đô* của vua Lý Thái Tổ đã nêu lên thế "địa lợi": "... ở giữa khu vực trời đất, có thể rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện hình thế núi sông sau trước"<sup>1</sup>. Sau này, tác giả Ngô Thì Sĩ (1726-1780) đã viết: "Đất Long Đỗ là nơi Cao Biền đóng ở đấy, núi Tản chống giữ một cõi, sông Phú Lương như hào trời sinh ra, ngàn dặm bằng phẳng... là nơi trung tâm của nước bốn

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1972, tr.190.

phương châú vè, núi là vật áo che, sông là dải đai thắt, sau lưng là sông, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiểm, rộng mà dài, có thể làm cho nơi vua ở hùng tráng...<sup>1</sup>. Vùng trung tâm đất nước Đại Việt ấy, như Phạm Đình Hổ đã ghi chép trong *Tang thương ngẫu lục* thì hàng vạn năm trước: "Thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành bãi dâu)<sup>2</sup>. Vùng Thăng Long xưa, Hà Nội nay, từ xa xưa là vùng biển. Thời Văn hóa Phùng Nguyên ba nghìn năm trước là "Vịnh Hà Nội". Khi biển rút trở thành đầm lầy. Sự kiện cá sấu xuất hiện ở bến sông Hồng gắn liền với bài văn tế cá sấu của Hàn Thuyên thời Trần, thể hiện dấu tích của đầm lầy. Đền Chủ Xá (Gia Lâm) có tục dùng cá Mồi để thờ mà cá Mồi là loại cá nước lợ. Tượng cá còn được thờ ở đền Dạ Trạch (Khoái Châu). Thế kỷ X-XII, trên toàn cõi Đông Nam Á mực nước đại dương cao hơn mặt đất so với ngày nay từ 1m - 1,5m. Rồi, những đầm lầy, vũng đọng được san lấp bởi phù sa các dòng sông và trở thành đất. Có đất mới có rừng. Đất và rừng là mối quan hệ hữu cơ. Có rừng thì có thú dữ. Sử cũ đã từng ghi lại nhiều sự kiện liên quan đến thú dữ như sự xuất hiện của hổ rừng, voi rừng ở vùng đất kinh thành. Thời Lý, năm 1044: "Vua sai đặt cùi lớn ở Dâm Đàm, lấy voi nhà của Chiêm Thành làm mồi nhử voi rừng vào trong

- 
1. *Đại Việt Sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1997, tr.194.
  2. Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hóa - Thông tin, Hà Nội - 1975, tr.47.

*đây, vua thân đến bắt*<sup>1</sup>. Có lúc hổ đã về Dâm Đầm. Truyền Phùng Hưng bắt hổ ở Đường Lâm, được ghi trong bia Khai Thái đời Trần. Hổ còn vào tận trong thành như *Toàn thư* cho biết vào năm 1354, 1456. Dĩ nhiên, hổ vào kinh thành không có nghĩa kinh thành là rừng mà ở xung quanh đó rừng vẫn còn nhiều. Những hiện tượng như trên sử chép không nhiều nhưng đã phần nào chứng minh cho hiện trạng rừng ở xung quanh kinh thành Thăng Long thời Lý-Trần. Trong bài thơ *Đè Gia Lâm tự* của Trần Quang Triều, trong khu vực thái ấp của ông ở Gia Lâm thời đó là rừng thông:

...

*Xuân vân hoa dung bạc,  
Lâm u thiền vận trường.*

...

*Khách khú tăng vô ngũ,  
Tùng hoa mãn địa hương*

Dịch thơ:

...

*Xuân chầy hoa mỏng mảnh  
Rừng thẳm ve ngàn nga.*

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, Sđd, tr.224.

*Khách về sứ biếng nói,  
Thông rụng nức mùi hoa<sup>1</sup>.*

Thăng Long trải qua 216 năm (từ 1009 đến 1225), dưới triều Lý đã được xây dựng lộng lẫy. Đến thời Trần, Thăng Long tiếp tục trở thành kinh đô của nước Đại Việt và tiếp tục được xây dựng lộng lẫy hơn, thế nhưng quang cảnh tự nhiên xung quanh kinh thành còn đậm dấu ấn của thiên nhiên hoang dã. Rừng bao bọc ở nhiều phía. Phía Bắc Thăng Long, với tên gọi Gia Lâm, xưa kia là rừng dâu da. Đình Bảng (thuộc Bắc Ninh ngày nay) xưa là rừng báng. Rừng Sặt ở Trang Liệt (Từ Sơn), xưa vốn là thái ấp của Hoài Đạo vương Bà Liệt. Sau khi chết, Bà Liệt được thờ ở đó. Về sau dân gian chỉ biết vùng đó là nơi có ngôi mộ thời Trần. Trải qua nhiều thế kỷ, rừng Trang Liệt đã trở thành rừng gỗ quý. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX rừng gỗ này vẫn còn. Thời Lý, trong cuộc kháng chiến chống Tống lần hai (1076), khi quân Tống còn đang khốn đốn ở mạn Bắc sông Cầu, trước sức tấn công mạnh mẽ của quân dân Đại Việt, chúng không sao qua được sông để tiến vào Thăng Long, Triệu Tiết đã sai quân sĩ *vào rừng* đốn cây làm máy bắn đá. Qua những dòng

---

1. *Thơ văn Lý - Trần*, Quyển Thượng, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1989, tr.614 (những chỗ gạch dưới là do chúng tôi nhấn mạnh).

ghi chép tản mạn của sử liệu, chúng ta biết được phía Bắc Thăng Long có rất nhiều rừng mà tên gọi còn lưu lại đến ngày nay: Gia Lâm, Văn Lâm, Du Lâm, Hoa Lâm, Đông Lâm, Trường Lâm v.v...

Phía Nam Thăng Long, vùng *Kẻ Mơ*, tương truyền là rừng mơ hay động mơ. Vùng này, cuối thế kỷ XIV, triều đình Trần ban cấp cho thượng tướng quân Trần Khát Chân làm thái úy.

Trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, quá trình khẩn hoang (ở trung châu thổ và rìa biển châu thổ) được thực hiện liên tục qua các triều đại quân chủ Việt Nam. Trải qua nhiều thế kỷ, thế mà, đến nửa đầu thế kỷ XX, đồng ruộng, nương rẫy nước ta chỉ chiếm gần 1/3 diện tích cả nước, rừng chiếm 1/3 còn 1/3 là bãi cỏ và đất hoang<sup>1</sup>. Dĩ nhiên, con số của thời hiện đại không dễ dàng để suy ra con số của thế kỷ XIII-XIV, nhưng để liên tưởng tới quá khứ, có lẽ dễ chấp nhận hơn.

Vấn đề có tính chất xuyên suốt trong các triều đại quân chủ Việt Nam là đẩy mạnh khẩn hoang. Khẩn hoang đã trở thành quốc sách của mọi triều đại quân chủ Việt Nam, trong đó có triều Trần. Nét nổi cộm của vấn đề là triều Trần rất cần sức người để khai phá những vùng đất hoang hoá để trở thành đất canh tác, tăng diện tích trồng

1. Lê Xuân Phương (Chủ biên) - Nguyễn Việt-Hương Tân, *Sơ thảo địa lý Việt Nam*, Quyển I, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội-1957, tr.185.

trọt. Nhu cầu này cũng là một trong các nguyên nhân thúc đẩy quá trình thực hiện chính sách điền trang của triều Trần.

### Hệ thống sông, biển và núi

Hệ thống sông ngòi nước ta rất phong phú, sông ngòi chằng chịt. Theo Giáo sư Lê Bá Thảo, thì ở nước ta cứ trung bình  $1\text{km}^2$  đất có hơn  $1\text{km}$  sông. Hầu hết các đơn vị hành chính thời Trần đều có sông và núi (trừ tỉnh Thái Bình ngày nay (lộ Long Hưng thời Trần là không có núi). Sông, biển, núi, mỗi yếu tố đều có vai trò quan trọng riêng. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là vai trò của dòng sông trong đời sống của cư dân Đại Việt nói chung, trong sự hình thành các đô thị cổ Việt Nam, các thái ấp - điền trang nói riêng. Sông không chỉ thực hiện sứ mạng đem đến những dải đất phù sa, màu mỡ, hình thành những địa điểm cư trú của cư dân mà dòng sông còn đóng vai trò trong sự hình thành các đô thị cổ Việt Nam và không chỉ ở Việt Nam mà trên thế giới cũng vậy. Chúng ta đều biết, Xanh Pétécuba, thủ đô của nước Nga thời Trung thế kỷ, nằm bên sông Nêva. Thủ đô Mátxcova của nước Nga hiện đại nằm bên sông Mátxcova. Thủ đô Pari (Pháp), với sông Seine chia thành phố Pari thành hai nửa.

Ở nước ta, châu thổ sông Hồng được ví như hình tam giác. Vùng Bạch Hạc (Việt Trì ngày nay) là đỉnh thứ nhất.

Bạch Hạc, một vùng ngã ba sông, nơi hợp lưu của các dòng sông Đà, sông Lô và sông Thao. Từ vài ba ngàn năm trước, các vua Hùng đã chọn nơi này để định đô- kinh đô của nước Văn Lang, tiếp đến kinh đô Cổ Loa của nước Âu Lạc. Cổ Loa nằm ở ven sông Hoàng Giang (còn gọi là sông Ngũ Huyện, sông Thiếp). Cổ Loa- Thăng Long- Hà Nội, nằm ở đỉnh thứ hai trong tam giác châu thổ sông Hồng. Từ Bạch Hạc tới Cổ Loa, Thăng Long, sự chuyển dịch về xuôi của các kinh đô liên quan đến qui luật chảy xuôi của dòng sông. Càng về xuôi, sông Hồng càng đem phù sa bồi đắp cho châu thổ thêm màu mỡ. Thăng Long với "*núi Tản làm án, sông Nhị làm đai*" gần một ngàn năm trước Lý Công Uẩn đã nhận xét "*Thật là thượng đô của kinh sư muôn đời*" (*Chiếu dời đô*). Thăng Long, nơi gắp gõ của nhiều dòng sông lớn nhỏ: sông Lô thời Trần (sông Hồng ngày nay) - sông Thiên Đức - sông Nhuệ- sông Tô Lịch. Sông nhiều tạo cho Thăng Long một đô thị mà bình diện khá nhiều hồ. Dựa trên bản đồ kinh thành Thăng Long vẽ năm Hồng Đức thứ 21 (1470) (và có sửa chữa một chút ở thế kỷ XVII), chúng ta biết được phía Nam kinh thành có 3 hồ lớn: *Giám hồ* bao quanh Văn Miếu, *Đại hồ* (tức hồ Bảy Mẫu) và *hồ Hoàn Kiếm*. Lúc đó Đại hồ còn thông với Giám hồ và chưa có đoạn đường từ ngã tư Đại học Bách Khoa đến ngã tư Khâm Thiên- Nguyễn Thượng Hiền, vì thế mà chưa có hồ Ba Mẫu. Thời Lý- Trần-Lê, hồ Ba Mẫu và Bảy Mẫu chưa bị tách ra như hiện nay. Hai hồ này mới chỉ xuất hiện ở bản đồ Hà Nội năm 1831. Hồ Hoàn Kiếm còn

thông với sông Hồng. Hồ Hoàn Kiếm còn gọi là hồ Thủy Quân, nơi diễn tập thuỷ trận lớn đầu thời Lê Sơ (thế kỷ XV). Phía Bắc Thăng Long có hồ Dâm Đàm. Lúc đó chưa có đường Cổ Ngư (tức đường Thanh Niên ngày nay) nên chưa có hồ Trúc Bạch. Bốn phía Thăng Long đều có sông bao bọc. Sông Hồng (Nhị Hà) chảy từ Bắc sang Đông. Sông Kim Ngưu ở phía Nam. Sông Tô Lịch ở phía Tây. Những sông, hồ này phần lớn đều thông với sông lớn-sông Hồng. Điều đó khiến chúng ta hình dung địa thế Thăng Long lúc đó nổi lên giữa vùng nhiều sông, hồ. Sử chép, nhiều năm nước to phuờng phố kinh thành phải đi lại bằng thuyền. Nhiều sông, nên sử cũ cũng ghi lại ở Thăng Long có nhiều bến và chợ bến như: bến An Hoa, Đông Bộ Đầu, Giang Khẩu, Cơ Xá, bến Thái Cực, bến Thái Tổ.

"Thái Cực là tên một phuờng ở phố Hàng Đào, xưa còn có hồ Hàng Đào nối với hồ Gươm và hồ này lại có lạch thông với sông Hồng. Vậy thuyền bè thời Trần có thể len lỏi vào tận phố Hàng Đào bây giờ mà bán, mà mua"<sup>1</sup>.

Bến Thái tổ, theo lời chua của sử cũ là phuờng Phục Cổ. Phuờng này ở khoảng đầu phố Nguyễn Du ngày nay. Theo giả thuyết của Giáo sư Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán thì thời cuối Trần, hồ Thuyền Quang còn gắn với sông Hồng qua một nhánh có thể là nhánh Kim Ngưu thông với hồ Bẩy Mẫu<sup>2</sup>.

- 
1. Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sđd, tr.229.
  2. Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sđd, tr.230.

Thời Nguyễn, kinh đô chuyển về Phú Xuân (Huế). Nơi đây, địa thế cũng có: "Sông lớn giăng phía trước, núi cao giữ phía sau"<sup>1</sup>.

Trong con mắt chiến lược của các vị vua đứng đầu đất nước, chọn vị trí đặt kinh đô, trung tâm chính trị, trung tâm đất nước đều thuận theo thuyết phong thuỷ. Núi làm án, sông làm đai. Từ Bạch Hạc, Cổ Loa, Thăng Long tới Phú Xuân đều vậy.

Nguyễn Trãi, trong tác phẩm *Dư địa chí* khi chép về các đơn vị hành chính đều lấy tên núi, sông, biển làm "tít". Ví dụ như: "Biển cùng Lục Đầu, Yên Tử ở về Hải Dương. Biển là biển Đông, Lục Đầu là tên sông do sáu con sông hợp nguồn lại, nên gọi là "Lục Đầu". Yên Tử là tên núi. Các vua Trần thường xuất gia tu hành ở đây"<sup>2</sup>. Hay "Đà Dương, Tản Viên ở về Sơn Tây. Đà Dương là tên sông (tức sông Đà ngày nay- chúng tôi chú)... Tản Viên là tên núi..."<sup>3</sup>. Các đơn vị hành chính khác khi chép đến, Nguyễn Trãi đều đã kê tên núi, sông, biển, cùng đặc điểm tự nhiên của vùng đó. Khi chép về Hưng Hoá: "Thao, Lịch ở về Hưng Hoá. Thao là tên sông, Lịch là tên núi...", "Ở vùng ấy, đất thì đỏ, dính, mầu mỡ, ruộng thì vào hàng thượng

1. *Đại Nam nhất thống chí*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1969, Tr 11.

2. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội - 1976, tr.218.

3. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd, tr.219.

hạ. Gỗ thì dài lớn. Sản nhung, quế, sa nhân, vải nhô sắc sỡ; ba loài kim, có thứ bạc mười thành, đồng, thiếc, chát dầu, quýt, hương liệu và mật ong cùng nhiều thứ.<sup>1</sup>.

Nhà Trần rất gắn bó với sông nước. Đời sống sông nước có thể coi là một đặc điểm trội. Dưới triều Lý-Trần, phương tiện giao thông được triển khai mạnh mẽ và cơ bản bằng đường sông. Quan tâm đến cuộc sống của dòng sông là vấn đề các triều đại Lý - Trần rất chú trọng. Chúng ta biết rằng, thời Trần có hai trung tâm chính trị lớn nhất nước là Thăng Long và Thiên Trường. Nối hai trung tâm đó là hai đường nước. Đường thứ nhất là đường sông Hồng- sông ngoài - đường nước lớn. Đường thứ hai, được nối các sông nhỏ đi từ cửa phía Nam của thành Thăng Long- đường sông trong, từ sông Kim Ngưu- sông Sét- sông Lừ- sông Tô- sông Nhuệ- sông Châu-xuôi sông Thiên Mạc tới phủ Thiên Trường. Trên con đường nước này có nhiều chốt nước và trấn giữ là các thái ấp.

Những điều trình bày trên, đã thể hiện vai trò của dòng sông, của núi, của biển đối với lịch sử đất nước nói chung, với triều đại quân chủ quý tộc nhà Trần nói riêng. Điều đó liên quan đến mục tiêu, vị trí phân phong thái ấp và khẩn hoang lập điền trang thời Trần chủ yếu ở vùng ven sông, ven biển.

1. Nguyễn Trãi toàn tập, Sđd, tr.227.

## 2. BỐI CẢNH LỊCH SỬ ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XIII-XIV

### Bối cảnh chính trị, xã hội

Tháng 12 năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh đã thực sự kết thúc vai trò của vương triều Lý trên vũ đài chính trị. Trần Cảnh, vị vua đầu tiên của dòng họ Trần lên ngôi, mở đầu cho thời kỳ thống trị thiên hạ của dòng họ Trần. Trong lúc giao thời buổi ban đầu này, tình hình chính trị trong nước có nhiều phức tạp, khiến vương triều Trần phải nỗ lực giải quyết.

Khuynh hướng cát cứ mang tính đối lập của một số thế lực lớn, điển hình là Đoàn Thượng làm chủ vùng Hồng Châu (phía Đông). Nguyễn Nộn làm chủ vùng Bắc Giang (phía Bắc). Công việc cần làm ngay của triều Trần là phải trấn áp những thế lực này. Thực hiện trấn áp bằng quân sự đã khiến cho vương triều nhận ra rằng chưa thể ngày một ngày hai dập tắt được. Binh lực của Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng còn mạnh. Bằng biện pháp mềm dẻo hơn, vừa dụ dỗ, vừa mua chuộc, triều Trần đã ban tước cho Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo vương, chia cho các huyện Đông Ngàn ở Bắc Giang thượng hạ. Đồng thời cũng phong tước cho Đoàn Thượng, nhưng trên thực tế, Thượng không đến nhận. Sau đó tình thế xoay chuyển có lợi cho triều đình, hai thế lực này thanh toán nhau. Đến tháng 12 năm 1228, Nguyễn Nộn giết được Đoàn Thượng, thu giữ quân lính cùng tài vật ở Hồng Châu và thanh thế của Nguyễn

Nộn càng được cung cố hơn, khiến nhà Trần phải tiến thêm một bước trong chính sách dụ dỗ, mua chuộc. Kế "mỹ nhân" được tung ra bằng việc gả công chúa Ngoạn Thiêm cho Nguyễn Nộn, nhằm mục đích dò la tin tức. Sự việc này diễn ra chưa được bao lâu thì tháng 3 năm 1229, Nguyễn Nộn ốm chết. Đến đây, *Toàn thư* chép: "*Nộn đã chết, thiên hạ thống nhất*"<sup>1</sup>.

Một số quý tộc triều Lý vẫn nuôi ý chí hòng mong lập lại vương triều. Thêm vào đó, trong lòng dân Đại Việt nỗi nhớ vua cũ vẫn còn. Điều này, khiến nhà Trần phải tiến hành những biện pháp mang tính chất cương quyết. Con bài chính trị lúc này là Lý Huệ Tông, cha của Lý Chiêu Hoàng. Các quý tộc Lý rất có thể dùng Lý Huệ Tông làm ngọn cờ để tập hợp lực lượng chống lại triều Trần. Có lẽ chính vì vậy mà mặc dù là bố vợ của vua nhà Trần, nhưng Lý Huệ Tông bị nhà Trần kiểm soát chặt. Đối với nhà Trần, người đứng ra để giải quyết những vấn đề mang tính cấp thiết này là Trần Thủ Độ. Ông lo ngại sự tồn tại của Lý Huệ Tông có thể dẫn đến những biến loạn. Vì vậy, vào tháng 8 năm 1226, chỉ sau 8 tháng khi Trần Cảnh lên ngôi, *Toàn thư* chép: "*Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo*"<sup>2</sup>. Hoàng hậu của nhà vua quá cố này trở thành vợ của Trần Thủ Độ. Tất cả con gái họ Lý và cung

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1971, tr.10.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.6.

nhân đều đem gả cho các tù trưởng người Man. Những người mang họ Lý đều phải đổi sang họ Nguyễn vì lấy cớ kiêng huý Trần Lý, nhưng thực chất là muốn xoá sổ họ Lý.

Đến đây, tất cả những thế lực đối lập với triều Trần đã được thanh toán. Công việc quan trọng hàng đầu lúc bấy giờ là tập trung xây dựng và củng cố vương triều. Quá trình tiến hành công việc này lại làm nảy sinh mâu thuẫn ngay trong nội bộ hoàng tộc. Hoàng hậu sau nhiều năm vẫn chưa có con. Vào thời điểm này (năm 1237) chị dâu của nhà vua, tức vợ của Hoài vương Trần Liễu đang mang thai. Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cực mệt mưu với vua là nên mạo nhận lấy. Ngay lập tức Hoàng hậu bị giáng làm công chúa. Chị dâu - bà công chúa Thuận Thiên được lập làm Hoàng hậu Thuận Thiên. Sự việc này làm cho Hoài vương Trần Liễu rất tức giận, đã họp quân làm loạn ở bờ sông Cái (sông Hồng ngày nay). Còn nhà vua thì chán nản, bỏ kinh thành lên núi Yên Tử. Hai tuần sau, Trần Liễu tự thấy mình yếu thế, nhân lúc thuận tiện đã giảng hòa với nhà vua. Mâu thuẫn nội bộ được giải quyết. Trần Liễu được ban các xã Yên Phụ, Yên Dương, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang làm ấp thang mộc và được phong làm Yên Sinh vương.

Tất cả những việc làm trên đây của nhà Trần nhằm mục đích củng cố địa vị thống trị của dòng họ Trần trong buổi đầu khi mới nắm chính quyền, tập trung quyền hành vào trong tay quý tộc Trần. Quá trình củng cố và xây dựng

đất nước của nhà Trần, thể hiện trên các phương diện: chính trị, quân sự, kinh tế và xã hội.

Trên lĩnh vực chính trị, quân sự nhà Trần đã thực hiện nhiều biện pháp mang nội dung và màu sắc độc đáo, làm cho triều Trần vừa mang tính kế thừa triều đại trước, vừa mang sắc thái riêng.

*Một mặt*, đối với vương triều, đứng đầu nhà nước quân chủ quý tộc Trần là vua. Nhà vua giữ địa vị độc tôn, có quyền uy tuyệt đối, cả thiên hạ tôn thờ một người. Quyền lợi của nhà vua gắn liền với quyền lợi của tầng lớp quý tộc đồng tộc. Ngôi vua được quyền thế tập. "Xã tắc" - Quốc gia của vua gắn liền với "Tông miếu" của những người gắn bó với nhau bằng huyết thống. "Xã tắc" và "Tông miếu" là trách nhiệm và quyền lợi của dòng họ Trần đối với đất nước, tổ tiên.

Tầng lớp quý tộc tôn thất Trần, được triều đình trọng dụng và ưu đãi tối đa. Họ được trao giữ những chức vụ cao trong triều như các chức Tam thái, Tam thiếu, Tam tư, đứng đầu hai ban văn võ. "*Chức tể tướng thi chọn trong tôn thất người nào tài giỏi, có đạo đức nghệ thuật, thông hiểu thi thư thì cho làm*"<sup>1</sup>. Chức Phiêu kỵ tướng quân thi chỉ có hoàng tử mới được đảm nhận. Vai trò của tôn thất là rất quan trọng, họ là chỗ dựa chính yếu của vương triều. Quyền lợi chính trị của tầng lớp quý tộc đồng tộc này là

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.21.

quyền cao, chức trọng và được duy trì theo chế độ tập ấm. Quyền lợi kinh tế là được ban cấp bổng lộc theo chế độ thái ấp. Các vương hầu, quý tộc cùng các công chúa, phò mã, phi tần còn được phép mở rộng diện tích canh tác, tăng nguồn lợi vật chất bằng công cuộc khẩn hoang, lập điền trang làm của riêng.

Mặt khác, nhà Trần duy trì chế độ Thái thượng hoàng, xét cho cùng cũng là để bảo vệ ngôi báu cho dòng họ, phòng khi bất trắc xảy ra. Các công việc triều chính đều do Thái thượng hoàng quyết đoán. Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: "*Gia pháp nhà Trần..., con đã lớn thì cho nối ngôi chính, cha lui ở cung Thánh Tử, xưng là Thái thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực ra chỉ truyền ngôi để yên việc sau, phòng khi thảng thốt mà thôi, chứ mọi việc đều do ở Thái thượng hoàng quyết định cả. Vua nối không khác gì hoàng thái tử cả...*"<sup>1</sup>.

Thêm nữa, để "rào giậu" mọi quyền lợi và trách nhiệm của dòng họ đối với đất nước, nhà Trần cho phép các tôn thất họ Trần kết hôn với nhau. Điều đó, cũng là để ngăn chặn hiện tượng chiếm đoạt ngai vàng, điều mà họ đã có được bài học từ nhà Lý. Quan hệ hôn nhân như thế, đúng về phương diện sinh học, lâu dài có thể làm suy yếu cả dòng họ, nhưng vào thời điểm nhất định, nó đảm bảo cho sự tồn tại của vương triều Trần.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.31

So với triều Lý, tầng lớp quý tộc đồng tộc nhà Trần được củng cố vững chắc hơn. Địa vị chính trị của tôn thất họ Trần trong bộ máy nhà nước rất cao. Thời Lý, chức quan quan trọng như tể tướng, hầu hết không phải là tôn thất họ Lý.

\* Về mặt quân sự, ban cấp thái áp ở các vùng đất khác nhau của đất nước. Các vương hầu được hưởng tô thuế ở đó, được quyền tổ chức lực lượng quân đội riêng. Các vương hầu, quý tộc chỉ đến kinh sư khi có lệnh chầu hầu. Thực chất của vấn đề này là triều đình giao trách nhiệm cho các vương hầu, quý tộc đi trấn trị ở các nơi, vừa quản lý, bảo vệ vừa hưởng bổng lộc ở những vùng đất khác nhau của đất nước.

Trên lĩnh vực *kinh tế, xã hội*, nhà Trần đã thực hiện một số biện pháp mang tính chất cải cách (theo chúng tôi), nhằm đem lại hiệu quả trong việc củng cố và xây dựng bộ máy nhà nước. Những quy định về mặt pháp luật được nhà nước chú trọng ngay sau khi lên nắm chính quyền và trong quá trình tồn tại của vương triều. Năm 1230, nhà Trần ban hành bộ *Quốc triều thông chế* trên cơ sở "Xét lè các triều trước, định làm thông chế của quốc triều và sửa đổi hình luật lễ nghi, phàm 20 quyển"<sup>1</sup> và "chép công việc của quốc triều làm bộ *Quốc triều thường lề*, 10 quyển"<sup>2</sup>.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.10.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.11.

Đến thời Trần Dụ Tông, ngay sau khi Dụ Tông lên ngôi, vào tháng 8 năm 1341, triều đình đã "sai Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn biên định bộ *Hoàng triều đại điển* và khảo soạn bộ *Hình thư để ban hành*"<sup>1</sup>.

Những thay đổi trong chính sách ruộng đất đã mở đường cho sự phát triển của chế độ tư hữu. Năm 1254, nhà Trần ban hành lệnh bán ruộng công. *Toàn thư* chép: "Giáp Dần, năm thứ 4 (1254), tháng 6, bán ruộng công, mỗi diện là 5 quan tiền (Bấy giờ gọi mẫu là diện) cho nhân dân mua làm của tu"<sup>2</sup>.

Những quy định mang tính chất văn bản hành chính về mua bán, thừa kế ruộng đất, vay mượn cũng được nhà Trần quy định chặt chẽ. *Toàn thư* cho biết: "Đinh Dậu, năm thứ 6 (1237). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng phàm làm chúc thư, văn khế nếu là giấy tờ về ruộng đất, vay mượn, thì người làm chứng in tay ở ba dòng trước, người bán in tay ở bốn dòng sau"<sup>3</sup>. Sự ổn định xã hội và phát triển đất nước đã ngày càng đi vào khuôn khổ của luật pháp.

Những công trình mang tính chất xã hội, cộng đồng được thực hiện ở tất cả các địa phương trong nước như đắp đê, phòng chống lũ lụt. Tuyến đê Đỉnh Nhĩ (còn gọi là đê

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.147.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.26.

3: *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.15.

Quai Vạc) được "đắp suốt từ đầu nguồn cho đến bờ biển". Trông coi đê điều có chức quan Hà đê chánh, phó sứ. Ngoài ra, nhà Trần còn coi trọng việc bồi đắp đê sông, đào kênh mương lạch ở các lộ, nhất là các lộ ở phía Nam đất nước. Việc đắp đê vừa để giao thông đường sông phát triển, vừa để giải quyết vấn đề tưới, tiêu nước cho đồng ruộng phục vụ cho nhu cầu quân sự, giao thông, buôn bán và phát triển nông nghiệp.

Về văn hóa, đạo Phật vẫn giữ địa vị chủ đạo trong đời sống tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Nhân dân tìm thấy ở đạo Phật lòng từ bi hỷ xả. Phật giáo tồn tại trong nhân dân với nhiều chùa chiền, nhiều tăng ni, phật tử. Nhưng đối với đạo trị nước, các vua Trần đã không tìm thấy đường lối trong giáo lý ấy. Vì thế, học tập đạo Nho đối với tầng lớp thống trị đất nước càng ngày càng trở nên phổ biến. Con em các quan trong triều được học ở trường riêng. Trong những năm 40, 50 của thế kỷ XIII, một loạt những sự kiện được *Toàn thư* chép đã thể hiện xu hướng chú trọng đến việc học tập và phát triển đạo Nho của nhà Trần, người mở đầu là Trần Thái Tông. Ví như năm 1236 có hai sự kiện liên quan đến sự việc này:

"Mùa thu, tháng 8, chọn những nho sinh, ai thi đỗ cho vào chầu hầu. Sau làm định lệ.

*Mùa Đông, tháng 10, cho Phạm Ứng Thân làm tri thư Quốc Tử viện, trông nom cho con em các văn quan và trọng*

"*quan vào học*"<sup>1</sup>. Như vậy, ngay từ những năm đầu sau khi nắm chính quyền, nhà Trần đã chú trọng đến việc học tập đạo Nho cho con em những trọng quan trong triều.

Năm 1243, nhà Trần ra lệnh chữa lại Quốc Tử Giám. Mười năm sau, vào tháng 6 năm 1253 lại cho lập "Quốc học viện, tô tượng Khổng Tử, Chu Công và Á thánh vê tượng 72 người hiền để thờ"<sup>2</sup>. Đến tháng 9 cùng năm lại cho phép tất cả các nho sĩ trong nước đến Quốc Tử viện giảng học Tú thư, Lục kinh. Như vậy, quá trình khuyến khích học đạo Nho không chỉ dừng lại ở tầng lớp con em các quan trong triều (thời điểm 1236), mà lúc này (1253) học tập đạo Nho đã mở rộng ra cho các nho sĩ cả nước.

Giáo dục, khoa cử triều Trần phát triển hơn triều Lý. Năm 1232, nhà Trần tổ chức kỳ thi tiến sĩ đầu tiên, lúc ấy gọi là thi Thái học sinh. Năm 1239, thi Thái học sinh lần thứ hai. Đến năm 1246, định lệ thi Tiến sĩ, cứ 7 năm một khoa. Năm sau (1247) khoa thi Tiến sĩ được mở. Cũng trong khoa này, lần đầu tiên dưới triều Trần đặt ra danh hiệu Tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

Phải nói rằng, triều Trần là một trong các triều đại coi trọng và trọng dụng người tài, kể cả những người tôn thất. Cát nhắc giữ chức vụ quan trọng cũng chọn người tài giỏi, vừa có đức, vừa có tài, giỏi cả văn lẫn võ (như chức Tể

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.14.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.15.

tướng). Ngoài việc mở trường đào tạo nho sĩ như Quốc Tử Giám, Quốc Học viện, Quốc Tử viện, nhà Trần còn lập Giảng Võ đường để luyện tập võ nghệ, cùng thời điểm lập Quốc Học viện (năm 1253).

Những biện pháp thực hiện trên đây của nhà Trần, xét về hiệu quả của vấn đề, đã góp phần xây dựng và củng cố đất nước, góp phần thúc đẩy tình hình chính trị, xã hội thời Trần phát triển cao hơn thời Lý. Tầng lớp thống trị được củng cố. Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp đã góp phần tăng thêm tích luỹ cho nhà nước, cuộc sống của nhân dân được yên ấm như ghi chép trong *Toàn thư*: "Bấy giờ nhà nước vô sự, nhân dân yên vui...". Tình đoàn kết giữa tầng lớp thống trị - quý tộc đồng tộc và nhân dân được củng cố vững chắc. Tất cả những vấn đề đó đã tạo nên sức mạnh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong buổi đầu xây dựng đất nước. Sức mạnh ấy vừa là tiền đề, vừa là nguyên nhân tạo nên thắng lợi vĩ đại trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên ở thế kỷ XIII.

Bối cảnh chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội trên đây đã có tác động và ảnh hưởng lớn đối với sự ra đời và tồn tại của chế độ thái ấp - điền trang thời Trần. Bối cảnh ấy, đồng thời là các nguyên nhân hình thành nên thái ấp - điền trang. Hay nói cách khác, tìm hiểu chế độ thái ấp - điền trang thời Trần cần phải tìm ngay trong bản chất chính trị - xã hội thời Trần.

Tuy nhiên, xã hội Đại Việt từ sau khi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ 3 kết thúc, đã ở xu thế chững lại và dần dần xuống dốc. Có thể thấy rất rõ ràng, về phương diện triều chính, nếu như trước đây những chức quan quan trọng trong triều đều do những người tôn thất nắm giữ, thì nay đã có sự tham gia của tầng lớp nho sĩ. Các vương hầu quý tộc sống trong các phủ đệ ở các nơi đã ngày càng không mấy quan tâm đến chính sự. Sự tồn tại của thái ấp - điền trang, do không phải nộp tô thuế cho nhà nước, nên đã hạn chế đến khả năng thu nhập của quốc gia. Thêm nữa, sau khi chiến tranh kết thúc để lại những vết thương chiến tranh khá nặng nề, sức người sức của bị hao tổn. Đã có lúc trong kho tàng quốc gia trống rỗng. Sử chép là "kho tàng hết kiệt" phải huy động đến của cải của nhà giàu để chấn cấp cho dân nghèo.

Chính sách của nhà Trần cho phép các vương hầu, quý tộc khai hoang lập điền trang cộng với tầng lớp nhà giàu - chủ sở hữu ruộng đất mới cùng thế lực của nhà chùa được "cúng" nhiều ruộng đất đã làm tăng thêm khả năng sở hữu tư nhân lớn về ruộng đất ở thế kỷ XIV. Trong khi đó, thiên tai, chiến tranh cùng nạn đói xảy ra khiến cho nhiều nông dân có ruộng phải bán ruộng, bán con, xin làm gia nô cho các gia đình quyền quý. Đó chính là nguyên nhân bùng nổ các cuộc nổi dậy của dân chúng (trong đó có sự tham gia của gia nô của các vương hầu), nảy sinh nạn trộm cướp vào

nửa cuối thế kỷ XIV. Để hạn chế quyền sở hữu lớn của các quý tộc về ruộng đất đã dẫn tới chính sách "hạn điền, hạn nô" của một đại thần triều Trần là Hồ Quý Ly thực hiện vào năm 1397.

### Tổ chức chính quyền thời Trần

#### *Tổ chức hành chính*

Sau khi lên nắm chính quyền một thời gian, sau rất nhiều những nỗ lực củng cố đất nước, giữ vững ngai vàng, vào năm 1242, nhà Trần đề ra chính sách, mang tính chất cải cách tổ chức hành chính. Trên một số phương diện khác, nhà Trần phần lớn kế thừa triều Lý: "Xét lệ các triều trước, định làm thông chế của quốc triều...". Về mặt tổ chức hành chính, nhà Trần đã cải tiến hơn. Triều Lý chia cả nước làm 24 lộ, đến thời Trần gọn lại còn 12 lộ. Công việc này, nhằm thiết lập một hệ thống hành chính gọn nhẹ, theo đó, sự quản lý hành chính các cấp được chặt chẽ hơn.

*Toàn thư* không chép tên các lộ. Dựa vào *An Nam chí lược* của Lê Tắc thì thời Trần có tới 15 lộ. Danh sách các lộ như sau:

1. Đại La thành lộ: gồm miền Hà Nội và miền hữu ngạn sông Hồng đến sông Đáy.

2. Bắc Giang lộ: miền Bắc Ninh, Nam Bắc Giang<sup>1</sup>.
3. Nam Sách Giang lộ: gồm miền Đông Triều, Quảng Yên, Kiến An.
4. Khoái lộ: miền Hưng Yên.
5. Hồng lộ: miền Hải Dương.
6. Như Nguyệt Giang lộ: miền lưu vực sông Cầu, Yên Thế, Thái Nguyên.
7. Đà Giang lộ: miền Hưng Hoá.
8. Quy Hoá Giang lộ: miền Phú Thọ, Yên Bai, Lào Cai.
9. Tuyên Hoá Giang lộ: miền Tuyên Quang, Bảo Lạc, Bắc Cạn.
10. Lạng Châu lộ: miền Lạng Sơn, Bắc Bắc Giang.
11. Đại Hoàng lộ: miền Nho Quan, Ninh Bình.
12. Thanh Hoá phủ lộ: miền Thanh Hoá.
13. Diễn Châu phủ lộ: miền Diễn Châu, Yên Thành.
14. Nghệ An phủ lộ: miền Nghệ An, Hà Tĩnh.
15. Bố Chánh châu lộ: miền Quảng Bình"<sup>2</sup> [146,552].

- 
1. Bảo tàng thuộc sở Văn hoá Thông tin Bắc Giang tìm được nhiều di tích di vật Trần. Có 6 ngôi chùa được đoán định niên đại Trần.
  2. Nguyễn Trãi toàn tập, Sđd, tr.552.

Danh sách này nếu đối chiếu với sách *Cương mục* thì một số lô như Quốc Oai và Trường An không thấy Lê Tắc chép.

Tác giả Đào Duy Anh trong tác phẩm: *Đất nước Việt Nam qua các đời* đã "tạm lập danh sách các phủ lỵ vào cuối đời Trần như sau: 1/ Lộ Đông Đô, 2/ Lộ Bắc Giang, 3/ Lộ Lạng Giang, 4/ Lộ Lạng Sơn, 5/ Phủ lỵ Thiên Trường, tức lỵ Sơn Nam, 6/ Lộ Long Hưng, 7/ Lộ Khoái Châu, 8/ Phủ lỵ Kiến Xương, 9/ Lộ Hoàng Giang, phủ Kiến Hưng, 10/ Trấn Thiên Quan, 11/ Phủ lỵ Tân Hưng, 12/ Lộ Hải Đông, 13/ Lộ Tam Giang (xứ Thanh?), 14/ Trấn Quảng Oai, 15/ Trấn Thiên Hưng, 16/ Trấn Thanh Đô, 17/ Trấn Vọng Giang, 18/ Trấn Tây Bình, 19/ Trấn (lộ?) Thuận Hoá, 20/ Lộ Thăng Hoa"<sup>1</sup>. Trong quá trình nghiên cứu của chúng tôi, không có tài liệu nào cho biết rõ sự thống thuộc của các cấp hành chính thời Trần như thế nào. Sử cũ chỉ cho chúng ta biết đến 12 lộ, còn sự lệ thuộc các cấp hành chính thì không thấy chép. Cấp chính quyền xã, nhà Trần lúc đặt ra, lúc lại bỏ<sup>2</sup>. Ví dụ năm 1242, cùng với việc chia cả nước làm 12 lộ thì chức quan ở cấp xã được quy định: "Các xã, sách thì đặt chức Đại, Tiểu tư xã, từ ngũ phẩm trở lên là Đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là Tiểu tư xã, hoặc có người kiêm 2,3,4 xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám, gọi

1. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội-1994, tr.124.  
2. Chỉ bỏ việc kiêm nhiệm Đại, Tiểu tư xã.

*là xã quan*"<sup>1</sup>. Đến cuối đời Trần, vào năm 1397 nhà Trần ra lệnh: "*Bãi các chức đại tiểu tư xã, chức quản giáp vẫn để như cũ*"<sup>2</sup>.

Theo những ghi chép trong *Toàn thư*, chúng ta biết được thời Trần từng tồn tại các cấp hành chính với tên gọi lô, phủ, châu, huyện, xã. Một số tài liệu khác còn cho biết thêm các cấp với các tên gọi khác như trang, trại, sách, động và như phần trên chúng tôi đã trình bày, không có tài liệu nào cho biết các cấp hành chính lệ thuộc nhau. Đến năm Quang Thái thứ 10 (1397), cấp lô đổi làm trấn. Vì vậy lô, trấn thời cuối Trần được dùng như cấp hành chính tương đương nhau. Ở một số chỗ, *Toàn thư* thường hay dùng "Phủ lô", phủ đứng trước lô. Như thế, không có nghĩa là cấp phủ lớn hơn cấp lô mà ở đây nó có ý nghĩa như là sự đồng cấp ở thời Trần mà thôi. Ví dụ: năm Kiến Trung thứ 13(1244) *Toàn thư* chép: "*Mùa Xuân, tháng giêng, chia sai các văn thần đi trị nhậm các phủ lô trong nước, phàm 12 nơi...*"<sup>3</sup>. Đến năm Quang Thái thứ 12 (1397), vào thời kỳ nhà Trần sắp đến hồi kết thúc, trong quá trình định quy chế về quan ngoài, nhà Trần mới chính thức đề ra: "*Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện*"<sup>4</sup>, mà không thấy đặt ra cấp xã nữa.

- 
1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1971, tr.19.
  2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.220.
  3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.20.
  4. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.220.

Sang thời Lê, Lê Lợi sau khi đánh thắng quân xâm lược Minh, khôi phục độc lập dân tộc, thống nhất lãnh thổ từ Lạng Sơn tới Thăng Hoa. Lê Lợi đã chia cả nước làm 5 đạo, chia các lộ trấn, phủ, châu, huyện, xã lệ thuộc nhau. Đến năm Quang Thuận thứ 7 (1466), để thống nhất các đơn vị hành chính trong nước, Lê Thánh Tông chia cả nước làm 12 đạo thừa tuyên, đổi lộ làm phủ, đổi trấn làm châu và đến năm Quang Thuận thứ 10 (1469), định lại bản đồ trong nước, với sự thống nhất hệ thống hành chính 4 cấp. Như vậy, có sự giống nhau về phân chia các cấp hành chính thời cuối Trần và thời Lê Thánh Tông (xin xem sơ đồ sau):

### Sơ đồ 1:

Trần	Lê	
Cuối Trần (Năm 1397)	Đầu thời Lê (Lê Lợi)	Thời Lê Thánh Tông
I	I	I
12 Lộ	5 Đạo thừa tuyên	12 Đạo thừa tuyên
I	I	I
Phủ	Lộ trấn	Phủ châu
I	I	I
Châu I Huyện	Phủ-châu I Huyện	Huyện I Xã

Có thể thấy, ngay từ đầu, các cấp hành chính thời Trần đã được đặt ra, chỉ tiếc rằng đến cuối triều Trần, *Toàn thư* mới cho chúng ta biết sự thống thuộc các cấp ấy với nhau. Sự phân cấp hành chính thời Lê đã được quy định và phân cấp rõ ngay từ đầu. Rất có thể, nhà Lê đã tiếp thu kinh nghiệm của nhà Trần.

### *Tổ chức chính quyền trung ương*

Đặc điểm nổi bật của tổ chức chính quyền trung ương thời Trần là hầu hết các cơ quan quan trọng ở trung ương đều do các quý tộc tôn thất nắm giữ, ngoại trừ thời gian đầu khi Trần Cảnh lên ngôi, một số quan lại triều Lý có công suy tôn Trần Cảnh, đã được triều Trần phong cho một số chức quan trọng. Phùng Tá Chu được phong chức Thái phó, tước Hưng Nhân vương, Phạm Kính Ân được phong chức Thái úy, tước Bảo Trung hầu. Những chức vụ lớn nhất của bộ máy nhà nước Trần như Tam Công (Thái sư, Thái phó, Thái bảo), Tam Thiếu (Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo), Thái úy, Tư đồ, Tư mã, Tư không đứng đầu hai ban văn, võ đều do các tôn thất nắm giữ. Tác giả Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* chép: "Quan chế đời Trần, đại yếu lấy ba chức thái, ba chức thiếu, thái úy, tư đồ, tư mã, tư không làm trọng chức của các đại thần văn võ. Chức tể tướng thì thêm danh hiệu tả hữu tướng quốc bình chương sự, nhập nội hành khiển, hoặc thêm tả phu hữu bật, tham dự triều chính. Về văn

*giai thi có các chức lục bộ thượng thư, tả hữu bộc xã, tả hữu ty lang trung, tả hữu gián nghị đại phu, tri mật viện sự, khu mật tham chính, thiêm tri mật viện sự, lục bộ thị lang, trung thư thị lang, trung thư lệnh, lục bộ lang trung, viên ngoại lang, tả hữu chính ngôn tham nghị...<sup>1</sup>*. Những chức quan mà Phan Huy Chú ghi chép trên là những chức của các cơ quan tối cao của nhà nước, có quyền tham gia bàn bạc các vấn đề trong triều nhưng chức nào giữ việc gì thì Phan Huy Chú cũng phải thừa nhận "*không thể khảo cứu rõ được*". Từ sau đời Trần Nghệ Tông, quyền hành trong nước đều được vua giao cho Hồ Quý Ly nắm giữ.

Chức *Lưu thủ* cho Hoàng tử làm trong khi vua ra ngoài. Chức này, không những được đặt ở Kinh sư mà còn đặt ở phủ Thiên Trường.

Chức *Tể tướng* (còn gọi là Thượng tể, Thái tể) phải là người tôn thất, chọn trong những người tài giỏi, có đức, có học vấn.

Chức *Thú tướng* (hay Á tướng) thường là tham tri hay tri mật viện sự, lấy thị lang hoặc gián nghị đại phu cho làm.

Chức *Hành khiển* gần ngang với chức Á tướng chia làm hai ban tả hữu (về sau đổi làm môn hạ sảnh) ở Kinh đô Thăng Long và phủ Thiên Trường. Chức này, lúc đầu

---

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.443.

thì dùng hoạn quan, đến đời Trần Thánh Tông, niên hiệu Thiệu Long (1258-1272) thì dùng người văn học, như trường hợp Nguyễn Trung Ngạn, Lê Cư Nhân.

Các cơ quan chức năng của triều đình trung ương (Phan Huy Chú gọi các cơ quan này là *Ty ở trong*) thì chia làm quán, các, sảnh, cục, đài, viện:

Quán; các: như Lục bộ, Phủ Tôn chính<sup>1</sup>.

Sảnh: Thượng thư sảnh, Môn hạ sảnh.

Cục: Nội thư hoả cục, chi hậu cục.

Đài: Ngự sử đài.

Viện: Khu mật viện, Hàn lâm viện, Thẩm hình viện, Quốc sử viện, Quốc tử giám, Thái y viện, Thái chúc ty.

Đến năm 1267, các chức quan ở quán, các, sảnh, viện, đều chọn trong các Nho sinh hay chữ cho làm. *Toàn thư* chép: "Đinh Mão, năm thứ 10 (1267). Mùa hạ, tháng tư, chọn lấy những nho sinh hay chữ, bổ vào quán, các, sảnh, viện... người văn học được giữ quyền bính bắt đầu từ đấy"<sup>2</sup>.

Cơ quan chuyên trách tư pháp ở kinh đô Thăng Long là ty Bình Bạc, rồi đổi là Đại An phủ sứ (năm 1265), sau lại đổi làm Kinh sư Đại doãn. Các chức quan ở triều đình

1. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.446.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.39.

trung ương có thể khái quát như sau: đứng đầu là vua, sau đến tể tướng, thứ tướng, tri mật viện sự và hành khiển môn hạ sảnh. Sau là hai ban văn, võ.

Nhìn chung, tổ chức chính quyền trung ương triều Trần qui củ và "hiện đại" hơn triều Lý. Điều đó phản ánh bước phát triển và tính chất "đồng tộc" trong cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Trần trong buổi đầu xây dựng đất nước.

Tìm hiểu vấn đề tổ chức chính quyền Trung ương này, ta thấy được mục đích của nhà Trần trong việc chọn người tôn thất đi trấn trị các địa phương quan trọng bằng việc phân phong thái ấp.

### *Tổ chức chính quyền địa phương*

Như phần trên chúng tôi đã trình bày, nhà Trần chia cả nước ra làm 12 lộ. Các viên quan cai quản cấp chính quyền địa phương, theo sự ghi chép của *Toàn thư* thì không phải là quý tộc tôn thất như trước nữa mà là các văn thần. *Toàn thư* chép: "Giáp Thìn năm thứ 13 (1244). Mùa xuân, tháng giêng, chia sai các văn thần đi trị nhậm các phủ lộ trong nước"<sup>1</sup>. Các chức quan ở trung ương là *quan trọng*, các chức quan cấp địa phương là *quan ngoài*. "Lịch triều hiến chương loại chí" cho biết: "Năm thứ 10

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.20.

(1397) định các quan ngoài: ở lô đặt An phủ sứ và Phó sứ, ở phủ đặt trấn phủ sứ và phó sứ, ở châu đặt thông phán, thiêm phán, ở huyện đặt lệnh úy, chủ bạ. Lộ thì thống các phủ, phủ thống châu, châu thống huyện. Phàm những việc hộ tịch, tiền thóc, ngực tụng thì gồm lại làm sổ cả lộ, cuối năm báo lên sảnh để theo đó mà khảo xét. Lại đặt các đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản phủ và thái thú ty<sup>1</sup>. Theo ghi chép của Phan Huy Chú thì vào thời điểm này, chức quan cấp xã không được chú ý tới.

Đặng Xuân Bảng trong *Sử học bị khảo* đã khảo xét các chức quan thời Trần. Tác giả không chỉ khảo xét các chức quan ở cấp lộ-phủ- châu- huyện như Phan Huy Chú mà còn xét tới cấp trại, xã<sup>2</sup>.

Một số tư liệu khác cho chúng ta biết, thời Trần, dưới phủ, lộ là hương rồi đến xã. Theo bài minh chuông chùa Chiêu Quang (*Chiêu Quang tự chung minh*) do Trạng nguyên Hồ Tông Thốc soạn năm Xương Phù thứ 9 (1385) cho thấy rõ dưới cấp lộ là cấp hương rồi đến cấp xã<sup>3</sup> (Cấp hương thời Trần, sách *Đại cương lịch sử Việt Nam* phần viết của GS. Phan Đại Doãn, phần chú thích cho rằng: "có

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Sđd, tr.445.
2. *Đặng Xuân Bảng, Sử học bị khảo*, Viện Sử học - Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội-1998, tr.518
3. Trương Hữu Quýnh (chủ biên)- Phan Đại Doãn- Nguyễn Cảnh Minh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội - 1998, tr.182.

*thể tương ứng như huyện*"(tr.182). Cũng trong phần này, GS.Phan Đại Doãn cho rằng: *Sách hay hương* thời Trần khá lớn (tương đương với *tổng* thời Nguyễn sau này)<sup>1</sup>.

Theo *Toàn thư*, vào năm 1297, nhà Trần đổi *giáp* làm *hương*<sup>2</sup> (Quắc hương, Bạch Hạc hương...). Ở miền núi, cấp tương đương với *hương* gọi là *sách, động*. Một hương có thể gồm nhiều thôn, trang (hay làng). Đơn vị hành chính cấp *hương* thời Trần khá lớn. Vì thế, các vương hầu quý tộc khi được ban thái ấp ở các *hương* thì *hương* ấy không phải là đơn vị *làng* như nhận định của một số tác giả. Vì vậy, khi Ngô Sĩ Liên nhận xét "*Chế độ nhà Trần, các vương hầu đều ở phủ đệ ở hương của mình...*" thì cấp "*hương*" này là cấp liên quan đến phạm vi hay quy mô của thái ấp (chúng tôi sẽ trình bày vấn đề này ở chương 3).

Chính quyền trung ương thời Trần chưa thật sự quản lý chặt đến các thôn trang.

Chính quyền cấp *lộ*, thời Trần có lúc gọi là *lộ phủ*, có lúc gọi là *lộ trấn*. Điều đó, có thể nhận xét rằng, cấp lộ hay phủ, trấn là cấp chính quyền tương đương nhau (đến thời điểm trước năm 1397). Nhà Trần thực sự coi trọng cấp chính quyền lộ phủ. Khi Thái Tông lên ngôi, đã cử nhân vật tầm cỡ của triều Trần là Trần Thủ Độ cai quản phủ

1. Trương Hữu Quýnh (chủ biên), Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.182.  
2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.82.

Thanh Hoá: "Thống quốc thái sư, tri Thanh Hoá phủ sứ", Thái phó Phùng Tá Chu làm tri phủ Nghệ An, được quyền phong tước cho người khác. Các đời vua sau như Trần Thánh Tông (1258-1278), Trần Nhân Tông (1279-1293), Trần Anh Tông (1293-1314) cũng đều dùng các thân vương di trấn trị các phủ lỵ quan trọng như Thanh Hoá, Diễn Châu, Nghệ An. Thái úy Trần Nhật Duật được cử di trấn trị ở Thanh Hoá, Phiêu kỵ Thượng tướng quân Trần Quốc Khang coi chúa Diễn. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải quản chúa Nghệ An.

Chức quan ở cấp lộ có: An phủ sứ, thông phán, trấn phủ (hay tri phủ). Ngoài ra một số công việc thuộc cấp lộ như đê điều, giao thông thủy bộ, ty Khuyến nông.

— Chính quyền cấp châu (ở miền núi) có các chức: Chuyển vận sứ, thông phán.

Chính quyền cấp huyện có các chức: Tri huyện (còn gọi là Lệnh uý) và chủ bạ.

— Xã có chức: Đại tư xã (còn gọi là Đại toát) và Tiểu tư xã (còn gọi là Tiểu toát)<sup>1</sup>, đặt ra năm 1242. Đến năm 1397, chức quan cấp xã bị bãi bỏ.

Cấp chính quyền châu, huyện như thế nào, không có tài liệu nào cho biết cụ thể. Dựa vào tư liệu thư tịch và văn

---

1. Ở Láng Thượng, Láng Trung, cho đến thời Cận đại (đầu thế kỷ XX) vẫn có chức *Toát (Già làng)*.

bia thì có nơi cấp phủ rồi đến hương như: phủ Thiên Trường, hương Túc Mặc. "Văn bia *Hùng Phúc tự bi*, năm 1324 (Quảng Hùng, Quảng Xương, Thanh Hoá) chỉ ghi phủ rồi đến hương như phủ Thanh Hoá, hương Yên Duyên"<sup>1</sup>. Có nơi lại dùng *Trường, Giang* rồi đến *hương*. Có nơi lại dùng *giang, sách* như "Văn bia *Sùng Khánh tự bi minh tịnh tự*, năm 1367 (Đạo Đức, Vị Xuyên, Tuyên Quang) lại chép trường, giang đến hương như *Phú Linh trường, Thông giang, Hoàng Nông hương*; Văn bia Phật tích sơn Từ Đạo Hạnh pháp sư điền địa kệ chí lại chép giang, sách như *Đà giang, Di Mang sách*"<sup>2</sup>.

Như vậy, tổ chức chính quyền địa phương thời Trần đã từng tồn tại các tên gọi: *phủ-lộ-trấn, châu, huyện, giáp, hương, giang, trại, sách, xã, trang*.

Trong đó, có những tên gọi cho biết cùng cấp hành chính như *phủ- lộ- trấn, giáp - hương*. Những tên gọi trại, sách dùng cho miền núi. *Giang*, dùng cho vùng ở dọc hai bờ sông. Tổ chức chính quyền thời Trần thể hiện trước hết ở việc lựa chọn quan lại cho các cấp chính quyền địa phương và vấn đề này được nhà Trần hết sức chú trọng. Cấp *phủ lộ*, thời gian đầu dùng người tôn thất, sau dùng người đỗ đạt cao, tuyển chọn qua thi cử. Ví dụ, phủ lộ Thanh Hoá, một vùng đất quan trọng của đất nước, nhà

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.181.

2. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.181.

Trần đã cử người có tầm cỡ của triều đình cai quản trong buổi đầu xây dựng đất nước như cử Thống quốc Thái sứ Trần Thủ Độ làm tri phủ Thanh Hoá vào năm 1234, nhưng đến năm 1250, triều đình đã cho Minh tự Lưu Miễn làm An phủ sứ phủ lỵ Thanh Hoá (Lưu Miễn đỗ Đệ nhất giáp trong kỳ thi Thái học sinh năm 1239). Như vậy quan liêu đã bước đầu thay thế những "chức" và "trách" quan trọng của tôn thất.

Cùng với việc thiết lập hệ thống quan chức các cấp, nhà Trần đã chú trọng đến quy định chế độ lương bổng cho tầng lớp quan liêu. *Toàn thư* cho biết: "Năm 1244. Mùa đông, tháng 10, định lương bổng của các quan làm việc trong ngoài và các quan túc vệ"<sup>1</sup>. Đến tháng 3 năm 1246, lại ra lệnh định rõ khoảng thời gian để thăng chức tước: "*Khảo duyệt các quan văn võ trong ngoài, cứ 15 năm một lần duyệt, định 10 năm thăng tước một cấp, 15 năm thăng chức một bậc*"<sup>2</sup>.

Trong xã hội thời Trần, tầng lớp quý tộc được trọng dụng, được giữ những trọng chức, được ban cấp thái ấp làm bổng lộc. Tầng lớp quan liêu giữ những chức thấp hơn tầng lớp quý tộc và quyền lợi của họ là lương bổng. Cả hai tầng lớp này gắn với nhau thành một khối và là trụ cột của nhà nước trung ương tập quyền. Bộ máy quan liêu

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.20.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.21.

được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Phan Huy Chú nhận xét: "Các chức quan trong, quan ngoài thời Trần đều có thống thuộc và các danh hiệu các quan có phần hay hơn triều Lý, nhưng về chức sự dien cách thì đại lược cũng có tham chước theo trước. Trong khoảng 160 năm duy trì được chính trị giáo hoá, kể cũng là chế độ hay của một đời"<sup>1</sup>.

Cùng với sự phát triển của nhà nước trung ương tập quyền, hệ thống quan liêu ngày càng phát triển hơn, chức vụ khi theo cũ, khi đổi mới. Xây dựng và củng cố hệ thống chính quyền từ trung ương đến các địa phương của nhà Trần đã góp phần xây dựng và củng cố nhà nước trung ương tập quyền.

Xem xét các đơn vị hành chính thời Trần, không chỉ cần thiết cho việc tìm hiểu cách thức quản lý đất nước của triều Trần nói riêng, cách thức chọn người thực hiện nhiệm vụ của triều đình giao phó và các chức quan từng cấp chính quyền tương đương với cấp hành chính nói chung. Đối với chúng tôi, tìm hiểu các cấp hành chính thời Trần còn có tác dụng tìm hiểu quy mô ruộng đất liên quan đến cấp hành chính "hương" thời Trần. Nó liên quan đến phạm vi hay quy mô thái ấp, một vấn đề mà lâu nay còn có những ý kiến chưa thống nhất.

---

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.446.

## Tổ chức quân đội

Bất cứ một nhà nước quân chủ nào muốn tồn tại và phát triển đều phải quan tâm đến việc tổ chức quân đội. Tổ chức lực lượng quân đội thời Trần ở một số nét giống thời Lý. Ví dụ: quân đội của nhà nước gồm cấm quân và quân các lộ. Ngoài ra, thực tế xã hội thời Trần đề cao vai trò của tầng lớp quý tộc tôn thất. Vì vậy, trong tổ chức lực lượng quân đội còn có đội quân của các vương hầu được tuyển chọn trong khu vực thái ấp.

Ngay từ những năm đầu khi mới nắm chính quyền, dưới triều vua Trần Thái Tông, triều đình đã ban hành nhiều chính sách nhằm củng cố lực lượng quân đội:

"*Kỷ Hợi, năm thứ 8 (1239). Tháng 3, chọn dân đinh người nào khoẻ mạnh sung làm binh, định ra ba bậc thượng trung hạ*"<sup>1</sup>.

"*Tân Sửu năm thứ 10 (1241). Mùa Xuân, tháng 2, chọn người có sức khoẻ am hiểu võ nghệ sung làm quân túc vệ Thượng đô*"<sup>2</sup>.

"*Quý Mão năm thứ 12 (1243). Mùa Đông, tháng 10, chọn người bổ làm điệu dịch ở các quân bộ*"<sup>3</sup>.v.v...

Quân đội thời Trần, phiên chế thành các lực lượng sau:

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.17.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.18.

3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.19.

1. Cấm quân, còn gọi là quân túc vệ
2. Quân các lộ, ở đồng bằng gọi là chính binh, ở miền núi gọi là phiên binh.
3. Quân của các vương hầu tôn thất.

"Số quân buổi đầu thời Trần, mỗi quân là 2.400 người. Các quân cấm vệ và các lộ, đại ước không đầy 10 vạn"<sup>1</sup>.

### Cấm quân

Dựa theo những tư liệu được ghi chép trong thư tịch cổ thì Cấm quân là lực lượng rất được nhà Trần chú trọng. Toàn thư ghi chép về lực lượng này tương đối nhiều. Cấm quân luôn được củng cố về tổ chức và tăng cường về chất lượng lẫn số lượng. Đến năm 1246, lực lượng Cấm quân được kiện toàn thêm một bước. Nhà nước Trần ra lệnh đặt thêm các vệ quân tiền hậu tả hữu gọi là quân Tú thiêng, quân bốn vệ thánh dực gọi là quân Tú thánh. Quân bốn vệ thần sách gọi là quân Tú thần. Mỗi quân hiệu túc vệ được tuyển trong dân định một số lộ nhất định. Việc này, Toàn thư chép: "Bính Ngọ, năm thứ 15 (1246). Mùa Xuân, tháng 2, định các quân. Chọn người khoẻ mạnh sung làm quân Tú thiêng, Tú thánh, Tú thần, người các lộ Thiên Trường, Long Hưng sung làm quân Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh, Củng thần bên trong, người hai lộ Hồng và

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.8.

*Khoái sung làm quân Tả Hữu Thành dục, Thần sách; còn các lô khác thì sung làm cấm quân của cấm vệ...<sup>1</sup>.*

Hai mươi mốt năm sau (1267), Cấm quân được chấn chỉnh thêm cho chặt chẽ: "Mùa thu, tháng 8 xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người; Chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để trông coi"<sup>2</sup>. Lực lượng Cấm quân luôn được bổ sung.

Năm 1298, Cấm quân được đặt thêm các quân hiệu Chân thượng đô, Thuỷ dạ xoa đô, Chân kim đô, thích những chữ chân kim vào trán.

Năm 1311, Trần Anh Tông lại ra lệnh đặt thêm đô Toàn kim cương, quân lính thì thích ba chữ đó vào trán. Quân Thiên thuộc có đô Phù đồ thượng và Phù đồ hạ.

Tháng 10 năm 1313, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ Tiệp làm quân Thiết ngạch. Đại liêu ban Trần Thanh Ly được cử giữ chức Vũ vệ đại tướng quân để quản lính.

Mùa Đông, tháng 10 năm Giáp Dần (1314): "Xuống chiếu cho chức Tam phẩm lập Dung đô với tư cách sung bổ. Đặt đô Phù Liễn làm Long vệ tướng. Chọn những con của cấm quân và lấy quân Thiết ngạch người nào đã thích chữ Kim cương để bổ sung vào"<sup>3</sup>.

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.20.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.39.

3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.114.

Năm 1320, tháng 12 lại đổi đô Phù Liễn làm quân Khấu mã.

Từ thời Trần Thái Tông cho đến Trần Hiến Tông, Cấm quân thuộc về Thượng thư sảnh. Đến thời Trần Dụ Tông, vào năm 1342, đặt Khu mật viện để quản lanh Cấm quân. Phan Huy Chú đã tổng kết các quân hiệu thuộc Cấm quân như sau:

Mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người.

- Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần (do Thái Tông đặt)
- Vũ tiệp, Thiết ngạch (do Anh Tông đặt)
- Uy tiệp, Bảo tiệp, Long dực, Long tiệp, Tả ban, Hữu ban (do Duệ Tông đặt)
- Thần dực, Thiên uy, Hoa ngạch, Thị vệ, Thần vũ, Thiết chương, Thiết giáp, Thiết liêm, Thiết hổ, Ô đỗ<sup>1</sup> (do Phế đế đặt). Các đô Cấm vệ (gồm có Chân thượng đô, Thủ y dạ xoa đô, Chân kim đô, Toàn kim cương đô, Phù liên đô)<sup>2</sup>.

Cấm quân là lực lượng nòng cốt cho binh lính khác, không những có nhiệm vụ bảo vệ nhà vua, bảo vệ triều đình, phòng giữ kinh đô mà trong lúc quốc gia hữu sự (ngoại xâm, nội loạn) thì Cấm quân được điều động đi các nơi cần thiết để phối hợp với quân địa phương (quân các

---

1. Ô đỗ: quân vùng châu Ô.

2. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sđd, tr.9-10.

lộ). Cấm quân là lực lượng quan trọng và tinh nhuệ của triều đình.

### *Lộ quân (hay quân các lộ).*

Có thể thấy sự ghi chép trong *Toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí* về lực lượng Lộ quân khá đầy đủ.

Về tổ chức của lộ quân, các quân hiệu được Phan Huy Chú tổng kết như sau:

- Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh, Củng thần (thuộc lộ Sơn Nam).
- Tả Hữu Thánh dực (thuộc lộ Hải Dương).
- Thánh dực, Thần sách (thuộc lộ Trường Yên, Kiến Xương)<sup>1</sup> (Trở lên đều do Thái Tông đặt).
- Thuỷ quân thì đặt Bình hải quân (ở lộ Quảng Yên, do Dụ Tông đặt).
- Các quân ở Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Lâm Bình, Thuận Hoá (do Duệ Tông đặt, đều có chức Đại đội trưởng và Đại đội phó)<sup>2</sup>.

Vào khoảng thời gian từ nửa cuối thế kỷ XIV trở đi, xã hội Trần xảy ra nhiều tệ nạn. Nạn trộm cướp, nạn đói và nạn ngoại xâm quấy nhiễu và tấn công nước ta từ biên giới

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.20-21.

2. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sđd, tr.10.

phía Nam. Lực lượng Cấm quân và Lộ quân được điều động tham gia bắt cướp và trấn áp những cuộc đánh phá của quân Chiêm Thành. Lực lượng quân đội ở các lô được bổ sung thêm. *Toàn thư* chép nhiều sự kiện liên quan đến vấn đề này:

"Mùa Thu, tháng 8 (1344), đặt 20 đô phong đoàn ở các lô để đuổi bắt giặc cướp"<sup>1</sup>.

"Mùa Đông, tháng 11 (1358), xuống chiếu cho An phủ sứ các lô đem quân của đội phong đoàn đi bắt giặc cướp"<sup>2</sup>.

"Tháng 12 (1359) xuống chiếu cho cấm quân đi tuần bắt giặc cướp ở các lô"<sup>3</sup>.

Vì thế, việc tăng cường lực lượng quân đội kể cả Cấm quân và Lộ quân càng được đẩy mạnh hơn, nhất là dưới triều vua Trần Duệ Tông.

Năm 1373, Trần Duệ Tông ra lệnh: "Định việc bổ sung quân ngũ". Năm sau (1374) lại: "Chọn dân đinh sung vào quân ngũ: hạng nhất sung vào Lan đồ; rồi đến hạng nhì; hạng ba. Người thấp bé nhưng mạnh khoẻ cũng được sung lên hạng trên. Trước đây, quân Túc vệ có quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần, sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Thần Dực, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp, thích ba chử đen vào trán.

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.150.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.162.

3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr. 163.

*Các quân Thị vệ, Tạc ngạch, Hoa ngạch, Tả ban, Hữu ban, Thanh Hoá, Nghệ An, Hoá châu, Thuận châu, Lâm Bình đều đặt quân hiệu. Có đại đội trưởng, đại đội phó làm quân hiệu*<sup>1</sup>. Cũng chính từ đời Duệ Tông (1373-1377), chọn tướng coi quân không nhất thiết là người tôn thất nữa mà chọn những người tài giỏi, thông binh pháp. Toàn thư chép: "Ất Mão, năm thứ 3 (1375)... Xuống chiếu chọn các quan viên người nào có tài năng, luyện tập nghề võ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là tôn thất, đều cho làm tướng coi quân"<sup>2</sup>.

Quân các lô có nhiệm vụ phòng giữ địa phương, đảm bảo an ninh trật tự cho từng địa phương và bảo vệ độc lập dân tộc.

#### *Quân của các vương hầu tôn thất*

Có thể nói, chế độ ban cấp thái ấp cùng chính sách lập điền trang thời Trần, đã hình thành nên tầng lớp lao động gia nô, nô tỳ đồng đảo phục vụ trong các thái ấp, điền trang. Lực lượng này, khi hoà bình thì lao động sản xuất, khi quốc gia hữu sự thì làm lính. Họ hợp thành đội quân mà sử cũ gọi là quân vương hầu gia đồng. Toàn thư không cho biết tổ chức lực lượng quân đội này như thế nào. Dựa vào *An Nam chí lược* của Lê Tắc thì: Quân vương hầu gia đồng chia làm 3 đô: Dược đồng đô, Sơn lão đô và Toàn hầu

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.183.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.184.

đó. Theo *Lời bàn* của Ngô Sĩ Liên trong *Khâm định Việt Sử thông giám cương mục* thì: "Năm Nguyên Phong (niên hiệu vua Trần Thái Tông - chúng tôi chú), giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu đều đem hương binh và thổ hào sung vào đội quân cần vương; việc chính biến năm Đại Định (1369-1370), vương hầu lại đem dân các thôn trang sắm sửa nghi trượng (tử tú long đai) để đón vua mới"<sup>1</sup>.

Năm 1284, khi chuẩn bị tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ 2 (1285), Phan Huy Chú cho biết, theo lệnh vua ban, các vương hầu tôn thất đều khẩn trương mộ binh: "Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (1284), quân Nguyên xâm lược. Vua sai các vương hầu tôn thất mộ quân đánh giặc. Hưng Đạo vương điều khiển quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm. Các đạo quân họp lại hết thảy. Bọn Hưng Vũ vương và Hưng Hiến vương cũng đốc suất 20 vạn quân các xứ Bàng Hà, Na Sầm, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhã đến hội"<sup>2</sup>. 20 vạn quân lính do các vương hầu tôn thất chiêu tập như ghi chép của Phan Huy Chú, cho ta thấy đó là số quân không chỉ có quân vương hầu gia đồng mà có thể còn gồm cả quân các lộ. Mặc dù vậy, sự huy động quân trong tình hình vừa khẩn trương vừa diễn ra trong thời gian

---

1. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội-1998, tr.489.

2. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sđd, tr.8.

ngắn lúc bấy giờ mà tập trung được số quân đông như thế, chứng tỏ tài năng và uy thế của các vương hầu rất lớn. Hai mươi vạn quân, con số mang tính tầm cỡ nhưng đó cũng chỉ là số lính lấy ở dân đinh mấy lộ miền Đông Bắc đất nước Đại Việt, còn từ Thanh Hoá trở vào còn một lực lượng quân đông tới 10 vạn. Câu thơ của nhà vua đã chứng minh điều đó:

*Cối Kê cựu sự quân tu ký  
Hoan Diễn do tồn thập vạn quân*

Nghĩa là:

*Cối Kê chuyện cũ người nêu nhớ  
Hoan Diễn hãy còn mười vạn quân*

Kết quả khảo cứu của hai tác giả Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm trong công trình *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII*, cho chúng ta thấy được vai trò người tướng cầm quân của các vương hầu tôn thất rất quan trọng. Quân vương hầu được giao nhiệm vụ trấn giữ các cứ điểm quan trọng trong ba cuộc kháng chiến. Sự ghi chép trong *Toàn thư* càng thể hiện điều đó: "Giáp Thân, năm thứ 6 (1284). Mùa Thu, tháng 8, Hưng Đạo vương đòi điều động các quân của vương hầu để đại duyệt ở bến Đông (tức Đông Bộ Đầu- bến sông Hồng, gần

dốc Hàng Than ngày nay), chia quân đến các xứ Bình Than đóng giữ các chỗ xung yếu<sup>1</sup>.

Quân đội trong các thái ấp - điền trang là đội quân đông, số lượng lớn. Họ đóng vai trò quan trọng trong các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm. Các vương hầu trấn trị ở những vị trí quân sự hiểm yếu, trong đó có vị trí các thái ấp. Nhà Trần tiếp tục thực hiện chính sách "Ngụ binh ư nông" từ thời Lý. Nhà Trần sở dĩ có thể tập hợp được lực lượng quân đội đông đảo, lớn mạnh cũng một phần nhờ thực hiện chính sách "ngụ binh ư nông". Phan Huy Chú viết: "Lúc vô sự thì phục binh ở nơi thuận tiện, khi có nạn thì đều hết sức chống cự. Thế là đời Trần nhân dân ai cũng là binh, nên mới phá được giặc giữ, làm cho thế nước được mạnh"<sup>2</sup> và "Trong lúc có việc, cứ chiếu sổ lấy hết những đinh tráng cũng như cách lấy vệ binh đời sau."<sup>3</sup>

Chủ trương của nhà Trần "quân cần tinh, không cần nhiều". Quân lính đòi hỏi dày công luyện tập để hình thành nên đội ngũ có khả năng chiến đấu cao. Đối với tướng cầm quân mà điển hình là các vương hầu tôn thất, nổi lên vấn đề là triều đình rất trọng dụng người tài giỏi. Họ được triều đình giao trọng trách, tiêu biểu là Trần Quốc Tuấn. Các tướng chỉ huy, các vương hầu tôn thất đều

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.55.

2. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.9.

3. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sđd, tr.8.

được học tập ở Giảng Võ đường. Trần Quốc Tuấn đã đúc kết sự hiểu biết và kinh nghiệm của ông trong tác phẩm: *Binh thư yếu lược* cũng cốt để các tướng đọc và học cho thông hiểu.

Một đặc điểm của quân đội thời Trần là *thuỷ quân* rất mạnh. Những chiến thắng lớn trong lịch sử triều Trần như Vân Đồn, Bạch Đằng đều có sự đóng góp lớn của thuỷ quân. Điều này, có lẽ một phần do thành phần xuất thân của dòng họ Trần, từ dân chài quen sông nước. Đồng thời, nói lên đặc điểm sinh thái thời Trần, sông nước là phương tiện giao thông chủ yếu.

Nhìn chung, quân đội nhà Trần là đội quân có trình độ kỹ thuật cao, lực lượng quân đội mạnh, tướng chỉ huy có tài và thông hiểu binh pháp. Họ cùng nhân dân Đại Việt thời Trần làm nên chiến công rực rỡ trong lịch sử dân tộc - ba lần chiến thắng oanh liệt giặc Mông - Nguyên. Trong đó có sự đóng góp rất lớn của đội quân vương hầu gia đồng trong các thái ấp - điền trang.

### Dân số thời Trần

Các vương hầu quý tộc Trần với thái ấp - điền trang của mình đã có một lực lượng nông nô, nô tỳ rất lớn. Một Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản mới 15 tuổi, khi cần tập hợp lực lượng chống ngoại xâm, đã huy động được *hơn một nghìn người*. Trong quy định của triều đình Trần về số

lượng người theo hầu cho các vương hầu tôn thất, nhiều thì *một nghìn người*, ít thì một trăm người. Văn Huệ vương Trần Quang Triệu có thể cúng cho chùa Quỳnh Lâm hơn một nghìn mẫu ruộng và *một nghìn nô*. Sự biên chép của Phan Huy Chú về lực lượng quân đội của hai loại quân: quân Túc vệ (Cấm quân) và quân các lộ: "*Đại ước không đầy 10 vạn người*". Trong khi đó, chỉ tính riêng lực lượng quân của bốn vương (Ba người là con của Trần Hưng Đạo và của Minh Hiến vương) thì số quân đã lên tới 20 vạn (gồm cả quân vương hầu gia đồng và quân các lộ, nhưng không biết tỷ lệ là bao nhiêu). Nhưng dù sao cũng chứng tỏ một số lượng quân rất lớn so với số quân Túc Vệ và quân các Lộ. Vì vậy, việc nghiên cứu dân số thời Trần, trước hết là thêm một lượng thông tin để tìm hiểu về dân số thời Trần nói chung và số dân trong khu vực thái ấp nói riêng. Qua đó, cũng thêm một yếu tố để tìm hiểu về quy mô của thái ấp.

Chúng ta đều biết rằng, sau khi lên nắm chính quyền, cùng với việc củng cố tổ chức vương triều, tổ chức chính quyền thì triều đình Trần đã tiến hành xét định sổ đinh ở một số địa phương mà trước hết là ở phủ Thanh Hóa, một địa bàn vùng biên quan trọng lúc bấy giờ. *Toàn thư* chép: "*Mậu Tuất, năm thứ 7 (1238). Mùa Xuân, tháng 2, sai Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ duyệt định sổ đinh phủ Thanh Hoá*"<sup>1</sup>. Tiến hành điều tra dân số, chủ yếu là số

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr. 17.

định (số nam) ở một phủ quan trọng đã phần nào chứng tỏ triều đình Trần rất chú trọng đến việc kiểm soát định nam trong nước mà trước hết là ở vùng phân đậu phía Nam này. Phan Huy Chú đã từng nhận xét: "... *Riêng có Thanh Hoá làm trước và kỹ càng, lại sai quan trọng thần phụ trách. Có lẽ là nối sau đời Lý, miền Thanh Nghệ kinh lý còn sơ sài, đến bây giờ mới một phen chỉnh đốn cho nên mới làm như thế chăng.*"<sup>1</sup>.

Sau đó vào năm 1243, triều đình cho phép tiến hành làm sổ dân định trong cả nước. Sự kiện này, được *Toàn thư* chép như sau: "Quý Mão, năm thứ 12 (1243). Mùa Xuân, tháng Giêng, hạ lệnh cho quan các lộ làm sổ dân định, hạn tháng 2 làm xong"<sup>2</sup>.

Theo các sự kiện được ghi chép trong *Toàn thư*, có tất cả 8 lần triều đình Trần hạ lệnh xét định dân số. Nội dung của nó là xét định số định, duyệt định số binh, định hộ khẩu. Trong đó, số lần xét định số định chiếm tới bốn lần vào các năm 1238, 1243, 1280, 1366, trong bốn lần này thì rơi vào Thanh Hoá hai lần (1238, 1366) và hai lần tiến hành trên phạm vi cả nước (1243, 1280). Hai lần duyệt định số binh vào các năm 1297, 1316, trong đó một lần (vào năm 1297) tiến hành duyệt định số binh trên phạm vi cả nước và một lần ở châu Diễn (1316). Hai lần còn lại xét định hộ khẩu.

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.219.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.19.

Rất tiếc trong cả 8 lần ấy, *Toàn thư* không cho biết rõ số liệu cụ thể. Qua nội dung của 8 lần xét định số đinh, xét định binh dân, xét định hộ khẩu, chúng tôi thấy, triều đình nhà Trần luôn chú trọng đến việc nắm được dân số nói chung và đinh nam nói riêng.

Việc tìm hiểu dân số thời Trần có thể dựa vào số dân vào cuối thời nhà Hồ. Khi nhà Hồ tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh thất bại. Nhà Minh đã tiến hành kiểm kê số dân và số tài sản thu được ở nước ta lúc bấy giờ. Những con số này được *Toàn thư* chép như sau: Năm 1407: "Người Minh tính số đã lấy được: 48 phủ châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu, 8.865 cái thuyền"<sup>1</sup>. Con số 3.129.500 hộ như *Toàn thư* chép, nếu mỗi hộ có 4 người thì số dân là 12.518.000 người. Nếu mỗi hộ 5 người thì số dân là 15.647.500 người. Nếu tính trung bình cộng hai số trên thì có khoảng hơn 13 triệu người<sup>2</sup>. Con số này nếu căn cứ vào số đinh (gồm đai nam, trung nam và hoàng nam) được ghi chép trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì không có gì là quá cao. Vào thời điểm 1407, đã đi qua điểm kết thúc của triều đại nhà Trần 7 năm, số dân có thể tăng lên, cũng có thể giảm đi do nhiều nguyên nhân. Nguyễn Trãi cho biết: "Nhà Trần chia thiên hạ làm 12 xứ. Viện quan dâng số

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.252.

2. Những con số theo tính toán của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo.

vàng thì hạng đại nam, trung nam có bốn trăm chín mươi vạn đinh (4.900.000 đinh), hạng hoàng nam có hai trăm mươi vạn bốn nghìn ba trăm đinh (2.104.300 đinh)<sup>1</sup>. Như vậy, nếu tính tổng cộng các hạng đại, trung và hoàng nam thời Trần thì số đinh và chỉ riêng số đinh thôi là 7.004300 đinh. Nếu số đinh bằng 50% tổng số dân cả nước thì dân số thời Trần có khoảng trên 14 triệu. Tuy nhiên, nếu so với số đinh thời Lê được ghi chép trong *Dư địa chí*: "Bản triều thống nhất, chia thiên hạ làm 15 đạo... đinh số là bảy mươi vạn chín trăm bốn mươi suất (700.940 suất)"<sup>2</sup>. Con số 7.004.300 đinh thời Trần so với con số 700.940 đinh thời Lê là quá chênh lệch và thật khó tin cậy.

Trong điều kiện đất nước Đại Việt lúc bấy giờ đất rộng, người thua nhu cầu khẩn hoang nhằm tăng diện tích đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp quả là rất cần súc người. Điều này có thể lý giải vì sao, trong một số điền trang thời Trần số ruộng đất khẩn hoang được chỉ từ 100-500 mẫu (Chúng tôi đề cập ở chương 2). Có thể lực lượng đưa đi khẩn hoang lúc ban đầu còn mỏng. Vì khả năng chiêu tập dân nghèo xiêu tán không có sản nghiệp để đưa đi khẩn hoang hoàn toàn tuỳ thuộc vào khả năng kinh tế của người chủ điền trang.

Vì vậy, tìm hiểu dân số thời Trần một phần cũng là gián tiếp để tìm hiểu về số dân trong các thái ấp. Qua đó

1. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội - 1976, tr.213.

2. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd, tr.214.

thấy được quy mô rộng lớn của thái ấp. Nhưng vấn đề quan trọng hơn của điều tra dân số là nhằm phục vụ cho nhu cầu tuyển lính, thu tô thuế, phục vụ các nhu cầu xây dựng công trình công cộng và phân chia ruộng đất công làng xã của nhà nước Trần.

### Tình hình kinh tế

#### *Tình hình kinh tế nông nghiệp*

Có thể nói, nhà nước Trần nói riêng, các nhà nước quân chủ Việt Nam nói chung đều chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp. Chính sách được các triều đại quân chủ Việt Nam quan tâm là đẩy mạnh khẩn hoang, tăng diện tích canh tác, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển.

Nền kinh tế nông nghiệp thời Trần chủ yếu bao gồm các loại: Sở hữu ruộng đất công và sở hữu ruộng đất tư nhân

#### *Sở hữu ruộng đất công gồm:*

1 - Ruộng đất do nhà nước trực tiếp quản lý như ruộng sơn lăng, ruộng tịch điền, ruộng quốc khố, đồn điền.

2 - Ruộng đất dùng để phân phong cho các vương hầu, quý tộc làm thái ấp. Dĩ nhiên là nhà nước lấy từ bộ phận ruộng công làng xã.

### 3 - Ruộng đất công làng xã.

Ở bộ phận ruộng đất thứ nhất, đối với loại *sơn lăng* chủ yếu là phần khu ruộng mặn và phần khu ruộng thô. Phần ruộng thô cốt là lấy thu hoạch chi phí vào việc thờ phung tổ tiên của dòng họ vua. Ruộng tịch điền, hoa lợi của loại ruộng này chỉ dành riêng cho việc thờ cúng tôn miếu. Theo như lời chú của *Cương mục* thì: "*Đời cổ, vua chúa đều có ruộng tịch điền, thiền từ một ngàn mẫu, vua chư hầu một trăm mẫu, lấy hoa lợi ruộng ấy cúng tế nhà tôn miếu. Vua chúa thường nhân mùa Xuân ra cày mẩy luống ở ruộng ấy làm mẫu mực, còn toàn nhờ vào sức dân, vì thế chữ "tịch" nhiều sách viết là chữ "tạ" nghĩa là nhờ*"<sup>1</sup>. Ruộng quốc khố, theo Giáo sư Trương Hữu Quýnh trong *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII, Tập I (thế kỷ XI-XV)*, thì nghĩa đen của thuật ngữ *quốc khố* điền là ruộng kho công, tức là ruộng đất của nhà nước, lấy thu hoạch trữ vào kho của nhà nước. Theo chúng tôi, ruộng quốc khố còn gọi là ruộng công nhu sự ghi chép trong *Toàn thư*. Thời Trần, một số địa điểm được sử cũ ghi chép như Cảo Xã (xã Nhật Tảo cho đến Cải cách ruộng đất, toàn là ruộng công, 116 mẫu), xã Tương Một và số ruộng đất tịch thu được của những kẻ theo giặc, nhà nước hoàn toàn sử dụng tội nhân để cày cấy. *Toàn thư* chép: "*Canh Dần, năm thứ 6 (1230). Mùa Xuân, tháng 3. Định tội đồ theo thứ bậc*

1. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội - 1998, tr.587.

khác nhau. Tôi vừa thi đỗ làm Cảo điền hoành, thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cảo Xã (Nay là xã Nhật Tảo), cày ruộng công, mỗi người 3 mẫu, mỗi năm thu thóc 300 thăng<sup>1</sup>. Sau này, những người có tội giam ở Cảo xã cho chuyển đến xã Tương Một, phủ Thanh Hoá vào tháng 9 năm 1399<sup>2</sup>. Loại ruộng công kiểu như Cảo xã đã có từ thời Lý. Đỗ Anh Vũ bị trị tội bằng cách "đày làm Cảo điền nhi" vào năm 1150.

Đồn điền là loại ruộng đất khẩn hoang, có từ thời Lý. Đến thời Trần, chính sách khẩn hoang được nhà nước chú trọng và tăng cường đẩy mạnh. Cùng với việc cho phép các vương hầu, quý tộc khẩn hoang lập điền trang riêng, triều đình còn đặt ra các chức quan chuyên trách việc đồn điền. Toàn thư chép: "Giáp Thân, năm thứ 4 (1344)... Đặt đồn điền sứ và phó sứ ở ty Khuyến nông"<sup>3</sup>. Những đối tượng tham gia đồn điền chủ yếu là tù binh Chàm, những người tù tội, dân xiêu tán và binh lính. Giáo sư Trương Hữu Quýnh trong công trình *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII, Tập I: Thế kỷ XI-XV* đã cung cấp một số đồn điền của nhà Trần như làng Quán La (thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội), tồn tại cho đến cuối thế kỷ XVIII. Đồn điền ở Vũ Xá (thuộc huyện Kim Thành, Hải Dương) do Đại An phủ sứ kinh sư là Nguyễn Dũ đứng ra thành lập. Hoa lợi thu được ở đồn điền hoàn toàn nhập vào kho nhà nước. Đồn

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.10.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.227.

3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.149.

điền sau gọi là Sở. Chúng quanh Hà Nội có Yên Sở, Đắc Sở, Dịch Vọng Sở, Ngã Tư Sở... Chúng tôi đã đi điền dã ở đó và đều thấy di tích, truyền thuyết về *Chăm*.

Ở bộ phận ruộng đất thứ 2, loại ruộng đất dùng để ban cấp làm thái ấp cho các vương hầu, quý tộc. Hoa lợi trên bộ phận ruộng đất đó nếu như trước đây được nộp cho nhà nước thì nay nộp cho chủ thái ấp. Bộ phận ruộng đất này không được truyền lại cho con cháu. Nếu trường hợp vương hầu, quý tộc mắc tội, triều đình có thể tịch thu để ban cho người khác. Sử cũ không cho chúng ta biết số liệu ruộng đất cụ thể mà triều đình ban cho mỗi người. Sử cũ chỉ cho chúng ta biết mỗi vị vương hầu ở "*hương của mình*".

Ở bộ phận ruộng đất thứ 3, loại ruộng đất công làng xã. Loại ruộng đất này mặc dù thuộc sở hữu nhà nước, nhưng vẫn do làng xã quản lý. Nó còn được gọi là "quan điền" hay "quan điền bản xã". Quan điền là loại ruộng mà thường được ghi trong các bi ký, minh chuông thời Lý, Trần. Làng xã quản lý loại ruộng đất này như thế nào. Có lẽ, quyền của làng xã chỉ giới hạn ở việc chia công điền và thu tô thuế nộp cho nhà nước. Thời Trần, vai trò của các kỳ lão rất lớn, Hội đồng trưởng lão có quyền tham gia vào việc chia công điền cho nhân đình đến tuổi. Trong lịch sử các nhà nước quân chủ Việt Nam, làng xã là những đơn vị bảo tồn vững chắc những sắc thái văn hóa dân tộc. Các nhà nước quân chủ Việt Nam trong quá trình củng cố bờ

máy nhà nước trung ương cũng không ngừng tăng cường việc kiểm soát cấp đơn vị cơ sở - làng xã này.

Nhà Trần đã nhiều lần tiến hành điều tra dân số (Chúng tôi đã trình bày ở phần trên) nhằm thực hiện nhiều mục đích, trong đó có việc nắm số định để phân chia ruộng đất và thu tô. Dưới triều Trần, không phải nhân định nào cũng được chia ruộng. Trong chính sách ban hành năm 1242 đã cho thấy rõ điều đó. *Toàn thư* chép: "Nhân định có ruộng đất thì nộp tiền thóc, không có ruộng đất thì miễn cả"<sup>1</sup>. Chính sách tô ruộng vào buổi đầu thời Trần đã được quy định nộp bằng hai loại: tiền và thóc. *Toàn thư* cho biết: "Nhân định có 1,2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền, có 3,4 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc"<sup>2</sup>.

Làng xã thời Trần, nhờ chính sách khẩn hoang lập làng đã góp thêm tiếng nói làm phong phú thêm các loại hình làng xã Việt Nam. Có làng không có ruộng công. Có làng vừa có ruộng công, vừa có ruộng tư. Có làng xã cổ, phần lớn có nhiều ruộng công. Loại làng xã này được duy trì và tồn tại lâu dài trong khoảng thời gian đấu tranh chống Bắc thuộc. Việc quản lý cấp xã thời Trần, lúc đầu nhà nước trung ương có can thiệp vào bằng cách đặt chức quan cấp xã như Đại tu xã, Tiểu tu xã để "trông coi các xã sách".

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.19.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.19.

Trong quá trình vận hành của làng xã, với đặc tính tự trị cao nên các chức quan cấp xã này đến cuối thời Trần, vào năm 1397, nhà nước đã bãi bỏ. Điều đó chứng tỏ rằng làng xã thực sự có một số quyền hạn, trong đó có quyền hạn nhất định đối với bộ phận ruộng đất công làng xã.

Không có tài liệu nào cho chúng ta biết, nhà Trần kiểm soát số ruộng công như thế nào. Kiểu lập điền tịch thì rõ ràng là đã có. Ở một vài tư liệu, chúng ta biết được cách kê khai ruộng đất thời Trần theo kiểu: "*Ranh giới có đủ Đông Tây Nam Bắc như trong địa đồ và trong sổ sách*"<sup>1</sup>. Ở Thái Bình đã tìm thấy một cột gỗ chôn đứng gọi là "mộc bài" dài gần 3 m, đường kính xấp xỉ 20cm trên ghi chữ Hán về mốc ruộng ở cánh đồng Đa Bối chia cho một số quan lại thời Trần nên còn gọi là Mộc bài Đa Bối<sup>2</sup>. Đến năm 1398, nhà nước mới "*hạt lệnh cho dân tiêu đề họ tên ở trên bờ ruộng*"<sup>3</sup> và đây cũng là lần duy nhất nhà Trần tiến hành đo đạc ruộng đất.

Ruộng đất công làng xã do làng xã thực hiện phân chia cho nhân định đến tuổi được hưởng và trên cơ sở đó mà

1. Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, Tập I: *Thế kỷ XI-XV*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1982, tr.87.
2. Đinh Khắc Thuân: *Hai hiện vật thời Trần ở huyện Thái Thụy (Thái Bình)*. Trong: "*Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*". Bộ phận Lịch sử dân tộc- Ban Nghiên cứu lịch sử đảng tỉnh Thái Bình xuất bản- 1986. Tr.246.
3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.223.

chịu trách nhiệm nộp đủ tô cho nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế không phải làng nào cũng có đủ ruộng công để chia cho nhân đình. Vì thế, sử chép là nếu nhân đình nào không có ruộng thì được miễn cả. Số không có ruộng đất ấy trở thành đội quân "không có sản nghiệp". Họ được trưng dụng vào những công việc khác của triều đình và làm gia nô cho các thế gia.

Chúng ta đều biết rằng, chính sách "Ngụ binh ư nông" được thực hiện từ triều Lý, triều Trần tiếp tục kế thừa và phát huy tác dụng. Chúng tôi thiết nghĩ, số binh lính khi hoà bình về làm ruộng thì họ làm trên loại ruộng nào? - Đồn điền hay ruộng đất công làng xã. Nếu nhân đình không có ruộng mà đi lính, thì khi hoà bình, họ lấy ruộng đất đâu mà cày cấy. Chúng tôi cũng lưu ý đến một chi tiết sử cũ chép là có loại "đời đời làm binh, không được làm quan, theo quy chế cũ"<sup>1</sup>. Số người suốt đời phục vụ trong quân đội, thực hiện chính sách "Ngụ binh ư nông" như thế nào? Có lẽ họ được điều đi khai hoang lập đồn điền chăng?

Bộ phận ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước ngày càng bị thu hẹp theo thời gian. Bởi nhà nước lấy ruộng công để:

- Bán ruộng công cho nhân dân mua làm của tư.
- Ban cấp cho các vương hầu quý tộc làm thái ấp.

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.82.

- Ban thưởng cho những người có công.

- Cúng vào chùa:

Ruộng tư phát triển tất làm thu hẹp bộ phận ruộng đất công, ảnh hưởng đến nguồn thu của nhà nước. Vấn đề này đã trở thành một trong các nguyên nhân dẫn đến quốc khố trống rỗng vào nửa cuối thế kỷ XIV. Đồng thời nó cũng là nguyên nhân dẫn đến chính sách "Hạn điền, hạn nô" thực hiện vào năm 1397 do Hồ Quý Ly khởi xướng.

### *Ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân.*

Sở hữu tư nhân về ruộng đất, đã phát triển từ thời Lý. Nhất là vào thời cuối Lý, tình trạng tranh chấp ruộng đất phát triển buộc nhà nước phải nhiều lần can thiệp. Đến thời Trần, tình hình tư hữu ruộng đất càng phát triển cao hơn. Nhà nước tạo điều kiện cho chế độ ruộng tư phát triển, từ việc ban hành những quy định về văn bản giấy tờ trong mua bán ruộng đất, đến việc ban hành chính sách cho phép bán ruộng công thành ruộng tư như quy định: người mua, người bán đều phải điểm chỉ. Văn bản mua bán được chép thành hai bản, mỗi bên giữ một bản. Quy định này đã rõ tính pháp luật của nó và do vậy, đã góp phần ổn định tình hình xã hội lộn xộn vào cuối thời nhà Lý. Việc bảo vệ tài sản, ruộng đất của dân nếu nhà nước có nhu cầu trưng dụng cũng được quy định rõ ràng. Trong công cuộc đắp đê Đinh Nhĩ, một tuyến đê có quy mô lớn ở thời Trần, có chỗ đắp vào ruộng của dân. Nhà nước ra

lệnh, phải đúc và theo thời giá mà trả bằng tiền. Chính sách ban hành năm 1254 mà nội dung của nó là cho phép bán ruộng công cho dân mua làm của tư, đã thúc đẩy thêm một bước chế độ ruộng tư phát triển.

Ruộng tư thời Trần bao gồm các loại:

1. Sở hữu điền trang của các vương hầu, quý tộc.
2. Ruộng tư của địa chủ và nhà giàu.
3. Ruộng của tiểu nông.
4. Ruộng của nhà chùa.

Sự phát triển của chế độ ruộng tư đã khiến cho tầng lớp vương hầu, quý tộc vốn đã được sử dụng và sở hữu nhiều ruộng đất càng có hứng thú trong việc lao vào mua bán, lấn chiếm ruộng đất công và trở thành những địa chủ quý tộc giàu có.

Vào nửa cuối thế kỷ XIV, sự tiến triển của ruộng tư và sự phát triển của nội ngoại thương, của kinh tế hàng hoá đã hình thành nên trong xã hội thời Trần tầng lớp địa chủ thường và địa chủ thương nhân. Hệ quả của vấn đề này là dẫn đến sự phân hoá xã hội. Những mâu thuẫn xã hội này sinh:

- Mâu thuẫn giữa tầng lớp quý tộc tôn thất với tầng lớp quan liêu.
- Mâu thuẫn giữa tầng lớp địa chủ quý tộc với địa chủ thường và địa chủ thương nhân.

- Mâu thuẫn giữa dân chúng với tầng lớp quan liêu.

Ruộng của nhà chùa chiếm số lượng đáng kể và số tăng ni phật tử trở nên quá đông. Hoa lợi trên bộ phận ruộng đất này chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của nhà chùa. Nhà nước đương nhiên thừa nhận sự tồn tại của nó. Những quý tộc, vương hầu tham gia bộ máy nhà nước còn cúng nhiều ruộng, điền nô cho chùa, khiến cho bộ phận ruộng đất cùng tăng ni ngày càng phình to ra. Vì vậy, đến năm 1396, triều đình xuống chiếu ra lệnh thải bớt các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở lên thì cho hoàn tục.

• Dù ruộng công hay ruộng tư thì người trực tiếp lao động vẫn là nông dân công xã, nông nô. Họ cày cấy và chịu trách nhiệm đóng góp một phần sản phẩm thu được cho nhà nước hoặc cho chủ sở hữu.,

Cùng với chính sách khuyến khích khai hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp, nhà Trần còn hết sức chú trọng đến việc đắp đê ngăn lũ lụt, khai đào thêm một số kênh và sông tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thuỷ và thuỷ lợi. Ngoài đê Đỉnh Nhĩ, tuyến đê có tầm cỡ quốc gia, thì kênh Trầm, Hào được đào từ phủ Thanh Hoá (nay thuộc huyện Tĩnh Gia) đến phía Nam Diễn Châu. Sông Tô Lịch được khơi sâu và đào vào các năm 1256, 1284. Các vua nhà Trần còn tự mình xem xét việc tu sửa đê điều như Trần Minh Tông đi kiểm tra việc sửa chữa đê vào năm 1315. Có thể nói, lần đầu tiên trong lịch sử, trong bộ máy

nà nước đã hình thành một hệ thống cơ quan chuyên trách về đê điêu và khẩn hoang như Hà đê sứ ở các lô (năm 1248) và đồn điền sứ ở ty Khuyến Nông vào năm 1344. Giáo sư Trần Quốc Vượng khi lý giải về tính dân tộc của Đại Việt đã khái quát tầm quan trọng của việc đắp đê thời Lý - Trần là "có một nền chính trị đê điêu"<sup>1</sup>.

Những cố gắng của triều Trần trên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nhất là thúc đẩy khẩn hoang phát triển đã góp phần ổn định tình hình xã hội, xây dựng và củng cố vương triều trong những thập kỷ đầu khi mới thiết lập. Cho nên "Lúc bấy giờ nhà nước vô sự, nhân dân yên vui"<sup>2</sup>.

### *Tình hình kinh tế tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp.*

Do nhu cầu xây dựng và phát triển của triều đại nói riêng, đất nước nói chung nên tiểu thủ công nghiệp thời Trần khá phát triển. Nhu cầu phục vụ cho quân sự, nhà nước đã có những quan xưởng sản xuất vũ khí, đóng chiến thuyền và sản xuất đồ gốm. Năm 1262 nhà nước ra lệnh "cho các đạo làm đồ binh khí và đóng chiến thuyền, tập trận thuỷ lục ở chín bãi phù sa sông Bạch Hạc"<sup>3</sup>. Theo tài liệu Khảo cổ học và gia phả họ Cao ở Nho Lâm (Diễn

1. Trần Quốc Vượng, *Văn minh Việt Nam thế kỷ X-XV*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 3 (198)-1981, tr.6.
2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.21.
3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.35.

Châu, Nghệ An) thì Nho Lâm từ xa xưa đã là làng chuyên rèn sắt và đã cung cấp nhiều thợ cho quan xưởng nhà nước. Ông tổ họ Cao đã từng là thợ rèn làm việc trong xưởng rèn vũ khí của nhà nước. Trong gia phả dòng họ Cao có ghi: "*Triều Trần vũ khố tượng cục Cao tướng công*"<sup>1</sup>. Đây là vùng thái ấp của Trần Quốc Khang, anh của Trần Cảnh.

#### *Nghề sản xuất đồ gốm*

Khảo cổ học đã tìm thấy nhiều hiện vật gốm thời Trần còn ghi rõ "Vĩnh Ninh trường" hay "Thiên Trường phủ chế" là những trung tâm sản xuất gốm nổi tiếng thời Trần. Gạch Vĩnh Ninh trường còn được đưa lên Thăng Long xây dựng nhà cửa, thành quách.

Trong khu vực có thái ấp như ở Túc Mặc, Cao臺, Quắc Hương...đã tìm thấy nhiều chồng bát tròn dính vào nhau và những mảnh gốm men xanh, những viên gạch nổi rõ chữ "Vĩnh Ninh trường". Ở những địa điểm này tập trung nhiều công trình kiến trúc có quy mô như cung Trùng Quang, cung Trùng Hoa, Túc Mặc, Đệ Nhất cung, Đệ Nhị cung, Đệ Tam cung ở Mỹ Trung, Mỹ Phúc và Lộc Hạ. Tháp Phổ Minh do vua Trần Anh Tông xây dựng, nguyên liệu Khảo cổ học tìm thấy là đá xanh và gạch, các cạnh ngoài chạm rồng, Có viên gạch còn ghi rõ niên hiệu

---

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.207.

*"Hưng Long thập tam niên"*<sup>1</sup>. Ở Túc Mặc (nay thuộc xã Lộc Ngoại, ngoại thành Nam Định hiện nay), các nhà khảo cổ học tìm thấy một giếng cổ thời Trần mà nguyên liệu xây toàn bằng *bao nung đồ sứ và lon sành*. Thành giếng được xếp bằng những bao nung đồ sứ úp sấp, mỗi lớp 14 chiếc quây thành một vòng tròn. Mặt trên cùng của giếng cách mặt đất hiện nay 0,60 m. Trước khi tìm ra giếng cổ, còn phát hiện được một viên gạch hoa vuông được trang trí hoa cúc ở một mặt. Ngoài ra, còn tìm thấy 2 mảnh ngói lưu ly mũi hài, tráng men xanh, ở độ sâu 0,40 m. Những hiện vật gạch, ngói này là những vật liệu trong khu kiến trúc cung điện nhà Trần ở Túc Mặc. Những chiếc bao nung xếp thành giếng là công cụ sản xuất ra những đồ sứ cao cấp, phục vụ cho quý tộc Trần. Giếng cổ cách chùa Phổ Minh 26 m. Vua Trần Nhân Tông đã có thời kỳ tu hành ở đây. Chiếc giếng khi đó chắc phải thuộc trong khu vực chùa. Giá trị của giếng cổ và những hiện vật tìm được ở đây đã nói lên được nghề sản xuất đồ gốm thời Trần đã đạt đến trình độ khá cao<sup>2</sup>.

Nghề thủ công đã phát triển thành những làng nghề: làng gốm, làng rèn, làng dệt, làng chạm khắc đá, làng chuyên làm nón như nón Ma Lôi (Ma Lôi là tên hương ở

- 
1. Nguyễn Khắc Hiếu, *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông tin - UBND tỉnh Hà Nam Ninh - 1985, tr.32.
  2. Đào Đinh Thủ, *Giếng thời Trần ở Túc Mặc (Nam Hà)*, Tạp chí Khảo cổ học, Số 5-6 tháng 6-1970, tr.89.

Hồng Lộ, nay thuộc Hải Dương). Làng gốm Bát Tràng do dân Bồ Bát (Tam Diệp, Ninh Bình) di cư ra lập nghiệp. Lúc đầu gọi là Bạch Thổ, sau đổi là Bát Tràng. Sản phẩm Bát Tràng phần lớn là đồ sành men trắng, men nâu và những đồ đan, gạch ngói. Sản phẩm Bát Tràng lúc bấy giờ nổi riêng và đồ sứ thời Trần nói chung được chọn làm đồ cống cho Trung Quốc và buôn bán với nước ngoài.

Làng gốm Thổ Hà và Phù Lãng (Bắc Ninh) thường sản xuất các đồ dụng như chum, vại. Hiện nay, những mặt hàng sản xuất khi xưa đã không còn thị trường tiêu thụ. Làng gốm Thổ Hà<sup>1</sup> phải chuyển thể mặt hàng sang sản xuất gạch ngói.

Nghề rèn: Đã hình thành một số làng rèn như làng Nho Lâm, ngoài ra còn có làng Hoa Chàng (nay là Trung Lương, Hà Tĩnh) cũng ở phủ Diễn Châu, làm nghề luyện sắt. Làng này, trong quá trình phát triển đã tìm đến địa bàn mới ở phía Bắc và đã lập ra làng Hoa Chàng mới (nay là làng Vân Chàng, Nam Ninh, Nam Định). Theo tài liệu địa phương<sup>2</sup> cho biết: vào đời Trần Dụ Tông, niên hiệu Thiệu Phong (1341-1357) sáu vị tổ sư nghề rèn sắt từ châu Hoan (Hà Tĩnh ngày nay) đã tới Vân Chàng. Lúc đầu,

1. Làng gốm Thổ Hà ngày nay, xưa ở bên kia sông Ngũ Huyện. Vừa qua Khảo cổ học đã phát hiện được nhiều lò nung gốm sứ có niên đại thế kỷ X-XIV.
2. Nguyễn Khắc Hiếu, *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông tin - UBND tỉnh Hà Nam Ninh - 1985, tr.30-32.

không phải họ đã lập nghiệp ngay bằng nghề rèn mà họ bỏ của ra dựng nhà và chiêu tập dân định khai phá đất hoang, đào mương máng. Quá trình lao động của họ đã biến vùng đầm lầy, lau sậy thành đồng ruộng, làng xóm phát triển. Trên cơ sở đó, họ dạy cho dân nghề rèn sắt.

Nghề rèn còn được tồn tại trong các thái ấp - điền trang để phục vụ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp, xây dựng phủ đệ và nhà cửa cho nhân dân như rèn dao, rựa, cày, cuốc, đục, chàng, cưa.

Trung tâm rèn sắt lớn thời Trần là làng Cao Dương (Thuy Hưng, Thái Bình). Năm 1986, Sở Văn hoá- Thông tin Thái Bình đã đào thám sát di chỉ làng rèn sắt lớn thời Trần ở Cao Dương, liên quan đến nhân vật Dã Tượng, người được Trần Hưng Đạo giao trách nhiệm tổ chức và phụ trách các lò rèn sắt ở Cao Dương, để sản xuất vũ khí, phục vụ cho cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Hiện nay, phế tích này còn tồn lại hàng đống rỉ sắt đóng quanh lại xếp thành từng lớp dày mỏng khác nhau. Hầu hết nhân dân ở vùng này đều biết nghề rèn. Dân làng Cao Dương còn di dân đến làng An Tiên (xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy) và truyền nghề tại đó. Hiện nay, hàng năm dân làng An Tiên vẫn đến Cao Dương để tế lễ tổ sư thời Trần đã dạy cho họ nghề rèn, đúc sắt<sup>1</sup>.

1. Trương Hoàng Châu, Đào thám sắt di chỉ làng rèn sắt thời Trần ở Thụy Hưng (Thái Bình), Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1987, tr.140.

Nghề dệt, xuất hiện và phát triển ở nước ta từ lâu đời. Trong nhiều di chỉ Khảo cổ học đã tìm thấy dọi xe chỉ. Thời Tiền Lê, vào năm 985 Lê Hoàn đã sử dụng tới 1 vạn tấm lụa làm đồ cống cho vua Tống. Nghề dệt thời Trần phát triển và tồn tại ở nhiều nơi, từ cung đình đến các địa phương. Có thể nói, phần lớn đồ dệt của nhà vua là tơ tằm. Trong các thái ấp - điền trang có những điều kiện để nghề dệt tồn tại và phát triển như đất ven sông thích hợp để trồng dâu nuôi tằm. Hơn nữa, nghề dệt còn đáp ứng nhu cầu cung cấp cái mặc cho gia đình vương hầu quý tộc- chủ thái ấp - điền trang và cho lực lượng lao động trong đó. Tiếng chày đập vải đã từng đi vào thơ Trần Nhân Tông trong bài "Nguyệt":

Bán song đăng ảnh mãn sàng thư  
Lộ trích thu đình dạ khí hư  
Thụy khởi châm thanh vô mịch xú  
Mộc tê hoa thương nguyệt lai sơ

Dịch nghĩa:

Bóng đèn soi nửa cửa sổ, sách đầy giường,  
Móc roi trên sân thu, hơi đêm thoảng mát.  
Tỉnh giấc không biết tiếng chày nện vải ở nơi nào  
Trên chùm hoa quế trắng vừa mọc<sup>1</sup>.

1. *Thơ văn Lý - Trần*, Quyển Thượng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1989, tr.465.

Ở châu Lý Nhân, làng trồng dâu chăn tằm điển hình là Dưỡng Mông (tên nôm là làng Móng, nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam). Nghề dệt lụa, nổi tiếng là làng Nha Xá (thuộc huyện Duy Tiên) xuất hiện từ thời Trần và rất nổi tiếng về sau: "*Lụa Nha Xá, cá sông Lảnh*" (hiện nay đình làng Nha Xá thờ thành hoàng là Trần Khánh Dư). Ở Vũ Lâm, hành cung thời Trần, nghề thêu đan được ra đời từ thời Trần và càng ngày càng thịnh hành.

Nghề chạm khắc đá, nghề này đã đạt đến trình độ cao ở thời Đinh - Lê. Làng chạm khắc đá nổi tiếng là Hộ Dưỡng (ở Hoa Lư). Người thợ ở đây đã tham gia xây dựng cung điện ở Hoa Lư. Thời Lý - Trần, làng chạm khắc đá nổi tiếng là làng Nhồi (Đông Sơn, Thanh Hoá). Thời Trần, sản phẩm chạm khắc đá khá phổ biến. Bệ đá hoa sen thời Trần và bia đá được tìm thấy ở nhiều nơi<sup>1</sup>.

Ngoài ra, những tư liệu mà sử cũ ghi chép về những đồ cứng cho nhà Nguyên, trong đó có nhiều đồ vàng bạc đã nói lên được *nghề khai khoáng luyện kim* ở thời Trần đã được nhà nước chú trọng. Thư tịch cổ cho biết các địa phương ở miền núi phía Tây và Tây Bắc (thời Trần là lộ/châu Quy Hoá) châu Thái Nguyên và các châu Lạng (Lạng Sơn), Tuyên Hoá, Quảng Oai (chân núi Ba Vì) có các mỏ vàng, bạc, đồng, chì, thiếc, diêm tiêu. Phương thức khai thác mỏ chủ yếu bằng thủ công và do dân địa phương

---

1. Trần Lâm, *Phát hiện thêm bia và bệ đá ở thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 158-1974, tr.77-78.

khai thác. Sản phẩm làm ra một phần nộp cho nhà nước dưới hình thức "cống nạp" ngoài ra đem trao đổi, buôn bán.

### *3 Thương nghiệp*

Nhà nước Trần vào đầu và giữa thế kỷ XIV có ý thức khuyến khích công thương nghiệp phát triển, mở rộng giao lưu buôn bán với nước ngoài. Các thuyền buôn không bị nhà nước đánh thuế đã thể hiện phần nào tư tưởng tiến bộ đó của nhà Trần. Sang thời Hồ, năm 1400, Hồ Hán Thương đã "đánh thuế thuyền buôn, định ba bậc thuong, trung, hạ. Bậc thuong mỗi chiếc thuyền 5 quan, bậc trung 4 quan, bậc hạ 3 quan"<sup>1</sup>. Nhà Hồ hạn chế phát triển thương nghiệp một phần vì lý do nguy cơ xâm lược của nhà Minh, ngăn chặn khả năng mượn đường buôn bán để đẩy nhanh âm mưu xâm lược nước ta. Phần khác còn thể hiện ý đồ của nhà Hồ hạn chế công thương nghiệp phát triển. Việc phát hành tiền giấy để lấy tiền đồng đúc vũ khí, được coi là một cải cách tiền tệ, nhưng thời điểm đó về khách quan mà nói đã giảm thiểu khả năng trao đổi buôn bán, tạo độ dừng cho kinh doanh, bởi "Bấy giờ người buôn bán phần nhiều không thích tiêu tiền giấy" nên họ "bán giá cao, đóng cửa hàng"<sup>2</sup>.

Thời Trần, phương tiện giao thông sông, biển và trên bộ phục vụ đắc lực cho nhu cầu quân sự, đi lại và thương

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.230.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.235.

nghiệp. Nhiều cảng sông, cảng biển là nơi tụ tập nhiều thuyền bè buôn bán ở trong nước và nước ngoài. Thăng Long, trung tâm chính trị đồng thời là trung tâm thương mại lớn nhất nước. Thăng Long với 61 phường tập trung các mặt hàng từ các làng quê của đất nước. Vì vậy, bến và chợ bến ở Thăng Long cũng nhiều: Bến An Hoa, Đông Bộ Đầu, Giang Khẩu, Cơ Xá, bến Thái Cực, bến Thái Tổ, còn trên sông san sát thuyền bè.

Ở các địa phương, nơi có thái ấp - điền trang của các vương hầu, quý tộc Trần thì nơi nào cũng có chợ và bến sông là nơi trao đổi, buôn bán hàng hoá và đi lại trong từng địa phương và giữa các địa phương với nhau. Trần Phu trong *An Nam túc sự* chép: "Chợ ở thôn xóm hai tháng họp một lần, trăm thứ hàng hoá tụ tập lại ở đấy. Cứ năm dặm thì dựng một cái nhà, bốn mặt đều đặt chong, để làm nơi họp chợ"<sup>1</sup>.

Tiền còn được dùng cho việc nộp thuế cho nhà nước. Năm 1226, nhà Trần đã định quy chế về tiền tệ. Tiền lưu hành trong nhân dân (tức là tiền "Tỉnh mạch") thì mỗi tiền có 69 đồng, tiền nộp cho nhà nước (tức là tiền "Thượng cung") thì mỗi tiền ăn 70 đồng. Tuy nhiên, sử cũ chép rất ít việc đúc tiền thời Trần. Cuối năm 1323, đúc tiền kẽm nhưng đến cuối năm 1324 nhà nước đã ra lệnh cấm dùng

1. Trần Quốc Vương - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, In lần thứ 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1963, tr.290.

tiền kẽm. Mấy chục năm sau, vào năm 1360, mới thấy chép đúc tiền "Đại Trị thông bảo" (Đại Trị là niên hiệu của vua Trần Dụ Tông (1358-1368)). Thực tế hiện nay đã tìm được một số tiền thời Trần như Nguyên Phong thông bảo (đời Trần Thái Tông), Thiệu Phong thông bảo, Thiệu Phong bình bảo, Đại Trị nguyên bảo, Đại Trị thông bảo (đời Trần Dụ Tông).

Đơn vị đo chiều dài, đo diện tích được nhà nước quy định thống nhất. Chúng ta biết rằng vào năm 1379 vì sợ nạn người Chiêm cướp phá, triều đình Trần đã sai quân dân tải tiền đồng giấu vào núi Thiên Kiệm (nay là Sở Kiệm, thị xã Phủ Lý, Hà Nam). Chúng tỏ, thời Trần, tiền đồng được sử dụng nhiều. Tiền được dùng để trao đổi hàng hóa và mua bán ruộng đất. Nhân đình có ruộng nộp thuế bằng tiền. Bãi đậu, ruộng muối cũng thu bằng tiền. Người có tội có thể chuộc tội bằng tiền. Tiền tệ đã có tác dụng thúc đẩy việc buôn bán phát triển.

Theo ý kiến của PGS-TS. Đỗ Văn Ninh, chuyên gia tiền cổ Việt Nam, với sự tồn tại thái ấp - điền trang và nền kinh tế tự cấp, tự túc lại là một yếu tố làm hạn chế đến sự phát triển của thương nghiệp Việt Nam. Mặc dù, sản phẩm của thái ấp - điền trang có tham gia vào thị trường hàng hoá. Thị trường hàng hoá ngược trở lại lại kích thích nhu cầu mua bán của các quý tộc vương hầu, nhưng không phải là không có hạn chế. Vì thế, đồng tiền thời Trần không đẹp bằng đồng tiền thời Lý.

Có điều khá lý thú là các quý tộc Trần buôn bán giỏi. Có ý kiến cho rằng, những người làm nghề chài lưới thường giỏi cả nghề đánh cá lẫn nghề buôn. Sự kiện bán nón Ma Lôi, rồi đổi lấy lụa của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư thể hiện nghệ thuật buôn tài tình. Lúc đầu là tập trung nón ở cảng (thực ra là đã sai người nhà vận chuyển đến từ trước). Sau rồi lấy lý do để phân biệt với người phương Bắc thì phải đội nón Ma Lôi. Rồi lại sai người ngầm báo cho dân biết chỗ có nón để bán. Thế là dân trang Vân Đồn lũ lượt kéo đến mua. Lúc đầu bán 1 nón giá 1 quan tiền, sau tăng giá 1 nón bằng 1 tấm lụa. Trần Khánh Dư đã thu được hàng nghìn tấm lụa, còn hàng thì bán hết nhẵn. Vua Trần Dụ Tông hẳn là người không thiếu gì của cải nhưng vẫn sai tư nô trồng hành tỏi ở bờ Bắc sông Tô Lịch và làm quạt để bán.

Cảng biển mà từ thời Lý thuyền buôn đến đậu ở cửa biển Tha, Viên (có lẽ là cửa Thới và cửa Quèn) ở châu Diễn. Đến thời Trần các cửa biển này nông cạn, cửa biển chuyển đổi, thuyền buôn phần đông đỗ ở Vân Đồn. Cho nên, cảng Vân Đồn được nhà Trần đặc biệt coi trọng bảo vệ. Triều đình đã đặt các chức quan và quân lính để kiểm soát vùng Vân Đồn: "Tháng 11 (năm 1349), đặt quan trấn, quan lộ và Sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để đóng giữ"<sup>1</sup>. Người Vân Đồn phần lớn làm nghề buôn. Tình hình buôn bán của Đại Việt với nước ngoài khá

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.152.

nhộn nhịp. Người các nước Trung Quốc, Chà Bồ (Chà Và), Lộ Hạc (nước La Hộc, phần phía Bắc của nước Thái Lan ngày nay), Trà Oa (tức là Trảo Oa- đảo Java của nước Indônêxia ngày nay) đã đến hải trang Vân Đồn buôn bán và tiến các vật lạ.

Thương nghiệp thời Trần trên những nét đại thể, hoạt động thương nghiệp chủ yếu dựa trên cơ sở của nền kinh tế tiểu nông là chính. Tham gia hoạt động thương nghiệp là những người thuộc nhiều tầng lớp. Có người thuộc tầng lớp quý tộc, có người giàu và người sản xuất nhỏ. Thương nhân thời Trần tuy chưa hình thành đội ngũ chuyên nghiệp nhưng hoạt động thương nghiệp đã có sự kết hợp buôn bán với các yếu tố thế và lực. Tầng lớp quý tộc vừa có uy thế chính trị vừa có tiền của tham gia buôn bán nhưng không coi buôn bán làm nghề chính, kiểu như Trần Khánh Dư hay vua Trần Dụ Tông.

Thị trường trong nước được mở rộng hơn nhờ sự phát triển của giao thông. Nhà nước sửa đắp đường giao thông bộ và dựng trạm cho khách nghỉ ngơi. Giao thông đường sông, biển không chỉ đóng vai trò quan trọng trong quân sự mà còn là phương tiện giao thông chính cho các hoạt động thương nghiệp. Các con sông đã nối liền miền ngược và miền xuôi, giữa vùng châu thổ sông Hồng với lưu vực sông Mã, sông Lam... Vì thế, nhà nước Trần luôn luôn quan tâm đến việc đào mói và nạo vét các sông, ngòi cũ.

\*

Nghiên cứu chế độ thái ấp - điền trang thời Trần có thể khai thác ở nhiều khía cạnh về quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ở từng vấn đề này ta đã thấy nét đặc đáo của thái ấp - điền trang, nhưng khi đặt thái ấp - điền trang trong mối liên hệ với môi trường tự nhiên mới thấy hết độ đặc sắc của nó. Nhất là thấy rõ hơn vai trò của dòng sông, của các ngã ba sông trong sự tác động đối với thái ấp, để thái ấp hình thành đậm ở chỗ này mà không phải ở chỗ kia, đậm dấu ấn ở những vùng ven sông, ngã ba sông mà lại không phải ở miền núi hay biên viễn.

Nếu điều kiện tự nhiên - môi trường có tác động, ảnh hưởng tới sự phân bố, phạm vi của thái ấp - điền trang thì điều kiện xã hội - bối cảnh lịch sử là nhân tố quyết định tới quá trình hình thành, phát triển và tan rã của thái ấp - điền trang.

Vương triều Trần luôn luôn có ý thức sử dụng quý tộc tôn thất tham gia vào bộ máy nhà nước. Quý tộc tôn thất là trụ cột của triều đình, một trong các chính sách thể hiện điều đó là sự phân phong thái ấp cho các vương hầu, quý tộc. Bằng chính sách này các quý tộc tôn thất (hoặc những

người được ban quốc tính như Trần Khát Chân chẳng hạn) đã được cử đi trấn trị ở những địa bàn, vị trí trọng yếu của đất nước để thực hiện sứ mạng của triều đình là vừa bảo vệ vừa quản lý từng vùng đất quan trọng, nhất là trong điều kiện đất nước có chiến tranh.

Tìm hiểu những vấn đề: các cấp hành chính thời Trần, tổ chức quân đội, dân số thời Trần... không chỉ cho chúng ta thấy được một cách đầy đủ những vấn đề trong tổ chức nhà nước Trần mà còn tìm thấy ở đó yếu tố gián tiếp để tìm hiểu quy mô của thái ấp.

## CHƯƠNG II

### DIỆN MẠO THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN

#### 1. THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN

Trong lịch sử, các triều đại quân chủ Việt Nam thường có chính sách bỗng lộc bằng hình thức ban cấp đất đai và những hộ nông dân sống trên ruộng đất đó. Loại đất đó, được gọi là trang ấp, thực ấp, thang mộc ấp, thác đào điền và thái ấp. Sự ghi chép của sử cũ về những vấn đề này không ít, nhưng chưa nêu thật đủ về khái niệm và đối tượng được phong của mỗi thời đại. Về điền trang, sử cũ cung cấp cho chúng ta rất ít thông tin. Triều Trần, cho phép lập điền trang bằng "chiếu" của nhà vua ban hành năm 1266 và được sử cũ ghi chép hǎn hoi, nhưng sự ghi chép trong sử cũ về vấn đề này rất vắn tắt, khiến cho quá trình tìm hiểu xuất xứ của khái niệm này đối với chúng tôi có khó khăn. Tuy nhiên, vấn đề thái ấp - điền trang về khách quan, là thuật ngữ nguyên Hán. Vì vậy, trước khi

trình bày vấn đề thái áp - điền trang thời Trần, chúng tôi muốn tìm hiểu khái niệm thái áp - điền trang trong các Hán ngữ từ điển.

### **Khái niệm về thái áp**

*Thái áp*, theo "Từ Hải" còn gọi là "*thái địa*", "*thực áp*" là "*thực áp*" mà các bậc khanh đại phu được phong. Sách *Hán thư*, phần *Hình pháp chí* chép: "*Đấy chỉ là mức độ to lớn của thái địa, của bậc khanh đại phu*" (Thứ khanh đại phu thái địa chỉ đại giả dã).

Chữ "*thái*" được chú thích như sau: *Chữ "thái" nghĩa là quan, vì quan (được chia) thực địa, cho nên viết là "thái địa".*

Theo sách *Công Dương truyện*, năm thứ 15 đời vua Tương Công, chú thích rằng: "*Cái gọi là thái, chỉ không được có ruộng đất, nhân dân, chỉ được thu tô thuế mà thôi*" (Từ Hải. Tập Dậu. Tr. 1356).

"Theo *Từ Nguyên*: "*Thái địa*", *đất được phong của khanh đại phu. Cũng gọi là "thái áp" hay "thực áp"*".

Sách *Hán thư* phần *Hình pháp chí* có chép: "*Trong trăm làng, tổng cộng có một vạn tịnh, trừ: núi, sông, chàm, ruộng muối, thành, hào, thôn ấp ở, vườn tược đường sá khoảng 3600 tịnh ra, định lệ phú thuế 6400 tịnh, 400 con ngựa chiến, 100*

cỗ xe chiến binh; đây là mức độ to lớn của thái địa, của các khanh đại phu; gọi là những nhà có trăm cỗ xe"<sup>1</sup>.

Thực áp, theo Từ Hải: Giống như "thái địa", được ăn (thực) tô thuế của ấp được phong. Cho nên gọi là thực ấp.

Sách Kinh thư phần Lỗ tụng bí cung tiên chép: "Nước Tề có Mạnh Thường quân thực ấp ở đất Tiết".

Sách Hán thư phần Tiêu Hà truyện chép: "Năm thứ năm đời nhà Hán (năm 199 trước Công nguyên), Hán vương bàn định phong cho các công thần, Vua cho rằng Tiêu Hà công to nhất, phong tước hầu, thực ấp 8 nghìn hộ" (Từ Hải. Bộ Tuất. Tr.489).

Thực áp, theo Từ Nguyên: Đất được phong của bậc khanh Đại phu, tức thái ấp, thu phú thuế mà ăn, nên gọi là thực ấp.

Sách Hán thư phần "Cao đế kỷ hạ" chép: "Bấy tôi có công được phong cao thì tước vương, sau đến lượt hầu, sau rồi được thực ấp" (Từ Nguyên. Bộ Tuất. Tr. 3422).

Thang mộc ấp, theo Từ nguyên: Là ấp phong do nhà vua ban cho chư hầu, thu hoạch trong ấp cung cấp cho chư hầu chi dùng để trai giới tắm gội (Mộc: tắm dùng nước nóng, Dục: Gội dùng nước suối trong). Cũng còn gọi là Triều túc ấp, ý nghĩa là nơi ăn, ngủ để chuẩn bị triều

1. "Thái" nghĩa là quan. Vì quan (được chia) thực địa cho nên gọi là "Thái địa" (Từ Nguyên. Tập Dậu. Tr. 3144).

kiến (Yết kiến vua).

Sách *Lễ ký*, phần *Vương chế* chép: Các quan ở địa phương khi triều kiến, đều có ấp thang mộc ở trong kinh kỳ, được coi như các quan trong triều đình. Theo chế độ đời Hán: vua, chư hầu, hoàng hậu, công chúa, v.v. đều có ấp thang mộc, thu nạp thuế phú để cung phụng cá nhân.

Sách *Tư Mã Thiên sử ký*, chương Hán Cao Tổ bản kỷ, năm thứ 12 đời Hán Cao Tổ (Năm 207 trước Công nguyên) chép: "Trẫm xuất thân là Bá Công, nhờ trừ bạo nghịch mà giành được thiên hạ. Nay lấy đất Bá làm ấp thang mộc của Trẫm".

Trong *Chương Bình chuẩn thư* chép: "Tù Thiên tử cho đến các quan được phong thang mộc ấp, đều được làm của riêng cung phụng cho mình" (Tù Nguyên. Bộ Tỵ. Tr.1848)<sup>1</sup>.

Như vậy, theo *Tù Hải* và *Tù Nguyên* thì thái ấp cũng như thực ấp, thang mộc ấp là hình thức đất phong mà người được phong, được hưởng tô thuế, nhân dân sống trong phạm vi đất phong đó.

*Hán - Việt từ điển* của Đào Duy Anh, định nghĩa về thái ấp như sau: "Phần đất của mỗi nhà quý tộc được vua cấp riêng cho"<sup>2</sup>.

1. Phần dịch các khái niệm về thái ấp, thực ấp..., trang viên, trang điền do Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm, Viện Sử học dịch và cung cấp cho chúng tôi.
2. Đào Duy Anh, *Từ điển Hán - Việt*, Quyển Hạ, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh - 1996, tr.360.

Ở nước ta, trước thời Trần các hình thức ban cấp bỗng lộc theo kiểu đất phong xuất hiện từ thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý. Tên gọi của nó khá phong phú, chúng tôi xin dẫn vài ví dụ. Thời Ngô, Phạm Bạch Hổ được Ngô Quyền cho lập *trang áp* ở Đằng Châu. Năm 950, Ngô Xương Văn không nỡ giết người cậu của mình là Dương Tam Kha mà giáng làm Trương Dương công và cấp cho đất Trương Dương làm *thực áp*<sup>1</sup>. Thời Đinh, "Đinh Tiên Hoàng ban cho Trần Lãm *thực áp* ở Sơn Nam. Sang thời tiền Lê các con trai của Lê Hoàn được cử đi trấn trị ở các vùng hiểm yếu và được *thực áp* luôn ở đấy. Chẳng hạn như Lê Long Đĩnh *thực áp* ở Đằng Châu (Kim Động- Hải Hưng (nay là tỉnh Hưng Yên)... Lê Long Kính *thực áp* ở Tiên Xá- Phù Tiên- Hải Hưng (nay là tỉnh Hưng Yên). Sau khi lên ngôi vua, Lê Long Đĩnh lại lấy đất Đằng Châu ban cho Lý Công Uẩn làm *thực áp*<sup>2</sup>.

Thời Lý, qua sự ghi chép của thư tịch cổ, hình thức ban cấp bỗng lộc theo hình thức *thực áp*, *thực phong* và *thác đao điền*<sup>3</sup>. Thác đao điền gắn với sự kiện ném dao

- 
1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1972, tr.149.
  2. Trương Hữu Quýnh: *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI - XVIII*, tập I: *Thế kỷ XI-XV*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1982, tr.95.
  3. Theo PGS-TS. Nguyễn Quang Ngọc trong bài: *Bàn thêm về loại ruộng thường công cho Lê Phụng Hiểu*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6-1999 thì "thác đao điền" phải gọi là "chước đao điền" (ruộng cắm dao).

của Lê Phụng Hiểu. Sau đó, loại ruộng thường công được gọi theo "tích" ấy là "ruộng thác đào" trở thành tên gọi phổ biến (ít nhất là vùng châu Ái (Thanh Hoá ngày nay). Thực ấp, thực phong là hình thức ban cấp bỗng lộc theo hộ. Lưu Khánh Đàm, làm quan thái úy triều Lý. Theo văn bia "*Hoàng Việt Thái phó Lưu quân mô chí*" thì ông được "thực ấp 6000 hộ, thực phong 3000 hộ". Như vậy, căn cứ vào những tư liệu sử cũ ghi chép, ta thấy nội dung đại lược của các hình thức ban cấp bỗng lộc trên là phong thường cho những người trong hoàng thân (tiền Lê), những người có công (thời Ngô, Đinh, Lý) bằng làng ấp, hộ nông dân. Những vùng đất mà chủ được hưởng bỗng lộc, không phải nộp tô thuế cho nhà nước của các triều đại quân chủ trước Trần, thường được gọi là "trang ấp", "thực ấp", "thác đào điền".

Thời Trần, sự kiện liên quan đến "đất bỗng lộc" được sủ chép vào năm 1226 ngay sau khi nhà Trần được thành lập: "*Mùa Thu, tháng 8, ngày mồng mười Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tôn ở chùa Chân Giáo... giáng Huệ hậu* (vợ của Lý Huệ Tôn làm Thiên Cực công chúa gả cho Trần Thủ Độ, lấy châu Lạng làm ấp thang mộc<sup>1</sup>". Ấp thang mộc được Toàn thư chú thích giống như nội dung khái niệm thang mộc ấp trong các Hán ngữ từ điển. Thái ấp, sau đó, được Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn nêu lên trong *Hịch tướng sĩ* (Dụ chư tì

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.7.

tướng hịch văn) vào thời điểm trước khi quân dân Đại Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285): "... *Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng thuộc về tay kẻ khác*" và "*chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền mà bổng lộc các ngươi cũng suốt đời tận hưởng*"<sup>1</sup>.

Đối chiếu nội dung khái niệm thái ấp, thực ấp, thang mộc ấp từ các *Hán ngữ từ điển* và *Hán-Việt từ điển* với thực tế thái ấp thời Trần, chúng tôi cho rằng về cơ bản chúng giống nhau ở chỗ, thái ấp cũng như thang mộc ấp, thực ấp, trang ấp, thác đao điền đều là đất phong để hưởng bổng lộc, không phải nộp tô thuế cho nhà nước. Điểm khác biệt là đối tượng hưởng đất phong ở mỗi triều đại. Trước Trần, những người hưởng thực ấp, thái ấp thuộc các đối tượng khác nhau, cả tôn thất và quan lại cao cấp có công với triều đình. Thời Trần, chủ yếu là hàng tôn thất, chỗ dựa chính yếu của vương triều. Hàng tôn thất này, theo sự ghi chép trong *Toàn thư* là những người được phong tước vương và hầu: "*Chế độ nhà Trần các vương hầu đều ở phủ đệ ở hương của mình...*"<sup>2</sup>. Chúng tôi đặc biệt chú ý đến các chữ "các vương hầu". Cứ theo như thế thì những người được phong tước vương, hầu mới có phủ đệ riêng ở những vùng đất khác

1. *Thơ văn Lý - Trần*, Sđd, tr. 391-392.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.34.

nhaú, gọi là thái ấp. Thế nhưng, trên thực tế, tư liệu minh chuông đã bổ sung cho chính sử. Theo "Bài minh trên chuông Thông Thánh quán" thì thái ấp còn được phong cho các trưởng công chúa. Vùng hương Bạch Hạc thời Trần (có thể tương đương với huyện Bạch Hạc thời sau, nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) là vùng đất thuộc quyền của trưởng công chúa Thiên Thuy. Sau khi Thiên Thuy chết, đất đai hương dân lại thuộc quyền cai quản của trưởng công chúa Thiên Chân<sup>1</sup>. Nội dung bài minh chuông còn cho chúng ta biết, thái ấp do các trưởng công chúa cai quản rõ ràng đã không được lưu truyền cho con cháu. Ngoài ra, thái ấp còn được ban cho người có công đánh giặc, được phong tước vương, hầu) và được ban quốc tính, như trường hợp Trần Khát Chân với thái ấp Kẻ Mơ.

Như vậy, thái ấp thời Trần được ban cho các vương hầu, quý tộc tôn thất, những người được ban quốc tính, những người thân cận trong hoàng tộc. Tất cả đất đai để ban cấp làm thái ấp đều thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Nhà nước có thể ra lệnh tịch thu thái ấp của người này để sung công nếu người đó mắc tội, như trường hợp của Trần Khánh Dư hoặc có thể tước của người này ban cho người khác.

---

1. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề về lịch sử đời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 88-1966, tr.25-32.

## **Khái niệm về diền trang**

Điền trang, trang viên, trang điền là hình thức ruộng đất như thế nào, Từ Hải, Từ Nguyên và Hiện đại Hán ngũ từ điển cho biết nội dung những khái niệm như sau:

*Điền trang*, theo Từ Hải: "Là trang viên, được thành lập trên diện tích đất chiếm hữu của hoàng thất, quý tộc, quan liêu và địa chủ. Trang viên thuộc hoàng thất gọi là hoàng trang, hữu uyển, cung trang và vương trang; thuộc chính phủ gọi là quan trang, hữu công điền trang và đồn điền trang; thuộc quý tộc, quan liêu, địa chủ gọi là tư trang, hữu nghĩa trang, biệt thự và biệt trang" (Từ Hải. Thượng Hải từ thư xuất bản xã. 1989. Tr. 1884).

*Trang viên*, theo Từ Hải: "Là tổ chức kinh doanh điền sản của chúa phong kiến. Trang viên rất thịnh hành ở châu Âu thời Trung thế kỷ, được thành lập trên cơ sở của chế độ sở hữu ruộng đất lớn. Lịch sử các nước đều tồn tại hình thức trang viên này. Về tên gọi và quá trình phát triển và đặc điểm của nó ở mỗi nước khác nhau nhưng căn bản là nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, ruộng đất thuộc quyền của chúa phong kiến" (Từ Hải. Tr.995)<sup>1</sup>.

Theo Hiện đại Hán ngũ từ điển thì *trang viên* là "vùng đất rộng lớn bao gồm một hoặc vài làng do chủ

---

1. Phần dịch các khái niệm "Điền trang, trang viên", do Đào Duy Đạt, Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc dịch và cung cấp cho chúng tôi.

phong kiến chiếm hữu, đơn vị kinh tế cơ bản là tự cấp, tự túc. Điểm hình nhất là trang viên của lãnh chúa phong kiến châu Âu vào thời kỳ đầu thời Trung thế kỷ. Các tôn thất, quý tộc, đại địa chủ đền chùa thời phong kiến Trung Quốc chiếm hữu và kinh doanh những đại điền trang cũng được gọi là *trang viên*" (Tr. 1522).

*Trang điền*, theo Từ Nguyên: "Những ruộng đất của tôn thất, quan liêu, địa chủ v.v... thuê nông dân cày cấy thu tô. Sách *Cựu Đường thư* phần Kỷ Tuyên Tông, năm thứ ba niên hiệu Đại Trung (năm 850 sau Công nguyên) chép: *Quan kinh ở phủ có những hộ trang điền, huyện Nguêng Châu được phép miễn sai dịch*" (Bộ Thân. Tr.2659).

Xét các khái niệm *điền trang*, *trang viên*, *trang điền* trong các Hán ngữ từ điển trên ta thấy nội dung cơ bản của loại hình ruộng đất này là do các tôn thất, quý tộc, địa chủ phong kiến *chiếm hữu*, *kinh doanh*. Nó hoàn toàn không phải là loại ruộng đất do *khẩn hoang* mà thành.

Đối với điền trang triều Trần, nội dung của nó được thể hiện trong Chiếu ban hành năm 1266: "Cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập những người xiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng hoang lập làm điền trang. Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đây"<sup>1</sup>. Nội dung của Chiếu này ít nhất cũng cho chúng ta biết điền

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.38.

trang thời Trần là do khẩn hoang và giành cho các đối tượng: vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần. Vào cuối thời Trần, khi thế lực quan liêu trên đà phát triển thì đối tượng lập điền trang mới mở rộng tới tầng lớp quan liêu như trưởng hợp Hoàng Hối Khanh, nhưng loại điền trang này không nhiều mà chủ yếu vẫn là điền trang của quý tộc tôn thất Trần. Điều đó, làm cho nội dung điền trang thời Trần giống và khác với điền trang Trung Quốc ở các điểm sau:

Điền trang Trần	Điền trang Trung Quốc
- Sở hữu tư nhân	- Sở hữu tư nhân
- Do khẩn hoang	- Do thừa kế, mua bán...

Điền trang Trung Quốc, xét trong khái niệm của "Tù Hải" gồm các loại sau:

- Trang viên thuộc hoàng thất
- Trang viên thuộc chính phủ
- Trang viên thuộc quý tộc, quan liêu, địa chủ.

Về điền trang thời Trần thì chủ yếu có loại:

- Điền trang của quý tộc tôn thất

Như vậy, những khái niệm về thái ấp, điền trang trong các Hán ngữ từ điển Trung Quốc, dựa vào đó, ta có thể thấy, nội dung của khái niệm thái ấp của Trung Quốc

giống với nội dung của thái ấp thời Trần ở chỗ đều là đất phong cấp cho các quý tộc tôn thất, họ được thu nạp phú thuế cung phụng cho mình. Nhưng khác nhau ở chỗ:

- Thái ấp thời Trần, nhà nước ban cấp cho quý tộc, vương hầu và họ chỉ được hưởng một đời. Nhà nước có thể tước của người này ban cho người khác.
- Thái ấp Trung Quốc phong cho chư hầu, con vua. Thái ấp của họ được quyền truyền lại cho con cháu. Giả hoặc nhà vua tước của người này ban cho người khác là lập tức xảy ra chiến tranh giữa các chư hầu.

Khái niệm về điền trang, trang điền, trang viên của Trung Quốc và điền trang thời Trần giống nhau ở chỗ cùng là sở hữu tư nhân, nhưng khác nhau ở chỗ, điền trang Trần do khai hoang mà thành và là đặc quyền, đặc lợi giành cho vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần, còn điền trang Trung Quốc có thể do thừa kế, mua bán và yếu tố *trang* tiêu biểu hơn yếu tố *diền*. Ở Trung Quốc, thời Đường được xem là thời cực thịnh chế độ trang điền. Ở nước ta điền trang phát triển mạnh thời Trần.

### Tình hình thái ấp - điền trang thời Trần

#### *Tình hình thái ấp.*

Sự phân phong thái ấp cho các vương hầu tôn thất Trần, sử cũ không cho chúng ta biết chính xác là vào thời

điểm nào và số lượng là bao nhiêu. Sử cũ chỉ cho chúng ta biết đôi điệu về đối tượng được phán phong thái ấp và một số địa điểm thái ấp của các vương hầu tôn thất. *Toàn thư* chép: "Chế độ nhà Trần các vương hầu đều ở phủ đệ ở hương của mình, khi chầu hầu mới đến kinh sư, xong việc lại về như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quắc Hương, Quốc Chẩn ở Chí Linh"<sup>1</sup>. Thời Trần, có bao nhiêu quý tộc được phong tước vương hầu, bao nhiêu quý tộc tôn thất được phong thái ấp. Điều này, thật khó có con số chính xác. Chúng tôi tìm trong *Toàn thư* và *Cương mục* và tập hợp được một danh sách các vương hầu tôn thất Trần như sau:

- 1. Thái sư Trần Thủ Độ
- 2. An Sinh vương Trần Liễu (trước là Phụng Kiền vương)
- 3. Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải
- 4. Tĩnh Quốc Đại vương Quốc Khang
- 5. Minh Hiến vương Uất (Em út của Thái Tôn)
- 6. Đại vương Trần Nhật Hạo
- 7. Trung Thành vương (không rõ tên)
- 8. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật
- 9. Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn
- 10. Hưng Vũ vương Nghiễn (con của Trần Quốc Tuấn)

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.34.

11. Hưng Nhượng vương Tảng (con của Trần Quốc Tuấn)
12. Hưng Trí vương Hiện (con của Trần Quốc Tuấn)
13. Chiêu Hoài hầu Hiện (Phụ Quốc Thái bảo)
14. Bảo Nghĩa Đại vương Bình Trọng (ông ngoại thực của vua Minh Tôn)
15. Huệ Võ vương Quốc Chẩn (Cương Mục chép là Quốc Trấn)
16. Nhân Huệ vương Khánh Dư
17. Hưng Ninh vương (không rõ tên)
18. An Ninh vương (cha của Hưng Ninh vương)
19. Huệ Chính vương (không rõ tên)
20. Uy Giản hầu (không rõ tên)
21. Uy Túc công Văn Bích
22. Văn Huệ vương Trần Quang Triều
23. Bảo Võ vương (không rõ tên)
24. Huệ Túc vương Đại Niên
25. Cung Tĩnh Đại vương Nguyên Trác
26. Thiệu Võ vương (con của Quốc Chẩn)
27. Chiêu Nghĩa hầu (không rõ tên)
28. Hưng Hiếu vương (không rõ tên)
29. Cung Định vương Phủ

30. Cung Túc vương Dục
31. Chính Túc vương Kham (có sách chép là Hưng Túc)
32. Bảo Uy vương Hiến (sau bị giáng làm Bảo Uy hầu)
33. Cung Mẫn vương Nguyên Hú
34. Cung Giản vương Nguyên Thanh
35. Cung Tín vương Thiên Trạch
36. Văn Túc vương Đạo Tái
37. Bảo Hưng vương (không rõ tên)
38. Trang Định Đại vương Ngạc
39. Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản
40. Thượng Vị Văn Hưng hầu (không rõ tên), lấy công  
chúa Thiều Dương, con Trần Thái Tông.
41. Uy Văn vương Toại, lấy công chúa Thụy Bảo, con Trần  
Thái Tông
42. Thiên Đại vương Đức Việp (tức Hoàng thứ tử Đức Việp)
43. Hoài Nhân vương Hiện (Kiện)
44. Thượng Vị Chương Hiến hầu Kiện, con thứ của Tĩnh  
Quốc Đại vương Quốc Khang
45. Thượng Vị Văn Chiêu hầu Trần Lộng
46. Phán thủ Thượng Vị Nhân Đức hầu Toản
47. Cương Đông Văn Hiến hầu (không rõ tên)

48. Thượng tướng Trần Khát Chân (Liệt hầu) 42, 52

49. Nhân Đạo vương (cha của Trung Thành vương)  
(không rõ thế thứ)

Danh sách trên đây chắc chắn còn thiếu nhiều, nhưng con số tính được tạm coi là 49. Giả thiết, nếu tất cả những người trên đều được phong thái ấp thì đã có đến gần 50 thái ấp. Thế nhưng, tư liệu mà sử cũ cung cấp cho chúng ta được bao nhiêu thái ấp?. Dựa vào *Toàn thư*, *Cương mục* và kết hợp với nguồn tư liệu địa phương, chúng ta biết được một số thái ấp sau:

- Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương), thái ấp của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.
- Quắc Hương (nay là làng Thành Thị, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam), thái ấp của Tá thánh Thái sư Trần Thủ Độ.
- Chí Linh, thái ấp của Huệ Võ vương Quốc Chẩn.
- Thanh Hoá, thái ấp của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật.
- Diễn Châu, thái ấp của Tĩnh Quốc Đại vương Quốc Khang.
- Gia Lâm (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội), thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triệu.

- Dương Xá (làng Dàng, xã Hoàng Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) là thái ấp của Tướng quốc Thái úy Trần Nhật Hạo.

- Cổ Mai (còn gọi là Kẻ Mơ) (nay là các làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động và phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội), thái ấp của Thượng tướng quân Trần Khát Chân.

- Độc Lập (nay thuộc xã Mỹ Thành, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam), thái ấp của Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải.

- Dưỡng Hoà (nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam), thái ấp của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư.

- Tĩnh Bang (thôn Vạn Niên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng), thái ấp của Hưng Nhuượng vương Trần Quốc Tảng.

- Bạch Hạc (Việt Trì ngày nay), thái ấp của các Trưởng công chúa.

Như vậy có khoảng 12 thái ấp được biết qua sử sách và tư liệu địa phương. Chúng tôi tạm lấy con số 12 để cụ thể hoá số liệu thái ấp thời Trần.

Nếu lấy Thăng Long làm tâm điểm, các thái ấp trên đây phần lớn nằm ở phía Nam Thăng Long: Cổ Mai, Quắc Hương, Độc Lập, Dưỡng Hoà, Dương Xá, Thanh Hoá, Nghệ An (7/12). Phía Bắc Thăng Long có thái ấp Gia Lâm, Bạch Hạc (2/12). Phía Đông Bắc Thăng Long có Vạn Kiếp, Chí Linh, Tĩnh Bang (3/12).

Trong số các thái ấp phía Nam Thăng Long thì thái ấp trên trục đường nước Thăng Long - Thiên Trường lại đậm đặc: Cổ Mai, Dương Hoà, Quắc Hương, Độc Lập (4/7). Điều này thể hiện nhà Trần rất chú trọng bảo vệ con đường nước Bắc - Nam nối hai trung tâm chính trị lớn nhất nước lúc bấy giờ: Thăng Long- Thiên Trường.

### *Tình hình điền trang*

Có thể nói, sử sách ghi chép về điền trang của các vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần rất ít. Sự hiện diện các điền trang càng ít thấy trong thư tịch. Ngoài sự kiện năm 1266 có chiếu ban hành cho phép lập điền trang và điền trang được trở thành sở hữu riêng của các vương hầu quý tộc. *Toàn thư* cho biết thêm sự kiện năm 1282: "Châu Chí Linh vốn là của riêng của thượng tướng Trần Phó Duyệt, cho nên Khánh Dư mới giữ lại được"<sup>1</sup>. Đoạn tư liệu này, kết hợp với nội dung chiếu ban hành năm 1266, khiến chúng tôi suy đoán, có thể châu Chí Linh là điền trang của Trần Phó Duyệt.

Về địa điểm lập điền trang, ghi chép trong *Toàn thư* cũng chỉ nêu chung chung là ở ven sông; "Trước đây, các nhà vương hầu công chúa có điền trang ở ven sông, những chỗ phù sa mới bồi đều là của chủ nhà cả"<sup>2</sup>. Tình hình lập

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.53.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.179.

điền trang ở ven sông có lẽ rất phổ biến và nhiều nên Thái hậu Chiêu Từ (mẹ sinh của vua Minh Tôn), mới có lệnh lập phép xắn chân bãi bồi (nghĩa là xắn lấy chõ cát mới bồi). Lệnh này thực hiện đến năm 1371 thì bãi bỏ. *Toàn thư* chép: "Tháng 2 (1371) bỏ phép xắn chân bãi cát bồi"<sup>1</sup>. Như thế, tình hình khai hoang lập điền trang ở ven sông tiếp tục phát triển. Chúng ta khó có thể hy vọng sử cũ cung cấp cho những địa chỉ cụ thể về điền trang. Tuy nhiên, dựa vào nguồn tư liệu địa phương ta có thể biết thêm về tình hình điền trang thời Trần.

- *Điền trang An Lạc ấp của An Sinh vương Trần Liễu*. Theo *Nam Định tinh địa dư chí* của Ngô Giáp Đậu thì ở Bảo Lộc thuộc Thiên Trường xưa (nay là xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định), nguyên có đền thờ Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Xã này trước do đất bồi, vương phụ là An Sinh vương mộ dân khai khẩn lập ấp (gọi là An Lạc ấp). Vì Hưng Đạo vương có công bình Nguyên nên được lập sinh từ ở đó<sup>2</sup>. Điền trang Bảo Lộc thời đó ở vùng ven sông Châu.

*Trần Liễu* còn có một điền trang nữa ở A Sào (nay thuộc xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình), nằm cạnh bờ sông Hoá. Thời Trần A Sào thuộc hương A

- 
1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.179.
  2. Nguy Khắc Hiếu, *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông tin - UBND tỉnh Hà Nam Ninh, tr.30-32.

Cảo (sau này đổi thành huyện A Côi). Trần Liễu khi làm con rể vua Lý Huệ Tôn, được phong là Phụng Kiên vương đã về đây lập ấp, mở rộng đất đai thành điền trang. Vị trí A Sào là nơi tiếp giáp của hai con sông quan trọng là sông Luộc và sông Hoá. Từ đây có thể ngược sông Luộc lên cửa Hải Thị gặp sông Hồng từ kinh đô Thăng Long chảy qua lô Thiên Trường rồi ra cửa biển Giao Hải. Vùng A Sào ở vào vị trí xung yếu như vậy nên được nhà Trần hết sức quan tâm. Nơi đây đã trở thành kho lương phục vụ cho cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ 3 (1288). Trần Liễu sau này lên kinh đô Thăng Long làm quan Thái úy. Vùng A Sào đã được giao lại cho con trai ông là Trần Quốc Tuấn. Hiện nay, một số làng như An Khê, Lộng Khê (xã An Thái) thờ Trần Liễu làm thần "Khai ấp tiên công". Đền thờ "Đức thánh Trần" tức đền thờ Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn hiện còn ở xã này<sup>1</sup>.

Như vậy, *Trần Liễu có hai điền trang*: An Lạc ở Nam Định và A Sào ở Thái Bình. Sau đó, An Lạc (Bảo Lộc) được ban cho Hưng Đạo vương làm thái ấp. Sự việc này, sách *Thái Bình địa dư ký* chép như sau: "Sau khi dẹp xong giặc Nguyên, vua (Trần Nhân Tông) về phủ Long Hưng tiến phong vương. Hưng Đạo vương là Đại nguyên soái Hưng

---

1. Nguyễn Ngọc Rao - Vũ Mạnh Quang, *A Sào và xác định lại vị trí của A Sào*, trong: "Thái Bình với sự nghiệp nhà Trần", Bộ phận Lịch sử dân tộc, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản- 1986, tr.212-224.

Đạo Đại vương, sai nhân dân A Sào trùng tu cung đình lấy Bạch Đằng làm sinh từ thứ nhất, A Sào làm sinh từ thứ hai, Bảo Lộc làm thái ấp<sup>1</sup>. Đoạn tư liệu trên gợi cho chúng tôi suy nghĩ, cả hai địa điểm A Sào, Bảo Lộc đều là diền trang của Trần Liễu. Khi Trần Liễu lên kinh đô làm quan, vùng A Sào có thể đã được ông giao lại cho con trai là Trần Quốc Tuấn. Có thể, Trần Liễu chỉ giữ lại vùng Bảo Lộc. Nhưng tại sao, sau đó vua Trần Nhân Tông lại lấy đất ấy ban cho Hưng Đạo vương làm thái ấp. Theo giả thiết của chúng tôi, rất có thể việc này liên quan đến vụ "biến loạn sông Cái". Sau đó, vì Trần Liễu là anh của vua Trần Thái Tông nên nhà vua không nỡ giết (còn binh lính đều bị giết cả) nhưng bị tịch thu gia sản xung công. Con trai ông (Hưng Đạo vương) lại là người lập nên công lớn, lãnh đạo quân dân Đại Việt chiến thắng oanh liệt giặc Mông - Nguyên nên được nhà vua cấp đất của cha - vùng Bảo Lộc làm thái ấp.

- *Điền trang của vua Trần Nhân Tông*. Đến Thái Vi (Nay thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), có bản *Thái Vi quốc tế ngọc ký*<sup>2</sup>, nội dung có đoạn: "Lại nói ấp Ô Lâm, xưa vốn là một thôn của Vũ Lâm, vì cư trú thành từng nhóm nên có tên là Ô Lâm. Đến khi vua tối lập

- 
1. Hoàng Giáp, *Mấy suy nghĩ về đất Quỳnh Phụ thời Trần*, trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Sđd, tr.111.
  2. *Thái Vi quốc tế ngọc ký*. Chiếu theo bản gốc viết năm Cảnh Trị thứ 5 (1667) ở đền Thái Vi. Dương Văn Vượng dịch. Lưu ở Bảo tàng Nam Định.

chùa, dựng ấp chiêu tập các chi họ ở các khu trờ thành áp mới đặt bốn giáp... Vua lại dụ các phụ lão... phụ lão vâng mệnh khai khẩn từng khu thành ruộng được 155 mẫu<sup>1</sup>. Ở đây, còn một tấm bia đá: *Thánh ân tự tam bảo điền*, nội dung văn bia cho biết tham gia khẩn hoang còn có cả quân lính. Sau đó, nhà vua đã chia cho họ một số đất để cày cấy: "Nguyên đây là ruộng đất ao đầm tam bảo của chùa Thánh Ân do Điều Ngự Trần Nhân Tông để lại cho hoành nô và quân nhân 7 người tên là Phạm Đinh, Phạm Dự, Phạm Đội, Phạm Sao, Phạm Đa...ở, cày cấy phụng sự, lưu truyền cho con cháu cày cấy ở các xứ...công là 70 mẫu"<sup>2</sup>. Chúng ta biết rằng, huyện Hoa Lư ngày nay, nhưng ở thời Trần là vùng núi Trường Yên. Tư liệu trên đã cung cấp thêm một điền trang của vua Trần Nhân Tông được lập ở vùng núi. Nhà vua còn chú ý đến tầng lớp người cao tuổi, phủ dụ họ khai hoang làm gương cho con cháu. Vùng núi Trường Yên vì thế mà từ vùng dân cư thưa thớt đã sinh sôi thêm nhiều làng mới, phân chia thành 4 giáp. Nhà vua còn dựng chùa ở đó để đảm bảo cuộc sống tinh thần cho dân vùng này. Ngoài ra, còn cho dựng hành cung Thái Vi để thi thoảng về thăm.

- *Điền trang thứ hai của vua Trần Nhân Tông ở xã Thanh Bình*. Truyền thuyết ở xã Thanh Bình (huyện

1. Ngụy Khắc Hiếu, *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh cũ, Sốđ, tr.30-32.

2. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI- XVIII*, tập I, Sốđ, tr.160.

Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) còn cho biết Trần Nhân Tông đã chiêu tập dân ở vùng này khai khẩn đất ở ven sông Hương (sông ở cạnh làng) lập nên các trang Hạ Hào (thuộc huyện Thanh Xá, và Hữu Cáo, Sơn Dựng. Nhà vua còn cho xây chùa Bạch Hào ở xã Thanh Xá, cấp cho 36 mẫu ruộng để hương khói cho chùa<sup>1</sup>. Như vậy, tư liệu trong chính sử không hề ghi chép đến điền trang của nhà vua. Tư liệu địa phương đã giúp cho chúng ta hình dung được vua Trần Nhân Tông rất quan tâm đến việc khẩn hoang lập điền trang. Ông không chỉ có điền trang ở phía Nam Thăng Long (vùng Ô Lâm - Trường Yên) mà còn có điền trang ở phía Đông Thăng Long (Vùng Thanh Xá, Thanh Hà, Hải Dương).

Theo chúng tôi, rất có thể khi vua Trần Nhân Tông về lập điền trang ở những vùng đất trên thì lúc đó nhà vua đã "thoát thân" khỏi vị trí của một vị vua triều chính, mà đã trở thành một ông vua- Phật tổ Trúc Lâm.

- *Điền trang (?) của công chúa Trần Thị Ngọc Một.* Ở thôn Bình Khang, xã Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình có chùa A Nậu (còn gọi là chùa Sêu), thờ công chúa Trần Thị Ngọc Một, triều Trần mà không thấy ghi trong sử cũ. Tại đây còn một bia đá, cao 101cm, rộng 64cm. Nhân dân cho biết, bia vốn dựng trong lăng công

1. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI - XVIII*, tập I, Sđd, tr.160.

chúa, chữ hơi mờ. Nội dung bia có ghi: "...Tương truyền vua Hung Long thời Trần (tức Trần Anh Tông (1293-1314)) có sắc cho dựng chùa A Nậu và để ruộng thờ công chúa. Công chúa sinh ngày 1 tháng 3, từ nhỏ đã rời điện ngọc nhà vàng vào nơi chùa quý, đem tấm thân để nữ vào trụ trì ngôi chùa quý này. Tu được 16 năm thì công chúa già từ cõi đời mà về Tây phương cực lạc..."<sup>1</sup>. Chùa còn có hai tấm bia nữa. Trong đó có một tấm tạc vào vách đá phía trước chùa A Nậu: "A Nậu tự tam bảo điền". Dòng lục khoản đề: Mậu Ngọ niên, Hung Long tam bảo, nhị nguyệt sơ bát nhật. Nội dung nói về sự tích chùa do vua Trần khởi dựng, là một đại danh lam. Các bậc hiền nhân quân tử thường qua lại. Theo truyền thuyết ở địa phương thì công chúa Ngọc Một có điền trang ở đây. Vì nguyên chữ A Nậu có nghĩa là cày bừa. Vì cày bừa mà có A Nậu. Những ghi chép trong văn bia, kết hợp với truyền thuyết, chúng ta cũng chỉ biết được những thông tin ít ỏi về nơi sống của công chúa Ngọc Một và nơi ấy có thể là đất do công chúa có công khai khẩn đất hoang lập điền trang.

- *Điền trang của trưởng công chúa Thái Đường*. Công chúa Thái Đường là con thứ ba của vua Trần Thái Tông, em vua Trần Thánh Tông và Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải. Công chúa là vợ của Vũ Tỉnh hầu (quê ở Lục

---

1. Đặng Công Nga, *Những di tích có liên quan tới công chúa Trần Thị Ngọc Một, triều Trần*, Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1985, tr. 178-179.

Ngạn, Bắc Giang ngày nay). Bà đã chiêu tập dân xiêu tán và cùng gia nhân đến vùng ven sông Đào thuộc làng Thị Liệu (nay thuộc xã Đại Thắng) khẩn hoang lập điền trang, đất đai khai khẩn được hơn 100 mẫu, dân số tăng lên hơn năm chục người. Bà còn cho phép gia nô được khai hoang làm của riêng. Vì thế trong điền trang của bà có hiện tượng đất công và tư xen kẽ nhau - "công tư điền gián". Ruộng công của Trưởng công chúa, gia nô cày cấy và nộp tô, ruộng của gia nô tự khai hoang cho mình gọi là ruộng tư<sup>1</sup>. Sau đó bà mắc tội, bị vua phạt, tịch thu toàn bộ số đất đó sung làm ruộng công. Bà bỏ điền trang đi tu ở chùa Hộ Xá (nay thuộc huyện Xuân Thuỷ, Nam Định). Một thời gian sau nhà vua thương tình, ra lệnh trả lại toàn bộ số đất đó cho bà. Vì vậy, đất ấy còn có tên là Miễn Hoàn (miễn tội hoàn đất). Bà lấy trong số đất ấy 36 mẫu để cúng vào chùa Hộ Xá, số còn lại cho làng làm ruộng công. Hiện nay nhân dân gọi số đất đó là "ruộng bà quốc mẫu". Điền trang Miễn Hoàn xưa, nay là xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Trong điền trang Miễn Hoàn, có trại Thủ (trại đầu làng), trại Vĩ (trại cuối làng), Soi chợ (bãi chợ) và Bãi cá lưới (Bãi phơi lưới đánh cá). Hiện nay bãi cá lưới đã bị lở xuống sông đào. Trại Thủ, trại Vĩ, theo chúng tôi có lẽ là những địa danh liên quan đến tiến trình khẩn hoang lập làng của điền trang. Có lẽ làng lập trước gọi là

---

1. Đinh Khắc Thuân, *Đất Long Hưng thời Trần*, trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Sđd, tr.101-110.

trại Thủ, làng lập sau gọi là trại VĨ. Địa danh Bãi chợ, Bãi cá lưới còn cung cấp cho chúng ta những thông tin về tình hình sản xuất trong điền trang, ngoài cày cấy trồng lúa, còn có nghề đánh cá và trao đổi sản phẩm qua chợ làng (Soi chợ)<sup>1</sup>.

- *Điền trang của công chúa Trần Khắc Hãn.* Ở Cố Nhuế và An Nội (Từ Liêm, Hà Nội) có một số di tích liên quan đến điền trang của công chúa Trần Khắc Hãn. Đó là một xóm nhỏ gọi là "Viên thôn"- dấu vết điền trang của công chúa. Một ngôi miếu nhỏ mang tên "Viên thôn linh từ" thờ công chúa Trần Khắc Hãn. Một cánh đồng rộng 81 mẫu có tên gọi "Cánh đồng Móc". Dân gian gọi công chúa là "Bà chúa Móc". Tại nơi này, một bài ca bằng chữ Nôm được làm vào thời Khải Định. Trong đó có những câu:

*Đông A mở nước thái bình  
Thánh Tông hoàng đế triều đình âu ca.  
Vua sinh hạ một bà công chúa  
Hàng thứ tư thân nữ doan trang...  
...Chúa phụng chiểu khẩn hoang lập ấp  
Mộ nhân dân chiêu tập thành gia...<sup>2</sup>.*

- 
1. Pham Xuân Hàm và B.V.T, *Điền trang của trường công chúa Thái Đường*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh, đđ, tr.51.
  2. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Sđd, tr. 158.

Hiện nay, tại nơi này còn một dòng họ mà tổ tiên là người đã theo công chúa khai hoang, lập ấp, đó là họ Nguyễn (theo Gia phả họ Nguyễn). Công cuộc khẩn hoang của công chúa còn được mở mang về phía Tây Bắc, ven bờ sông Nhuệ được khoảng 250 mẫu đất. Ngày nay, vùng đất đó là thôn An Nội. Bà còn xây dựng ở đây ngôi chùa mang tên Thánh Quang tự<sup>1</sup>. Như vậy công chúa Trần Khắc Hân, con thứ 4 vua Trần Thánh Tông đã thực hiện chiêu khẩn hoang của triều đình, chiêu dân ra vùng phía Tây kinh thành Thăng Long, khai khẩn đất hoang lập nên những làng ấp mới. Nơi ấy, hiện nay là các thôn Cổ Nhuế và An Nội với số đất khai khẩn được ở hai nơi là khoảng 331 mẫu.

- *Điền trang của Hoàng hậu Trần Thị Ngọc Hào* (vợ vua Trần Duệ Tông) ở Hà Tĩnh ngày nay. Bà Trần Thị Ngọc Hào, con gái ông Trần Công Thiệu, quê ở làng Tri Bản, huyện Hương Khê. Bà là người tài sắc vẹn toàn nên được tuyển vào cung rồi trở thành hoàng hậu. Sau khi vua Trần Duệ Tông tử trận trước thành Đồ Bàn (năm 1377) trong cuộc chống xâm lấn của quân Chiêm Thành, bà đã cùng với con gái đem theo 170 nông nô, nô tỳ chạy về quê nhà ở hạt Hương Khê. Tại đây bà đã chiêu tập thêm dân số tại khai khẩn đất hoang lập nên điền trang với diện tích 3965 mẫu. Cùng với quá trình khẩn hoang thì nơi này đã mọc thêm nhiều làng xóm mới. Sau này điền trang của bà

---

1. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Sđd Tr.157.

đã trở thành cơ sở hậu cần giúp đỡ Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

- *Điền trang của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư*.  
Bản thân tích Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư ở làng Vọng Trung, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cho biết, năm Nhâm Tý (1312), Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đi đánh Chiêm Thành thắng trận trở về, ông tiếp tục làm quan đến năm 1323, rồi xin về trí sĩ tại ấp phong (Dưỡng Hoà), cũng từ thời điểm này Trần Khánh Dư có điều kiện đi thăm thú các nơi, khi đến đất Trường Yên, vùng Tam Điệp, ông thấy ở đây phong cảnh tốt đẹp, chim trời tụ tập từng đàn. Ông đã sai hai gia tướng họ Bùi và họ Nguyễn dựng nhà để ở. Ông chiêu tập được hơn chục gia đình đến khai hoang lập làng, vài năm sau cơ ngơi ngày một phát triển, dân số lên đến ngót năm chục gia đình. Ngoài trại được lập đầu tiên là trại An Trung còn phát triển thêm trại Đông Khê và Tịch Nhi. Trần Khánh Dư sống ở đây cho đến năm tuổi ngoài tám chục thì trở về thái ấp Dưỡng Hoà. Điền trang An Trung (nay là Vọng Trung) được ông giao cho hai gia tướng họ Bùi, họ Nguyễn trông coi.

- *Điền trang của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật*<sup>1</sup>.  
Trần Nhật Duật là con thứ sáu của vua Trần Thái Tông.

---

1. Trong chuyến đi diền dã tại Nam Định giữa năm 2000, chúng tôi đã đến Phúc Chỉ nơi Trần Nhật Duật lập diền trang. Tài liệu về diền trang của Trần Nhật Duật do Bảo tàng Nam Định cung cấp cho chúng tôi.

Ông sinh năm 1254 mất năm 1330, là người văn võ song toàn, người lập nên công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên lần thứ hai (1285). Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật là người giỏi ngoại ngữ, sành âm nhạc, thông Nho đạo. Trong đợt đi diền dã tại Nam Định vào giữa năm 2000, chúng tôi đã được Bảo tàng Nam Định cung cấp cho một tài liệu *Xét về nguồn gốc xã Phúc Chỉ*, nội dung cho biết về một diền trang của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật ở xã Phúc Chỉ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tại chùa Phúc Chỉ, thuộc xã Phúc Chỉ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định có bốn tấm bia đá, có tấm không còn nhìn thấy chữ, nhưng còn một tấm dựng vào thời Gia Long<sup>1</sup>, theo sự khảo cứu của Tiến sĩ Phạm Văn Nghị (Phạm Nghĩa Trai) trong bài *Xét về nguồn gốc xã Phúc Chỉ* (Phúc Chỉ xã bản mạt khảo) viết vào ngày 10 tháng 3, triều vua Tự Đức năm thứ 5 (1852), cho biết nội dung của bia có đoạn: "*Trần triều đế sư Chiêu Văn vương, pháp danh Trung Huệ vương, lúc già về đây mở ấp dựng chùa tu hành đạo Phật*". Nơi đây là khu mười mẫu thảo hoa, tương truyền là cố trạch của Chiêu Văn vương ở với thiếp yêu. Trong khu vực này có bốn loại vật màu trắng là đá trắng, hoa mẫu đơn trắng, hoa sen trắng, trúc trắng (hiện nay chỉ còn lại vài tảng đá trắng). Buổi ban đầu khi Trần Nhật Duật về đây thì nơi này còn là rừng cây rậm rạp. Ông đã

---

1. Bia niêm hiệu Gia Long thứ 12 (1813) hiện còn ở sân chùa Phúc Chỉ.

cho gia đình dựng nhà cửa, lúc đầu chỉ lác đác hơn chục nóc nhà, vài ba năm sau số dân phát triển, mọc lên hơn bốn mươi nhà. Trần Nhật Duật còn dạy dân đắp hồ chứa nước phòng khi hạn hán, khơi ngòi thông dòng phòng chống úng lụt, mở chợ, dựng chùa và tự mình làm sư trụ trì chùa. Trong điền trang của Trần Nhật Duật, nơi khai hoang lập áp đầu tiên lấy tên là trang Lâm Thị (Rừng Chợ), sau phát triển thêm năm trại nữa là: Lâm Thị trại, Đông Thị trại, Tây Thị trại, Liêu Bắc trại, Liêu Nam trại. Số ruộng khai khẩn để cấy lúa được 1350 mẫu, ruộng trồng rau là 450 mẫu. Trần Nhật Duật còn dạy cho trẻ 10 bài hát do ông tự sáng tác (hiện vẫn được lưu giữ trong dân gian). Nơi này còn có điệu hát bài bông ra đời từ đời Trần. Có thể thấy điền trang của Trần Nhật Duật vào loại lớn so với một số điền trang khác ở vùng châu thổ.

- Theo tư liệu địa phương, *vùng Chí Linh có hai điền trang*, một của Trần Phó Duyệt, một của Trần Quốc Chẩn.

Về *điền trang* của Trần Phó Duyệt, *Toàn thư* đã chép đến: "Châu Chí Linh vốn là của riêng của Thượng tướng Trần Phó Duyệt..."<sup>1</sup>. Nay cũng không còn để lại dấu vết.

- *Điền trang* của Chiêu Vũ Đại vương Trần Quốc Chẩn, ở ven sông Kinh Thầy thuộc huyện Chí Linh(tỉnh Hải Dương ngày nay). Làng mới lập có tên Nôm là làng Độc (tức Kiệt Đặc). Nhân dân địa phương cho biết: "Xưa Trần

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.53.

Quốc Chẩn về "đồn điền" ở đây. Đất cũ là ba thôn Kiệt Đặc, Kiệt Đoài và Tường thôn<sup>1</sup>. Đền thờ Trần Quốc Chẩn ở xã Văn An (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), nay không còn, chỉ còn lại dấu vết. Sau này, nhân dân xây lại nhưng chỉ mang tính tượng trưng. Trước đây quanh đền thờ còn một khu ruộng gọi là ruộng "Tứ nha" (Đông- Tây- Thượng- Hạ) khoảng 40 mẫu, do Trần Quốc Chẩn để lại làm ruộng thờ mình. Theo chúng tôi, có lẽ nơi đây là thái ấp của Trần Quốc Chẩn thì hợp lý hơn và phù hợp với điều ghi chép trong *Toàn thư*: "Quốc Chẩn ở Chí Linh". Có thể, ngoài khu vực thái ấp được phong, Trần Quốc Chẩn còn cho dân khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác ở ven sông Kinh Thầy.

- *Điền trang của phò mã Hưng Mỹ hầu Vũ Trung Khải*, ở vùng Tô Xuyên (Nay thuộc huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình). Sách *Thái Bình phong vật chí* chép "Tô Xuyên, Phụ Dực là xã từ cổ, sau đổi là Tô Xuyên do Hưng Mỹ hầu khai sáng, hầu họ Vũ phò mã vua Trần". Theo *chiếu khẩn hoang* của triều đình, Hưng Mỹ hầu đã về đây tổ chức khai hoang. Đất Tô Xuyên gồm 6 làng Tô Xuyên, Tô Đê, Tô Hồ, Tô Đàm, Tô Hải, Tô Trang, nằm giữa hai con sông Tô và Hoá. Tô Xuyên sớm trở nên thịnh vượng, nhiều thóc lúa. Chúng tảo đất đai ở đây phì nhiêu. Vị trí địa lý của Tô Xuyên nằm ở vùng ven sông Hoá. Xét về mặt quân sự, đất Tô Xuyên ở vào vị trí xung yếu. Điều đó, khiến độ quan

1. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Sđd, tr.159.

trọng của Tô Xuyên giống A Sào. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên-Mông lần thứ 3 (1288) "Tô Xuyên là đồn trú quân, xây dựng các kho lương"<sup>1</sup>. Cùng với A Sào, kho lương Tô Xuyên là hậu cứ bổ sung sức người, sức của và là bàn đạp của mũi tiến công chính do Trần Hưng Đạo chỉ huy trong chiến dịch Bạch Đằng lịch sử (1288). Nhân dân các làng Tô phần nhiều là con cháu Hưng Mỹ hầu. Sau khi mất, Hưng Mỹ hầu Vũ Trung Khải được nhân dân lập làm "thành hoàng" quanh năm cúng tế.

- *Điền trang của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh thời Trần ở vùng Lệ Thuỷ (Quảng Bình)*. Hoàng Hối Khanh đỗ Tiến sĩ vào năm 1384, sau đó đã được triều đình điều vào huyện Nha Nghi (nay là huyện Lệ Thuỷ) vùng biên giới phía Nam đất nước, vùng ngã ba sông Bình Giang và Ngô Giang. Tại đây, ông đã chiêu tập dân từ châu Hoan, châu Ái vào kết hợp với dân sở tại khai khẩn đất hoang lập điền trang, số đất khai khẩn được 500 mẫu. Đến thời Lê, công cuộc khai hoang được các vua triều Lê tiếp tục đẩy mạnh. Các quan lại nhà Lê gồm ba ông: Thái Bảo Thanh quận công (không rõ tên), Cai Tri Phó tướng Võ Khê hầu (không rõ tên), Tri phủ họ Trần (không rõ tên) đã thực hiện sứ mệnh của triều đình ổn định tình hình biên giới và tiếp tục điều hành công cuộc khai hoang. Số đất khai khẩn được ở

---

1. Hoàng Giáp, *Mấy suy nghĩ về đất Quỳnh Phụ thời Trần*, trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Sđd, tr.111.

hai nơi Bồn Cừ và An Mả được 120 mẫu. Hiện nay cả ba ông đều được dân làng gọi là ba ông hậu khai khẩn, cùng với ông tiền khai khẩn - Hoàng Hối Khanh (Hoàng Quận công) đều được dân làng thờ làm "thần" của làng.

Như trên đã trình bày, có khoảng 14 điền trang của các vương hầu, quý tộc Trần gồm nhà vua, hoàng hậu, vương hầu, công chúa, phò mã. Thời Trần, điền trang còn có thể gọi là trang thực hay tư trang như ghi chép trong *Toàn thư*.

## 2. DIỆN MẠO MỘT SỐ THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN

Trong số 12 thái ấp, 14 điền trang chúng tôi kể trên, di tích còn lại đến ngày nay, có thể nói là rất ít. Có khu vực thái ấp đã được các nhà sử học địa phương khảo sát, sưu tầm và lưu giữ hiện vật tại bảo tàng tỉnh. Có thái ấp, đã được các nhà khảo cổ học đào thám sát và bước đầu có một số tư liệu. Có thái ấp do chúng tôi thu thập được tư liệu trong quá trình đi điền dã thực tế. Sự miêu tả một số thái ấp, chúng tôi dựa trên khả năng tư liệu cho phép. Còn điền trang, thật là khó khăn trong quá trình đi điền dã thực tế của chúng tôi, hầu hết các điền trang thời Trần ngày xưa, nay đã được phủ lên bề dày thời gian hàng mấy thế kỷ. Phạm vi điền trang như thế nào, thật khó xác định. Càng khó khăn hơn khi muốn dựng lại mô hình điền trang xưa.

Chúng tôi chỉ có thể trình bày được ba diên trang mà thôi. Sự khan hiếm tư liệu về nội dung của diên trang là điều khiến cho ý tưởng của chúng tôi khi thực hiện phần mô tả diên trang gặp nhiều khó khăn.

### Thái ấp của Thái sư Trần Thủ Độ ở Quắc Hương (nay là làng Thành Thị, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Nam Định)

Thái sư Trần Thủ Độ sinh năm 1194, tại làng Lưu Xá, huyện Ngự Thiên, lộ Long Hưng (nay là xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) và mất vào tháng Giêng năm Giáp Tý (1264), thọ 71 tuổi. Thời trẻ, ông đã nhiều năm phục vụ cho triều đình nhà Lý. Năm Giáp Tuất (1214), khi 21 tuổi, Trần Thủ Độ tham gia chỉ huy đội thuỷ binh của Trần Tự Khanh. Ông là viên chỉ huy có tài đánh thuỷ binh. Đến năm 1224, ông giữ chức Điện Tiền chỉ huy sứ, một chức vụ cao cấp của triều Lý, xét xử các việc của triều đình. Trong quãng thời gian làm quan phục vụ cho triều đình nhà Lý, Trần Thủ Độ đã tỏ rõ tài năng của mình, càng ngày càng được triều Lý tin dùng. Các sứ thần nhà Lê đã nhận xét về ông: Thủ Độ tuy không có học vấn nhưng tài lược hơn người, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn.

Đối với vương triều Trần, Trần Thủ Độ là người có công lớn trong việc thiết lập vương triều. Một tay ông lo

toan cho Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế. Sau đó, Trần Thủ Độ được giữ chức Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sự. Quyền lực của Thái sư chỉ sau thượng hoàng và là chức quan đứng đầu trong triều. Trần Thủ Độ là người giữ chức thái sư đầu tiên của triều Trần. Đến năm 1234, Trần Thủ Độ được thăng chức Thống quốc thái sư tri Thanh Hoá phủ sự, cai quản vùng đất quan trọng của Đại Việt. Thanh Hoá là một trọng trấn, là phên dậu thứ hai phía Nam đất nước, luôn phải đối phó với sự quấy nhiễu của Chiêm Thành. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên lần thứ nhất (1258), Trần Thủ Độ và vợ ông, bà Linh Từ quốc mẫu đã có công góp phần vào chiến thắng lẫy lừng của dân tộc. Kể từ khi làm quan triều Lý cho đến khi trút hơi thở cuối cùng (1264), Trần Thủ Độ đã thể hiện tài năng của mình trong lĩnh vực quân sự. Ông là một "công thần khai quốc" triều Trần, là người luôn luôn lo cho sự tồn tại và phát triển của vương triều Trần nói riêng, đất nước Đại Việt nói chung.

Thái áp của Trần Thủ Độ, như *Toàn thư* ghi chép ở Quắc Hương. Quắc Hương, tên Nôm là làng Vọc, nay là xã Thành Thị, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Theo tư liệu địa phương<sup>1</sup>, khu vực này, thời Lý là đất thuộc quyền cai quản của công chúa nhà Lý. Dinh thự của bà được xây ở

1. Phan Viêng, *Tìm hiểu làng Thành Thị cổ truyền*, Luận án tốt nghiệp Đại học, khoá 1983-1987, Khoa Sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội.

làng Vũ Bì, cách làng Vọc khoảng 1km đường chim bay. Khi nhà Trần lên ngôi, công chúa tổ chức quân chống lại nhưng bị thất bại. Nhà Trần đã ban cho Trần Thủ Độ vùng đất này làm thái ấp với mục đích ban đầu là trấn áp sự nổi dậy của công chúa nhà Lý. Vị trí địa lý của Quắc Hương nằm ở *vùng ngã ba sông Châu, sông Sắt*, trấn giữ và bảo vệ đường nước phía Bắc phủ Thiên Trường. Trong bối cảnh chung của vùng nước trũng, bố trí một thái ấp ở đây đã khiến vị trí này trở thành một cứ điểm quân sự. Trần Thủ Độ vừa có trách nhiệm giữ vững an ninh ở khu vực vốn đã từng là "điểm nóng" chống lại triều Trần, vừa phải thiết lập ở nơi này một trung tâm điểm bảo vệ Tức Mặc (sau đổi là Thiên Trường).

Thái ấp của Trần Thủ Độ, dấu tích hiện còn lưu lại trên địa danh như *cầu nhà vua* (tức Trần Thủ Độ), *nền nhà vua, dinh vua, đình Cả, thành Nội, thành Ngoại, khu Cột Cờ, nền nhà Cương, Gò Rẻ Quạt, Gò Con Quy, Vườn Hoa, Khu mả vua, Gác Chuông, sông Cụt, nhà Giảng Võ*. Toàn bộ khu vực phủ đệ (nhân dân quen gọi là dinh thự) nằm trong khu vực thành Nội. Thành Nội vết tích còn lại là một con đường nhỏ, hai gò đất cao. Con đường nhỏ dài khoảng 800m ở phía Tây làng Vọc. Gò đất thứ nhất dài khoảng 20m (nay nằm trong khu nghĩa địa làng). Gò đất thứ hai dài khoảng 15m ở phía Nam làng, cách sông Ninh Giang về phía Đông khoảng 350m. Thành Nội bao bọc khu phủ đệ ở mặt Bắc vòng qua

phía Tây xuống phía Nam, gần sông Ninh Giang. Thành Ngoại cách thành Nội 100 m. Hiện nay, thành Ngoại chỉ còn lại một gò đất cao hơn mặt ruộng khoảng 1,5 m. Thành Ngoại chạy từ Bắc xuống Nam đến *cánh đồng Trắng* (quanh năm ngập nước).

Khi Trần Thủ Độ về đây, nhân dân đã đào một con sông gọi là *sông Cụt*. Sông được đào từ giữa làng chéch theo hướng Bắc đến sông Ninh Giang dài khoảng 150m. Sông Cụt nay đã bị lấp gần hết chỉ còn lại một số ao hồ và một đoạn sông ở phía Nam xóm Đông Thành đổ vào Ninh Giang. Sông Cụt hợp vào Ninh Giang tạo cho khu vực thái áp hệ thống giao thông đường thuỷ tiện lợi cho việc đi lại trong khu vực thái áp.

Đoạn cuối của sông Cụt là *Cầu Nhà Vua*. Cầu Nhà Vua dài khoảng 20m, rộng 2m, trụ giữa bằng gỗ lim.

*Khu Cột Cờ* nằm trong khu vực phủ đệ. Đó là một mảnh đất phẳng, rộng, nền có nhiều đá cuội, sỏi, gạch. Tại khu này khảo cổ học đã tìm được một số hiện vật bằng đá như nghê đá, chó đá, rùa đá. Tương truyền, Khu Cột Cờ nằm ở phía trước mặt của dinh thự. Các hiện vật bằng đá có thể là những dãy con giống đặt trước phủ đệ.

*Nền Nhà Cương* nằm ở phía Đông Bắc khu Cột Cờ, có diện tích khoảng 2 sào, nằm ở độ cao cách mặt ruộng khoảng 0,5m, tương truyền là nơi cột ngựa, chờ quan lên ngựa. Ngoài ra, ở nơi này còn có một dãy nhà để nuôi ngựa

và để yên cương (vùng này ngày nay nhân dân dùng làm nghĩa địa).

Xung quanh Khu Cột Cờ là *Gò Con Quy*, liên quan đến con rùa có hai mắt bằng ngọc đã bị giặc phương Bắc khoét lấy. Trần Thủ Độ đã ra lệnh cho quân sĩ khiêng con rùa quay mặt về hướng Bắc. Gò Con Quy là nơi luyện tập của binh lính.

*Gò Rẻ Quạt*, gồm 5 cái gò nối tiếp nhau toả ra các hướng, giống như đuôi con chim rẽ quạt. Khu gò này là nơi đóng quân của thái ấp.

Trong khu vực thái ấp còn có *vườn hoa*, ở vị trí đối diện với phủ đệ khoảng cách khá xa và cách sông Ninh Giang độ 250m.

Giáp với chân thành Ngoại là *khu Gác Chuông*, rộng khoảng 3 sào. Năm 1967, nhân dân địa phương trong khi làm thủy lợi đã đào được ở đây một khối gỗ, gồm nhiều tẩm được xếp theo từng khối cao 7m. Khu Gác Chuông, tương truyền là nơi canh phòng của thái ấp. Đứng trên gác có thể quan sát được hướng Bắc và Nam.

*Đình Cả*, nằm ở giữa Khu Cột Cờ, Nền Nhà Cương và Gò Rẻ Quạt, nằm trên một gò đất cao, cách mặt ruộng khoảng 5-6m. Theo dân gian, đình là nơi làm việc của quan "Thượng phụ" hay của Trần hoàng thúc. Trong đình còn đúc câu đối ghi lại công tích của nhà Trần:

*Nhất trận phong lôi nồng sát Thát;  
Ức niên hương hoả thương tồn Trần.*

Tạm dịch:

*Một trận như sấm sét đánh tan quân Mông;  
Ngàn năm nhà Trần vẫn còn danh tiếng.*

*Khu nhà Giảng Võ* có cổng xây bằng đất nung. Nay chỉ còn là ruộng lúa.

*Nền nhà vua hay dinh vua*, tương truyền là nơi xây dựng phủ đệ của Trần Thủ Độ. Khu vực này nằm về phía Nam gần Cầu nhà vua. Trước đây còn một ngôi nhà. Rất tiếc khu vực này quanh năm thường bị ngập nước nên vào đầu những năm 1980, ngôi nhà này đã bị phá dỡ. Số gỗ lim ở đây được đem về xây dựng trụ sở hợp tác xã được hơn 10 gian nhà. Khu Dinh vua trở thành ruộng trồng lúa. Ngày nay cánh đồng này mang tên *ruộng vua*.

Trong khu vực thái ấp còn có ngôi chùa mang tên *chùa Sông*. Đền thờ bà Linh Từ quốc mẫu Trần Thị Dung (Dân gian quen gọi là đền Bà Chúa Ngù<sup>1</sup>). Một ngôi mộ

1. Thời Trần, các nhân vật sáng lập ra triều Trần đều lấy tên cá đặt tên cho mình: Trần Kinh - cá Kình, Trần Lý - cá Chép. Trần Liễu - cá Nheo, Trần Cảnh - cá Lành Canh. Cho nên Bà Trần Thị Dung được gọi là bà Chúa Ngù.

mà các nhà khảo cổ học đoán định có thể là ngôi mộ thời Trần (Có thể là mộ Trần Thủ Độ).

Đặc điểm địa lý của Quắc Hương, một vùng chiêm trũng, vốn là "rốn nước", bên cạnh nghề nông là nghề chính, còn có nghề đánh cá. Nghề thủ công ở nơi này, theo tư liệu địa phương cho biết đó là nghề chạm khắc đá và nấu rượu. Nghề chạm khắc đá, nguyên do từ khi Trần Thủ Độ về đây, ông đã cho vời thợ "Bắc" vào phủ đệ chế tác một số con giống bằng đá. Sau khi làm xong công việc trong phủ đệ, các hiệp thợ tiếp tục sinh cơ lập nghiệp ở xóm Bắc, bằng việc chế tác các vật dụng bằng đá khác như cột đá, nương đá, bàn đá trong các đình chùa. Cho nên, sau này trên mộ Trần Thủ Độ có nhiều đồ bằng đá, Lê Quý Đôn cho biết: "*Trần Thủ Độ sau khi chết, chôn ở địa phận xã Phù Ngự, huyện Ngự Thiên, nơi để mả có hổ đá, doi đá, chim đá và bình phong bằng đá*"<sup>1</sup>. Nghề chạm khắc đá chỉ tồn tại ở xóm Bắc. Quắc Hương là một địa bàn xung quanh đậm đặc nước, đã trở thành ván đề nan giải khiến cho nghề chạm khắc đá bị mai một đi. Bởi phương tiện giao thông, chuyên chở đá không thuận lợi. Từ Quắc Hương tới Kiện Khê (nơi có núi đá) dài khoảng 60-70km, phương tiện chuyên chở chủ yếu bằng thuyền. Đá nặng khó vận chuyển đã đành, gấp khi rớt xuống nước lại khó vớt lên. Hiện nay dân

1. Lê Quý Đôn, *Kiến Văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điểm dịch và chú giải, NXB. Sử học, Hà Nội-1962, tr.510.

xóm Bắc, nhà nào cũng có đồ dùng bằng đá như khánh đá, đĩa đá, bát hương đá.

Nghề nấu rượu liên quan đến nghề đục đá. Cối xay đá phục vụ đắc lực cho nghề nấu rượu. Ở Thành Thị (Quắc Hương) còn lưu truyền câu ca:

*Lấy chồng làng Vọc  
Đóng cọc ba đời  
Uống rượu một hơi  
Không rời cối đá<sup>1</sup>.*

Tất cả việc trao đổi mua bán trong khu vực thái ấp được thực hiện ở chợ Vọc (còn gọi là Quắc thị) còn tồn tại đến ngày nay.

Thái ấp Quắc Hương với kiến trúc phủ đệ nằm trong khu vực Thành Nội, trên diện tích hiện còn khoảng 20 mẫu. Với cách bố trí trong khu vực thái ấp (như đã nêu), khiến Quắc Hương mang nặng *tinh chất quân sự*. Người chủ thái ấp có uy quyền như một ông vua nhỏ, nên những địa danh liên quan đến nơi ở và làm việc của Trần Thủ Độ đều được dân gian gọi là "vua": Dinh vua, Cầu nhà vua, Nền nhà vua, Ruộng vua...

---

1. *Tìm hiểu làng Thành Thị cổ truyền*, Tài liệu đã dẫn.

Thái ấp của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Trần Quốc Tuấn, con của An Sinh vương Trần Liêu. Cháu gọi vua Trần Tông bằng chú ruột, em của Hưng Ninh vương Trần Tung và là anh của Nguyên Thánh Thiên cảm Hoàng Thái hậu (vợ của vua Trần Thánh Tông, mẹ của Trần Nhân Tông). Trần Quốc Tuấn sinh năm nào, chưa có tài liệu nào cho biết cụ thể. Dựa vào năm sinh của Trần Tung là 1230, có thể suy đoán, Trần Quốc Tuấn sinh vào khoảng sau năm 1230 và mất năm 1300. Đối với vương triều Trần, gia đình Trần Quốc Tuấn không chỉ có quan hệ huyết thống mà ông cùng các con trai đều được phong tước vương như Hưng Võ vương Nghiễn, Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Hiện là những danh tướng đóng góp công lao to lớn cho cuộc kháng chiến chống giặc Mông - Nguyên và đều là trụ cột cho vương triều Trần. Trần Quốc Tuấn là người học rộng tài cao, văn võ song toàn. Là người đóng góp công sức lớn lao cho triều Trần nói riêng và cho lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta nói chung. Một cuộc đời gần 70 tuổi mà có đến gần 50 năm chỉ huy quân đội, thiên tài quân sự của Trần Quốc Tuấn thể hiện trên cả lĩnh vực lý luận và thực tiễn. Những hiểu biết về tri thức quân sự của ông đã đúc kết thành tầm nhìn chiến lược sâu sắc, cùng triều đình thực hiện cuộc chiến tranh toàn dân, chiến thắng oanh liệt giặc ngoại xâm. Trước lúc lâm chung, Trần Quốc Tuấn còn để

lại câu nói nổi tiếng "Khoan thư súc dân làm kế sâu gốc, bên rẽ, đó là thương sách giữ nước". Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, anh hùng dân tộc, mãi mãi lưu danh cho muôn đời con cháu mai sau. Ông là người được nhân dân thờ ở nhiều nơi. Đánh giá công lao của Trần Quốc Tuấn, Ngô Thì Sĩ đã viết: "*Tài văn võ, đều làm phép cho muôn nước, mà không dám cậy tài năng; Anh hùng nổi tiếng hai nước mà không dám nhận công nghiệp. Thế lực có thể lật sông núi, đuổi sấm sét, mà lúc nào cũng coi uy nhan vua ở trước mặt. Nay xem ra theo nghĩa phải mà không theo lời cha. Biết có nước mà không biết đến nhà, bể mũi gậy để đi theo hầu vua, gio gươm mà kể tội con. Lòng trung thành sáng như mặt trời*"<sup>1</sup>.

Thái ấp của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp cũng nhu Quắc Hương của Trần Thủ Độ đã được sử sách nhắc đến. Vạn Kiếp, không chỉ là thái ấp của nhân vật lịch sử nổi tiếng tài giỏi, Vạn Kiếp còn là một địa điểm hiểm yếu về mặt quân sự. Không phải ngẫu nhiên mà Trần Hưng Đạo từ vùng A Sào (Quỳnh Phụ- Thái Bình) được triều đình điều về trấn giữ vùng Vạn Kiếp từ sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258). Vạn Kiếp với trung tâm điểm là thung lũng Kiếp Bạc (thuộc hương Vạn Kiếp, lộ Lạng Giang thời Trần). Kiếp Bạc có sông, núi hùng vĩ bao quanh, tiện lợi cả

1. Ngô Thì Sĩ, *Việt sử tiêu án*, Quyển 3, Bản đánh máy của Viện Sử học.

đường thủy lân đường bộ. Quân xâm lược từ phương Bắc xuống, từ biển Đông vào đều chiếm lấy vùng núi Kiếp Bạc làm căn cứ quân sự để tiến quân vào kinh đô Thăng Long, hoặc kiểm soát đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Bắc đất nước Đại Việt. Từ Kiếp Bạc có sáu đường sông (*Lục Đầu giang*) để tiến về Thăng Long, ra biển, lên phía Bắc, vào đồng bằng. Đó là sông Đuống, sông Cầu, sông Thương, sông Kinh Thầy, sông Thái Bình và một nhánh của sông Thái Bình đổ vào huyện Lang Tài (Bắc Ninh)<sup>1</sup>. Sông Thương chảy vòng phía Tây của Kiếp Bạc, còn gọi là sông Sách. Sông Lục Đầu thời Trần gọi là sông Bình Than. Nơi đã diễn ra Hội nghị vương hầu, bách quan bàn kế sách giữ nước (12-1282). Sáu đầu sông dồn về Vạn Kiếp. Đó là căn cứ tự nhiên của thuỷ quân ta. Ra cửa Bạch Đằng, vào sông Thương, vào sông Cầu, vào sông Đuống, quân ta đóng thuyền ở bến Lục Đầu thì có thể dễ dàng và nhanh chóng đi bất cứ đường nào. Phía Đông Nam Kiếp Bạc là vùng núi Phả Lại. Phía Bắc là thung lũng Vạn Yên. Chảy giữa thung lũng là sông Vàng, dòng sông này là phương tiện tạo điều kiện cho thuyền bè vào sát chân núi Rồng. Núi Rồng là dãy núi tự nhiên có hình dáng khá đặc biệt-hình tay ngai. Tay ngai phía Bắc gọi là núi Bắc Đầu, tay ngai phía Nam gọi là núi Nam Tào. Kiếp Bạc thũng lũng xưa

---

1. Có người cho rằng sáu con sông đó là sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình và sông Kinh Thầy, chắc là nhầm vì sông Lục Nam xa quá (xem Nguyễn Trãi toàn tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1976, tr.567).

bạt ngàn gỗ quý: lim, sến, táo, thông, trúc. Kiếp Bạc cũng chính là nơi Trần Hưng Đạo lập phủ đệ và doanh trại<sup>1</sup>.

Thời gian và chiến tranh đã tàn phá khu vực thái ấp xưa. Trải qua nhiều thế kỷ, các công trình kiến trúc ở Kiếp Bạc được xây dựng từ thời Trần, Lê đã bị huỷ hoại, cây cành và rừng gỗ quý không còn. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), lính Pháp đã dỡ chùa Nam Tào và một phần đền Kiếp Bạc để xây đồn bốt. Chúng còn lấy đi nhiều đồ tế tự quý giá. Hàng chục năm qua khu di tích Kiếp Bạc đã được sở Văn hoá-Thông tin Hải Hưng (cũ) đào thám sát hai lần (1972,1985) và đã phát hiện được một số di tích liên quan đến khu vực thái ấp của Trần Hưng Đạo như: *Khu vực Từ cũ* (nơi thờ Trần Hưng Đạo trước khi chuyển về thung lũng Kiếp Bạc hiện nay), *Xưởng thuyền, đường Hành cung, Hồ Chân bia, Hang tiên, Hồ thóc, nhiều đồ gốm, vũ khí, tiền đồng, vật trang trí*<sup>2</sup>. Kết quả mới nhất của Viện Bảo tàng Lịch sử vừa đào khảo cổ ở *Hồ thóc* (6-7-2000), đã tìm được rất nhiều hạt thóc cháy thành than. Tại khu đất sau đền thờ đã phát hiện được một sân gạch hoa và nhiều nền nhà nối tiếp nhau, chứng tỏ nơi đây đã có nhiều công trình kiến trúc lớn thuộc phủ đệ của Trần Hưng Đạo.

- 
1. Tăng Bá Hoành, *Trần Hưng Đạo, với căn cứ Vạn Kiếp*, trong: *Thời Trần và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà*, Sở Văn hoá-Thông tin Nam Hà xuất bản, Tr.270-273.
  2. Tăng Bá Hoành, *Điền dã và thám sát Kiếp Bạc lần thứ 2*, trong: *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1985*, tr.172-174.

*Khu vực Từ cũ*, rộng khoảng 15.000 m<sup>2</sup>, nằm ở cuối thung lũng Kiếp Bạc, giáp núi Bắc Đầu, ở độ cao hơn mặt ruộng khoảng 1-1,5m. Hơn chục năm trở lại đây, khu di tích dần dần biến thành đất trồng trọt nên những gạch ngói, đá tảng ở đây bị vỡ vụn, tản mát. Hiện chỉ nhìn rõ được ba bậc lên xuống. Với hiện trạng như vậy, mong muốn xác định cụ thể từng chi tiết sự vật quả là vấn đề không dễ dàng.

*Đường ống dẫn nước bằng đất nung cỡ lớn*. Di tích này cách Từ cũ 40 m về phía Bắc, do nhân dân phát hiện. Đường ống dài 10 m, có đường kính 34-35 cm, dày 4cm, mỗi ống cống dài 40-43cm, làm bằng đất sét, độ nung vừa phải, màu vàng đậm.

*Di tích kiến trúc Khe Giun*, cách Từ Cũ 50 m về phía Nam. Khe Giun là một khe núi hẹp, tại đây có một khu đất rộng khoảng 500m<sup>2</sup>, trồi lên trên mặt đất nhiều ngôi vụn và gạch thời Trần. Sở Văn hoá - Thông tin Hải Hưng (cũ) đã cho đào một hố thám sát 3m<sup>2</sup>, trong tầng văn hoá dày 1m có nhiều mảnh ngói lẵn than gỗ, vài viên gạch cỡ lớn, mấy mảnh bát thời Trần và một thạp gốm men vàng hoa nâu, vỡ thành nhiều mảnh. Di tích Khe Giun, theo sự đoán định của các nhà chuyên môn, có thể là một đền thờ nằm trong hệ thống Từ Cũ. Như vậy, khu vực Từ Cũ gồm một cụm với ba di tích là *Từ Cũ*, *Đường ống dẫn nước bằng đất nung cỡ lớn* và *Di tích kiến trúc Khe Giun*. Mối quan hệ

của chúng trong khu vực thái ấp xưa như thế nào thật khó xác định.

*Di tích xuống thuyền*, ở giữa cánh đồng Vạn Yên, kéo dài đến bờ sông Thương, cách núi Bắc Đầu 400m về phía Bắc, trên khu đất rộng 10.000m<sup>2</sup>, dày đặc mảnh gốm cổ: lon, chậu, bát, đĩa men nâu, gạch ngói cỡ lớn theo phong cách Lý- Trần. Đặc biệt, ở khu vực này còn có cả phế tích của lò nung gốm cỡ lớn và nhiều tiền đồng, trong đó có tiền Nguyên Phong thông bảo (1251-1258).

*Khu vực Hồ Chân bia*, tương truyền ở đây có một tấm bia nói về sự tích đền Kiếp Bạc, nhưng do sự tranh chấp ngôi đền giữa nhân dân hai làng Vạn Yên và Được Sơn nên tấm bia đã bị kéo đổ xuống ao Cháo. Hiện còn tảng đá, vết tích chân bia đã bị vỡ vụn. Hồ Chân bia nằm ở chân núi Rồng, cách đền Kiếp Bạc 400m về phía Đông. Cạnh Hồ Chân bia có một nền nhà, xung quanh có đá vỉa bằng sa thạch kích thước 15&20&25cm. Ở phần hè và tam cấp còn một số gạch vuông cỡ lớn (5&40&40cm), chúng tỏ nơi đây đã từng có một di tích kiến trúc nhà cửa. Theo đoán định của các nhà chuyên môn, có thể nơi đây đã từng có ngôi đền thời Trần.

*Khu vực núi Nam Tào*, các nhà khảo cổ học đã khai quật được hai lò nung gốm khá nguyên vẹn ở chân núi. Từ chùa Nam Tào đi về phía Bắc khoảng 20m là địa điểm dày đặc gạch ngói mà phần lớn mang dấu ấn thời Trần như

gạch hoa cúc và một đầu phượng bằng đất nung khá hoàn chỉnh ở nền chùa. Ngoài ra, còn tìm được nhạc voi, chậu đồng.

*Dược sơn*, là vườn thuốc Nam được trồng để chữa bệnh cho quân sĩ và nhân dân.

*Viên lăng*, tương truyền là nơi an táng Trần Hưng Đạo. Nhưng kết quả mới nhất về đợt đào khảo cổ vừa qua (6-7-2000) của Viện Bảo tàng Lịch sử ở *Viên Lăng* đã không tìm thấy gì ngoài vài hiện vật muộn thời Nguyễn.

Vạn Kiếp với những di tích hiện còn thật khó dựng lại nguyên vẹn hình ảnh một thái ấp xưa.

Khu vực phủ đệ của Trần Hưng Đạo được xây dựng ở thung lũng Kiếp Bạc. Thung lũng được bao bọc bởi hai nhánh núi Rồng và rừng cây cùng các đường sông uốn lượn. Trong khu vực phủ đệ có nhiều công trình kiến trúc nhà cửa mà khảo cổ học đã phát hiện được một sân gạch hoa và nhiều nền nhà nối tiếp nhau.

Thái ấp đã từng tồn tại các hoạt động đa dạng của nghề thủ công như sản xuất đồ gốm, gạch ngói, đồ dùng sinh hoạt như bát đĩa, thạp gốm và đồ trang trí như hình tượng đầu rồng. Có thể nói, Vạn Kiếp là một trong các thái ấp tìm thấy nhiều lò nung nhất: ba lò (một lò lớn ở cánh đồng Vạn Yên, hai lò ở chân-núi Nam Tào). Với di tích xưởng thuyền đã nói lên trong thái ấp xưởng đóng thuyền đã từng hoạt động.

Di tích Hồ thóc đã ẩn chứa nhiều điều về một nơi chứa lương thực. Nơi này chắc phải lớn. Bởi trong kháng chiến đã có lúc Vạn Kiếp quy tụ lực lượng quân đội đông tới 20 vạn. Phải có một khối lượng lương thực lớn như thế nào mới có thể cung cấp cái ăn cho một đội quân đông như vậy.

Di tích Hang tiền, rất có thể là nơi cất giấu tiền, phục vụ cho nhu cầu mua sắm vũ khí, thuyền chiến và lương thực, thực phẩm cho chiến tranh.

Vườn thuốc Nam (Dược sơn), tương truyền là nơi trồng các loại cây thuốc, dùng để chữa bệnh cho quân sĩ và nhân dân trong thái ấp.

Có thể nói thái ấp Vạn Kiếp với đặc điểm địa lý đặc biệt, nơi quy tụ nhiều sông nên Vạn Kiếp cũng là một trong không nhiều thái ấp có thể mạnh về nghề đánh cá. Tương truyền các con sông ở Vạn Kiếp rất nhiều tôm cá, nguồn cung cấp thực phẩm đắc lực cho thái ấp.

Như những thái ấp khác, thái ấp Vạn Kiếp có chùa Nam Tào, nhu cầu văn hoá, tinh thần không thể thiếu đối với cư dân Vạn Kiếp.

Sau khi thắng giặc Mông-Nguyên, Trần Hưng Đạo về sống tại nhà riêng ở Vạn Kiếp. Ông đã trút hơi thở cuối cùng ở đây. Toàn thư chép: "Mùa Thu, tháng 8, ngày 20 (năm 1300), Hưng Đạo vương mất ở nhà riêng ở Vạn Kiếp."

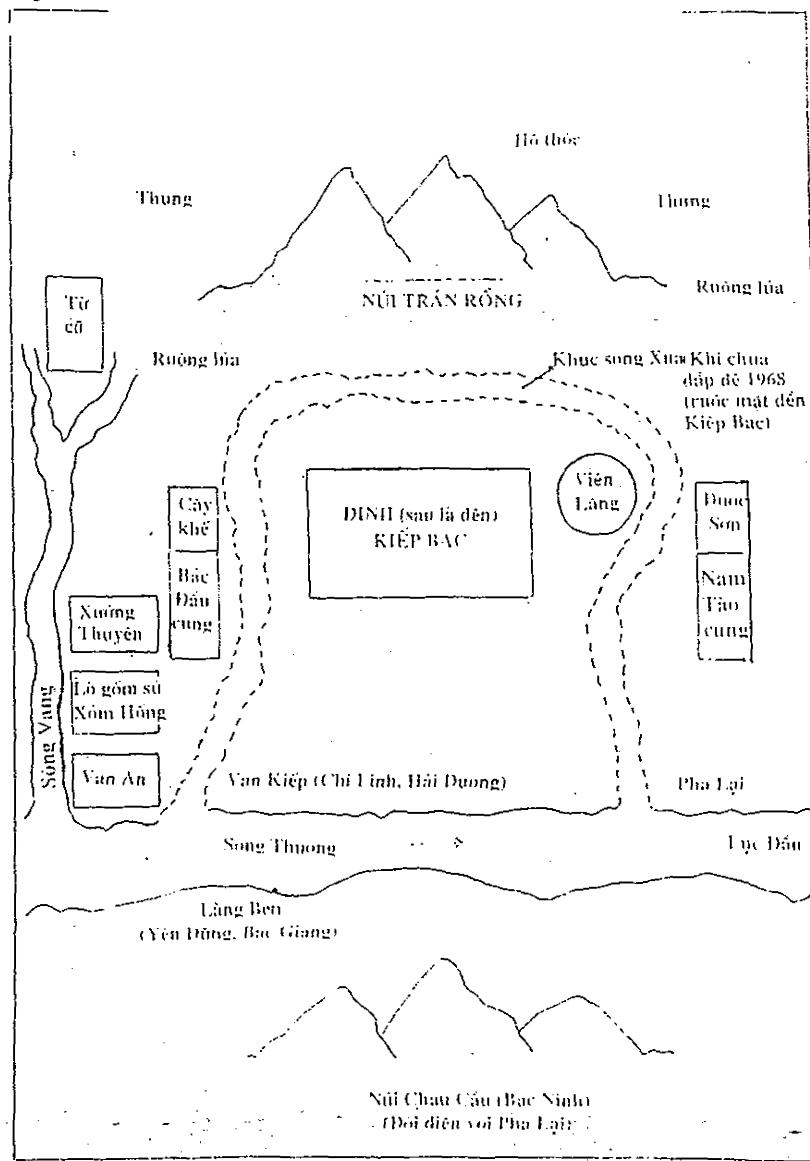
*tặng Thái sư thượng phụ thượng quốc công, Nhân vương Hưng Đạo đại vương*<sup>1</sup>. Ông mất đi, để lại bao niềm tiếc thương cho nhân dân Đại Việt. Sau đó, thái ấp Vạn Kiếp của ông như thế nào, không thấy sử chép. Có điều chắc chắn rằng, Vạn Kiếp trở thành nơi thờ tự ông. Nơi đó chính là Khu vực Từ cũ (trước khi chuyển về đền Kiếp Bạc hiện nay).

Với vị trí địa lý của vùng Vạn Kiếp có thể thấy Vạn Kiếp là một địa bàn quân sự hiểm yếu của miền Đông Bắc đất nước. Nhà Trần đặc biệt chú trọng canh giữ và bảo vệ vùng đất này nên đã cử một trong những vị tướng tài giỏi nhất của triều Trần về đây trấn giữ. Vạn Kiếp đóng vai trò to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai, 20 vạn quân của các vương đã tập hợp ở đây vào tháng giêng năm 1285, để chuẩn bị cho cuộc phản công địch vào tháng sáu năm đó. Thái ấp Vạn Kiếp như đã trình bày, nhất là vai trò của vị tướng - thiên tài quân sự Trần Hưng Đạo trấn giữ nơi đây, khiến địa bàn thái ấp nổi lên trước hết là tầm quan trọng về quân sự. Dĩ nhiên, trong quá trình tồn tại, các yếu tố vị trí địa lý, căn cứ quân sự, đất bổng lộc của Vạn Kiếp không tách rời mà nó hoà quyện với nhau để tạo nên một Vạn Kiếp, thái ấp gắn liền với tên tuổi của anh hùng dân tộc – Trần Hưng Đạo lưu danh trong lịch sử.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr.90.

## SƠ ĐỒ THÁI ÁP VẠN KIẾP



Thái ấp của Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải ở thôn Độc Lập, phủ Thiên Trường (nay là thôn Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam).

Trần Quang Khải, sinh tháng 10 năm Canh Tý (1240), mất ngày 3 tháng 7 năm Giáp Ngọ (26-7-1294), thọ 55 tuổi, quê ở hương Túc Mặc, phủ Thiên Trường (nay là xã Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định). Trần Quang Khải là con thứ 3 của vua Trần Thái Tông và mẹ là hoàng hậu Thuận Thiên.

Trần Quang Khải là người học rộng tài cao, văn võ song toàn. Dưới triều vua Trần Thánh Tông, vào năm 1271, Trần Quang Khải được phong Tướng quốc Thái úy, lúc 32 tuổi (tính theo tuổi Âm lịch). Dưới triều vua Nhân Tông, vào năm 1282, được thăng Thượng tướng Thái sư. Phan Huy Chú nhận xét về ông: "Công lao thu phục được nước, ông đứng thứ nhất... Ông nghe rộng biết nhiều, hiểu các tiếng người nước Phiên. Mỗi khi sứ sang ta, ông được chọn vào thù tiếp. Ông rất chăm học hay làm thơ"<sup>1</sup>. Con cháu ông là những người nổi tiếng văn học và tài giỏi<sup>2</sup>.

- 
1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1992, tr.223.
  2. Con ông là Văn Túc vương Trần Đạo Tái, nổi tiếng văn học thời bấy giờ. Cháu là Uy Túc vương Văn Bích làm đến chức Thái Bảo. Cháu là Chương Túc Quốc Thượng hầu Trần Nguyên Đán cũng là người nổi tiếng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải là một trong những tướng cầm quân chủ chốt. Ông vừa là nhà quân sự tài ba, vừa là nhà chính trị xuất sắc, nhà ngoại giao tài giỏi. Ông đã cùng với Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn và triều Trần làm nên chiến thắng Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp, Bạch Đằng. Trong đó thái ấp Độc Lập của ông đóng vai trò không nhỏ, là một cứ điểm bảo vệ cho căn cứ địa Thiên Trường.

Thái ấp Độc Lập<sup>1</sup>, nay là thôn Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, nằm ở vị trí *ngã ba sông Vị Hoàng và Ninh Giang*, cận kề với kinh đô thứ hai - Thiên Trường. Về giao thông đường bộ, thái ấp nằm cạnh đường Thiên Lý (đường cái quan từ phủ Thiên Trường lên Thăng Long). Từ đường Thiên Lý vào thái ấp có một con đường thẳng, rộng bằng đường cái quan, quanh năm không hề bị ngập nước, dân gian quen gọi là đường Cao.

Về giao thông đường sông, từ thái ấp có thể theo đường sông Ninh (Ninh Giang) vào sông Châu ra sông Hồng để lên kinh đô Thăng Long, lại có thể theo sông Vị Hoàng,

---

1. Phần mô tả về thái ấp Độc Lập, chúng tôi sử dụng tư liệu của hai tác giả Đào Đình Túu- Đặng Văn Nhiên: *Thái ấp của Thượng tướng Thái sư Chiêu minh Đại vương Trần Quang Khải*, trong: "Thời Trần và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà. Sở Văn hoá - Thông tin Nam Hà, tr.278-290.

sông Đáy vào sông Vân đến căn cứ địa Trường Yên. Lại có thể theo sông Vĩnh đến cung Trùng Quang, nơi ngự của Thượng hoàng ở phủ Thiên Trường. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285), thái ấp Độc Lập là một trong những phòng tuyến bảo vệ vùng phía Nam của đất nước Đại Việt, bảo vệ cung Thượng hoàng, bảo vệ cuộc rút lui chiến lược của hoàng tộc từ kinh đô Thăng Long về Thiên Trường. Tuy thái ấp ở cách sông Hồng không xa, nhưng giặc Mông - Nguyên, mặc dù đã rải quân tạm chiếm đóng dọc sông Hồng từ Thăng Long đến Thiên Trường, vẫn không thể tiêu diệt được căn cứ - thái ấp Độc Lập, vì xung quanh thái ấp là sông, ngòi, lạch không thể di chuyển bằng thuyền lớn, lại là vùng trũng, nước mênh mông nên kỵ binh của giặc không thể vào được.

Thái ấp Độc Lập ngự trên một gò đất cao, tường đất bao bọc xung quanh, vòng ngoài là hào sâu, bên trong là khu vực phủ đệ và nhà ở.

Khu phủ đệ trong thái ấp có diện tích khoảng 5 mẫu, nằm trên một doi đất cao, bốn mặt đắp tường đất cao hơn 2m, bên ngoài có hào sâu đủ để cho những con thuyền nhỏ đi lại được. Với đặc điểm khí hậu nước ta nóng ẩm mưa nhiều, con hào vừa có tác dụng thoát nước, vừa là phòng tuyến bảo vệ khu phủ đệ. Từ con hào này có thể đến được hồ Bến Định. Ở giữa khu đất này là tòa lâu dài cao, cột xà bằng gỗ, nhiều tầng, nền lát gạch hóa cổ, loại gạch vuông

38x38 cm khắc nổi hình hoa sen, hoa cúc giống như các loại gạch đã tìm thấy ở sân rồng cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa ở Túc Mặc, nơi thượng hoàng ở. Trên tầng cao của tòa lâu đài có thể là đài quan sát tình hình địch khi có chiến tranh. Khi hoà bình có thể là nơi ngâm thơ vịnh cảnh. Trước cảnh đẹp của phủ đệ, Trần Quang Khải đã làm bài thơ *Dã thư*:

*Dã thư sơ khai cảnh tường tân  
Phân phi đào lý tú thời xuân  
Nhất thanh ngưu dịch, thanh lâu nguyệt  
Kỷ phiến nồng thổi bích lồng vân...*

Nghĩa là:

*Trại mới vừa xây cảnh đáng vui  
Rướm rà đào mận bốn mùa tươi  
Lâu cao trăng biếc vi vu sáo  
Mây phủ đồng chiêm bóng áo tối...*

*Nhà Quan*, nhà làm việc cho các quan khi về thái ấp Độc Lập.

*Trại lính*, là nơi ở của quân lính (theo sự phỏng đoán của chúng tôi thì đây có thể là nhà ở cho quân lính theo hầu các quan mỗi khi về thái ấp Độc Lập). Nhà Quan và

Trại Lính đều nằm trên khu đất cao, ở phía Đông đình Cao Đài thuộc cánh đồng Nội Bông ngày nay<sup>1</sup>.

Xưởng dệt vải, là nơi chuyên may quần áo, phục vụ trong thái ấp và quân lính trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai. Bà công chúa Phụng Dương - vợ Trần Quang Khải trông coi xưởng này.

Lò Rèn, rèn đúc vũ khí và công cụ lao động phục vụ cho chiến tranh và cuộc sống sản xuất trong thái ấp. Hiện nay di tích lò rèn, tên cũ là gò Cồn Rèn, nằm ở phía Bắc đình Cao Đài. Xưởng sản xuất gạch ngói, bát đĩa hiện còn di tích Cồn Ngói.

Môn Nha, Hậu Nha là nơi canh gác trong khu vực thái ấp. Hai vọng gác này cùng với một số đồn canh xưa, hiện nay là các địa danh *Làng Lời* (ở huyện Vụ Bản), *Bối Khu Trang Tiểu Phấn* (nay là làng Bối, xã Mỹ Thịnh, huyện Bình Lục), *An Cự* (xã Đại Đê, huyện Vụ Bản), *Ngã ba huyện ly Thanh Trà* hợp thành một hệ thống đồn canh gác, phòng tuyến bảo vệ vòng ngoài cho khu vực thái ấp.

Những đồn canh vòng trong gần khu vực phủ đệ như di tích đình Đông Lạt (nay là xóm Nhát), đình Thị Thôn (nay là xóm Nhất), đình Thôn Trung, chùa Hoa (nay là xóm Ba), tạo thành *hệ thống đồn canh thứ hai bảo vệ vòng*

---

1. Ở đây, khi làm ruộng, nhân dân địa phương đã đào được nhiều gạch, ngói, mảnh bát đĩa, chum vại mang phong cách kỹ thuật gốm thời Trần.

*trong cho khu vực thái ấp.* Chúng ta biết rằng, trong chiến tranh, khu vực phủ đệ của Trần Quang Khải trở thành sở chỉ huy, nên hệ thống đồn canh ở đây được thiết lập và bố phòng hết sức cẩn mật. Hiện nay, tại một số nơi còn đèn thờ một số viên quan chỉ huy đồn canh gác như đình Thị Thôn, đình Thôn Trung (xã Mỹ Thành).

Ngoài hệ thống đồn canh trên bộ, trong khu vực thái ấp còn có hệ thống trạm gác thuỷ quân như: *bến Than*, *bến Văng*, *bến Miếu*, *bến Viẹt* (còn gọi là bến Vẹt) (tất cả các địa danh này hiện nay nằm trong địa giới xã Mỹ Thành).

Di tích *Hồ Bến Đình*, là bến thuyền chiến trong khu vực thái ấp. Từ Hồ này có thể cả đi các nơi. Hồ có sức chứa vài trăm thuyền lớn. Trên bến có đình trạm cho quan lại nghỉ chân. Từ Hồ Bến Đình, thuyền bè có thể đi lại dễ dàng từ thái ấp Độc Lập ra sông Châu, sông Hồng, lên Thăng Long, hoặc ra sông Vinh, sông Đáy vào sông Vân đến căn cứ địa Trường Yên.

Ngoài khu vực phủ đệ là hệ thống các nhà ở cho nông nô, nô tỳ, các xưởng thủ công như xưởng rèn, xưởng mộc, xưởng dệt vải, lò nung gạch, lò sản xuất đồ gốm, sứ, trại nuôi trâu, chuồng nuôi dê ở cánh đồng Nội Bông. Đến năm 1991, ở đây vẫn còn một cây đa cổ thụ gọi là cây đa trại trâu ở phía Đông Nam miếu Cấm.

Tương truyền, trong khu vực thái ấp còn có *tam tinh*, *thất trâm* (bảy gò ba giếng). Ba giếng giành riêng cho

vương phủ, cho binh lính và cho dân. Bẩy gò là nền của các xưởng thủ công nói trên và bãi tập cho binh sĩ. Điều đó chứng tỏ trong thái ấp đã có khu vực cư trú giành riêng cho gia đình Trần Quang Khải. Khu vực giành riêng cho binh lính và khu vực giành riêng cho dân.

Phía Tây Bắc phủ đệ là *chùa Độc Lập* (Độc Lập tự), do công chúa Phụng Dương cúng tiền bạc xây dựng. Chùa bị giặc Pháp phá huỷ năm 1953. Nay chỉ còn lại quả chuông đồng đúc vào cuối thế kỷ XVIII. Thành chuông có hàng chữ đúc nổi "Độc Lập tự chung" (chuông chùa Độc Lập).

Tại địa điểm giáp giới giữa sông Bún với đồn canh vòng ngoài Bói khu trang tiêu phẩn, còn tìm thấy cột buồm gãy. Chứng tỏ thuyền bè đã qua lại nơi này. Phía trên sông Bún là đường Thiên Lý. Ven sông Bún là một số các di tích mang tên: *Bến Bát*, *Bến Ngô*, *Bến Thóc* và một lò gốm mà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều bao nung và mảnh bát, đĩa, âu liễn thời Trần. Ở một số trôn bát còn ghi chữ: "*Thiên Trường phủ chế*". Ngoài ra, còn tìm thấy cả ngôi lợp nóc cỡ lớn, men bóng và những rễ kèo bằng gỗ có chạm hình vũ nữ dâng hoa mang phong cách Trần. Từ Bói Khu đi theo đường sông Bún có thể đến được Hồ Bến Đình bằng thuyền.

Hoạt động buôn bán, trao đổi sản phẩm trong khu vực thái ấp được thực hiện qua chợ, nay là khu vực chợ Huyện.

Ngoài ra, trong khu vực thái ấp còn có mộ công chúa Phụng Dương và bia đá nói về công chúa cùng các chi tiết liên quan đến Thái sư Trần Quang Khải.

Với đặc điểm địa lý vùng Cao Đài mà ngày nay người ta quen gọi là vùng chiêm trũng, khiến khu vực thái ấp tựa như một ốc đảo giữa vùng nước mênh mang. Khu vực phủ đệ gồm nhiều nhà giành cho "quan vương" và gia đình. Ngoài ra còn có nhà quan, nhà lính (có lẽ là nhà ở cho lính theo hầu các quan). Ngôi chùa Cao Đài nằm trên một khu đất cao. Bên ngoài phủ đệ là hệ thống hào sâu bao bọc, là nhà ở cho nông nô, nô tỳ và các hoạt động sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống trong thái ấp như lò rèn, lò nung gạch, lò sản xuất đồ gốm sứ, trại nuôi trâu, dê...

Bảo vệ toàn bộ khu vực thái ấp có hai vòng đồn canh, vòng trong và vòng ngoài. Một trong các địa điểm đồn canh ở vòng ngoài được nối với sông Bún. Từ sông Bún lại đến được Hồ Bến Đình, nơi có thể tập trung được hàng trăm chiếc thuyền chiến. Từ Hồ Bến Đình này, thuyền bè có thể từ khu vực thái ấp theo các đường sông ra Bắc vào Nam, tham gia kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai. Ven sông Bún, có một số bến (Bến Thóc, Bến Ngô, Bến Bát mà nay đã trở thành danh từ riêng) vừa là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi sản phẩm, buôn bán bằng đường thuỷ, đồng thời cũng là nơi cập bến cho thuyền bè trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai.

Kết hợp với những ghi chép trong sử cũ về Thái sư Trần Quang Khải, một trong các "công thần khai quốc" và công lao của ông trong công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc, cùng với vị trí địa lý hiểm yếu, một vùng ngã ba sông nước và vai trò quan trọng của thái ấp Độc Lập. Chúng tôi đi đến nhận xét, thái ấp Độc Lập ra đời trước hết bởi nhu cầu quân sự. Độc Lập đóng vai trò bảo vệ trung tâm Thiên Trường, vừa bảo vệ chốt nước quan trọng trên con đường nước từ Thăng Long về phủ Thiên Trường, con đường nối hai trung tâm chính trị lớn nhất nước lúc bấy giờ. Cũng chính vì tầm quan trọng ấy nên trước khi tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai, Trần Quang Khải đã cho mở rộng các đầu mối giao thông thuỷ, bộ vào thái ấp. Việc làm này chắc đã có sự xâm lấn vào đất làng bên, nên ở vùng này nhân dân còn lưu truyền câu ca dao:

*Ngày xưa Bắc cận tiểu giang  
Bởi quan Thái phó<sup>1</sup> bắc sang tiểu cù.*

Tiểu giang là con sông, đồng thời là ranh giới giữa hai làng Cao Đài và Lương Mỹ. Tiểu cù là con ngòi ở địa phận làng Lương Mỹ. Sau đó giới hạn của thái ấp mở ra đến tận tiểu cù.

- 
1. Có lẽ do truyền khẩu nên có sự nhầm lẫn chức quan của Trần Quang Khải, thực ra là Thái úy. Xem: Đỗ Văn Ninh, *Khảo cổ học và lịch sử thời Trần*, Tạp chí Khảo cổ học, số 11-12, năm 1971, tr.106-110.

Thái ấp Độc Lập từng là địa điểm bảo toàn lực lượng vương triều trong cuộc rút lui chiến lược, bảo vệ đường sông trong - truyền đường nước Bắc- Nam rất quan trọng đối với vương triều Trần trong kháng chiến.

Sau khi đất nước trở lại thanh bình Thái sư Trần Quang Khải lên kinh đô Thăng Long làm việc. Con trai ông là Văn Túc vương Đạo Tái cũng làm quan ở Thăng Long. Thái ấp Độc Lập trở thành cơ sở kinh tế phục vụ cho quan Thái úy. Sau khi công chúa Phụng Dương mất (1291) và Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải qua đời (1294) thì Thái ấp trở thành nơi thờ tự. Ruộng đất trong thái ấp chỉ giữ lại một ít (không có số liệu cụ thể) lấy hương hoả thờ tự, còn thì chia theo đình nam. Như vậy, đất đai trong thái ấp đã không được truyền lại cho các con của Trần Quang Khải.

Hiện nay, một số làng tổ tiên của họ là những người đã từng làm việc trong thái ấp xưa. Đó là dân xóm Chầm (xóm 2), xóm Miếu (xóm 3), xóm Thị (xóm 1), xóm Giữa, xóm Đông, xóm Trại, xóm Nhất.

Thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triều ở Kẻ Lâm (nay là xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội).

Văn Huệ vương Trần Quang Triều sinh năm 1286 và mất năm 1325. Ông là con trai cả của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, cháu nội của Hưng Đạo Đại vương

Trần Quốc Tuấn. Trần Quang Triều còn có tên là Nguyên Đạo và Nguyên Thủ, hiệu là Cúc Đường chủ nhân và Vô Sơn ông. Nguyên quán ở hương Túc Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc tỉnh Nam Định). Năm 1301, khi mới 14 tuổi, Trần Quang Triều đã được triều đình phong tước vương, rồi vào làm quan trong triều. Ông là người giỏi cả văn lẫn võ. Năm 1324, dưới thời vua Trần Minh Tông, Trần Quang Triều được phong chức Nhập Nội kiểm hiệu tư đồ, một trong những chức quan đầu triều, nhưng không được bao lâu thì ông qua đời (1325).

Trần Quang Triều được phong cấp thái ấp ở Gia Lâm. Theo "Việt Sử lược", dưới thời vua Lý Huệ Tông, Gia Lâm là phủ đệ của công chúa Thiên Cực nên còn gọi là Gia Lâm đệ. Tên gọi Gia Lâm xuất hiện lần đầu tiên dưới thời Lý (cuối thế kỷ XII, đầu thế kỷ XIII)<sup>1</sup>. Đến thời Trần, Gia Lâm tên Nôm là *Kẻ Lâm*, với nhiều ao và đầm lầy, do vỡ đê, phù sa sông bồi đắp thành ruộng gọi là ruộng Lâm (hay đồng Lâm) ở cánh đồng trước cửa chùa Lâm. Gia Lâm một thời là thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triều. Chùa Lâm, thời Trần mang tên Gia Lâm tự. Hiện nay, chùa chỉ còn lại nền ở thôn Gia Lâm (thuộc xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội). Gia Lâm thời Trần gọi là trang Gia Lâm, nằm ở *vùng ngã ba sông Dâu và sông Thiên Đức*.

---

1. Trần Quốc Vượng, *Theo dòng lịch sử- Những vùng đất, Thành và tâm thức người Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội-1996, tr.198.

Nơi sông Hồng chia nhánh thành sông Thiên Đức. Sông Thiên Đức còn có tên là sông Diên Uẩn, sông Đông Ngàn hay sông Duống<sup>1</sup>. Gọi là Thiên Đức vì vào năm Thuận Thiên thứ nhất (1010) vua Lý Thái Tổ đổi châu Cổ Pháp làm phủ Thiên Đức, đổi Bắc Giang làm Thiên Đức giang. Sông này lại chia nhánh, nhánh chính là sông Dâu, chảy giữa Gia Lâm và Thuận Thành (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh).

*Lệnh đênh ba mũi thuyền kè  
Thuyền ra Hà Nội, thuyền về sông Dâu*

Vùng Gia Lâm xưa trấn giữ cửa ngõ phía Bắc của kinh đô Thăng Long. Một vị trí quan trọng như vậy nên triều đình đã cử Trần Quang Triều, một đại thần, văn võ song toàn về đây trấn giữ và bảo vệ nơi cửa ngõ này.

Hiện nay, Gia Lâm là một trong 6 làng của xã Lệ Chi (thuộc huyện Gia Lâm). Thời Lý- Trần, vùng Gia Lâm nói riêng và xứ Bắc nói chung là nơi tồn tại nhiều rừng. *Cương mục* cho biết, thời Lý, quanh Đinh Bảng là đất rừng. Vua Lý sai cắm đất làm sơn lăng. Sách *Thượng kinh phong vật chí* viết vào cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn còn kể đến rừng bàng ở Đinh Bảng (thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

1. Giáo sư Trần Quốc Vượng trong bài: *Về dòng Thiên Đức*, Những phát hiện mới về Khảo cổ học 1994, tr. 459-461. Theo ý kiến Giáo sư thì sông Thiên Đức không phải là sông Duống. Sông Thiên Đức là con sông đào.

ngày nay). Làng Gia Lâm xưa có hai xóm: xóm Trước, xóm Sau và hai giáp: giáp Đông và giáp Tây. Theo *Gia Lâm xã thần tích bi ký*<sup>1</sup> thì trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ nhất, quân đội của Trần Hưng Đạo qua đây, đã được nhân dân hết lòng hưởng ứng.

Trong đợt chúng tôi đi diền dã thực tế về thái ấp của Trần Quang Triều tại Gia Lâm, thái ấp xưa, nay chỉ còn lại rất ít di tích. Đó là dấu tích ngôi chùa mang tên Khánh Lâm tự, thời Trần chùa mang tên Gia Lâm tự<sup>2</sup> do chính Trần Quang Triều cho xây dựng. Hiện nay, nhân dân gọi là chùa Lâm (hay chùa Dưới) để phân biệt với chùa Trên (chùa Diên Phúc). Chùa Diên Phúc còn mang tên đền Đức Thánh Bà, tức chùa Bà Giàn, một trong "tứ pháp" (Bà Dâu, Bà Đậu, Bà Giàn, bà Tường hay Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện).

Chùa Lâm xưa nằm trên mảnh đất "Quy xà hợp hình", chùa trông ra Đầm, hình con quy ấm thuỷ, rùng cây bao

- 
1. Bản *Gia Lâm xã thần tích bi ký* được viết trên giấy của "*Hoàng triều Lê bộ chính bản*" do Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn vào năm Nhâm Thân, niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất (1572), đời vua Lê Anh Tông. Nguyễn Hiền sao lại vào năm Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 6 (1740), đời vua Lê Ý Tông. Bản Thần tích khắc trên bia đá vào năm Giáp Tý, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 10 (1744).
  2. Chùa Gia Lâm đã đi vào thơ của Trần Quang Triều trong bài *Đề Gia Lâm tự*.

quanh là hình con xà<sup>1</sup>. Trải qua thời gian, chùa hiện nay chỉ còn một trụ đá gọi là "Thạch trụ dài", niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) ghi tên những người cúng thạch trụ cho chùa Gia Lâm.

Di tích hiện hữu còn lại quá ít trong khu vực thái ấp xưa, khiến cho chúng tôi gặp nhiều khó khăn trong việc trình bày diện mạo thái ấp. Chúng tôi phải chắt lọc trong dân gian những tư liệu văn hóa (dạng vô thể) như ca dao, phương ngôn, những câu đồng dao cổ và những bài thơ của Trần Quang Triều để lại cho đời. Hy vọng ở đó chúng góp thêm tiếng nói cho việc tìm hiểu của chúng tôi về thái ấp của Trần Quang Triều.

Tại làng Gia Lâm, nhân dân còn lưu truyền bài đồng dao cổ, nội dung liên quan đến Trần Quang Triều và thái ấp Kẻ Lầm của ông.

*Quan Tư lập ấp  
Nô chẳng đi đâu  
Bài<sup>2</sup> thì trông đâu  
Vực thì trông lúa<sup>3</sup>*

1. Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, Thần và tâm thức người Việt, Sđd, tr.202.

2. Bài, tiếng địa phương cổ, có nghĩa là "bài".

3. Tư liệu do chúng tôi sưu tầm trong chuyến đi diền dã vào tháng 9-1997.

Bài đồng dao trên còn cung cấp cho chúng ta những thông tin về cảnh sản xuất của thái ấp. Ngoài trồng lúa, nhân dân còn trồng dâu. Điều này thật phù hợp với môi trường sinh thái vùng Gia Lâm - vùng ven sông, có tiềm năng đất bãi, thuận lợi cho việc trồng dâu chăn tằm.

Xung quanh làng Gia Lâm còn 5 làng nữa (Chi Đông, Chi Nam, Cổ Giang, Kim Hồ, Sen Hồ) cùng thuộc xã Lệ Chi hiện nay. Tại các làng này, nhân dân còn lưu truyền những câu ca dao cho thấy cuộc sống của nhân dân cùng chung dòng Thiên Đức. Đến thế kỷ XIX, sông Thiên Đức cạn dần, nhân dân làng Chi Đông đã khao khát dòng sông đầy nước khi nào:

*Con sông Thiên Đức hép hòi  
Làm sao cho nước trên thoi<sup>1</sup> đổ về.*

Hay:

*Chi Đông có lịch có nề  
Có sông tắm mát có nghề ướm tờ.*

Điều này thật đúng như đoạn chép trong *Lịch sử Việt Nam* về một dải đất ven sông Đuống nổi tiếng với nghề nông tang từ xa xưa: "Cả một vùng đất bãi ven sông

1. Trên thoi là trên ngược.

*Đuống (khi ấy là nhánh chính của sông Hồng) ở miền Thuận Thành (Hà Bắc- nay là Bắc Ninh) được mang tên là bô lạc "dâu"<sup>1</sup>.*

Làng Kim Hồ (tên cũ là Kim Đường), nhân dân còn mô tả địa thế của làng qua dòng Thiên Đức:

*Kim Đường tiền cung điện  
Thiên Đức hậu loan đài<sup>2</sup>*

Dòng Thiên Đức xưa, vết tích còn lại là những ao, đầm ở làng Cổ Giang.

Chúng ta còn thấy vùng Gia Lâm thời Trần, một vùng đất không chỉ ở ven sông mà còn là vùng mà thông mọc thành rừng, thể hiện trong bài thơ *Đè Gia Lâm tự* của Trần Quang Triều:

*... Xuân văn hoa dung bạc,  
Lâm u thiền vận trường.  
... Khách khứ tăng vô ngũ,  
Tùng hoa mãn địa hương.*

1. *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1971, tr.47.

2. Nghĩa là: - Làng Kim Đường (tức Kim Hồ ngày nay) ở vòng quanh mặt trước làng Cổ Biện (nay là làng Cổ Giang). - Sông Thiên Đức chảy vòng phía sau làng Cổ Giang.

Dịch thơ:

... *Xuân chầy hoa mỏng mảnh,*  
*Rừng thẳm ve ngân nga.*  
... *Khách về sự biếng nói,*  
*Thông rụng nức mùi hoa*<sup>1</sup>.

Thái ấp Kẻ Lầm xưa, nay tương ứng với khu vực phía Bắc huyện Gia Lâm. Nhân dân ở đây hiện chuyên sống bằng nghề nông. Nghề trồng dâu chăn tằm đã bị mai một theo thời gian. Cũng chẳng mấy ai còn nhớ đến một Trần Quang Triều, một thời làm quan đầu triều, triều vua Trần Minh Tông. Một thời quan Tư đồ về đây lập ấp. Một thời ông là Hội chủ thi xã Bích Động và một thời ông là thành viên xuất sắc của dòng thiền Trúc Lâm do vị vua anh hùng Nhân Tông sáng lập. Trần Quang Triều cũng như nhiều quý tộc tôn thất khác là người cúng nhiều ruộng vào chùa: "cúng 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm, hơn một nghìn mẫu ở trang Đông Gia và trang An Lưu cùng hơn một nghìn nô để làm của tam bảo thường trú của thiền viện Quỳnh Lâm"<sup>2</sup>. Trần Quang Triều còn cúng nhiều vàng bạc, tiền cho cung Thái Thanh (ở Bạch Hạc) như bài minh chuông quán Thông Thánh cho biết: "Lại gấp khi Văn Huệ vương

- 
1. *Thơ văn Lý - Trần*, Quyển Thượng, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội-1989, tr.614-615.
  2. *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, Thần và tâm thức người Việt*, Sđd, tr.202

(tức Trần Quang Triều) *thay trưởng công chúa Thiên Chân, bố thí cô quả và các đèn chùa, vương lại cúng cho cung Thái Thanh vàng bạc và 200 quan tiền*<sup>1</sup>. Mặc dù, không có tư liệu cho chúng ta những hiểu biết về phủ đệ của Trần Quang Triều như thế nào, nhưng những tư liệu trên chứng tỏ Văn Huệ vương là người có nhiều ruộng, nhiều tiền, nhiều nông nô, nô tỳ. Từ đó ta có thể hình dung mà không sợ không có căn cứ là thái ấp của Văn Huệ vương phải vào loại rộng lớn. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng Trần Quang Triều không chỉ có thái ấp Gia Lâm mà có thể còn có nhiều ruộng đất ở nơi khác, trang An Lưu, trang Đông Gia nói lên điều đó.

Thái ấp Kẻ Lầm, một vùng ngã ba sông, trên bến dưới thuyền, một vùng vừa có sông, có bến, có rừng, một địa thế hiểm yếu- cửa ngõ của kinh đô Thăng Long. Trần giữ một vùng như vậy, hẳn triều đình không những chỉ giao cho một người tài giỏi của triều đình để hưởng bổng lộc mà điều tối quan trọng là vấn đề quốc phòng của triều đình, của đất nước - nhằm bảo vệ cửa ngõ của kinh đô, bảo vệ triều đình, cơ quan chính trị tối cao của đất nước, của dòng họ Trần. Đủ thấy, nhà Trần rất chú trọng bảo vệ cửa ngõ phía Bắc nói riêng, các cửa ngõ của kinh đô Thăng Long nói chung.

---

1. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề về lịch sử đời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 88-1966, tr. 25-32.

Thái ấp của Thượng tướng quân Trần Khát Chân  
ở Kẻ Mơ (nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Thượng tướng Trần Khát Chân, không rõ ông sinh năm nào và quê gốc chính xác ở đâu. *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép ông là dòng dõi Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng. *Cương mục* còn cho biết thêm, ông là dòng dõi Lê Đại Hành, được ban quốc tính (họ Trần) từ đời người cha. Lê Đại Hành quê ở làng Ninh Thái, huyện Thanh Liêm (Hà Nam). Có thuyết cho rằng, Lê Đại Hành quê ở Ái châu (Thanh Hoá ngày nay). Lại có thuyết cho là ở Trường châu (tức Ninh Bình ngày nay). Lại có thuyết cho rằng quê ông ở Thăng Long. Ông nội và cha của Trần Bình Trọng đã sống và làm quan ở Thăng Long. Ông nội là Khâm, làm quan tại triều Trần Thái Tông, có công đánh dẹp Nguyễn Nộn ở Bắc Giang. Cha là Kính, làm quan tại triều Trần Thánh Tông có công cùng Hà Bổng chặn đánh giặc Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258), được ban quốc tính họ Trần. Đến Trần Bình Trọng là đời thứ ba ở Thăng Long. Rất có thể theo thông lệ "tam đại thành tổ"<sup>1</sup>. Nếu đúng như thế thì quê Trần Khát Chân ở Thăng Long. Nhưng *Toàn thư* và *Cương mục* lại chép Trần Khát Chân quê ở Thanh Hoá, huyện Vĩnh Ninh, làng Hà Lãng (nay đổi là Hà Lương, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá). Theo bản thần tích của đền thờ Trần Khát Chân ở Hoàng Mai thì quê ông ở xã

1. Có nghĩa là dân ngụ cư đến đời thứ ba thì được coi là dân chính định của làng ấy.

Nhuế Dương, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Trần Khát Chân là người có công lớn trong cuộc chiến đấu chống quân Chiêm xâm lược. Vua Chiêm là Chế Bồng Nga đã tấn công, uy hiếp kinh thành Thăng Long vào tháng Giêng năm 1390. Trần Khát Chân đã giết được Chế Bồng Nga, bảo vệ được kinh thành, giữ yên được bờ cõi. Sau đó, ông được vua Trần Thuận Tông(1388-1398) phong tước hầu (Vũ Tiết quan nội hầu), được ban cho vùng Kẻ Mơ làm thái ấp. Tương truyền, vùng này mọc mọc thành rừng nên gọi là động mơ (Mai động). Kẻ Mơ xưa, nay là các làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động và phố Bạch Mai (từ ô Cầu Dền đến ngã tư chợ Mơ- Minh Khai phố- Trương Định phố- Đại La phố, ngày xưa gọi là ngã tư Trung Hiền đến tận Yên Sở). Kẻ Mơ nằm ở vùng ngã ba sông Kim Ngưu- sông Sét (ở Thanh Trì), cửa ngõ phía Nam của kinh đô Thăng Long.

Thái ấp Kẻ Mơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta luôn luôn phải đối phó với sự quấy nhiễu của quân Chiêm Thành. Nhất là vào nửa sau thế kỷ XIV, quân Chiêm Thành nhiều lần từ biên giới phía Nam đem quân sang xâm lược nước ta. Có lần chúng đã kéo quân vào kinh sư đốt phá cung điện. Toàn thư chép: "Năm 1371, tháng 3 nhuận, người Chiêm Thành do cửa biển Đại An (tức cửa Ngày ngày nay) tiến thẳng đến kinh sư...Bấy giờ thái bình đã lâu, biên thành không có phòng bị, giặc đến không có quân để chống lại. Giặc đốt cung điện đồ thư trui cả. Trong

*nước từ đây sinh ra nhiều chuyện*<sup>1</sup>. Vì thế, cửa ngõ phía Nam kinh thành được triều đình tăng cường phòng thủ. Triều đình đã chọn tướng quân- Trần Khát Chân có công đánh thắng quân Chiêm và giết được Chế Bồng Nga (người đã nhiều lần cầm quân xâm lược Đại Việt), trấn giữ chốt cửa ngõ phía Nam kinh thành Thăng Long.

Hiện nay, thái ấp Kẻ Mơ xưa, dấu tích còn lại là đình làng Hoàng Mai và bản thân tích về Trần Khát Chân ở đền thờ cùng các địa danh, lưu hình ảnh một thời nơi đây là thái ấp Trần Khát Chân. Hơn hai mươi năm trước, kết quả khảo sát của các nhà khảo cổ học<sup>2</sup> tại khu vực này cho biết: gần đình làng Hoàng Mai có một gò đất cao, được nhân dân gọi là *Đình Đụn*, là *kho chứa thóc* của Trần Khát Chân.

*Cánh Đồng Nghê*, tìm được nhiều nghê đá, sấu đá. Giữa cánh đồng có một gò đất cao, tương truyền là *nền phủ đệ* của Trần Khát Chân.

*Cánh Đồng Mui Trâu* là nơi nuôi trâu do Phạm Ngưu Tất trông coi.

*Đèn Lù*, bên bờ sông Kim Ngưu, nay đã bị phá hoại, xưa kia thò vị quan trông coi phường đánh cá trong khu

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, Tr.179.

2. Đặng Kim Ngọc-Nguyễn Thị Dơn, *Di tích một thái ấp thời Trần ở Hà Nội*, Trong: Những phát hiện về khảo cổ học năm 1978, tr.336.

vực thái ấp. Điều này phù hợp với đặc điểm địa lý của vùng nhiều sông hồ phía Nam này. Có lẽ, nghề đánh cá rất thịnh hành ở đây nên đã lập ra cả một "phường đánh cá".

*Đống Sành*, ở khu đất trống giáp giới hai làng Hoàng Mai và Tương Mai, nơi đây có khá nhiều đồ sành sứ. Có lẽ là nơi sản xuất đồ dùng sành sứ và các vật dụng khác. Đồ sành sứ này có lẽ liên quan mật thiết đến "đặc sản" rượu của Kẻ Mơ nổi tiếng thơ ngon "Rượu ngon chẳng quản be sành".

Bên cạnh đình làng Hoàng Mai có một ngôi chùa mang tên Nga Mi. Trong chùa có tấm bia đá dựng năm Hồng Đức thứ 7 (1476), nội dung kể lại sự việc trùng tu chùa. Như vậy chùa phải được ra đời trước thời Hồng Đức và rất có thể là dưới thời Trần.

Hiện nay ở Hoàng Mai và Tương Mai đều có đình thờ Trần Khát Chân. Đình làng Tương Mai, ngoài thờ Trần Khát Chân còn thờ Phạm Ngưu Tất, một tuỳ tướng của ông.

Ở Kẻ Mơ, nhân dân còn giỏi làm ra những đặc sản: Xôi lúa (xôi ngô), rượu, đậu mè, thịt bò tái. Hoàng Mai có nghề nấu rượu. Rượu ở đây nổi tiếng ngon: "Rượu Kẻ Mơ, cờ Mộ Trạch", thời nào cũng được nhắc đến và được lưu truyền trong dân gian qua các vần thơ:

*Em là con gái Kẻ Mơ  
Em đi bán rượu tình cờ gặp anh  
Rượu ngon chẳng quản be sành...*

Hoàng Mai còn có nghề trồng hoa. Tương Mai có nghề làm tương, làm đậu. Đậu Mơ nổi tiếng ngon, ít nơi sánh kịp, hình dáng cũng rất đặc biệt- hình vuông. Tương của làng Tương Mai làm bằng quả mơ ngon nức tiếng. Thịt bò tái ở Cầu Dền nổi tiếng ở vùng Kẻ Mơ. Ẩn chứa đằng sau các địa danh trình bày ở trên, chúng ta có thể hình dung trong khu vực thái ấp của Trần Khát Chân tồn tại nhiều ngành nghề mang tính chuyên môn hoá. Có nghề trồng lúa, nấu rượu, làm tương, làm đậu. Có nghề đánh cá, chăn nuôi, có nghề chuyên sản xuất đồ sành sứ. Có lẽ trước khi trở thành thái ấp của Trần Khát Chân những nghề này đã từng ra đời và tồn tại lâu dài trong vùng Kẻ Mơ. Bởi có nghề còn nổi tiếng đến tận ngày nay như nghề làm đậu mơ.

Thái ấp Kẻ Mơ tồn tại từ 1390 đến 1399. Năm 1399, do mưu sát Hồ Quý Ly không thành, Trần Khát Chân bị Hồ Quý Ly giết chết. Một gia thần của Trần Khát Chân là Vũ Toản đem toàn bộ gia sản trong thái ấp chia cho dân. Tưởng nhớ tới công lao của ông đối với đất nước và với khu vực thái ấp, nhân dân ở đây đã thờ ông làm thành hoàng. Cho đến trước Cách mạng Tháng Tám, nhân dân các làng Kẻ Mơ đều thờ ông.

Thái ấp của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư ở  
Dưỡng Hoà (nay thuộc xã Duy Hải, huyện Duy Tiên,  
tỉnh Hà Nam)

Trần Khánh Dư không rõ ông sinh năm nào, năm ông  
mất là 1339. Ông được phong thái ấp từ bao giờ, chính sử  
không hề chép đến. Về thân thế của Trần Khánh Dư, sử cũ  
đã không tiếc lời khen ngợi ông là người tài giỏi, có trí lược.  
Sau đó, ông được triều đình trọng dụng lập làm Thiên tử  
nghĩa Nam và được phong chức Phiêu ky Thượng tướng  
quân, một chức chỉ giành riêng cho hoàng tử. Liên sau đó,  
Trần Khánh Dư mắc tội<sup>1</sup> bị nhà vua ra lệnh: "Xuống chiếu  
cách hết quan túc, tịch thu sản nghiệp, không để lại cho  
một tí gì"<sup>2</sup>. Trần Khánh Dư trở về châu Chí Linh ở trên  
đất của cha và làm nghề bán than. Vào thời điểm khi cuộc  
kháng chiến lần thứ hai sắp bùng nổ, nhà Trần triệu tập  
các vương hầu bách quan họp Hội nghị Bình Than (vào  
tháng 10 năm 1282), Trần Khánh Dư nhân chở than qua  
đó, vua Trần Nhân Tông chợt nhận ra, rồi cho triệu đến,  
cùng ngồi bàn việc quân với các vương hầu. Sau đó, vua ra  
lệnh phục chức Phó Đô tướng quân cho Trần Khánh Dư.  
Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1288), Nhân  
Huệ vương phụ trách chiến đấu ở vùng ven biển, nhân chỗ  
sơ hở của giặc đã tổ chức một cuộc phục kích làm đắm toàn

- 
1. Trần Khánh Dư có quan hệ bất chính với công chúa Thiên Thuy  
là vợ Hưng Trí vương Nghiễn, con trai Trần Quốc Tuấn.
  2. Đại Việt Sử ký toàn thư, tập II, Sđd, tr.53.

bộ đoàn thuyền lương của tướng giặc Trương Văn Hổ ở Vân Đồn, tạo điều kiện để quân dân Đại Việt nhanh chóng đi đến thắng lợi.

Với những dòng tư liệu ít ỏi như trên, chúng ta không thể biết được "sản nghiệp" của Trần Khánh Dư ở chỗ nào. Tuy nhiên, dựa vào tu liệu địa phương, chúng ta biết được thái ấp của ông ở làng Dương Hoà. Theo bản *Thần tích Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư* ở làng Vọng Trung, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nơi Trần Khánh Dư lập điền trang. Bản thần tích sau khi kể lại sự việc Trần Khánh Dư về khai hoang lập ấp ở Vọng Trung và sống ở đó cho đến khi ông hơn 80 tuổi. Sau đó "vương trở về ấp phong<sup>1</sup> Dương Hoà". Dương Hoà, thái ấp của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, trong thời kỳ quân Minh xâm lược, làng này đã bị san bằng vào đầu thế kỷ XV. Sau khi quét sạch quân xâm lược Minh ra khỏi bờ cõi, nhân dân về đây lập làng. Làng Dương Hoà được lập lại trên đất Bài Áng cũ đời Trần. Làng có con hào lớn bao quanh. Nên nhân dân quen gọi tên làng là Dạnh (Dạnh = Rãnh = Hào). Dương Hoà, tên gọi ban đầu là Dương Xá. Khu vực Dương Hoà hiện còn một số địa danh liên quan đến thái ấp và phạm vi thái ấp: "*Thượng tựu quán trâu, hạ chí chợ Sàng, dài khoảng 10 km, hai đầu có*

---

1. *Thần tích Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư* ở làng Vọng Trung, Tư liệu do ông Lê Xuân Quang (Hà Nam) cung cấp cho chúng tôi.

*hai cột đá hổ mā<sup>1</sup>*. Diện tích hào bao quanh làng khoảng 307 mẫu. Diện tích ruộng đất khoảng 1250 mẫu, trong đó có khoảng 10 mẫu ruộng tể. Cho đến trước Cách mạng Tháng Tám, tuyệt đại bộ phận ruộng đất ở đây đều là ruộng công. Trong làng hiện còn khu "mả vua", đền thờ Trần Khánh Dư, các khu đất mang tên Thôn Phố, Dinh Tú, Trại Ngựa, chợ Ngọc, trại Gang, trại Lính, trại Voi. Những địa danh trên gợi mở cho chúng ta một số vấn đề. Trong thái ấp Dương Hoà, đền thờ Trần Khánh Dư có thể được xây trên khu đất thuộc trung tâm thái ấp. Trong khu vực thái ấp có chợ, có trại cho lính ỏ, có trại nuôi ngựa, nuôi voi. Ngoài ra những địa danh Thôn phố, Dinh Tú, trại Gang hẳn sẽ chứa đựng trong nó một nội dung nhất định. Nhưng thật tiếc, chúng tôi chưa có cơ sở để xem xét.

### Thái ấp của các Trưởng công chúa ở Bạch Hạc (nay thuộc Việt Trì).

Quán Thông Thánh, một quán đạo giáo thời Trần ở làng Bạch Hạc, tổng Nghĩa An, huyện Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Quả chuông ở quán Thông Thánh được đúc vào thời Trần. Bài minh chuông được khắc năm Đại Khánh thứ 8 (1321) đời Trần Minh Tông. Nội dung bài minh

---

1. Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I: *Thế kỷ XI-XV*, Sđd, tr.112.

không chỉ cho biết Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật và quân đội do ông chỉ huy trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai, mà còn cho biết đất Bạch Hạc là thái ấp của các trưởng công chúa thời Trần. Trước nhu cầu xây dựng lại quán Thông Thánh, các công chúa đã bỏ tiền của ra xây dựng lại quán. Bài minh chuông chép: "... *Bấy giờ, cung quán dần dần xiêu đổ, thêm nữa, chuông lớn có thể cảm tỉnh hồn mê, lòng những muôn đúc chuông dựng quán...* Trưởng công chúa Thiên Thuy, trưởng hoàng cơ của vua thứ ba triều Trần là hoàng đế Thánh Tông, chuông quản hương dân Bạch Hạc đã xuất của cải, đặt gỗ lạt, xây dựng như mới. Từ sau khi Trưởng công chúa Thiên Thuy chết, hương dân ruộng đất ở đó đều thuộc quyền chuông quản của Trưởng công chúa Thiên Chân, trưởng hoàng cơ của vua thứ năm là hoàng đế Anh Tông. [Thiên Chân] thu thuế nhẹ, giảm lao dịch, giúp người nghèo khổ, yêu kẻ cô quạnh, sinh linh cả một hương không ai không bái tạ ân đức"<sup>1</sup>.

Chính sử không chép đến những tư liệu liên quan đến thái ấp của các trưởng công chúa và cũng không chép rõ tiểu sử của họ. Tư liệu minh chuông Thông Thánh quán, dù ít ỏi nhưng thật quý hiếm giúp cho chúng ta thêm

1. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề về lịch sử đời Trần*, đã dẫn, tr.25-32.

những hiểu biết về đối tượng ban cấp thái ấp thời Trần.  
Ngoài các vương hầu còn có cả các trưởng công chúa.

### Điền trang của Hoàng hậu Trần Thị Ngọc Hào ở huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

Bà Trần Thị Ngọc Hào là vợ vua Trần Duệ Tông. Theo bản Phả ký tại chùa Am, làng Phụng Công, phủ Đức Thọ (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh) cho biết. Bà Trần Thị Ngọc Hào, con gái ông Trần Công Thiệu, quê làng Tri Bản, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Bà là người tài sắc vẹn toàn nên được tuyển vào cung vua rồi trở thành vợ của vua Trần Duệ Tông. Bà sinh được người con gái tên là Trần Thị Ngọc Hiên, hiệu là Huy Chân công chúa. Sau khi nhà vua tử trận trước thành Đồ Bàn (năm 1377) trong cuộc chống xâm lấn của quân Chiêm Thành, hai mẹ con bà và hai viên cận thần cùng 170 nông nô, nô tỳ chạy về quê nhà ở hạt Hương Khê. Về tới nơi, bà trú tại dọc dãy núi Cốc và núi Trà (Địa phận huyện Đức Thọ ngày nay) chiêu mộ nhân dân quanh vùng. Hơn ba nghìn người hưởng ứng theo tiếng gọi của bà đã về đây khai khẩn đất hoang, xé núi, dựng nhà, cuốc nương. Sau một thời gian đã khẩn hoang được 3965 mẫu, lập ra nhiều làng xóm mới như các làng Lâm Thao, Hoà Duyệt (nay thuộc huyện Hương Khê), Thượng Bồng, Hạ Bồng (huyện Hương Sơn), Lạng Quang, Du Đồng, Đồng Công (huyện Đức Thọ), Thường Nga, Lai Thạch (huyện Can Lộc). Trong cuộc kháng chiến chống

quân xâm lược Minh, bà đã giúp nghĩa quân Lê Lợi rất nhiều của cải và sức người. Sau khi kháng chiến thắng lợi, Lê Lợi lên làm vua đã vời hai mẹ con bà ra kinh thành sinh sống. Huy Chân công chúa được Lê Lợi lấy làm phi. Một thời gian sau, bà xin trở về quê và xin nhà vua cho lập ngôi chùa trên sườn núi Am lấy tên "Diên Quang tự" (còn gọi là chùa Am) và tu ở đó<sup>1</sup>.

Có thể nói điền trang của bà Trần Thị Ngọc Hào vào loại lớn, với diện tích khai khẩn được 3965 mẫu ở khu vực rừng núi các huyện Hương Khê, Hương Sơn, Đức Thọ, Can Lộc, đã thêm một minh chứng cho diện mạo điền trang thời Trần, không những đa số các điền trang được hình thành ở ven sông, ven biển mà còn được hình thành ở vùng rừng núi phía Tây Nam đất nước Đại Việt.

### Điền trang của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư ở Vọng Trung.

Theo bản *Thần tích Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư* ở làng Vọng Trung, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên (Nam Định) cho biết tại nơi này, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đã mua dân khẩn hoang lập ra làng mới An Trung: "...Năm Nhâm Tý (1312), Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đi đánh Chiêm Thành thắng trận, về triều. Năm Quý

1. Lê Như Thuỷ, *Bà Trần Thị Ngọc, vợ vua Trần Duệ Tông (1373-1377)*, Tạp chí Tri Tân, số 70(3-11)-1942, tr.20-21.

Hội (1323), vương xin trí sĩ về nơi ấp phong (ở Dương Hòa). Bấy giờ trong nước thái bình, nhân dân an nghiệp, Nhân Huệ vương đi dạo chơi các nơi non xanh nước biếc, vui thú yên hà. Một lần, vương thăm đất Tam Điệp- Trường Yên, dừng chân trên một vùng đất cao rộng, phía trước có sông lớn chảy dài ra biển, phía sau đồng cỏ bát ngát mênh mông, chim trời tụ tập từng đàn, phong cảnh thật là tốt đẹp. Vương khiến hai gia tướng họ Bùi và họ Nguyễn xây dựng nhà cửa để vương ở lại, chiêu mộ người khai khẩn đất đai lập ra làng mới. Ban đầu được hòn chục gia đình tụ hội, phát cổ tranh cỏ cói, dựng nhà ở, cày cấy trồng lúa, trồng ngô, vài năm sau dân số đông dần lên ngót 50 hộ. Vương đặt tên là trại An Trung (nay là thôn Vọng Trung, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Từ đó, người xa gần đến khai hoang ngày một đông lập thêm hai trại nữa là trại Đông Khê (nay là thôn Thanh Khê, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định) và trại Tịch Nhi (nay là thôn Tịch Nhi, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Nhân Huệ vương ở lại đây đến năm tuổi ngoài tám chục, vương trở về ấp phong Dương Hòa...<sup>1</sup>. Nội dung của bản thân tích làng Vọng Trung cho chúng ta thấy, Trần Khánh Dư đã mộ dân đến vùng Tam Điệp khẩn hoang. Trại lập đầu tiên là An Trung. Sau dân cư đông dần, quá trình khẩn hoang được mở rộng, lập thêm một số trại mới là Đông Khê và Tịch Nhi. Trần Khánh Dư ở An Trung

---

1. Thần tích Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, Tư liệu đã dẫn.

trông coi việc khẩn hoang. Khi tuổi cao, sức yếu, ông giao ba trại đó cho hai gia tướng họ Bùi, họ Nguyễn, còn ông trở về thái ấp Dương Hoà. Sau đó Trần Khánh Dư: "...Giao ba trại An Trung, Đông Khê và Tịch Nhi cho hai gia tướng họ Bùi, họ Nguyễn coi sóc. Dân khai hoang ba trại nhờ tiền bạc của vương chư cấp mới có lương ăn và mua nông cụ". Trần Khánh Dư còn dạy cho dân nghề dệt chiếu và đã hình thành một làng chuyên nghề dệt chiếu như trại Tịch Nhi. Sau khi Trần Khánh Dư mất, nhân dân nơi đây đã xây đền thờ ông trên nền nhà ông ở trại An Trung. Trong đền có bức đại tự "Ẩm hà tư nguyên" (Uống nước nhớ nguồn) và đôi câu đối:

- Nhân Huệ vương tân sáng giang biên, thổ địa ốc  
nhiêu kim thương tại.
- Bùi, Nguyễn tộc cựu mô kế chí, gia cư trù mật cổ  
do lưu.

Tạm dịch:

- Nhân Huệ vương mới mở bên sông, đồng ruộng phì  
nhiêu nay vẫn đó.
- Họ Bùi, Nguyễn theo nền nôi chí, dân cư đông đúc  
trước còn đây.

Một tư liệu khác cho biết, Nhân Huệ vương Trần  
Khánh Dư còn có tư trang ở ven sông Linh Giang, hiện còn

đền thờ ở đó, nhưng đáng tiếc tư liệu không cho ta biết thêm thông tin gì hơn nữa<sup>1</sup>.

### Điền trang của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh ở Lệ Thuỷ (Quảng Bình)

Huyện Lệ Thuỷ ngày nay, thời Lý thuộc châu Địa Lý (hay Lâm Bình). Thời Trần "huyện Lệ Thuỷ đặt làm huyện Nha Nghi. Hiện huyện Lệ Thuỷ ở về miền Đông Nam tỉnh Quảng Bình"<sup>2</sup>. Thời Lê, đổi huyện Nha Nghi thành Lệ Thuỷ, thời Nguyễn giữ nguyên tên gọi Lệ Thuỷ và tồn tại đến nay.

Vào mùa Hè năm 1996, chúng tôi đã đi điền dã ở Lệ Thuỷ. Dựa vào tư liệu địa phương gồm gia phả, tộc phả, bia mộ, văn tế, địa danh và tư liệu truyền khẩu do các cụ già địa phương cung cấp, kết hợp với tài liệu thư tịch cổ, chúng tôi đã phát hiện được một điền trang gắn liền với tên tuổi của vị tiến sĩ cuối thời Trần - Hoàng Hối Khanh. Hiện nay, mộ của ông ở gần núi An Mã (còn gọi là Mã Yên), xã Trường Thuỷ, nhân dân quen gọi là mộ Hoàng quận công. Miếu thờ ông ở thôn Hà Thanh, gọi là miếu Tiến sĩ<sup>3</sup>.

- 
1. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII, Tập I: Thế kỷ XI-XV*, Sđd, tr.158.
  2. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb.Thuận Hoá, 1994, tr.158
  3. Đường đi đến mộ: Từ thị trấn Kiến Giang, đi bằng đường bộ hoặc đường thuỷ, khoảng 15 km đến mộ. Đường đến miếu, đi bộ từ thị trấn Kiến Giang khoảng 1 km.

Về nhân vật Hoàng Hối Khanh, *Toàn thư* chép khá nhiều về ông. Ông người xã Bá Trại, huyện Yên Định (hay An Định), tỉnh Thanh Hoá. Nay là thôn Bá Trại, xã Định Tăng, huyện Thiệu Yên (Thanh Hoá). Hoàng Hối Khanh thi đỗ Thái học sinh năm Giáp Tý, niên hiệu Xương Phù thứ 8 (1384) đời Trần phế đế. *Toàn thư* chép: "Mùa Xuân, tháng 2, Thượng hoàng thi Thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du, cho bọn Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hối Khanh 30 người đỗ"<sup>1</sup>. Về năm sinh của ông, chỉ có sách "*Lịch đại đăng khoa*" ghi ông đỗ năm 23 tuổi<sup>2</sup>. Nếu theo "*Lịch đại đăng khoa*" mà suy ra thì có thể ông sinh năm 1362 (nếu tính theo tuổi âm lịch). Sau khi đỗ tiến sĩ, ông được triều đình bổ làm tri huyện huyện Nha Nghi (tức Lê Thuỷ). Vào tới vùng đất miền biên viễn xa xôi hẻo lánh này, ông đã thăm dò và nhận ra rằng vùng đất ở *ngã ba sông Bình Giang và Ngô Giang* này (vùng xã Phong Thuỷ, Lê Thuỷ), nơi địa thế có sông, núi, có đất đai phì nhiêu, có biển Đông (hiện nay ở phía Đông huyện Lê Thuỷ bờ biển dài 30 km) lại có thành Ninh Viễn (còn gọi là thành Nhà Ngo hay thành Chàm), vốn là thành của Chiêm Thành xây dựng trước đây. Một tòa thành mà "*sông Bình Giang đi qua phía trước, sông Ngô Giang án ngữ phía sau*". Đến phía Tây Bắc thì hợp làm một. Thành ấy ba mặt giáp sông, một mặt giáp núi chính là bậc vương công đặt thành

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.196.

2. Dẫn theo: "*Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919*". Nxb Văn Học- 1993. Tr. 59.

ở chỗ hiểm..."<sup>1</sup>. Hoàng Hối Khanh đã dùng thành này vừa làm lỵ sở vừa làm căn cứ quân sự. Sau đó, ông trở ra Thanh Hoá, Nghệ An chiêu tập dân của 12 dòng họ cùng vào khai hoang lập ấp. 12 dòng họ gồm họ Hoàng, Phạm, Trần, Lê, Thân, Khổng, Đào, Phan, Diệp, Bạch, Nguyễn, Võ<sup>2</sup>. Những người này cùng với dân sở tại, gồm tù binh Chiêm Thành và người Việt được đưa vào từ thời Lý Thánh Tông, sau khi tiếp quản vùng đất này. Họ hợp thành lực lượng lao động sản xuất chính để khai khẩn đất hoang, lập điền trang. Thời Trần, vào cuối thế kỷ XIV, thời kỳ kinh tế nước nhà gặp nhiều khó khăn, quốc khố có lúc trống rỗng. Thêm vào đó là nạn Chiêm Thành từ biên giới phía Nam tấn công liên tục vào đất nước Đại Việt. Nếu chỉ tính từ năm 1361 đến 1391 thì đã có tới 15 lần Chiêm Thành tổ chức tấn công Đại Việt. Trong đó có ba lần chúng tiến thẳng vào kinh thành Thăng Long và một lần tiến đến Quảng Oai, uy hiếp Thăng Long. Tình trạng đó làm cho dân xiêu tán mỗi lúc một tăng và dĩ nhiên đã có không ít người chạy vào điền trang của Hoàng Hối Khanh làm nô nô, nô tỳ. Hoàng Hối Khanh với trọng trách không chỉ lo phát triển kinh tế mà còn làm sao để tạo nên một lực

- 
1. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Nxb.Khoa học Xã hội, Hà Nội-1977, tr.73.
  2. Trong *Văn tế* của làng Thượng Phong, xã Phong Thuỷ, cúng nhân ngày giỗ của Hoàng Hối Khanh tại nhà thờ họ Hoàng, đã ghi: "...Quan viên thập nhị tôn phái khai khẩn hàm lai thụ hưởng...". Tư liệu do cụ Trần Trọng Bân, 75 tuổi, người làng Thượng Phong, nguyên giáo viên cấp II, cung cấp cho chúng tôi.

lượng quân đội mạnh phòng khi có chiến tranh. Ông đã phân chia số người này ra làm nhiều khu vực xung quanh thành Ninh Viễn để khai khẩn. Theo gia phả một số dòng họ ở làng Thượng Phong (xã Phong Thuỷ) thì diện tích điền trang khai khẩn được là 500 mẫu ở cánh đồng Thượng Phong ngày nay (con số này theo chúng tôi đoán, có lẽ chỉ là đất canh tác, không kể đất dùng để ỏ). Cùng với quá trình khai hoang là quá trình lập làng. Chỗ đất tốt cao ráo được chọn để ỏ. Làng mới lập gọi là Kẻ. Ví dụ:

Kẻ Tiểu là làng Thượng Phong, xã Phong Thuỷ.

Kẻ Đại là làng Đại Phong, xã Phong Thuỷ.

Kẻ Tuy, thuộc xã Lộc Thuỷ.

Kẻ Thá, thuộc xã Lộc Thuỷ.

Kẻ Chèn, thuộc xã Xuân Thuỷ.

Kẻ Soi là làng Xuân Hồi, xã Liên Thuỷ.

Kẻ Châu là làng Quảng Cư.

Kẻ Tréo (chợ Tréo) là Cổ Liễu thuộc xã Liên Thuỷ, nay là trung tâm thương mại của thị trấn Kiến Giang.

Đến thời Lê, kẻ Tiểu, kẻ Đại đổi thành Tiểu Phúc Lộc và Đại Phúc Lộc. Trong *Ô chau cản lục* của Dương Văn An còn chép rõ tên hai làng này. Kẻ Tiểu- Tiểu Phúc Lộc - Thượng Phong là một làng của xã Phong Thuỷ, trong quá trình khảo sát, chúng tôi thấy ở làng này trước đây là nơi

tập trung 12 nhà thờ<sup>1</sup> của 12 dòng họ vào từ khi Hoàng Hối Khanh chiêu tập và có lẽ kẻ Đợi cùng kẻ Tiểu là trung tâm khai khẩn đầu tiên. Tất cả những người này lúc đầu chủ yếu đều làm nông nghiệp. Dần dần, do yêu cầu của cuộc sống cộng với điều kiện thiên nhiên, nguyên liệu sẵn có ở địa phương một số làng nghề ra đời như làng chài (đánh cá), làng thủ công (dệt chiếu, vải vóc), làng làm gốm (sản xuất nồi niêu, gạch ngói), làng rèn (rèn công cụ lao động, vũ khí thô sơ). Những làng này không phải được ra đời từ các dòng họ, mà dường như nó được trộn lẫn giữa các cư dân của các dòng họ. Làng chài được tập hợp các trai tráng khoẻ mạnh, bởi đánh cá là nghề cần sức khoẻ. Đàn bà, con gái thì không thể ra khơi đánh cá.

Trong điền trang của Hoàng Hối Khanh, nghề làm ngoài trời và nghề làm trong nhà được phân biệt bằng các *Kẻ* và *Nhà*. Nghề làm ngoài trời gọi là các *Kẻ* như kẻ Tiểu, kẻ Đợi, kẻ Tuy, kẻ Thá, kẻ Soi, kẻ Tréo... Nghề làm trong nhà được gọi là các *Nhà* như nhà Phan, nhà Vàng, nhà Mòi, nhà Ngo... Những Kẻ và Nhà này ra đời đã 600 năm, đến nay vẫn được dân địa phương quen dùng. Ví dụ, ông bố có thể sai con: "mi đi nhà Phan rèn cho tau con rựa" (nghĩa là, mày đến lò rèn rèn cho tao con dao). Hoặc các cụ thường nói: Ông A là dân kẻ Tiểu, ông B là dân kẻ Tréo vv và vv... Đời sống trong các làng này, phong lưu hơn cả vẫn

1. Hiện nay, 12 nhà thờ đều không còn. Nhà thờ họ Hoàng là lớn nhất, nền nhà thờ nay làm kho bạc của thị trấn Kiến Giang.

là làng làm nông. Ở Lê Thuỷ, dân địa phương còn lưu truyền câu ca dao:

*Văn minh là đất Thượng Phong  
Lác tra Phú Thọ, lông công Xuân Hồi.*

"Văn minh" là từ chỉ những làng giàu có, nhiều ruộng, nhiều thóc như làng Thượng Phong (kẻ Đọi, kẻ Tiểu thời Trần). Lác tra là thứ cối để dệt chiếu của làng Phú Thọ (Nhà Mài ngày xưa). Lông công<sup>1</sup> là thứ nhạc cụ đơn sơ dùng để gõ khi đánh bắt cá của làng Xuân Hồi (kẻ Soi). Ẩn daskell sau câu ca đó là thực chất của các làng nghề. Làng Thượng Phong làm nông nghiệp, làng Phú Thọ dệt chiếu, làng Xuân Hồi đánh cá. Trong tất cả các nghề thì nghề nông được chú trọng hơn cả. Hoàng Hối Khanh khuyến khích dân khai hoang lấy đất cấy lúa. Bởi làm nông nghiệp không chỉ lấy thóc lúa nuôi dân mà còn tích trữ để phòng khi có thiên tai, dịch họa. Nó cũng thể hiện chính sách chung: "trọng nông" của các triều đại phong kiến Việt Nam. Vấn đề khẩn hoang ở Lê Thuỷ không chỉ dừng lại ở thời cuối Trần, mà sau khi Hoàng Hối Khanh kết thúc cuộc đời cùng chung số phận với sự sụp đổ của vương triều Trần, Hồ. Đến thời Lê sơ, công cuộc khẩn hoang ở Lê Thuỷ vẫn được tiếp tục. Ba ông: Thái Bảo Thanh quận công

---

1. *Lông công* không phải là tên gọi của nhạc cụ đó, khi gõ nó có tiếng kêu loong ca loong coong, nên dân gọi là *lông công*.

(không rõ tên), Cai tri phó tướng Võ Khê hầu (không rõ tên), Tri phủ họ Trần (không rõ tên), được triều đình nhà Lê giao cho trị nhậm vùng Lệ Thuỷ, thực hiện sứ mệnh ổn định vùng biên giới và tiếp tục điều hành dân khai khẩn ruộng hoang, theo chính sách chung của triều đình Lê sơ là đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang trên quy mô cả nước. Ông Thái Bảo Thành quận công đưa dân đến vùng hoang dã, cách Thượng Phong khoảng 10 km về phía Nam, khẩn được vùng đất khoảng 30 mẫu<sup>1</sup>. Đất đó ngày nay là cánh đồng Hác Lấp (còn gọi là Bổn Cù). Ông Cai tri phó tướng Võ Khê hầu đưa dân đến vùng núi An Mã (còn gọi là Mã Yên) biến núi rừng rậm rạp thành đất ruộng, được khoảng 90 mẫu<sup>2</sup> (nay là vùng Ba Canh) cách Thượng Phong khoảng 18 km về phía Tây. Hai vùng đất Bổn Cù và Ba Canh đã có lần từng là nơi vua Lê Thánh Tông và Thái Bảo Thành Quận công đóng quân trong cuộc chinh chiến với quân Chiêm Thành. Vùng Ba Canh đồi núi rậm rạp, dân đến khai phá lập ra phường mới lấy tên là *phường Tiểu*. Có lẽ là dân kẻ Tiểu lên đó khai hoang lập ra phường mới, mà vẫn lấy tên của làng gốc "kẻ Tiểu". Ông Tri phủ họ Trần, sách Ô châu cận lục chép "Ông người Phúc Lộc, huyện Lệ Thuỷ, giữ chức Tri binh dân sự phủ Tân Bình. Đến thờ ông ở xã Tiểu Phúc Lộc..." (tr.100). Ông

- 
1. Xem: *Thượng Phong truyền thống và cách mạng*, Sơ thảo. Tập I. Đảng uỷ, Ban quản lý HTX Thượng Phong. 1995. Tr. 23.
  2. Xem: *Thượng Phong truyền thống và cách mạng*. Tài liệu đã dẫn. Tr. 23.

Tri phủ họ Trần cùng hợp tác với hai ông Thanh quận công và Võ Khê hầu trong việc điều dân khai khẩn. Ba ông đã có công tổ chức khẩn hoang, mở rộng diện tích canh tác cho dân làng (được 120 mẫu). Nên hiện nay cả ba ông đều được dân gọi là ba ông hậu khai khẩn, cùng với ông tiền khai khẩn - Hoàng quận công đều được dân làng thờ làm "thần nhân" của làng. Ở Phong Thuỷ (Lệ Thuỷ) dân làng thường nói thần làng ta là vị tiền khai khẩn và hậu khai khẩn, chứ không phải tiền khai khẩn, hậu khai canh là có nguyên do như thế.

Một quá trình khẩn hoang liên tục từ cuối thời Trần và được triều Lê Sơ tiếp nối ở đất Lệ Thuỷ, một lần nữa thể hiện chính sách chú trọng phát triển kinh tế nông nghiệp của các vị vua Trần và Lê Sơ, là cơ sở tăng cường tiềm lực về quân sự, chính trị của vùng đất miền biên giới phía Nam của đất nước Đại Việt được kế thừa từ thời Lý (năm 1069).

Điền trang của Hoàng Hối Khanh với diện tích khai khẩn được 500 mẫu. So với diện tích của xã Phong Thuỷ ngày nay có diện tích (thổ canh + thổ cù) là 986,32 ha (khoảng 9.863.200 mẫu) thì quả là nhỏ bé. Nhưng nếu đặt nó vào tình hình điền trang chung ở thời Trần thì điền trang của Hoàng Hối Khanh vào loại lớn. Một số điền trang khác nhỏ hơn nhiều. Điền trang Bảo Lộc (Mỹ Lộc, Nam Định) còn gọi là "An Lạc ấp". Một ấp thời xưa có lẽ tương đương với một làng hiện nay. Điền trang của công

chúa Trần Khắc Hãn ở An Nội và Cố Nhuế (Hà Nội) khoảng 250 mẫu. Diền trang của công chúa Thái Đường ở vùng đất Miễn Hoàn khoảng 100 mẫu. Và như vậy, diền trang của Trần Liễu có An Lạc ấp thì diền trang của Hoàng Hối Khanh có 4 làng (làng nông, làng nghề, làng chài, làng chợ) chua kẽ một trung tâm chính trị, quân sự rộng lớn là thành Ninh Viễn. Nếu tiếp tục so sánh với diền trang của công chúa Trần Khắc Hãn và Trưởng công chúa Thái Đường, thì diền trang của Hoàng Hối Khanh có diện tích gấp hai ( $500 / 250$  mẫu), gấp năm ( $500 / 100$  mẫu). Một diền trang rộng lớn, có một trung tâm chỉ huy- thành Ninh Viễn (vị trí của thành hiện nay nằm trên địa bàn của hai làng Uẩn Áo và Quy Hậu). Trong thành ngoài thị, cách thành khoảng 2km là chợ Tréo (kẻ Tréo). Ba mặt xung quanh thành (trừ mặt thành dựa vào núi) là các *Kẻ* và *Nhà*. Kẻ làm nông nghiệp chiếm đa số. Kẻ đánh cá hay làng chài gọi là kẻ Soi (làng Xuân Hồi nay). Một số *Nhà* làm nghề (làng nghề) như nhà Phan (Phan Xá nay) làm nghề rèn, rèn đúc vũ khí thô sơ và một số công cụ khác như gươm, giáo, dao, rựa... Nhà Vàng (Hoàng Giang nay) chuyên sản xuất công cụ lao động như lưỡi cày, cuốc, liềm hái, đục, chàng... Nhà Mồi (Xuân Lai nay) chuyên làm nghề dệt và trồng dâu chăn tằm. Nhà Ngo (làng Uẩn Áo nay) chuyên sản xuất đồ gốm như nồi, niêu, ấm đất... phục vụ cuộc sống cho nhân dân trong diền trang. Làng Thổ Ngõa chuyên sản xuất gạch ngói phục vụ xây dựng nhà cửa. Tư liệu Khảo Cổ học cho biết, trong lớp đất đá của

mặt cắt của một đoạn tường thành Ninh Viễn, đã tìm thấy một ít hiện vật đá men nâu thời Trần, gốm hoa lam thời Lê, nhiều hơn cả vẫn là gạch Chàm và đồ sành thế kỷ XVIII<sup>1</sup>. Điều chúng tôi lưu tâm là trong điền trang của Hoàng Hồi Khanh, việc sử dụng ruộng đất của các dòng họ như thế nào. Không có tư liệu nào viết về vấn đề này. Mặc dù, vào cuối thời Trần, xu hướng tư hữu ruộng đất trên đà phát triển mạnh. Những người lao động trong điền trang có nghĩa vụ nộp tô thuế cho Hoàng Hồi Khanh. Số lượng nộp bao nhiêu, cũng không có tài liệu nào cho biết. Chính sách "ngụ binh ư nông" thời Lý - Trần, được thực hiện rộng rãi trên toàn đất nước. Ở đây cũng vậy, khi đất nước có chiến tranh thì những người dân cầm cày, cuốc sẽ là những người cầm vũ khí "động vì binh, tĩnh vì dân".

Điền trang của Hoàng Hồi Khanh tồn tại vào cuối thời Trần. Chúng tôi không có đủ tư liệu để xem xét số phận điền trang theo chính sách "Hạn điền" của Hồ Quý Ly ban hành năm 1397: "*Xuống chiếu hạn chế ruộng đứng tên. Các đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không có hạn chế, dân đến thứ dân thì ruộng chỉ 10 mẫu*"<sup>2</sup>. Hoàng Hồi Khanh không phải là đại vương và trưởng công chúa. Chúng tôi nghĩ rằng, loại điền trang đặc biệt này của ông

- 
1. Tài liệu điền dã của Nguyễn Tiến Đông (Viện Khảo cổ học) và Nguyễn Mạnh Hậu (Bảo tàng Quảng Bình), những hiện vật gốm này hiện lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Bình.
  2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.221.

theo chính sách "Hạn điền" được chuyển cho Nhà nước quản lý ?. Trên thực tế điền trang vẫn tồn tại.

Điền trang của Hoàng Hối Khanh, một dẫn chứng về điền trang không phải giành cho các vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần, mà ở đây, Hoàng Hối Khanh là một Tiến sĩ, ông theo lệnh của triều đình vào cai quản vùng biên viễn vào thời gian cuối thế kỷ XIV, khi thế lực quan liêu đang trên đà phát triển. Điều đó đã nói lên một hiện tượng vào cuối thời Trần, sở hữu điền trang đã được mở rộng cho quan lại xuất thân bằng khoa cử Nho giáo.

### 3. KHÁI QUÁT MÔ HÌNH THÁI ÁP - ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN.

Cũng như trong "*Lời mở đầu*" chúng tôi đã đề cập, thái áp và điền trang có điểm giống và khác nhau.

#### Những điểm giống nhau

Trước hết và căn bản, thái áp - điền trang là một thứ đặc quyền, đặc lợi của các quý tộc vương hầu. Triều đình nhà Trần dựa trên mối quan hệ dòng tộc mà bổ nhiệm những chức vụ quan trọng trong triều đình cho các quý tộc đồng tộc và với trách nhiệm của dòng họ Trần đối với đất nước, mà triều đình chọn những vương hầu tài giỏi

đi trấn trị ở những địa phương có tầm quan trọng về chiến lược quân sự bằng việc phân phong thái ấp. Không những thế, các vương hầu quý tộc tôn thất còn được phép lập điền trang làm sở hữu riêng. Như vậy, thời Trần một vương hầu có thể vừa có thái ấp được hưởng tô thuế, vừa có điền trang làm tài sản riêng.

Thứ hai, cách thức tổ chức sản xuất trong thái ấp cũng như trong điền trang đều tồn tại các làng nghề nông - công - thương - chài và nghề nông làm gốc. Trên cơ sở nền kinh tế tự cấp, tự túc, các làng nghề trong thái ấp - điền trang nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết cho quý tộc vương hầu và cuộc sống của cư dân trong khu vực và tham gia vào thị trường hàng hoá.

Bên cạnh nghề nông, những làng nghề chuyên thực sự cần thiết cho quá trình tồn tại trong thái ấp - điền trang. Làng chuyên sản xuất gạch ngói, đồ gốm, làng chuyên đúc chạm đá để trang trí phủ đê, nhà ở và sản xuất các vật dụng bằng đá khác. Làng chuyên trồng dâu chăn tằm, dệt vải cung cấp cái mặc cho dân. Làng chuyên làm nghề rèn để sản xuất công cụ lao động và sửa chữa chúng. Làng chuyên đánh cá, nấu rượu phục vụ nhu cầu cuộc sống trong thái ấp - điền trang. Nhà Trần xuất thân từ tầng lớp dân chài, không khi nào họ bỏ nghề đánh cá. Ngoài ra, thời Trần còn có thể có loại làng gọi là làng ả đào. Thái ấp của Chiêu Văn vương, chắc hẳn phải có một đội ngũ các nghệ nhân chèo hát để trong nhà Trần Nhật Duật không ngày

nào vắng tiếng hát. Thích nghe hát không phải chỉ có riêng Trần Nhật Duật mà có lẽ đã trở thành phổ biến trong các vương hầu, quý tộc. Bởi hiện tượng này đã từng được Trần Hưng Đạo nêu lên trong *Hịch tướng sĩ* hiện tượng các vương hầu: "... Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm... Nếu bất chợt giặc Mông Thát tràn sang thì... chén rượu ngon không làm giặc say chết; giọng hát réo rất không làm giặc điếc tai...". Sử cũ cũng chép đến sự kiện nhà vua ra lệnh cho các nhà quyền quý dâng trò chơi. Loại nghệ thuật này không phải ai cũng có thể tham gia được.

Các làng nghề: nông, công, thương, chài không phải dưới thời Trần mới ra đời và phát triển. Sự ra đời và tồn tại của thái ấp - điền trang là nhân tố thúc đẩy các làng nghề này phát triển. Với đặc điểm của nền kinh tế tự cấp, tự túc, các làng nghề, trước hết, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt trong khu vực thái ấp và điền trang. Sau là đem sản phẩm tham gia vào thị trường trao đổi, buôn bán giữa các làng và giữa các thái ấp - điền trang và giữa các vùng thông qua các chợ quê và kinh thành, góp phần vào thị trường hàng hoá, phát triển thương mại. Ngược trở lại, kinh tế hàng hoá lại là nhân tố thúc đẩy các làng nghề này phát triển hơn để ngày càng đáp ứng nhu cầu cao hơn của các quý tộc. Như vậy, tính chất tự cấp, tự túc trong các thái ấp - điền trang không phải là mô hình đóng kín, mà hoạt động sản xuất trong các thái ấp - điền trang đã tham

gia vào thị trường thương mại chung trong nước. Năm 1998, trong khi đào thám sát khu vực thành Hà Nội, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy sản phẩm gạch thời Trần còn ghi rõ nơi sản xuất "Vĩnh Ninh trường". Chứng tỏ sản phẩm của vùng Vĩnh Ninh đã được đưa lên sử dụng ở Thăng Long. Như thế, Thái ấp - điền trang không nằm ngoài vòng cương toả của tình hình phát triển kinh tế hàng hoá, thương mại chung của cả nước.

Thứ ba, trong xu thế cả nước tôn sùng đạo Phật thì trong thái ấp - điền trang các vương hầu quý tộc đều xây dựng chùa. Đó là nét chung về mặt văn hoá tinh thần của nhân dân Đại Việt thời Trần nói chung và trong các thái ấp - điền trang nói riêng. Chùa không chỉ là chốn sinh hoạt tinh thần cho các quý tộc, vương hầu, mà chùa còn là sản phẩm văn hoá vật chất được xây dựng khắp đất nước thời Trần. Thậm chí những đình trạm dùng làm nơi nghỉ cho dân trước đây, nhà nước cũng ra lệnh dựng tượng phật làm chùa. Chùa là một kiến trúc Phật giáo; là di sản văn hoá quý giá đối với ngày nay (như Yên Tử, tháp chùa Phổ Minh...chẳng hạn).

### Những điểm khác nhau

Thứ nhất, giữa thái ấp và điền trang khác nhau về mục đích hình thành, thái ấp là hình thức ban cấp đất đai kết hợp giữa nhu cầu quốc phòng, bảo vệ đất nước với

quyền lợi kinh tế của các vương hầu quý tộc và do Nhà nước chủ động ban cấp, còn điền trang nhằm đem lại quyền lợi chủ yếu về kinh tế cho các vương hầu quý tộc tôn thất và họ hoàn toàn chủ động trong việc chọn địa bàn khẩn hoang lập điền trang.

Thứ hai, chính vì mục đích hình thành hai loại thái ấp và điền trang khác nhau cho nên nguồn gốc của hai loại trên cũng khác nhau. Ruộng đất thái ấp do nhà nước cấp từ ruộng đất công làng xã, đó là loại thực địa, còn điền trang là loại ruộng đất do khẩn hoang mà thành.

Thứ ba, khác nhau về loại hình sở hữu, ruộng đất thái ấp như chúng tôi đã đề cập ở phần trên là loại ruộng thuộc sở hữu nhà nước. Nhà nước hoàn toàn chủ động trong việc ban cấp đúng đối tượng cũng như có quyền tịch thu của người nào đó khi bị coi là có tội. Các quý tộc vương hầu có quyền hưởng tô thuế trên bộ phận ruộng đất thái ấp nhưng không có quyền truyền lại cho bất cứ ai kể cả con cháu. Ngược lại, điền trang là loại ruộng đất do các quý tộc tôn thất bò tiền của ra chủ động tổ chức khai hoang, đất đai khai khẩn được hoàn toàn thuộc sở hữu tư nhân của họ. Các quý tộc tôn thất không những có quyền cho con cháu thừa kế, mà còn có thể cho những người mà các quý tộc yêu quý tin cậy.

Thứ tư, tính chất sử dụng khác nhau, điều rất dễ nhận thấy là tất cả các vương hầu, quý tộc đều xây dựng

phủ đệ ở thái ấp. Còn ở điền trang, đa số không xây phủ đệ, chỉ xây nhà ở cho các vương hầu, quý tộc khi về điền trang. Ngoại trừ điền trang của Hoàng Hối Khanh ở Lê Thủy. Thực ra, Hoàng Hối Khanh đã tận dụng thành Ninh Viễn để làm nơi ở và làm việc của mình. Trường hợp đặc biệt này, dĩ nhiên, không thể đại diện cho "tiếng nói chung" về phủ đệ của điền trang. Thái ấp mang nặng tính chính trị và quân sự còn điền trang mang nặng tính kinh tế. Vì vậy, nơi ở và làm việc của chủ ở hai loại thái ấp và điền trang cũng khác nhau. Cho nên, điều khác biệt này khiến cho việc dựng mô hình chung cho thái ấp và điền trang trở nên dị đồng, ít nhất là ở kiến trúc phủ đệ và nhà ở. Phủ đệ ở thái ấp, không chỉ là nơi ở mà quan trọng hơn còn là nơi làm việc của chủ. Cho nên, kiến trúc phủ đệ rất quan trọng, nó không chỉ đơn thuần là hiện diện của một kiến trúc vật chất thể hiện uy thế của quý tộc, vương hầu, mà còn là một căn cứ trong kháng chiến. Cho nên quy mô của phủ đệ cũng giống như một tòa thành thu nhỏ. Còn ở điền trang đơn giản hơn nhiều, thông thường quý tộc vương hầu chỉ xây dựng nhà ở để tiện cho việc nghỉ ngơi khi về điền trang, về quy mô và mức độ đồ sộ không bằng phủ đệ ở thái ấp.

Chúng tôi xin mô tả đôi nét về *kiến trúc phủ đệ* ở *thái ấp*. Có thể nói, dấu tích địa danh phản ánh khu vực phủ đệ trong các thái ấp tương đối đầy đủ. Trừ một số thái ấp, không còn dấu tích như thái ấp Kẻ Lầm của Văn Huệ vương Trần Quang Triệu hay thái ấp của các trưởng công

chúa ở Bạch Hạc. Sử cũ đã cung cấp cho ta một số phủ đệ, Vạn Kiếp của Trần Quốc Tuấn, Quắc Hương của Trần Thủ Độ, Quốc Chẩn ở Chí Linh, Quốc Khang ở Diên Châu, Nhật Duật ở Thanh Hoá. Nhưng sử cũ cũng chỉ viết chung chung vậy thôi, chứ không đưa ra được một thiết kế chung cho xây dựng phủ đệ. Dựa vào những tư liệu hiện có, chúng tôi nhận thấy, phủ đệ trong khu vực thái ấp thường được xây dựng trên khu đất cao, ở một vị trí tiện lợi cho việc giao thông bằng đường thuỷ và đường bộ, có thể dễ dàng tiến thoái khi có chiến tranh, như phủ đệ của Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn.

Các vương hầu quý tộc thông thường sống ở phủ đệ, chỉ khi có lệnh triệu tập thì mới đến kinh sư. Như thế, phần lớn thời gian, các vương hầu sống và làm việc ở phủ đệ. Vì thế, vị trí của phủ đệ trong khu vực thái ấp rất quan trọng. Nó tượng trưng cho uy quyền của vương hầu, quý tộc tại vùng đất đó. Cho nên, ở một vài thái ấp còn lưu lại những địa danh "vua": "đình vua", "mả vua", "nền nhà vua". Có phủ đệ còn được xây cao, lúc chiến tranh có thể làm đài quan sát bên ngoài. Khi Hoà bình là nơi ngắm trăng, vịnh thơ như phủ đệ của Trần Quang Khải: "Lầu cao trăng biếc vi vu sáo". Thậm chí, Trần Quốc Khang còn xây dựng phủ đệ "lộng lẫy quá mức thường" đến khi vua biết, sợ bị tội mới tô tượng phật làm chùa. Ở một số phủ đệ còn để lại địa danh cho biết đó là nơi làm việc của các quan lại như trong thái ấp Trần Quang Khải.

Xây dựng hệ thống các vòng thành quanh khu vực phủ đệ, vừa có tác dụng bảo vệ cho khu vực phủ đệ, đồng thời cũng là thành luỹ đánh giặc khi đất nước có chiến tranh. Về lý thuyết mà nói, xây thành là điều thường thấy cho kiểu kiến trúc chung trong mỗi thái ấp. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể cho từng thái ấp. Trên thực tế, thành, hào trong các thái ấp được đào đắp tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên của mỗi vùng. Có thành nhân tạo như trong thái ấp của Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, nhưng cũng có một số thái ấp lợi dụng được các dãy núi bao bọc để làm thành như thái ấp Vạn Kiếp. Tuy nhiên, ở một số thái ấp lại không để lại dấu vết gì như thái ấp Trần Quang Triều, Trần Khát Chân... Ở cổng và trên mặt thành là hệ thống đồn lính canh gác bảo vệ.

Ngoài vòng thành là hệ thống các hào, có hào nhân tạo (hào nhân tạo thường được nối với sông) như thái ấp Độc Lập, nhưng cũng có thái ấp lợi dụng môi trường tự nhiên - những con sông nhỏ làm hào như thái ấp Kẻ Mơ. Với đặc điểm khí hậu của một đất nước nóng ẩm, mưa nhiều, hào không chỉ là phương tiện giao thông mà còn có tác dụng thoát nước trong mùa mưa lũ.

#### *Kiến trúc nhà ở trong điền trang*

Có thể nói, điền trang là nơi chủ yếu diễn ra quá trình lao động sản xuất. Ở đây mục đích chính trị và quân sự

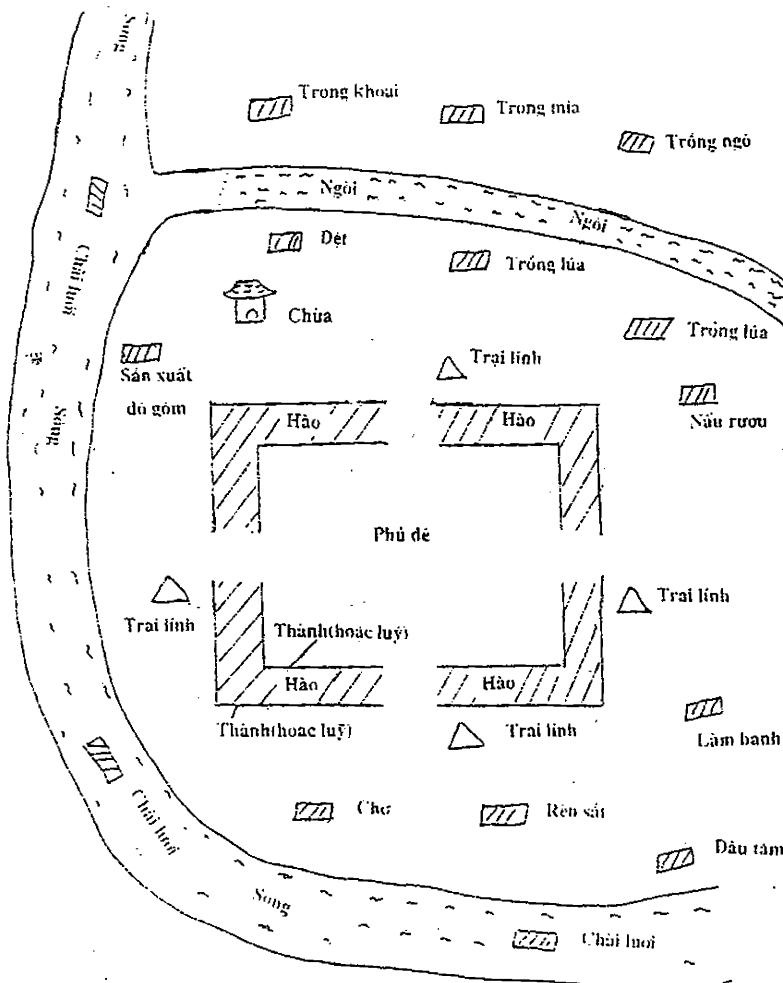
của nhà nước đã nhường chỗ cho mục đích và nhu cầu kinh tế của vương hầu, quý tộc tôn thất. Vì vậy, quy mô kiến trúc phủ đệ không trở thành khái niệm trong loại hình điền trang. Trong điền trang họ chỉ xây dựng nhà ở và không mấy chú trọng về quy mô kiến trúc như phủ đệ ở thái ấp. Nhà ở trong điền trang đơn giản chỉ là nơi ăn, nghỉ của các vương hầu quý tộc khi về đây, mà không nhất thiết phải là nơi làm việc của chủ. Nếu như kiến trúc phủ đệ ở thái ấp có sự bề thế của một vương hầu, quý tộc thì ngược lại kiến trúc nhà ở trong điền trang lại giản đơn. Các vương hầu, quý tộc không xây thành, đào hào bao quanh như phủ đệ ở thái ấp mà chỉ đào mương dẫn và thoát nước. Tính chất quân sự trong điền trang đường như đã trở thành thứ yếu so với tính chất kinh tế. Sau khi các vương hầu quý tộc qua đời thì nơi ở đó trở thành nơi thờ tự họ.

Qua những điều trình bày trên, chúng tôi dựng mô hình thái ấp - điền trang bằng các sơ đồ. (Xem các trang sau).

Qua sự trình bày về khái niệm thái ấp, điền trang, về 12 thái ấp, 14 điền trang và nhất là trên cơ sở tư liệu cho phép chúng tôi đã trình bày tương đối tỷ mỷ 7 thái ấp, 3 điền trang để từ đó cho phép chúng tôi bước đầu dựng mô hình thái ấp và điền trang thời Trần.

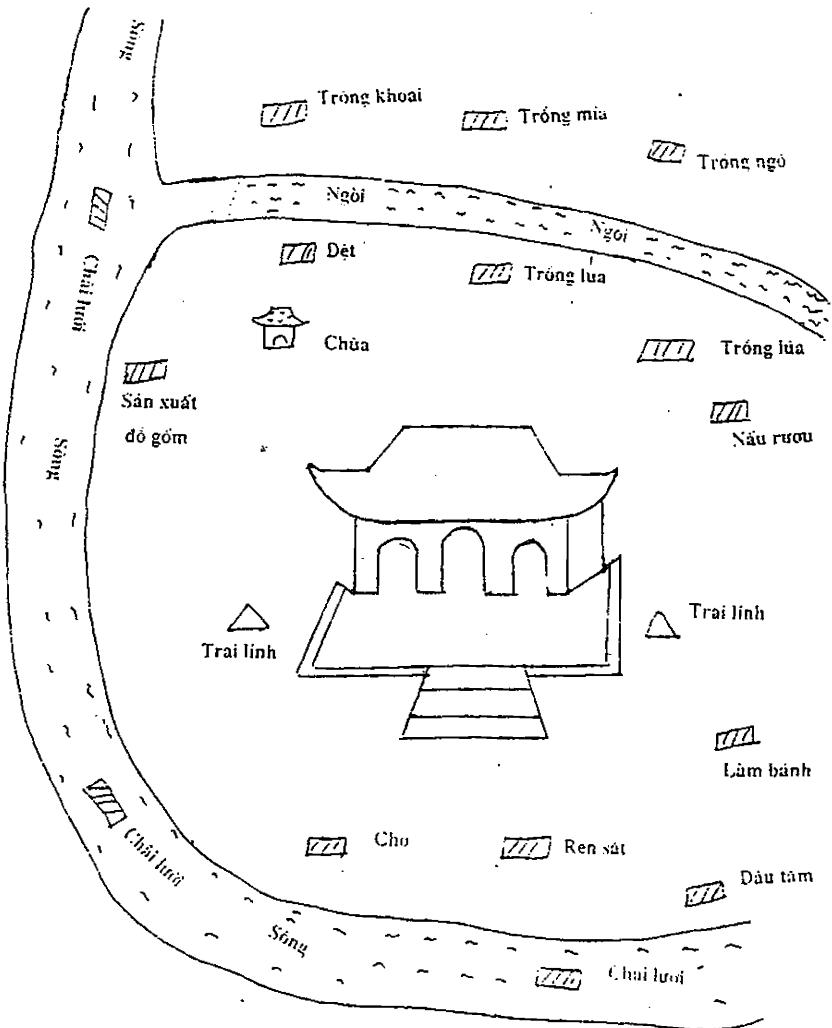
Với việc nghiên cứu thái ấp, chúng tôi nhận thấy, các thái ấp chủ yếu được hình thành vào thời kỳ đầu của vương triều Trần, khi tầng lớp quý tộc tôn thất là trụ cột

## MÔ HÌNH THÁI ẤP THỜI TRẦN



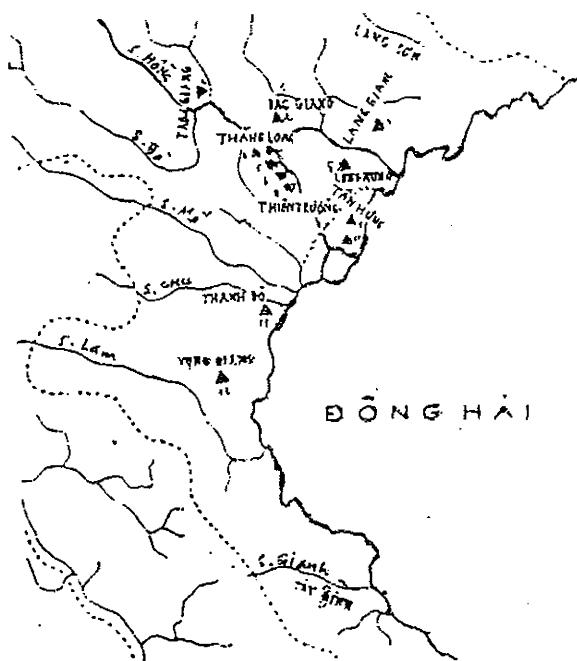
(//) : Bốn loại làng: nông - công - thương - chài

## MÔ HÌNH ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN



||||| : Bốn loại làng: nông - công - thương - chài

## SƠ ĐỒ SỰ PHÂN BỐ THÁI ẤP THỜI TRẦN



Ghi chú: Địa danh sử dụng trên sơ đồ là địa danh thời Trần

Chú thích:

- Thái ấp của các trưởng công chúa ở hương Bạch Hạc (nay thuộc Việt Trì, Vĩnh Phúc).
- Thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triệu ở Gia Lâm (nay thuộc h. Gia Lâm, Hà Nội).
- Thái ấp Chí Linh của Huệ Võ vương Quốc Chán (nay thuộc h. Nam Sách, t. Hải Dương).
- Thái ấp Ké Mơ của Thượng tướng Trần Khát Chân (nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).
- Thái ấp Dương Hòe của Nhàn Huệ vương Trần Khánh Dư (nay thuộc h. Duy Tiên, t. Hà Nam).
- Thái ấp Quốc Hương của thái sư Trần Thủ Độ (nay thuộc x. Vũ Bản, h. Bình Lục, t. Hà Nam).
- Thái ấp Độc Lập của Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải (nay thuộc x. Mỹ Thành, Bình Lục, t. Hà Nam).
- Thái ấp Dương Xá của Thái úy Trần Nhật Hạo (nay thuộc h. Hưng Hà, t. Thái Bình).
- Thái ấp Tinh Bang của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng (nay thuộc h. Vĩnh Bảo, tp. Hải Phòng).
- Thái ấp Vạn Kiếp của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn (nay thuộc h. Chí Linh, t. Hải Dương).
- Thanh Hóa, thái ấp của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật (nay thuộc h. Quảng Xương, t. Thanh Hóa).
- Diễn Châu, thái ấp của Tịnh Quốc Đại vương Trần Quốc Khang (nay thuộc h. Diễn Châu, t. Nghệ An).

chính yếu của vương triều, khi công cuộc xây dựng, củng cố vương triều, xây dựng đất nước được nhà Trần quan tâm đẩy mạnh. Thời gian sau, khi tầng lớp quan liêu trong xu thế chung của xã hội trên đà phát triển, tầng lớp quý tộc mất dần vị thế chính trị độc tôn trong bộ máy Nhà nước trung ương thì việc ban cấp thái ấp phải chăng không còn mấy hiệu lực. Tuy thái ấp vẫn tiếp tục ra đời do nhu cầu chính trị, quân sự, nhưng số thái ấp ở giai đoạn sau không nhiều (hai cái của Trần Quang Triệu và Trần Khát Chân, một, ở đầu thế kỷ XIV, một ở cuối thế kỷ XIV). Đặc biệt đa số các thái ấp đều được triều đình giao cho những vương hầu, quý tộc tài giỏi.

*Các thái ấp đậm đặc hơn dọc con đường nước từ kinh đô Thăng Long tới phủ Thiên Trường, kinh đô thứ hai của triều Trần.*

So với thái ấp thì số lượng điền trang được biết đến khá nhiều (14 cái), trong đó có điền trang của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh, một điền trang ở vùng biên viễn xa xôi, đã góp thêm tiếng nói cho đối tượng sở hữu điền trang, đã mở rộng cho cả tầng lớp quan liêu vào thời điểm cuối thế kỷ XIV. Điền trang được phân bố rộng khắp trong nước. Quy mô của các điền trang rộng hay hẹp là tuỳ thuộc vào khả năng của chủ, có điền trang khá lớn như của bà Hoàng hậu Trần Thị Ngọc Hào ở Hà Tĩnh có tới 3965 mẫu, điền trang của Trần Nhật Duật 1800 mẫu, điền trang của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh 500 mẫu. Cùng với quá trình khai

hoang mở rộng điền trang là quá trình lập làng. Những người có công chiêu tập dân khai hoang lập làng, sau khi chết đều được dân làng thờ làm phúc thần, thành hoàng làng.

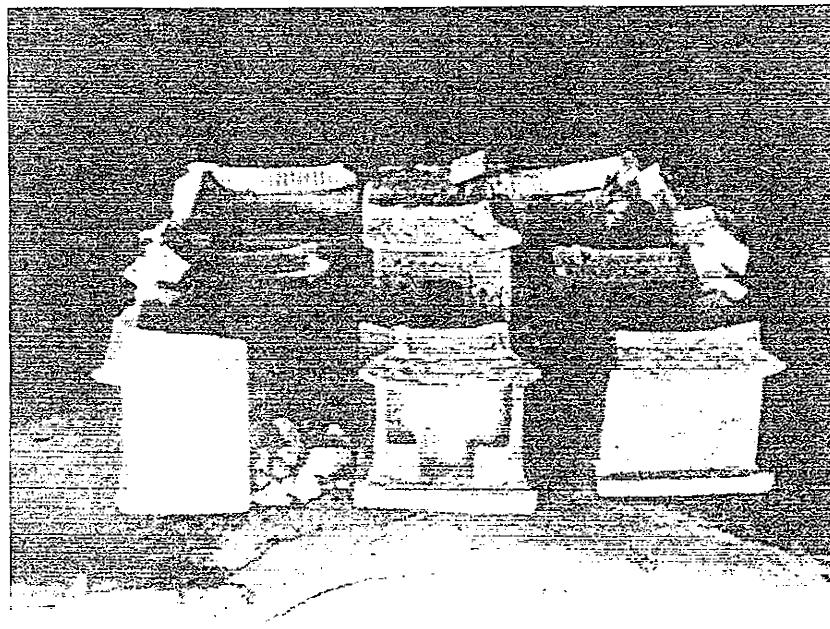
Các vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần sở hữu điền trang không những được truyền lại cho con cháu mà ta còn thấy họ có thể truyền lại cho những người thay mặt chủ cai quản điền trang như trường hợp điền trang của vua Trần Nhân Tông ở Ô Lâm, hoặc như điền trang của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư ở làng Vọng Trung, khi tuổi cao, ông đã giao ba trại mới lập cho "hai gia tướng họ Bùi và họ Nguyễn...", hay trong điền trang của Trưởng công chúa Thái Đường, bà còn cho phép gia nô tự khai hoang lập làng đất riêng. Những vấn đề này đã góp phần tô điểm cho bức tranh điền trang thời Trần thêm sinh động, phong phú.

Cùng với quá trình khẩn hoang mở rộng diện tích canh tác, đào kênh mương tưới, tiêu nước là quá trình lập làng mới. Đó là nét chung của các loại khẩn hoang và tất cả những người có công chiêu tập dân đi khai hoang, sau khi chết đều được dân làng thờ làm "Thần", "Thành hoàng". Công cuộc khai hoang, lập làng cùng đem đến kết quả là góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

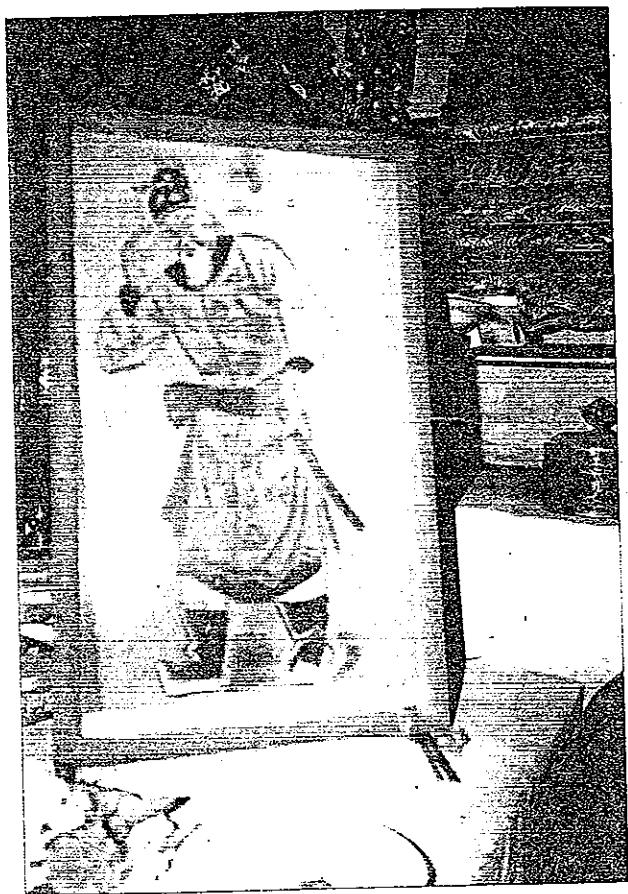
Từ những nội dung về thái ấp, điền trang, chúng ta thấy giữa hai loại hình ruộng đất này có những điểm giống và khác nhau, vì thế, mô hình thái ấp, điền trang cũng có những điểm giống và khác nhau.

## PHỤ LỤC

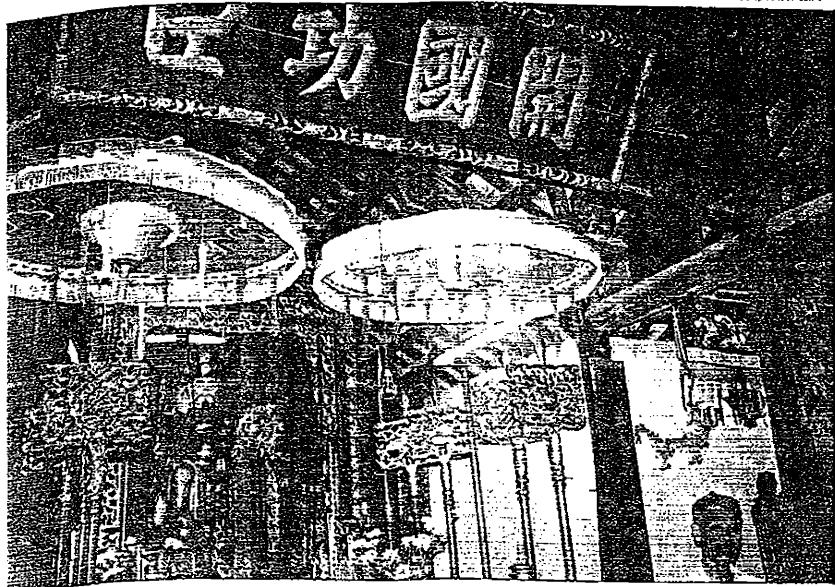
### MỘT SỐ HÌNH ẢNH HIỆN NAY LIÊN QUAN ĐẾN CÁC DI TÍCH THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG THỜI TRẦN



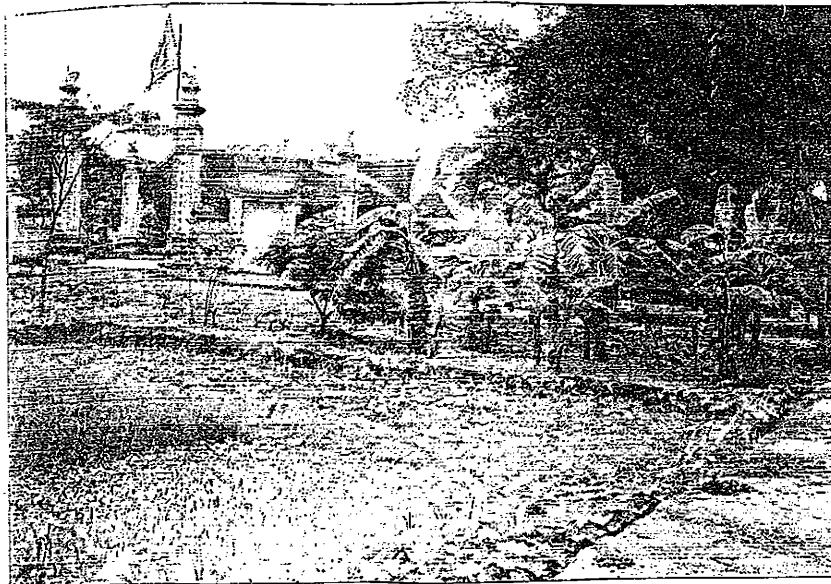
Ngôi nhà chôn theo mộ thời Trần  
(hiện vật lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Nam Định)



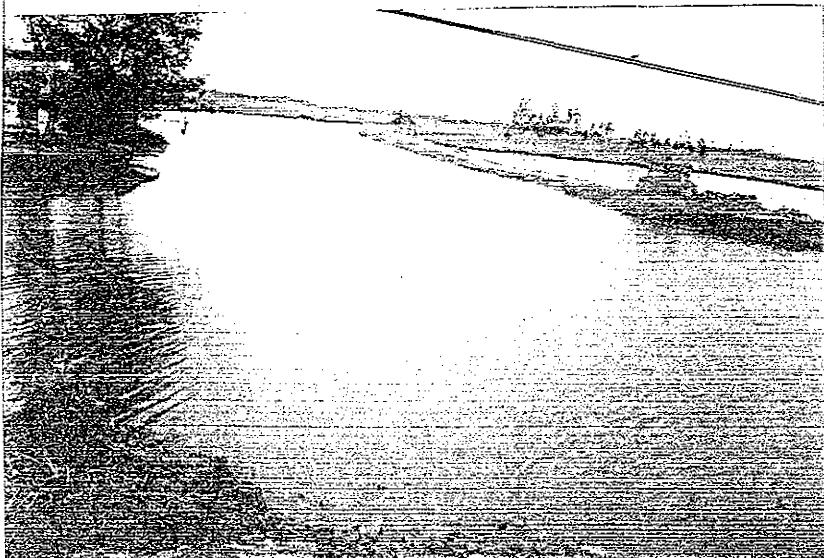
Tranh vẽ Trần Thủ Độ với tích  
“Đầu thần chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo”  
(Hiện thờ trong điện thờ Trần Thủ Độ ở Lụu Phố - Nam Định)



Điện thờ Trần Thủ Độ ở Lụu Phố (Nam Định)



Khu vực Lụu Phố (thời Trần là Lụu viên), nơi có đền thờ Trần Thủ Độ

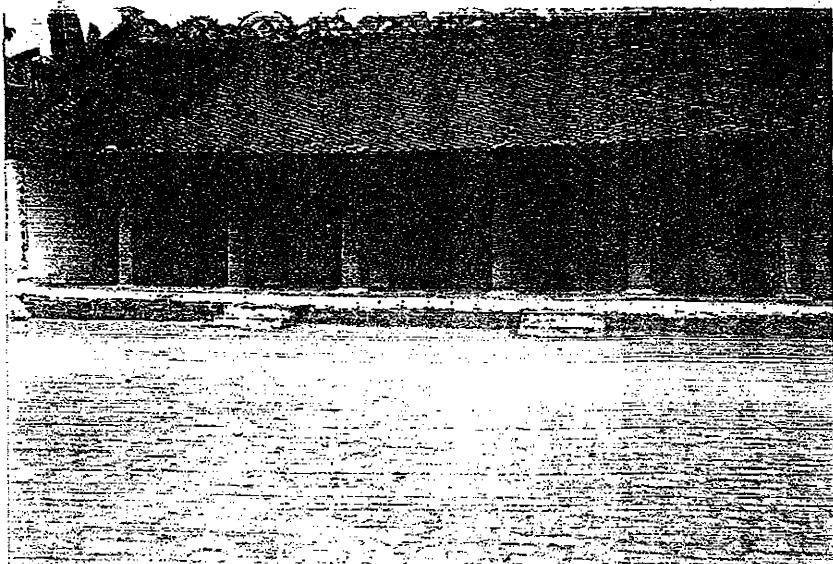


Sông Sát, một nhánh của sông Châu nối sông Châu với sông Nhuệ

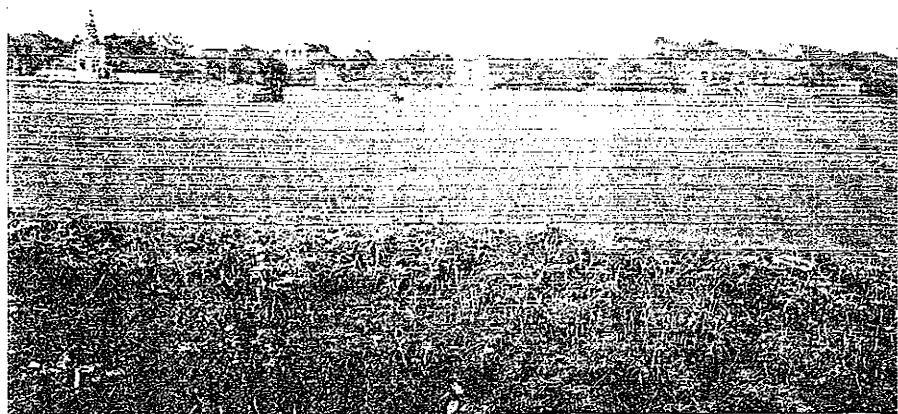


Đất bãi ven sông trong khu vực diền trang An Lạc ở Bảo Lộc (Nam Định)





Di tích hiện còn trên khu vực phủ đệ trong thái ấp Độc Lập  
của Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải

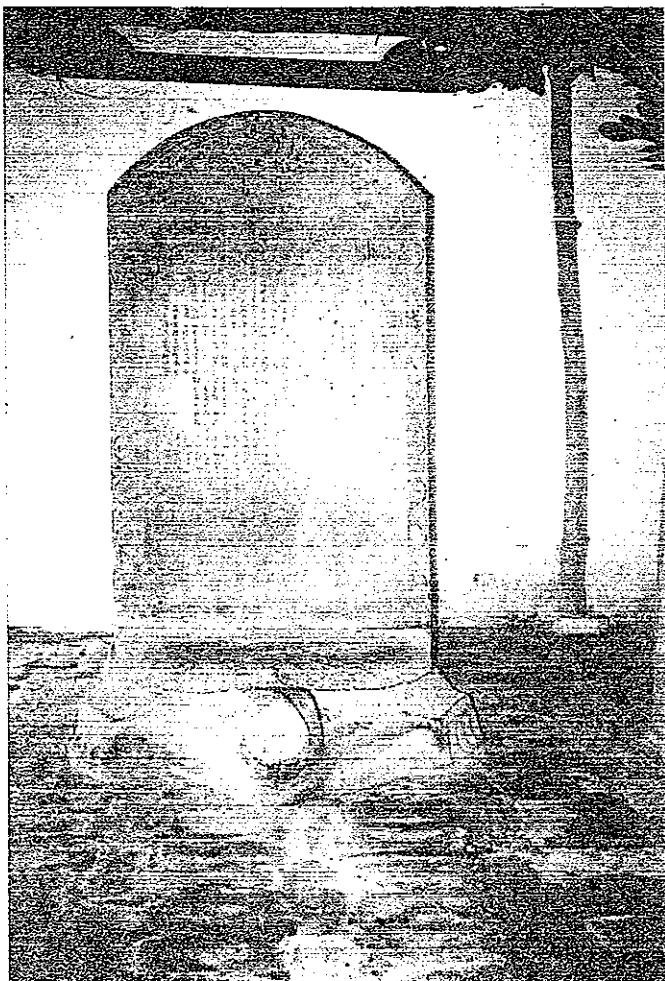


Cánh đồng bông nơi trồng bông dệt vải trong thái ấp Độc Lập  
nay là ruộng lúa và nhà ở

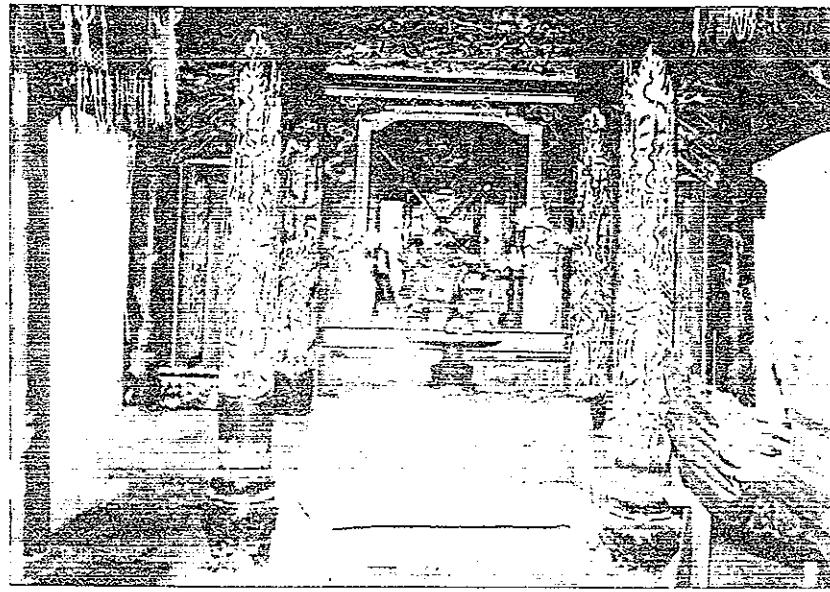


Khu lò rèn sắt trong thái ấp của Trần Quang Khải nay là ruộng lúa và nghĩa địa





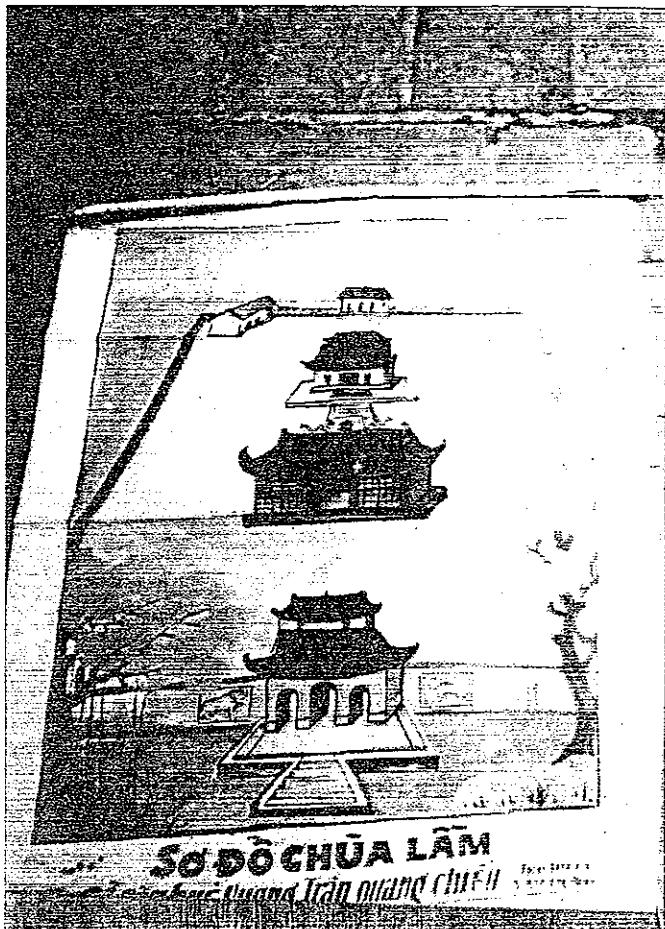
Bia viết về công chúa Phụng Dương vợ Trần Quang Khải



Một gian trong chùa thờ Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật  
(Chùa Phúc Chỉ trong điền trang của Trần Nhật Duật)



Tượng thờ Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật trong chùa Phúc Chí  
(Ý Yên - Nam Định)



Bản vẽ sơ đồ chùa Lâm (Gia Lâm tự) do cụ Nguyễn Văn Gai, 75 tuổi  
ở làng Gia Lâm, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội cất giữ



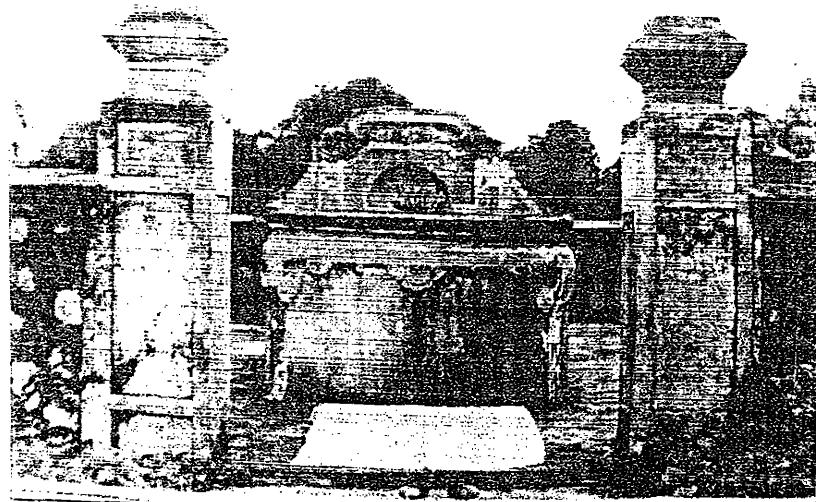
Tấm bia trụ (Thạch trụ dài) niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710), ghi tên những người hưởng công, cúng dâng thạch trụ cho chùa Lâm (Gia Lâm tự, Khánh Lâm tự) trong khu vực thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triều



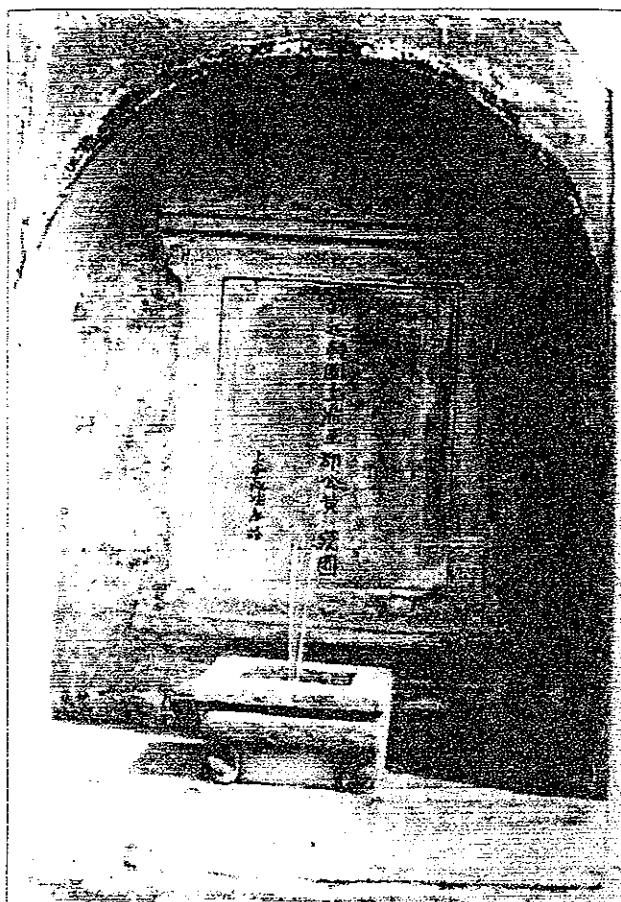
Chùa Gia Lâm hiện nay



Khu mộ của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh ở gần núi An Mă (Mă Yen),  
xã Trường Thuỷ, huyện Lê Thuỷ, tỉnh Quảng Bình



Mặt ngoài khu mộ của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh



Miếu Tiến sĩ, miếu thờ Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh  
ở thôn Hà Thanh, xã Phong Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình



Ngã ba sông Bình Giang và Ngô Giang ở huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình

### CHƯƠNG III

## NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG THỜI TRÂN

### 1. VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT

Bàn về ruộng đất, vấn đề cơ bản là bàn về các loại hình sở hữu. Thái ấp - điền trang cùng là ruộng đất nhưng loại hình sở hữu khác nhau.

Nhà nước, chủ sở hữu tối cao về ruộng đất. Nhà nước có thể nhân danh quốc gia đánh thuế toàn bộ ruộng đất trong nước, có thể tịch thu ruộng đất của những kẻ phản bội tổ quốc hay bị coi là có tội. Nhà nước cũng có thể nhân danh quốc gia và do sự đồng nhất giữa Nhà nước và dòng họ mà ban cấp ruộng đất cho các vương hầu quý tộc và ra lệnh tịch thu ruộng đất của những ai bị coi là mắc tội hoặc chống đối lại triều đình. Ruộng đất ban cấp làm thái ấp là bộ phận ruộng đất thuộc sở hữu Nhà nước. Người được ban cấp chỉ được hưởng một đời, được toàn quyền hưởng tô

thuế và huy động sức người, sức của trong phạm vi thái ấp mà không được truyền lại cho con cháu. Sau khi chủ thái ấp qua đời, một số nhỏ ruộng đất được giữ lại làm ruộng thờ mình. Còn lại, Nhà nước lại trực tiếp quản lý thông qua cấp cơ sở làng xã. Chúng ta thấy điều này qua ghi chép của sử cũ về Yên Sinh vương Trần Liễu được ban áp thang mộc (chứ không phải thái ấp) ở Yên Phụ, Yên Đường, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang (nay thuộc Đông Triều, Quảng Ninh), con trai Trần Liễu là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn có thái ấp ở Vạn Kiếp, con trai Trần Hưng Đạo là Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng lại có thái ấp ở Vạn Niên thôn (nay thuộc Vĩnh Bảo, Hải Phòng) và con trai Trần Quốc Tảng là Văn Huệ vương Trần Quang Triều được ban thái ấp ở Gia Lâm (nay thuộc Hà Nội).

Theo Giáo sư Trương Hữu Quýnh, chế độ sở hữu Nhà nước về ruộng đất thời Lý-Trần có loại sở hữu Nhà nước trực tiếp và gián tiếp về ruộng đất<sup>1</sup>. Loại ruộng Nhà nước trực tiếp quản lý gồm ruộng tịch điền, ruộng sơn lăng, ruộng quốc khố và đồn điền<sup>2</sup>. Sản phẩm thu hoạch trên bộ phận ruộng đất này được nộp vào kho Nhà nước. Loại ruộng đất do Nhà nước gián tiếp quản lý đó là ruộng đất công làng xã hay ruộng quan (còn gọi là quan điền, quan

- 
1. Trương Hữu Quýnh, *Chế độ sở hữu Nhà nước về ruộng đất thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 168-1979, tr.8-22.
  2. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Sđd, tr.70-77.

điền bản xã). Nhà nước giao cho các làng xã quản lý và lo việc phân chia cày cấy, thu thuế đủ để nộp cho Nhà nước. Làng xã được quyền phân chia ruộng cho các đình nam. Dù trực tiếp hay gián tiếp, theo chúng tôi, đều là ruộng đất thuộc sở hữu Nhà nước, quyền chi phối của Nhà nước rất lớn. Nhà nước dùng ruộng đất để phong cấp (thái ấp) cho các vương hầu quý tộc, dùng để thưởng công, dùng để cúng vào chùa và dùng để trả lương bổng cho quan lại (một số ruộng và tiền). Qua những điều đã trình bày về ruộng đất phong thưởng ở chương 2, chúng tôi nhận thấy nhà Trần chú trọng nhiều hơn đến việc ban cấp, phong thưởng ruộng đất cho quý tộc và quan lại.

Có điều, để tìm một tỷ lệ giữa ruộng phong thưởng, ban cấp trên tổng số ruộng đất công làng xã là vấn đề khó khăn. Bởi không có tư liệu, số liệu nào cho chúng ta những thông tin cụ thể. Trong suốt 175 năm tồn tại, nhà Trần chỉ tiến hành kiểm kê ruộng đất có một lần vào năm 1398: "*Hãy lệnh người nào có ruộng thì tự công khai số mẫu... Lại ra lệnh cho dân tiêu đề họ tên ở trên bờ ruộng, các lô, phủ, châu, huyện, cộng đồng khám do làm sổ, 5 năm mới xong. Ruộng nào không có giấy cam kết thì lấy làm ruộng công*"<sup>1</sup>. Thế nhưng, kể cả một lần duy nhất này cũng không có con số cụ thể. Vì thế, trong dân gian có hiện tượng là có khoảnh ruộng bỏ hoang lâu ngày mà không biết là của ai. Trong nội dung bia chùa Sùng Thiên (xã Thị Đức, huyện

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.223.

Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) do Hoà thượng Huệ Văn viết ngày Phật đản năm Khai Hựu thứ ba (1331) đời Trần Hiến Tông, Huệ Văn cho biết là chùa dựng trên một khu đất vô chủ, "đã trải bảy triều không biết là vườn đất của người nào, tìm hỏi người lân cận xung quanh thì nhiều người đáp không chắc chắn, cho nên không dám hạ bút chép là của ai, cũng chẳng thấy người nào xưng nhận đất đó có văn tự để biết được"<sup>1</sup>.

Bộ phận ruộng đất ban cấp làm thái ấp và để phong thường, tất nhiên là Nhà nước lấy ở ruộng công làng xã. Bán ruộng công cho dân mua làm của tư cũng lấy ở đó. Quá trình này, làm cho bộ phận ruộng công làng xã ngày càng thu hẹp lại tựa như "miếng da lừa" của kịch tác gia Honoré de Balzac.

Từ thế kỷ XII, thời Lý, với những nghiên cứu của hai tác giả Hà Văn Tấn- Phạm Thị Tâm, người ta thừa nhận rằng trong thời kỳ này ruộng tư đã xuất hiện. Nhà nước phải nhiều lần can thiệp vào việc tranh chấp, mua bán ruộng đất tư. Nhưng thực ra, không phải đợi đến lúc này mới có ruộng đất tư hữu. Kiểu điền trang tư nhân đã có từ thời Bắc thuộc, trước hoặc dưới thời Đường. Đó là điền trang của quan lại phương Bắc, ví như cha con Đỗ Viện, Đỗ Tuệ Độ đã chiếm hữu vùng "Đỗ động giang" (Quốc Oai,

---

1. Phạm Thị Tâm-Hà Văn Tấn, *Vài nhận xét về ruộng đất ở Việt Nam thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 52-1963, tr.20-30, 62.

Hà Tây) cho đến thời sứ quân Đỗ Cảnh Thạc thế kỷ X. Khi kết thúc nghìn năm Bắc thuộc nhiều diền trang đã được/ bị quốc hữu hóa, nhưng chưa hết và nó đã trở thành mầm mống cấy trong lòng xã hội Việt Nam, như vùng trang trại của Lê Lương ở xứ Thanh thời Đinh hay vùng ngã ba Dàng (Dương Xá) của họ Dương. Theo Giáo sư Trần Quốc Vượng, đây là vết tích các "vùng" (chiefdom) của các thủ lĩnh địa phương (local chieftain) thời vua Hùng, vua Thục trở về trước. Hay theo cố Giáo sư Từ Chi, đó là các "mường" của Lang, Đạo. Đến thời Trần, xu hướng tư hữu hóa ngày càng phát triển, tầng lớp quý tộc vương hầu sở hữu nhiều ruộng đất. Địa chủ thường cũng có nhiều ruộng đất. Nông dân cũng có ruộng đất tư hữu. Như thế, có thể nói rằng, từ thế kỷ XII và nhất là đến giữa thế kỷ XIII, sở hữu ruộng đất kiểu địa chủ đã ngày càng phát triển. Các quan hệ sản xuất phong kiến đã xuất hiện bên cạnh các quan hệ sản xuất đã tồn tại.

Trở lại chế độ thái ấp - diền trang, trong các loại hình ruộng đất thời Trần, đây là loại hình ruộng đất đặc biệt, đặc sắc. Nó là sản phẩm của thể chế chính trị dựa trên quan hệ dòng tộc. Thái ấp - diền trang, không phải ai cũng được hưởng mà chỉ giành cho vương hầu quý tộc (thái ấp) và công chúa, phò mã, phi tần (diền trang).

Ở phần này, chúng tôi muốn đôi chút bày tỏ quan điểm của mình về quy mô của thái ấp - diền trang trong mối quan hệ về ruộng đất nói chung.

Về Quy mô của thái ấp, vấn đề này, có những ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, quy mô thái ấp rộng lớn. Có ý kiến cho rằng, phạm vi thái ấp *không lớn*, thông thường chỉ bằng một xã hay một làng. Theo chúng tôi, *thái ấp là một vùng có quy mô rộng lớn*. Chúng tôi dựa trên một số căn cứ sau:

- Căn cứ thứ nhất, dựa vào ghi chép trong *Toàn thư*: "Các vương hầu đều ở phủ đệ ở hương của mình". Một chút tư liệu trên gợi mở cho chúng tôi khi tìm hiểu về quy mô của thái ấp dựa trên cấp chính quyền "hương". Cấp "hương" thời Trần tương đương với cấp nào trong các cấp: phủ, lộ, châu, huyện, xã?. Khó khăn là không có tư liệu nào cho biết các cấp chính quyền thời Trần thống thuộc nhau. Chỉ mãi đến 1397, *Toàn thư* mới cho biết cụ thể các cấp chính quyền lệ thuộc: *lộ-phủ-châu-huyện và lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện*. Cấp chính quyền "hương" là cấp được nhà Trần coi trọng sử dụng. Ví dụ năm 1297, dưới thời vua Trần Anh Tông, nhà Trần chính thức "đổi giáp làm hương", nhưng trước đó cấp "hương" đã được sử dụng tương đối phổ biến và là cấp ở trên cấp xã. Trong lời bàn của Ngô Sĩ Liên khi viết về các vương hầu thời Trần, ông đã dùng cấp "hương" để chỉ vị trí các phủ đệ như Quốc Tuấn ở hương Vạn Kiếp, Thủ Độ ở hương Quắc Hương, Quốc Chẩn ở hương Chí Linh. Quân lính thì gọi là "hương binh" thổ hào. Bô lão ở các hương, gọi là "hương lão"<sup>1</sup>. Năm

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.34.

1262, nhân việc Thuượng hoàng Thái Tôn ngự đến hành cung Túc Mặc thì sử chép: "Đổi hương Túc Mặc làm phủ Thiên Trường", sự nâng cấp chính quyền của Túc Mặc từ "hương" lên thành "phủ" để tương xứng với tầm chính trị của nó với Thăng Long. Tư liệu này cũng cho chúng ta thấy được cấp "hương" chỉ sau cấp phủ, lộ, mà phủ, lộ thời Trần là cấp chính quyền tương đương, đồng thời là cấp hành chính cao nhất ở địa phương. Nhà Trần khi thi dùng "lộ" khi lại dùng "phủ". Ví dụ: phủ Thiên Trường, lộ Tam Đới, lộ Trường Yên. Lại có lúc dùng châu, như châu Chí Linh, châu Nghệ An, châu Diễn. Trong bài minh chuông chùa Chiêu Quang (Chiêu Quang tự chung minh) do Trạng nguyên Hồ Tông Thốc soạn năm Xương Phù thứ 9 (1385), tài liệu này cho biết rõ cấp lộ rồi đến cấp hương và cuối cùng là cấp xã<sup>1</sup>. Theo bài minh ở Thông Thánh quán thời Trần thì Bạch Hạc (cả vùng Việt Trì) là "hương". Văn bia chùa Hưng Phúc (Hưng Phúc tự bia) soạn năm 1324 (ở Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày nay) đã ghi cấp phủ rồi đến hương: "Phủ Thanh Hóa, hương Yên Duyên"<sup>2</sup>. Như vậy, dựa vào tài liệu trong chính sử cùng tư liệu minh chuông và bi ký, ta biết cấp chính quyền hương sau cấp lộ (hay phủ) mà lộ hay phủ là cấp chính quyền địa phương cao nhất. Cấp "hương" thời Trần có thể gần tương đương với cấp huyện thời sau<sup>3</sup>. Theo ý

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.182.

2. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.181.

3. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.182

kiến của các Giáo sư Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn thì cấp "hương" thời Trần tương đương với cấp huyện ngày sau. Theo chúng tôi, cấp hương thời Trần có thể không bằng cấp huyện hiện nay nhưng nó có thể tương đương với phạm vi vài xã.

Các vương hầu cai quản những thái ấp, mà phạm vi của nó không phải là nhỏ. Thái ấp của Trần Khát Chân, phủ đệ được xây dựng ở làng Hoàng Mai, nhưng phạm vi của thái ấp kéo dài từ Ô Cầu Dền hiện nay đến tận Yên Sở (Thanh Trì). Thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triều bao gồm cả một vùng huyện Gia Lâm, giáp với Thuận Thành (thuộc tỉnh Bắc Ninh). Hiện nay, đa số các chủ nhân của thái ấp đều có đền thờ ở làng. Những làng vốn được chọn là nơi thờ tự của các vương hầu quý tộc sau khi họ qua đời là những làng mà phủ đệ xây dựng ở đó. Những làng ấy không thể là "tiếng nói" cho quy mô các thái ấp Trần.

- *Căn cứ thứ hai*, chúng tôi dựa trên cơ sở số quân "vương hầu gia đồng" được huy động trong kháng chiến chống ngoại xâm. Sự ghi chép của sử cũ về đội quân "vương hầu gia đồng" khá phong phú. Một Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản mới 15 tuổi mà đã có trong tay đội quân hơn một ngàn người. Năm 1284: "*Hưng Đạo vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm, chọn người mạnh khỏe làm quân tiền phong, vượt biển vào Nam, thế quân đã hơi nổi; các quân nghe thế, không quân*

nào là không đến tụ họp. Vua làm thơ đề ở cuối thuyền rắng: "Cối-kê cựu sự quân tu ký, Hoan Diên do tồn thập vạn binh" (Cối-kê việc cũ người nên nhớ; Hoan Diên hãy còn mười vạn quân)<sup>1</sup>. Riêng quân của bốn vương (trong đó có 3 người là con của Hưng Đạo vương) đã triệu tập được con số lên tới 20 vạn: "Hưng Vũ vương Nghiễn, Minh Hiến vương Uất, Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Hiện đốc suất quân các xứ Bàng Hà, Na Sầm (sửa là Na Ngạn<sup>2</sup>), Trà Hương, Yên Sinh<sup>3</sup>, Long Nhãn<sup>4</sup> cộng 20 vạn quân đến họp ở Vạn Kiếp, theo sự điều khiển của Hưng Đạo vương"<sup>5</sup>. Như vậy, có thể thấy được quân số của các vương không phải nhỏ. Dĩ nhiên, trong số đó không loại trừ sự tham gia của quân các lộ. Tuy nhiên, điều đó cho thấy được phần nào phạm vi rộng lớn của thái áp. Bởi vì, nếu thái áp chỉ bằng một xã hay một làng thì không thể huy động được số quân đông đến như vậy. Hơn nữa, và quan trọng là tích trữ lương thực trên số ruộng đất nhỏ không thể đủ để nuôi sống đội quân mà lúc thời bình làm nghề nông, trong thời chiến là lính đồng như thế.

- Căn cứ thứ ba, quý tộc Trần rất chuộng đạo Phật và đã có nhiều người cúng nhiều ruộng và nô cho chùa. Số

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.56.

2. *Na Ngạn*: nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang).

3. *Yên Sinh*: nay là huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

4. *Long Nhãn*: nay là huyện Phượng Nhãn, tỉnh Quảng Ninh.

5. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.56.

lượng ruộng đất họ cúng vào chùa hoàn toàn tuỳ thuộc vào chủ. Số lượng không nhất thiết đồng loạt. Có nhiều loại người cúng tiền, ruộng vào chùa. Trên thì từ vua đến vương hầu, quan lại, dưới đến các hạng dân, không ai là tiếc tiền của cúng vào chùa: "*T*rên thì vương công, dưới đến dân thường, hẽ bối thí vào việc nhà Phật thì dù đến hết tiền cũng không xén tiếc"<sup>1</sup>. Ta thấy, Văn Huệ vương Trần Quang Triều cúng hơn 1000 mẫu ruộng và hơn 1000 nô cho Thiền viện Quỳnh Lâm. Thực tế, ông phải có gấp nhiều lần số ruộng như thế. Rất có thể ngoài số ruộng đất thái ấp ở Gia Lâm, Trần Quang Triều còn có điền trang mà ta không được biết qua sử sách chǎng, số ruộng cúng vào chùa phải chǎng lấy từ ruộng đất thuộc điền trang của ông (?). Trần Quốc Khang xây phủ đệ lộng lẫy quá mức, sợ vua trị tội mới tô tượng Phật làm chùa. Đây cũng là hình thức cúng tiền của vào chùa. Chúng tôi, Trần Quang Triều, Trần Quốc Khang phải có nhiều ruộng đất, tiền của mới có thể cúng nhiều ruộng, nhiều nô và của cải cho chùa đến thế. Trần Quang Triều còn cúng cho quán Thông Thánh 250 quan tiền và 50 lạng bạc để đúc chuông của quán. Điều đó, có thể nhận định mà không sợ sai rằng, các vương hầu quý tộc hưởng tô thuế trên bộ phận ruộng đất rộng lớn, mới có thể tích trữ được nhiều của cải để chi phí vào những hoạt động phi sản xuất với số tiền, ruộng và nô nô nhiều như vậy.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.161.

Quy mô của điền trang không giống như thái áp. Điền trang rộng hẹp thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào "vốn đầu tư" ban đầu của các quý tộc ở nơi đất mới. Những điền trang chúng tôi nêu ở phần trên, số lượng ruộng đất khai khẩn được không đồng đều nhau đã chứng minh điều đó.

Nếu quy mô thái áp được gọi bằng đơn vị "hương" thì diện tích điền trang được tính bằng mẫu (thời Trần gọi mẫu là diện). Có điền trang 155 mẫu, có điền trang 250 mẫu, 500 mẫu, lại có điền trang 1800 mẫu và gần 4000 mẫu. Rõ ràng là không có quy định chung nào từ phía Nhà nước cho các vương hầu quý tộc trong việc khẩn hoang. Việc tiến triển khẩn hoang là hoàn toàn tùy thuộc vào sức người, súc của chủ nhân.

Điền trang thời Trần khác với trang trại xuất hiện ở nước ta thế kỷ VIII, IX, X. Thời kỳ này đã từng có những trang trại lớn như "trang trại của Vũ Hồn (Đô hộ An-Nam năm 840-841) ở Mộ Trạch (Cẩm Bình, Hải Dương) của Triệu Xương, Đô hộ An-Nam cuối thế kỷ VIII ở Đan Loan (Hải Dương)"<sup>1</sup>. Đặc biệt, vùng Đông Sơn (Thanh Hóa) điển hình là trang trại của Lê Lương. "Bia chùa Hương Nghiêm cũng như già phả dòng họ Lê Văn Hữu ghi rõ Lê Lương là một lãnh chúa lớn ở vùng huyện Đông Sơn, trong nhà có trên 110 lâm thóc và nuôi hơn 3000 khách"<sup>2</sup>. Có lẽ trang trại ở các thế kỷ trước phần lớn của các quan đô hộ phương

1. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Sđd, tr.154.

2. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Sđd, tr.254.

Bắc và của các "thế gia" mà rất có thể họ dùng sức mạnh quân sự để chinh phục và thu nạp đối phương rồi trở thành lãnh chúa, làm chủ những trang trại lớn. Nguyên nhân ban đầu hình thành trang trại không hoàn toàn xuất phát từ khẩn hoang.

Chính sách khẩn hoang lập điền trang đáp ứng mục đích lớn nhất của Nhà nước là phát triển nông nghiệp. Một mặt, đã đem lại đặc lợi cho các quý tộc vương hầu, mặt khác, nó là một loại hình ruộng đất góp thêm sức sống trong xu thế ruộng tư đang trên đà phát triển. Đồng thời, điền trang còn là nơi giải quyết công ăn việc làm cho bộ phận nông dân "không có sản nghiệp".

Đến cuối thế kỷ XIV, tình hình phát triển của điền trang đã làm tăng thêm thế lực kinh tế cho các vương hầu, quý tộc. Vì thế, dẫn đến tình trạng các quý tộc vương hầu có tiềm lực kinh tế lớn, nhưng lại càng xa rời triều chính, tầng lớp "học trò mặt trăng" tham đắm quan điểm Nho giáo ngày càng tiến bước trên con đường chính trị, muốn loại bỏ thế lực quý tộc. Vì thế vào năm 1397, từ triều đình ban ra chính sách "hạn điền, hạn nô" do Hồ Quý Ly, người thâu tóm được mọi quyền hành khởi xướng. Nếu như chính sách "hạn điền, hạn nô" của Hồ Quý Ly nhằm đánh vào tầng lớp quý tộc Trần, hạn chế quyền tư hữu ruộng đất, tái "công xã hoá" mở đường cho quốc hữu hóa ruộng đất phát triển thì sang thời Lê sơ, tư tưởng chủ đạo trong chính sách ruộng đất là sự củng cố quyền sở hữu Nhà nước, tăng

cường giám sát, chi phối ruộng đất công làng xã. Tư tưởng ấy cố nhiên là không loại trừ việc xác lập quyền sở hữu ruộng đất ở bộ phận khẩn hoang. Thời Trần, quý tộc vương hầu tổ chức khai khẩn được bao nhiêu đều không phải cắt lại dù là rất nhỏ một chút ruộng đất nào cho Nhà nước. Đến thời Lê Sơ không phải như vậy, ruộng đất khẩn hoang được Nhà nước khám đạc rồi cấp cho những người khai hoang. Cùng một địa điểm, nhà nước có thể cử quan lại xuống khám đạc nhiều lần như văn bia thời Hồng Đức ở huyện Yên Hưng, phủ Hải Đông, đạo An Bang cho biết: "*Ở xứ Đông Bản Động, đất khai hoang từ thời nào không rõ. Năm Hồng Đức thứ 2 (1471), triều đình đã cử giám sát Ngự sử đạo Tam Giang Nguyễn Huy Diệu cùng Cẩm y vệ hiệu úy Nguyễn Tông Quý đến đó khám xét, đo đạc*". Nhiều năm sau, năm Hồng Đức thứ 20 (1489), thứ 24 (1493) và năm sau (1494) triều đình lại tiếp tục cử quan lại xuống khám đạc, xác định diện tích ruộng đất xứ Bản Động và khẳng định lại việc cấp ruộng cho những người khai canh như trong văn bản năm Hồng Đức thứ 2, đồng thời cấp bổ sung cho những người không ruộng hoặc ít ruộng<sup>1</sup>. Việc Nhà nước tổ chức khám đạc nhiều lần trên ruộng đất của một địa bàn, thể hiện quyền sở hữu tối cao của mình về ruộng đất, trong đó có bộ phận khẩn hoang và ruộng công làng xã, ngoài ra còn nhằm mục đích "canh cù nạp thuế nhu lệ".

---

1. Nguyễn Đức Nghinh, *Về quyền sở hữu ruộng đất khẩn hoang dưới thời phong kiến*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 236-237, 1987, tr.41-50.

Trường hợp khác, người khai khẩn muốn chuyển dịch cho người khác thì chỉ được lấy tiền cuốc đào đất, bù vào công sức lao động đã bỏ ra, chứ không được mua bán làm của riêng tư như quy định của lệ làng thôn An Hội mà Tiến sĩ Bùi Dương Lịch đã ghi lại trong "*An Hội thôn chí*"<sup>1</sup>.

Nhà nước Lê Sơ hết sức quan tâm đến việc khẩn hoang. Nhà nước ra nhiều chính sách khẩn hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp. Công cuộc khai hoang phục hóa được đẩy mạnh trên nhiều địa bàn, trải dài trên mọi miền đất nước, ven biển, đồng bằng châu thổ, trung du, núi đồi... dưới các hình thức: khẩn hoang của Nhà nước và của tư nhân. Tuy nhiên, khác với nhà Trần, Nhà nước Lê Sơ quản lý khá chặt chẽ loại ruộng hoang này. Đô đạc, kiểm soát số ruộng đất hoang, ai muốn đi khai hoang ở đâu phải trình báo quan để nhận đất ở đó rồi nộp thuế theo lệ cho Nhà nước. Xã nào nhiều ruộng hoang mà dân ít thì quan phải cho người xã khác ít ruộng mà dân đông đến cày cấy. Ai trái lệnh đều phải xử tội. Lệnh này ban hành ngay năm sau khi Lê Lợi lên ngôi vua (năm 1429). Những nơi có ruộng đất bỏ hoang vùng ven biển Nhà nước Lê Sơ cũng hạ lệnh cho các quan phủ, huyện xét cấp bằng cho những người tình nguyện khai khẩn: "Tháng 6, ngày 18 (1486), có lệnh cho các phủ, huyện, xã rằng nơi nào có ruộng bỏ hoang ở bờ biển mà người ít ruộng tình

---

1. Về quyền sở hữu ruộng đất khẩn hoang thời phong kiến, Bài đã dẫn, tr.41-50.

*nguyễn bồi đắp để khai khẩn nộp thuế, thì phủ, huyện xét thực cấp bằng cho làm"<sup>1</sup>.*

Tóm lại, chính sách khẩn hoang của Nhà nước Lê Sơ đã đáp ứng nhanh chóng nhu cầu khôi phục kinh tế sau thời kỳ chiến tranh, loạn lạc. Nhà nước trực tiếp chỉ đạo chính sách khẩn hoang và quan trọng là Nhà nước đã công hữu hóa một phần ruộng đất khẩn hoang trong nhân dân, tăng cơ sở sở hữu ruộng đất của Nhà nước, nhờ đó mà tăng thu nhập cho tài chính quốc gia. Đây là vấn đề khác với nhà Trần. Nhà nước Trần không hề có chính sách nào tăng thu nhập từ ruộng đất khẩn hoang. Bởi, trên nguyên tắc giới hạn đối tượng khẩn hoang của nhà Trần chỉ giành cho vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần. Dĩ nhiên trên thực tế, những quan liêu, những nhà giàu cũng tổ chức đi khai hoang lập điền trang. Nguồn lao động đưa đi khẩn hoang là nông nô, "dân xiêu tán không sản nghiệp", tức là có khá nhiều nông dân nghèo đói rơi vào cảnh điền nô hóa. Do đó, nảy sinh hiện tượng bùng nổ các cuộc nổi dậy của dân chúng trong đó có sự tham gia của gia nô vào nửa cuối thế kỷ XIV.

Đến thời Lê Sơ, kinh tế điền trang hay tư hữu điền trang đã không còn chỗ đứng và chế độ nông nô, nô tỳ đã bị tan rã. Bởi Nhà nước Lê Sơ hạn chế thành lập các trang trại và nuôi nô tỳ. Ruộng đất của quan lại, địa chủ đã

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1972, tr.297.

phân tồn tại theo kiểu phát canh thu tô. Do vậy, người nông dân thoát khỏi thân phận lệ thuộc như kiểu nông nô thời Trần. Chế độ nô tỳ thời Lê Sơ chỉ tồn tại như một tàn dư cũ. Nhưng hạn chế tư hữu ruộng đất cũng có nghĩa là hạn chế phát triển, điều mà chúng ta thấy trong xã hội Việt Nam ở các thế kỷ sau. Bởi vì, "*Khuynh hướng phát triển sang một giai đoạn mới của hình thái phong kiến và từ đó có thể có triển vọng bước sang giai đoạn đầu của hình thái xã hội khác cao hơn là một khuynh hướng hiện thực của xã hội Việt Nam vào thế kỷ XIV, nhất là vào nửa sau thế kỷ XIV. Nhưng lịch sử Việt Nam thật không may mắn. Khuynh hướng tiến bộ này đã bị khuynh hướng quan liêu tấn công đúng vào lúc nó đang phát triển...*"<sup>1</sup>.

## 2. LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG.

Như trên đã trình bày "*Khái niệm về thái ấp*", nội dung khái niệm đó chỉ ra rằng triều đình ban cấp thái ấp cho quý tộc tôn thất là phong cấp đất đai cùng hộ nông dân sống trên phạm vi đất đai đó. Nông dân lao động cày cấy trên bộ phận ruộng đất đó và có nghĩa vụ nộp tô thuế cho chủ thái ấp. Đồng thời thân phận tự do của họ biến thành lệ thuộc vào chủ (nhưng không phải là nông nô). Vì thế, lực

1. *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1981, tr.289.

lượng lao động trong thái ấp, phần lớn nguyên là nông dân tự canh (tiểu nông) và số ít là nô tỳ khi có công việc thì theo hầu chủ, còn lúc rỗi rãì thì lao động sản xuất. Lực lượng theo hầu này như ghi chép của *Toàn thư*, đông thì một nghìn người, ít thì một trăm người tùy theo chức tước lớn nhỏ. Mức tô thuế trong bộ phận ruộng đất thái ấp như thế nào? Nặng hay nhẹ? Không có tài liệu nào cho biết, chỉ biết rằng, các quý tộc vương hầu hoàn toàn hưởng tô thuế và lao dịch trong phạm vi đất đai đó. Tuy nhiên, dựa vào tư liệu minh chuông ở thái ấp Bạch Hạc, các trưởng công chúa ở đây "*tô thuế nhẹ, giảm lao dịch... sinh linh cả một hương không ai không bái tạ ân đức...*".

Giữa hai bộ phận ruộng đất thái ấp và điền trang, lực lượng lao động giống nhau về tính chất công việc nhưng khác nhau về thân phận. Trong điền trang, dân lao động, như ghi chép của sử cũ gồm: dân xiêu tán không sản nghiệp, được chủ chiêu tập, thân phận của họ hoàn toàn lệ thuộc vào chủ, kiểu nông nô.

Trong thái ấp, người nông dân tự do tuy có bị lệ thuộc vào chủ nhưng có mức độ và thời hạn. Về cơ bản, nguồn lao động trong thái ấp vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước, khác hẳn dân lao động trong điền trang, họ hoàn toàn lệ thuộc vào chủ từ thân phận đến kinh tế và phụ thuộc vô thời hạn.

Nhìn chung, trong mỗi thái ấp - điền trang, kinh tế tự cấp tự túc đóng vai trò chủ đạo. Tương ứng với cơ cấu kinh

tế này, sự phân bổ lao động cũng được tổ chức cho phù hợp. Trong lực lượng gia nô có thể chia thành nhiều ngành nghề. Ngoài việc chăn nuôi, trồng trọt, đánh cá, còn có các nghề khác như nghề mộc, rèn, đúc đồng, sản xuất gạch ngói, nung vôi, đan lát, nuôi tằm, dệt vải lụa, may vá v.v... Trong khuôn khổ rộng lớn của thái ấp, lực lượng lao động đông đảo, mỗi ngành nghề sản xuất có thể có nhiều cơ sở, để đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, sản phẩm còn có thể đem bán trên thị trường, như trường hợp vua Trần Dụ Tông sai tư nô trồng hành tỏi và làm quạt để bán mà *Toàn thư* đã có dịp chép đến.

Một bộ phận nông nô, nô tỳ làm công việc phi sản xuất như phục vụ cho chủ và gia đình như theo hầu, giặt giũ, nấu nướng, quét dọn nhà cửa, làm vườn, hầu trà nước v.v. Chúng ta biết rằng lực lượng nông nô theo hầu chủ không phải là nhỏ, từ một trăm đến một nghìn người. Có lẽ trong đời sống hàng ngày, nghề chính của họ là "lính hầu" khi chủ đi thi hành công vụ. Nhưng khi bình thường, không phải hầu chủ, có lẽ họ phải được phân công làm các công việc lao động khác.

Còn có những người chuyên mua vui cho chủ như làm trò, những phuòng hát tuồng, phục dịch việc săn bắn, phục vụ chốn buồng the. Trong số những người ấy, người nào được chủ "cảm tình" thì có thể "cất nhắc" làm con nuôi, nàng hầu, gia thần. Họ được chủ tín nhiệm giao cho những việc quan trọng như quản gia, thủ kho, thi hành thưởng phạt v.v...

Lúc hòa bình thì ai làm việc này, những lúc quốc gia hữu sự thì gia nô được huấn luyện quân sự, tập hợp thành đội quân mà sử chép là "quân vương hầu, gia đồng", quân bắn bộ, sẵn sàng chiến đấu theo sự chỉ huy của chủ.

Có thể nói ở thời Trần, lực lượng nông nô, nô tỳ ở cả hai bộ phận: sản xuất và phi sản xuất rất đông. Nhiều sự kiện nói lên điều đó.

Một quan chức cấp cao ra ngoài đường lúc nào cũng có đến ngàn người theo hầu, đủ biết số lượng phục vụ trong nhà đồng như thế nào.

Sách *Tam tổ thực lục* ghi Trần Quang Triều có thể một lúc cúng vào chùa hơn nghìn mẫu ruộng và *hơn nghìn nô*. Đủ thấy trên thực tế Văn Huệ vương phải có số lượng nô đồng gấp mấy lần thế. Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản, một thiếu niên mới 15 tuổi mà một lúc có thể tập hợp được đội quân đồng *hơn một ngàn người*.

Ngược trở lại quá khứ thời Đinh - Lê: Lê Lương - một thế gia ở vùng Thanh Hóa, ngày nào trong nhà cũng có *ba nghìn khách*. Dương Đình Nghệ nuôi *ba nghìn con nuôi* (*giả tử*), đủ thấy trên thực tế số lượng nông nô, nô tỳ đồng đến mức nào.

Trong kháng chiến chống ngoại xâm, lực lượng gia nô tham gia đông đảo, đóng góp công sức cho công cuộc bảo vệ độc lập đất nước. Trong đó có những người lập nên chiến công. Thông thường đối với những người khác khi lập công

được triều đình ban chức tước, nhưng đối với gia nô thì sao? Năm 1337, triều đình sai Hưng Hiếu vương đi dẹp Man Nguu Hống. Thắng trận trở về quân sĩ đều được thưởng tước. Riêng đám gia nô thì "Thượng hoàng nói: "Bạn gia nô dù có chút công cũng không được dự vào quan tước của triều đình"<sup>1</sup>. Gia nô có công được thưởng vài suất ruộng, còn hy vọng lập công để nâng tầm địa vị của họ trong xã hội thì không. Như thế đủ thấy, địa vị xã hội của nông nô như thế nào. Gia nô không được kết hôn với con cái bách tính hay lương dân.

Họ không được làm quan, không được là đối tượng tuyển quân của triều đình. Quân đội chính quy thời Trần thường được chọn trong các đình nam. Lực lượng cấm quân còn được tuyển lựa kỹ hơn về thành phần xuất thân, chủ yếu là ở xứ Nam, quê hương nhà Trần.

Trong các điền trang, nông nô, nô tỳ được phép kết hôn với nhau rồi ở ngay đó. Họ không chỉ đơn thuần sản sinh ra tầng lớp nô phục vụ cho chủ, mà đằng sau đó có thể thấy được trong chừng mực nào đó họ chỉ có quyền tự do trong cái gia đình nho nhỏ của họ mà thôi.

Hình thức và mức độ lệ thuộc của lực lượng lao động sản xuất này trong các thái ấp và điền trang cũng có sự khác nhau. Trong thái ấp, chủ hưởng thụ những sản phẩm làm ra có định mức và không có trách nhiệm gì về chi phí

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.146.

cho cuộc sống, sản xuất của người lao động. Người lao động phụ thuộc vào chủ có thời hạn. Cơ bản họ là người của Nhà nước. Đối với điền trang, người lao động vốn là người không có sản nghiệp, được chủ thâu nạp, thân phận của họ hoàn toàn lệ thuộc vào chủ. Người chủ hưởng thụ toàn bộ sản phẩm, đồng thời phải đảm bảo sinh hoạt cuộc sống và lao động cho những nông nô, nô tỳ này.

Nếu như ở thời Trần, nông nô, nô tỳ tồn tại như một tầng lớp动荡 đảo trong xã hội thì sang thời Lê Sơ, phần lớn lực lượng nông nô, nô tỳ được giải phóng. Nô tỳ chủ yếu được dùng vào công việc phi sản xuất, số ít, dùng trong sản xuất ở bộ phận đồn điền là chính. Phần lớn nông dân thời Lê Sơ là những người lính canh ruộng đất của Nhà nước hay của địa chủ, cày cấy và nộp thuế. Mức độ lệ thuộc kiểu nông nô, nô tỳ thời Trần đã được giải phóng. Đó là kết quả của quan hệ sản xuất địa chủ-tá điền. Đồng thời nó cũng là kết quả hoặc sự giải thể của quan hệ sản xuất nông nô. Tuy vậy, số lượng nô tỳ thời Lê Sơ còn khá quan trọng, bởi vẫn còn nguồn cung cấp nô tỳ từ lực lượng tù binh, tội nhân và việc "mua bán người". Nô tỳ thời Lê Sơ chia làm hai loại: quan nô, nô tỳ của Nhà nước và tư nô là nô tỳ của tư nhân.

Quan nô, chủ yếu từ nguồn tù binh Chiêm Thành và tội nhân được sử dụng trong khai hoang lập đồn điền. Chúng ta biết rằng thời Lê Hồng Đức có 48 sở đồn điền. Vì vậy, lực lượng điền nô này hẳn không nhỏ. Ngoài ra Nhà

nước còn dùng quan nô để ban cấp cho các quan lại, công thần và phục dịch một số công việc khác của Nhà nước.

Tư nô, chủ yếu dùng vào những công việc mang tính chất phi sản xuất. Kiểu dùng nông nô, nô tỳ lao động trong các điền trang thời Trần, đến thời Lê rất hạn chế. Nhà nước Lê Sơ không mấy may khuyến khích thành lập các điền trang. Bởi các điền trang thu hút lao động định nam, làm Nhà nước mất nguồn thu thuế. Quan trọng hơn, sự tồn tại các điền trang dẫn tới sự hình thành các cơ sở phân tán, dẫn tới sự bất lợi cho Nhà nước trung ương tập quyền. Những điền trang của các thế gia còn tồn tại, Lê Thánh Tông quy định: "*Phàm thế gia có điền trang thì phải khai báo, chọn người cao tuổi trông coi; mỗi trang phải kê khai gửi cho xã thôn trưởng, phủ, huyện, xứ để thu chiếu và tăng cường kiểm soát. Nếu dám ngoan cố, gian trái không theo phép mà oa tòng người đào vong thì nhất thiết phải bắt trị tội*"<sup>1</sup>.

Trong các gia đình địa chủ, quý tộc ngoài số nô tỳ còn có hạng *người làm thuê* mà sử sách phong kiến gọi là "cố hạng". Năm 1464, điều lệnh về "tư hòa" ghi: "*Ông, cha và chồng là gia trưởng bị giết mà con cháu, vợ thiếp, nô tỳ, người làm thuê tư hòa với nhau bị xử 80 trượng, đồ 3 năm*"<sup>2</sup>. Hạng người làm thuê này chưa thấy xuất hiện ở thời Trần.

1. *Dư hạ tập - điều lệ năm Hồng Đức thứ 13 (1482)*.

2. Phan Huy Lê, *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê Sơ*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội - 1959, tr.128.

Mặc dù nhà Lê tăng cường đẩy mạnh sở hữu Nhà nước về ruộng đất, nhưng vẫn không làm cho chế độ tư hữu vì thế mà kém phát triển. Nhà nước Lê sơ không hề đánh thuế ruộng tư, càng là nhân tố khuyến khích ruộng tư phát triển. Như vậy phần lớn ruộng đất của Nhà nước và ruộng tư của địa chủ đều phát canh thu tô. Phần lớn nông dân là những người lĩnh canh ruộng đất của Nhà nước hay của địa chủ. Quan hệ địa chủ - tá điền là quan hệ phổ biến và chi phối xã hội.

Kinh tế - xã hội thời Trần nói chung, thực tiễn sinh động của chế độ thái ấp - điền trang nói riêng vừa là di sản, vừa là bài học kinh nghiệm cho các vị vua triều Lê sơ xây dựng Nhà nước quân chủ quan liêu theo hệ tư tưởng Nho giáo, trong quá trình củng cố, xây dựng và phát triển đất nước Đại Việt.

### 3. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ VAI TRÒ QUÂN SỰ CỦA THÁI ẤP - ĐIỀN TRANG.

Mỗi vùng (hay địa bàn) của đất nước đều có đặc điểm tự nhiên và khí hậu khác nhau. Nghiên cứu chế độ thái ấp - điền trang thời Trần, chúng tôi đặc biệt lưu ý đến vị trí địa lý tự nhiên của vùng nói riêng, lãnh thổ nói chung. Như trên, chúng tôi đã trình bày về môi trường tự nhiên của đất nước Đại Việt (chương 1) và diện mạo thái ấp -

điền trang (chương 2). Chúng tôi có thể nhìn nhận khá rõ việc phân bố các thái ấp - điền trang chủ yếu và đậm ở địa bàn châu thổ Bắc Bộ. Từ trung tâm châu thổ Bắc Bộ toả đi các hướng Nam, Bắc, Đông Bắc, điển hình là các địa bàn trọng yếu của đất nước:

- Cửa ngõ kinh thành Thăng Long: cửa ngõ phía Bắc, thái ấp Gia Lâm của Trần Quang Triệu, cửa ngõ phía Nam: thái ấp Kẻ Mơ của Trần Khát Chân.

- Trục đường nước Bắc-Nam, nối hai trung tâm chính trị lớn nhất nước Thăng Long-Thiên Trường có các thái ấp Dưỡng Hòa (Duy Tiên, Hà Nam) của Trần Khánh Dư, Quắc Hương (Bình Lục, Hà Nam) của Trần Thủ Độ, Cao Đà (Bình Lục, Hà Nam) của Trần Quang Khải.

- Vùng quê hương nhà Trần: Thái ấp Dương Xá (Hưng Hà, Thái Bình) của Trần Nhật Hạo.

- Vùng biên cương phía Đông Bắc: Tháp ấp Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương), thái ấp của Trần Hưng Đạo.

- Vùng cửa ngõ Đông Bắc: Thái ấp Tĩnh Bang (Vĩnh Bảo, Hải Phòng) của Hưng Nhuượng vương Trần Quốc Tảng.

- Vùng phên dậu phía Nam: Thái ấp Văn Trinh (Quảng Xương, Thanh Hóa) của Trần Nhật Duật, Diễn Châu (Nghệ An) của Trần Quốc Khang.

- Vùng biên giới phía Nam: Điền trang của Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh ở Lê Thủy, Quảng Bình.

Điều đó chứng tỏ rằng nhà Trần chú trọng và quan trọng hơn là giao trách nhiệm cho các "trụ cột" của triều đình cai quản, bảo vệ những vùng đất hiểm yếu của đất nước.

Sự kết hợp giữa quốc phòng và kinh tế, giữa quân sự và ban cấp thái ấp là nét đặc biệt, đặc sắc trong sự tồn tại của vương triều Trần. Hai vấn đề này thực sự trở nên quan trọng trong thời bình và thời chiến. Trong thời bình, hoạt động của thái ấp không chỉ nhằm phục vụ cho các vương hầu, quý tộc mà còn là nơi tích trữ lương thực, dự trữ sức người cho thời chiến, vấn đề này đã được minh chứng rõ qua ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên. Thắng lợi của cuộc kháng chiến này, có sự đóng góp xứng đáng của các thái ấp Trần.

Một đặc điểm khá đặc biệt là *đa số các thái ấp - diên trang đều nằm ở ngã ba sông, ven sông*. Các dòng sông trên đất nước ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc thời cổ-trung đại đã có vai trò quan trọng. Những chiến thắng vĩ đại cũng lập nên trên các dòng sông: chiến thắng Bạch Đằng năm 938, 1288, phòng tuyến sông Cầu trong cuộc kháng chiến chống Tống của Lý Thường Kiệt (1077). Vai trò của các dòng sông còn thể hiện trong sự hình thành các đô thị cổ Việt Nam. Kinh đô Thăng Long nằm ở ngã ba sông Hồng và sông Tô. Kinh đô Phú Xuân nằm ở ven sông Hương. Đô thị Sài Gòn nằm ở ngã ba sông Sài Gòn và sông Đồng Nai... Điều đó nói lên

sông nước Việt Nam có vai trò rất lớn trong sự tồn tại của con người nói chung, cho lịch sử hình thành các thái ấp - điền trang nói riêng.

Thái ấp của Trần Thủ Độ, vùng Quắc Hương (nay là làng Thành Thị, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) nằm ở vùng ngã ba sông Châu, sông Sắt.

Thái ấp của Hưng Đạo vương ở Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương) nằm ở vùng Lục Đầu giang, 6 sông chầu về. Đó là sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Kinh Thầy, sông Thái Bình và nhánh của sông Thái Bình chảy vào huyện Lang Tài (Bắc Ninh)<sup>1</sup>.

Thái ấp của Trần Quang Khải ở thôn Độc Lập, phủ Thiên Trường (nay là thôn Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) ở ngã ba sông Vị Hoàng và Ninh Giang.

Thái ấp của Văn Huệ vương Trần Quang Triều ở Gia Lâm (nay thuộc Hà Nội) nằm ở ngã ba sông Thiên Đức và sông Dâu.

Thái ấp của Trần Khát Chân ở Kẻ Mơ (nay thuộc quận Hai Bà Trưng - Hà Nội) nằm ở ngã ba sông Kim Ngưu, sông Sét (ở Thanh Trì).

Thái ấp của các trưởng công chúa ở Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ) nằm ở vùng ngã ba sông Hồng và sông Lô.

---

1. Nguyễn Trãi toàn tập, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội-1976, tr.567.

Điền trang của Tiến sĩ Hoàng Hồi Khanh ở Kẻ Đại, Kẻ Tiểu nằm ở vùng ngã ba sông Bình Giang và Ngô Giang.

Ngã ba sông, không chỉ là địa bàn thuận lợi về giao thông mà về mặt quân sự, dễ dàn trận và tiến thoái khi có chiến tranh. Chúng ta còn nhớ, trước khi cuộc kháng chiến lần 2 bùng nổ, nhà Trần triệu tập các vương hầu bách quan họp Hội nghị trên sông nước Bình Than<sup>1</sup> (tức sông Lục Đầu) ngoài mục đích bàn kế sách đánh giặc còn để cho các tướng lĩnh quân đội nắm được địa thế sông nước Bình Than, nơi có sáu con sông chầu về.

Bấy lâu nay, chúng ta thường nhấn mạnh tới tính kinh tế của thái ấp (cấp bổng lộc cho các vương hầu quý tộc) mà chưa có ai tìm hiểu xem cái gì là quan trọng hơn cả cho nguyên nhân ra đời của chế độ thái ấp. Theo chúng tôi, các yếu tố hợp thành điều kiện ra đời của thái ấp gồm:

1. Yếu tố chính trị (tức chính thể Nhà nước), nơi để ra chế độ thái ấp.
2. Yếu tố quân sự - an sinh xã hội.
3. Vị trí địa lý tự nhiên.
4. Yếu tố kinh tế (cấp bổng lộc bằng phân phong ruộng đất).

Chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh đến *yếu tố chính trị* (*chính thể nhà nước*) kết hợp với *yếu tố quân sự - an*

---

1. *Sông Lục Đầu*, thời Trần gọi là *sông Bình Than*.

*sinh xã hội* và nó trở thành *mục đích quan trọng hàng đầu* cho việc phân phong thái ấp. Bởi vì:

1. Vị trí các thái ấp đều nằm ở những địa bàn trọng yếu của đất nước.
2. Các vương hầu quý tộc được ban cấp thái ấp đều là những người tài giỏi, văn võ song toàn và là trụ cột của triều đình, những tướng lĩnh tài giỏi chỉ huy các cuộc kháng chiến như Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật, Trần Quang Triệu v.v...
3. Các thái ấp là những căn cứ địa trong kháng chiến hay chốt quân sự phòng thủ của đất nước. Nếu chỉ đơn thuần ban cấp thái ấp vì quyền lợi kinh tế của các vương hầu quý tộc, thì tại sao triều đình không cấp bất cứ vùng đất đai màu mỡ nào. Chúng ta thấy, thái ấp của Trần Thủ Độ ở Quắc Hương là vùng chiêm trũng, chỉ cấy được một vụ lúa. Không phải ngẫu nhiên mà Trần Hưng Đạo đang sinh sống ở A Sào, một vùng đất đai phì nhiêu, nông nghiệp trù phú được điều về Vạn Kiếp sau khi quân xâm lược Mông - Nguyên tiến hành cuộc đánh chiếm ta lần thứ 1 (1258). Một vùng quan trọng như Vạn Kiếp, nơi tập trung đầu mối giao thông vùng Đông Bắc nước ta. Triều Trần đã nhận rõ tầm quan trọng chiến lược của vị trí Vạn Kiếp nên đã cử một trong những tướng lĩnh giỏi nhất của triều đình về đây trấn giữ.

4. Xuất phát từ hoàn cảnh của một đất nước trước nguy cơ xâm lược của đế chế phương Bắc và các cuộc đánh chiếm của giặc phương Nam.

Thái ấp Kẻ Mơ ra đời trong hoàn cảnh nào? Đất nước Đại Việt, nhất là vào nửa cuối thế kỷ XIV luôn luôn phải đối phó với nạn quấy nhiễu, xâm lấn của quân Chiêm Thành. Tính từ năm 1361 đến 1391 đã có tới 15 lần quân Chiêm tấn công Đại Việt từ biên giới phía Nam. Trong đó có 3 lần chúng tiến thẳng vào kinh đô Thăng Long và một lần đến Quảng Oai, uy hiếp Thăng Long. Vua tôi nhà Trần đã nhiều lần xuất quân tiến đánh Chiêm Thành nhưng vẫn chưa triệt được họa xâm lăng. Trần Khát Chân là người cố công giết được vua Chiêm là Chế Bồng Nga, người luôn thúc đẩy các cuộc tấn công Đại Việt. Thời điểm này, việc trấn giữ chốt cửa ngõ phía Nam của kinh đô Thăng Long, vì thế, phải được tăng cường. Triều đình đã cử Thượng tướng Trần Khát Chân trấn giữ ở đây cùng với việc "kiến ấp".

*Điền trang* với sự phân bố trên toàn cảnh vị trí địa lý trong nước khá phong phú, nhưng phải thấy rằng *điền trang* thường ít có vai trò trong quân sự như thái ấp. *Toàn thư* cung cấp cho ta tư liệu về *địa bàn khẩn hoang* chủ yếu ở những bãi bồi ven sông, ven biển. Trên thực tế, những nơi đất hoang được khai khẩn còn trải dài trên nhiều *địa bàn*, *vùng*, *miền* của đất nước.

Vùng chau thổ ven sông: đậm đặc ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Dương.

Vùng núi: Trường Yên (Ninh Bình ngày nay), Nghệ An, Hà Tĩnh.

Vùng biên viễn: Lệ Thủy (Quảng Bình). Phần lớn các đền trang ra đời ở vùng chau thổ ven sông, ven biển. Đền trang vùng biên viễn lại là tỷ lệ quá nhỏ so với vùng chau thổ (chỉ có 1 cái).

Xu hướng khẩn hoang, nhìn chung, được đẩy mạnh về phía Nam đất nước. Văn bia "Thánh Ân tự tam bảo điền" nay thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình mà thời Trần là *vùng núi Trường Yên*, Trần Nhân Tông đã lập đền trang ở đây và sau đó đã cúng cho chùa Thánh Ân một số ruộng đất, ao đầm<sup>1</sup>. Có thể nói, số đền trang ở vùng núi không nhiều, nhưng sự xuất hiện của chúng đã góp phần làm phong phú hơn diện mạo đền trang thời Trần.

Phát triển đền trang nhằm biến những vùng đất hoang thành đồng ruộng không chỉ nhằm phát triển nông nghiệp, tăng nguồn sống và kích thích các hoạt động sản xuất khác, mà còn là quá trình hình thành nên những địa bàn cư trú mới, mở rộng phạm vi cư trú

---

1. Nguy Khắc Hiếu, *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông tin - UBND tỉnh Hà Nam Ninh, tr.30-32.

của nhân dân, góp phần tăng cơ sở các đơn vị làng Việt Nam. Trong lịch sử dân tộc "khai hoang, lập làng" thường đi liền với nhau.

#### 4. ẢNH HƯỞNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHẾ ĐỘ THÁI ÁP - ĐIỀN TRANG ĐỐI VỚI KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI.

##### a. Ảnh hưởng và tác động của chế độ thái ấp - điền trang đối với kinh tế.

Thế kỷ X, về mặt hình thái kinh tế-xã hội, dân tộc Việt Nam còn thuộc phạm trù "Phương thức sản xuất châu Á", với sự thiết lập chế độ vương quyền thay thế chế độ thủ lĩnh hào trưởng trước đó. Xu hướng thống nhất, tập quyền mà những người tiêu biểu là Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lý Công Uẩn. Họ là những người thiết lập nên những vương triều độc lập, đã đánh dấu bước chuẩn bị giải thể của công xã nông thôn, hình thành một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền, dựa trên nền tảng cư dân nông nghiệp. Những xóm làng của cư dân trồng lúa nước, trong quá trình tồn tại có nhu cầu liên kết, đoàn kết để đắp đê trị thủy và chống lại ách đô hộ nghìn năm Bắc thuộc.

Xu hướng tập quyền của dân tộc mà nền tảng ở thế kỷ X, và ngày càng phát triển ở các thế kỷ tiếp theo. Với chế

độ quân chủ tập quyền, đứng đầu là nhà vua. Vua là chủ lãnh thổ Nhà nước, cũng đồng thời là chủ ruộng đất toàn quốc. Vua có toàn quyền phân phối đất đai trong toàn quốc cho bất cứ ai và có quyền tịch thu ruộng đất của bất cứ ai, nhưng không phải tự do như xử lý tài sản của mình mà làm theo phép nước.

Thế kỷ thứ XI, thời Lý, đại bộ phận đất đai canh tác thuộc các công xã nông thôn. Thời Lý, hoàn toàn không đánh thuế ruộng tư, chứng tỏ ruộng tư chưa thể trở thành nguồn tô thuế quan trọng của Nhà nước.

Chế độ sở hữu ruộng đất Nhà nước thiết lập trên chế độ sở hữu công xã nông thôn (còn gọi là sở hữu kép). Thành viên công xã vốn là những người tự nguyện liên kết lại với nhau trong quá trình đấu tranh sinh tồn, khai hoang lập làng. Những công xã tự do ấy thì nay đã bị lệ thuộc Nhà nước quân chủ. Các công xã phải nộp thuế cho Nhà nước, biến sở hữu công xã thành sở hữu Nhà nước. Trước đây, nông dân công xã cày cấy ruộng công chỉ phải đóng góp một phần nào đấy vào quỹ chung của công xã thì nay họ phải nộp tô thuế cho Nhà nước. Sự lệ thuộc bằng uy quyền tối cao của Nhà nước - nhà vua chứ không phải bằng tự nguyện. Quan hệ giữa Nhà nước và công xã là quan hệ cống nạp. Nhà nước không chỉ quản lý công xã về ruộng đất mà còn quản lý chặt chẽ dân đinh, Phan Huy Chú nhận xét: "Đời Lý kiểm soát hộ tịch rất là nghiêm ngặt. Dân đinh nào đến tuổi

*18 thì biên vào sổ bìa vàng, gọi là Hoàng nam, đến 20 tuổi  
gọi là Đại nam*<sup>1</sup>.

Nếu như ở thế kỷ XI, sở hữu tư nhân về ruộng đất còn chưa được sử cũ chép đến thì đến thế kỷ XII, sử bắt đầu chép nhiều đến các hiện tượng này như các năm 1135, 1143 và nhất là từ thế kỷ XIII, dưới thời Trần, tình hình tư hữu ruộng đất ngày càng phát triển. Nhà nước còn tạo điều kiện cho chế độ tư hữu phát triển bằng các chính sách bán ruộng công cho dân mua làm của tư (năm 1256) và cho phép các đại quý tộc lập điện trang tư (năm 1266). Nhờ thế, vào thế kỷ XIII, quan hệ sản xuất nông nô đã xuất hiện và phát triển trong suốt quãng thời gian tồn tại của triều Trần, cho đến khi bị cải cách của Hồ Quý Ly xóa bỏ. Đến thời Lê, nó vẫn tiếp tục tồn tại mờ nhạt và tàn lụi ở cuối thế kỷ XV.

Đến thế kỷ XIV, tư hữu ruộng đất ngày càng phát triển mạnh, Nhà nước phải nhiều lần can thiệp bằng luật lệnh về việc tranh cướp, tranh kiện ruộng đất.

*"Mùa đông, tháng 10 (1320), xuống chiếu rằng phàm tranh nhau ruộng đất, khám xét ra không phải là của mình mà cố tranh bậy thì phải phản tọa, tính số tiền về giá ruộng đất ấy bắt phải bồi lại gấp đôi. Nếu làm văn khế giả mạo thì chặt một đốt ngón tay bên phải"*<sup>2</sup>.

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Nxb.  
Khoa học xã hội, Hà Nội-1992, tr.218.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.121.

"Quý Hợi, năm thứ 10 (1323), xuống chiếu rằng phàm kiện việc tranh ruộng mà ruộng có lúa, thì hãy chia ra làm hai phần, đền lại cho người cấy một phần, còn một phần lưu lại"<sup>1</sup>.

Đại quý tộc, địa chủ thường và tiểu nông có ruộng tư. Sử cũ chép nhiều sự kiện Nhà nước kêu gọi các nhà giàu phát thóc cho dân, Nhà nước trả lại bằng tiền hoặc ban tước theo thứ bậc và nông dân khi gặp những năm mất mùa đói kém nhiều người phải bán ruộng, bán con như các năm 1290, 1291...

Quý tộc tôn thất được ban cấp thái ấp, được lập điền trang, hình thành trong xã hội tầng lớp đại địa chủ quý tộc, được hưởng tô thuế trên vùng đất rộng lớn, có trong tay hàng nghìn nô (Giáo sư Nguyễn Hồng Phong gọi tầng lớp địa chủ này là *giai cấp quý tộc thu cống*, tức là địa chủ bóc lột nông nô, để phân biệt với địa chủ bóc lột địa tô). Tầng lớp này trong quá trình tồn tại, càng có xu hướng tích luỹ của cải, mở rộng điền trang tăng số lượng điền sản cho mình và vì thế càng có xu hướng chuyển hóa thành *giai cấp địa chủ bóc lột địa tô* cũng là bởi tác động từ bên trên quá trình chuyển hóa từ phương thức sản xuất châu Á (hay phương thức sản xuất cống nạp) sang phương thức sản xuất phong kiến.

Trong chính sách tô thuế Nhà nước Trần đề ra năm 1242 quy định số tiền thóc phải nộp của nhân đinh như sau:

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.125.

Nhân đinh - có 1, 2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền.

- có 3,4 mẫu ruộng thì nộp 2 quan tiền.

- có từ 5 mẫu ruộng thì nộp 3 quan tiền.

- tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc.

Theo Cao Hùng Trung trong *An Nam chí nguyên*, thì mức tô loại ruộng đất công mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc.

Thuế công điền là nguồn tài chính của Nhà nước. Trong khi đó, công điền ngày càng bị thu hẹp bởi tư điền ngày càng phình ra.

Phần lớn ruộng đất ban cấp cho quý tộc làm thái ấp, cho quan lại làm lương bổng và ruộng thưởng công đều lấy vào ruộng đất công làng xã. Đổi với thái ấp, đó là ruộng đất của một vùng, đổi với quan lại, số ruộng được tính bằng mẫu (nhưng cũng không có tư liệu nào cho biết quy định số lượng cụ thể). Người được ban cấp được quyền hưởng tô thuế trên bộ phận ruộng đất phong cấp đó. Quá trình tồn tại của loại ruộng đất này mà điển hình là chế độ thái ấp - điền trang lại là nhân tố hạn chế nguồn tài chính Nhà nước và dù có nằm ngoài ý muốn thì nó trở thành nguyên nhân mâu thuẫn với Nhà nước về mặt tài chính. Ta cứ thử hình dung, nếu số tô thuế như quy định năm 1242 ở trên được áp dụng cho loại ruộng đất thái ấp nói riêng, ruộng phong cấp các loại nói chung thì chỉ hình dung thôi, ta cũng thấy được nó là nguồn tài chính tương đối lớn cho Nhà nước.

của dân"<sup>1</sup>. Trong xã hội, hình thành tầng lớp quý tộc địa chủ lăm tăm, nhiều ruộng, tầng lớp địa chủ thường và tầng lớp nhà giàu (không có ruộng nhưng có của) hay tầng lớp thương nhân mà sử cũ gọi chung là "nhà giàu". Sự phát triển của chế độ tư hữu cùng với sự ảnh hưởng ngày càng lớn của tầng lớp quan lại xuất thân bằng con đường khoa cử Nho giáo đã tác động đến thể chế chính trị. Nhà nước quân chủ trung ương, chuyển biến từ Nhà nước quân chủ quý tộc đồng tộc sang Nhà nước quân chủ quan liêu vào nửa cuối thế kỷ XIV.

Chế độ thái ấp - điền trang và quá trình tồn tại của nó là động lực thúc đẩy các *làng nghề* phát triển. Sự tồn tại của các làng nghề nông, công, thương, chài và quá trình chuyên môn hóa lao động là điểm đặc sắc trong kết cấu kinh tế thái ấp - điền trang. Nó làm phong phú hơn diện mạo thái ấp - điền trang nói riêng và tổng thể nền kinh tế thời Trần nói chung. Cùng với nghề nông là chính, các làng nghề đã đóng vai trò kinh tế chủ đạo trong các thái ấp - điền trang.

Chúng ta đã từng thừa nhận mô hình kinh tế tự cấp, tự túc trong các thái ấp - điền trang, nhưng, thực sự kiểu tự cấp, tự túc ấy có phải chỉ gói gọn trong các "vùng", "địa phương" hay không? Nói cách khác, nó "đóng kín" hay có độ "mở". Thực tế cho hay, nó không hoàn toàn đóng kín mà

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.117.

có độ mở nhất định, thông qua sự giao lưu kinh tế giữa các địa phương và trong từng địa phương qua các chợ và nhất là trong bối cảnh kinh tế, xã hội lúc bấy giờ, sự phát triển của kinh tế hàng hóa đã tác động đến tầng lớp quý tộc, địa chủ, nhà giàu và nhân dân. Sản phẩm từ khắp các miền đất nước đã được hội tụ ở Thăng Long. Các quý tộc vương hầu cần những hàng hóa sang trọng xa xỉ mà ở khu vực thái ấp - điền trang không sản xuất được, họ phải bán bớt sản phẩm mà họ có, lên Thăng Long mua sắm.

Như vậy, hoạt động thương mại không những làm xuất hiện trong xã hội tầng lớp *nha giau*, kiểu như Ngô Dãnh mà còn cuốn hút cả các quý tộc vương hầu, kiểu như Trần Khánh Dư, hoặc tham gia vào thị trường buôn bán kiểu như vua Trần Dụ Tông. Trong quá trình phát triển của đất nước, tầng lớp thương nhân càng ngày càng có vai trò quan trọng trong xã hội. Họ không những được Nhà nước trung dụng khi cần, như quyên thóc cho Nhà nước mà còn lấn bước sang lĩnh vực chính trị, các nhà giàu được đưa vào hàng ngũ quan chức. Trong lĩnh vực hôn nhân, một lĩnh vực mà nhà Trần coi như là chế độ, được thực hiện nghiêm ngặt. Nhưng kể từ khi vua Trần gả công chúa Nguyệt Sơn cho trại chủ Đại Lai là Ngô Dãnh (năm 1363) thì chế độ trên đã dần dần lung lay và điều đó cũng chứng tỏ thế lực nhà giàu. Trại chủ Ngô Dãnh bỗng chốc trở thành phò mã của nhà vua, mà trước đây điều đó khó có thể xảy ra.

Tóm lại, sự chi phối về kinh tế dẫn đến sự chi phối về chính trị. Vai trò kinh tế dẫn đến những tác động lớn đối với các thành phần xã hội (Tiến sĩ Vũ Minh Giang đã khái quát vai trò của kinh tế bằng thuật ngữ "bệ đỡ kinh tế"). Với chế độ phân phong thái ấp và chế độ đại sở hữu điền trang cùng tình hình tư hữu ruộng đất phát triển dẫn tới tình hình Nhà nước trung ương ngày càng mất dần nguồn thu thuế. Đó cũng đồng thời là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng Nhà nước trung ương lâm vào khủng hoảng kinh tế, nhất là vào nửa cuối thế kỷ XIV. Trong xã hội này sinh nhiều xu hướng, xu hướng tập trung ruộng đất vào tay Nhà nước, xu hướng quan liêu hóa đồng thời là xu hướng xóa bỏ thế lực kinh tế, chính trị của quý tộc Trần. Chính sách "hạn điền, hạn nô" của Hồ Quý Ly là đòn tấn công mở đầu và quyết định.

#### b. Ảnh hưởng và tác động của chế độ thái ấp - điền trang về mặt chính trị.

*Trước hết*, cần phải khẳng định lại rằng, triều đại nhà Trần về phương diện thể chế chính trị là một triều đại quân chủ quý tộc đồng tộc. Tầng lớp quý tộc đồng tộc là một tập đoàn thống trị xã hội. Họ được triều đình đặc biệt ưu đãi trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế. Họ được triều đình giao cho những chức vụ trọng yếu và được ban cấp những vùng đất rộng lớn làm thái ấp. Có thể nói, sự kết hợp các yếu tố chính trị, kinh tế và đồng tộc đối với tầng lớp quý

tộc lãnh đạo đất nước, đã tạo nên hệ quả là xây dựng được một triều đình thống nhất, đoàn kết nội bộ, đoàn kết toàn dân, giữ vững nền độc lập dân tộc. Chúng ta thấy rõ rệt trong tấm gương của Trần Hưng Đạo. Ông là người biết nuốt mối hận của cha trong mối quan hệ với đất nước, bảo vệ xã tắc, chỉ nghe lời cha trăng trối "hãy lấy thiên hạ" mà không thực hiện. Đoàn kết hoàng tộc trong quan hệ với Trần Quang Khải, đoàn kết trên dưới trong quan hệ với Yết Kiêu, Dã Tượng.

*Thứ hai*, Nhà nước Trần không những chú trọng đến tầng lớp quý tộc tôn thất, mà còn chú trọng trong mối quan hệ với thần dân. Chúng ta đã từng biết vua triều Lý, thầm dâng tư tưởng Phật giáo trong quan hệ với dân "ta yêu con ta như lòng ta đối với dân" thì nhà Trần đối với dân cũng không kém. Chính sách "thân dân" hay quan điểm "lấy dân làm gốc" thể hiện trên nhiều lĩnh vực. Sửa đúc chính của nhà vua cũng lấy việc "cứu giúp tai họa" cho dân<sup>1</sup>. Chăm lo đến cuộc sống no ấm của dân như đắp đê phòng chống lũ lụt, bảo vệ mùa màng, bảo vệ sức kéo và dân là nền tảng của "thực túc, bình cường".

*Thứ ba*, thành công trên các lĩnh vực đoàn kết hoàng tộc, đoàn kết toàn dân, lấy dân làm gốc đã tạo nên sức mạnh đưa thời đại nhà Trần lên đỉnh cao của vinh quang, đó là ba lần chiến thắng oanh liệt giặc Mông - Nguyên,

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.100.

góp phần phát huy và phát triển nền văn minh Đại Việt trong nhiều thế kỷ.

Chính sách tạo thế lực kinh tế cho vương hầu, quí tộc bằng phong cấp thái ấp ở các địa bàn quan trọng của đất nước, vấn đề này càng sâu sắc hơn đối với triều đình, trước hết và cơ bản là tạo dựng những trụ cột, trợ giúp triều đình. Sau, đồng thời cũng là một biện pháp giữ hòa khí giữa các anh em trong nội bộ hoàng tộc. Các vương hầu quí tộc có thái ấp, phần lớn thời gian họ sống ở đó. Họ chỉ về kinh sư khi có lệnh triệu tập của nhà vua. Thi thoảng về kinh, anh em gặp nhau chốn cung đình, vừa bàn chính sự, cũng là dịp họp mặt "gia đình". Trong quan niệm của nhà Trần, tôn miếu và xã tắc là một. Vua Trần đã từng nói với người tôn thất rằng: "*Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông nên cùng với anh em trong họ cùng hưởng phú quý*"<sup>1</sup>. Lúc chính sự thì phân biệt ngôi thứ, nhưng lúc yến tiệc thì cùng nhau vui vầy, có khi trời tối không về được thì đặt gối dài chăn rộng cùng ngủ liền giường với nhau để tỏ hết lòng yêu nhau. "*Vì thế nên các vương hầu bấy giờ không ai là không hòa thuận kính sợ, mà không có lỗi lèch về sự nhòn mặt kiêu căng*"<sup>2</sup>. Một triều đình, hệ thống chính quyền kết hợp với hệ thống gia tộc. Nhà vua và hoàng tộc nắm quyền điều khiển đất nước. Dựa vào quan hệ huyết thống mà bổ nhiệm chức vụ, xác

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.39.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.40.

định địa vị chính trị và quyền thế tập. Và, như thế, triều đình nhà Trần đã tỏ ra thành công giữa việc "tề gia" với việc "trị quốc" và "bình thiên hạ". Vì thế việc phong cấp thái ấp nhằm mục đích chính trị "dùng con cháu tôn thất làm thành lũy", và, như chúng ta thấy, những chủ nhân của các thái ấp không bao giờ trở thành lãnh chúa địa phương như ở châu Âu cùng thời. Đất phân phong cho các vương hầu quý tộc vẫn gắn với ruộng đất công làng xã, với nông dân. Các quý tộc vẫn nằm trong làng, không tách khỏi làng xã, đến khi họ chết hay không được phong nữa thì vùng đất ấy lại thuộc về Nhà nước quân chủ. Điều này, không nằm ngoài xu hướng phát triển dân tộc độc lập, thống nhất, tập trung quân chủ được thiết lập từ thế kỷ X.

Trong các phần trên, chúng tôi đã nhấn mạnh đến các yếu tố quân sự, vị trí địa lý của thái ấp - điền trang. Ở phần này, chúng tôi đặc biệt chú ý đến vai trò của thái ấp - điền trang trong việc *giữ vững nền độc lập dân tộc* thể hiện qua chiến thắng oanh liệt giặc Mông - Nguyên.

Chúng ta đều biết rằng, những chủ nhân thái ấp là những người giữ trọng trách trong triều đình và đồng thời là những vị tướng cầm quân xuất sắc trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. Chúng ta đã biết đến Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư... Nhất là Trần Quốc Tuấn, được lịch sử tôn vinh là anh hùng dân tộc và là một trong những anh hùng xuất sắc trong lịch sử nước nhà. Họ cai quản những vùng đất - thái

áp, phần lớn địa bàn là căn cứ địa trong các cuộc kháng chiến. Vai trò "tông tử duy thành" của họ đã thể hiện cao độ khi nước nhà đứng trước họa xâm lăng. Họ bỏ qua những hiềm khích cá nhân, tạo dựng khối đoàn kết trong hàng ngũ lãnh đạo. Sẽ không sợ sai khi nói rằng, chỉ có dưới thời Trần mới có chuyện liên kết vua tôi "chia nhau cùng hưởng thiên hạ do tổ tông để lại", mới có chuyện tể tướng kỳ lỵng cho nhau. Các vương hầu lãnh đạo cuộc kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc, cũng tức là bảo vệ thiên hạ của tổ tông, của dòng họ Trần. Các vương hầu quý tộc cùng toàn dân Đại Việt đưa đất nước vượt qua thử thách giữa sự mất - còn, giữa độc lập dân tộc hay là bị ngoại bang đô hộ. Cuối cùng, họ đã cùng quân dân cả nước giữ vững được nền độc lập cho dân tộc.

Cũng bởi tông miếu và xã tắc là một, cho nên sau chiến tranh vẫn đề thưởng công của nhà Trần chỉ có ý nghĩa về tinh thần. Người có công lao số một như Trần Hưng Đạo không thăng một chức, không thưởng một tước nào. Điều này chúng ta sẽ không thấy lặp lại ở thời Lê Sơ sau kháng chiến chống quân xâm lược Minh.

Chế độ thái áp, một mặt, thể hiện những điểm mạnh nhưng mặt khác, nó đồng thời là nhân tố tạo sự phân tán. Với quyền lực phân tán cho những người tài giỏi ở địa phương, làm cho chính quyền trung ương không mạnh, làm cho bộ máy thống trị kém hiệu lực. Khi các vương hầu quý tộc mạnh lên về kinh tế, có nhiều ruộng đất và nông

nô, thì nó cũng mạnh lên về mặt chính trị và quân sự, đe dọa quyền lực của triều đình.

Sẽ là không đầy đủ nếu như không đề cập đến tình hình thái áp - điền trang sau chiến tranh kết thúc. Nhát là vào thời điểm mấy chục năm sau chiến tranh, các vương hầu quý tộc đã từng lãnh đạo kháng chiến không còn mấy ai thọ đến thời điểm này. Chiến tranh kết thúc 6 năm, thì Trần Quang Khải qua đời (năm 1294). Trần Quốc Khang và Trần Hưng Đạo cùng ra đi một năm (năm 1300). Trần Quốc Tảng mất năm 1311... Những "công thần khai quốc" trụ cột của triều đình theo thời gian ngày một ít đi. Hơn nữa, kinh tế thái áp - điền trang đã tác động không nhỏ đến các quý tộc vương hầu, gián tiếp tác động đến bộ máy chính trị ở trung ương. Sau chiến tranh, đất nước phải trải qua những hậu quả nặng nề. Chiến tranh diễn ra trong khoảng thời gian ngắn, nhưng trải rộng trên nhiều địa bàn, chủ yếu là những nơi có mật độ dân cư đông đúc nhất của đất nước. Đất nước phải chịu một tổn thất lớn về người và của. Nhiều làng mạc bị tàn phá, dân số thiệt hại không nhỏ. Năm 1288, trong tờ Biểu gửi Hốt Tất Liệt, vua Trần Nhân Tông đã tố cáo quân Nguyên "*đốt phá hết chùa chiền trong nước, khai quật phần mộ tổ tiên, cướp bóc dân gian, phá phách sản nghiệp trăm họ, mọi tội ác không việc nào trừ*". Mặc dù triều đình Trần hết sức chú ý khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp. Những địa phương bị chiến tranh tàn phá nặng nề triều đình ra lệnh: "*Phàm nơi*

nào từng bị binh lửa cướp phá thì tha tôt ruộng và tạp dịch toàn phần, các chỗ khác thì giảm bớt hoặc miễn theo thứ bậc khác nhau"<sup>1</sup>, nhằm động viên nhân dân, tăng cường sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh. Trong kháng chiến, lương thực dự trữ trong kho Nhà nước phải đem ra cung cấp cho quân đội và giờ đây Nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc dự trữ lương thực. Quy luật của chiến tranh thời nào cũng vậy, tình trạng khốn đốn sau chiến tranh là điều khó tránh khỏi. Thêm nữa, sau thắng lợi (1288) không bao lâu thì đất nước liên tiếp gặp phải hai nạn đói vào các năm 1290, 1291. Toàn thư chép: "Tháng 9 (1290), đói to, 3 tháng gạo giá 1 quan tiền, nhân dân nhiều người phải bán ruộng đất và bán con trai con gái làm nô tỳ cho người khác, mỗi người trị giá 1 quan tiền". Và "Năm ấy (1291) lại đói to, ngoài đường nhiều người chết đói"<sup>2</sup>. Nếu như năm 1290, dân đói, Nhà nước còn ra lệnh "xuống chiếu phát thóc công để chấn cấp dân nghèo và miễn thuế nhân định" thì năm sau, có lẽ Nhà nước đã hết khả năng chấn cấp. Vì thế, dân chúng nhiều người phải lang thang kiếm ăn và chết đói ngoài đường. Có điều, trước kia những trận đói lớn thường do thiên tai, hạn hán, lũ lụt hoành hành. Còn bây giờ là do hậu quả của chiến tranh. Như vậy, sau chiến tranh tình hình trở nên phúc tạp hơn. Số người phải bán ruộng, bán con làm nô tỳ đã làm tăng thêm

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.68.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.74.

tình hình sở hữu tư nhân về ruộng đất. Đồng thời, cũng làm tăng thêm lực lượng nông nô, nô tỳ. Tình trạng này, có lẽ đã có những biến động trong xã hội, nên năm sau (1292) nhà vua phải ra lệnh: "*Xuống chiếu rằng những người mua lương dân làm nô tỳ thì cho chuộc lại; ruộng đất nhà ở thì không theo luật ấy*"<sup>1</sup>. Chỉ cho chuộc lại người bị bán làm nô tỳ mà không cho chuộc lại ruộng đất, lại càng làm tăng thêm số nông dân không ruộng. Do đó, dù muốn hay không, tình trạng này cũng dẫn đến sự phân hóa trong tầng lớp nông dân làng xã.

Thêm nữa, khoảng 30 năm nửa đầu thế kỷ XIV, quân và dân Đại Việt lại phải lo đánh trả những trận xâm lấn, quấy nhiễu của quân Chiêm Thành từ biên giới phía Nam. Mặc dù, triều đình Trần không ngừng cải thiện quan hệ với Chiêm Thành. Năm 1301, lúc này Trần Nhân Tông đã nhường ngôi cho con lên làm thái thượng hoàng, đã đích thân sang thăm Chiêm Thành. Sau đó, ông đã gả con gái là công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm là Chế Mân (năm 1306). Đáp lại, vua Chế Mân đã cắt hai châu phía Bắc của mình là Ô và Lý cho nhà Trần. Nhưng sau khi Chế Mân chết (năm 1307) và Trần Nhân Tông băng hà (1308), thì cũng chính vì sự kiện hai châu Ô, Lý cộng thêm sự kiện Chế Chí (con trai Chế Mân) lên làm vua và đã đầu hàng vua Trần Anh Tông (năm 1312), mà quân đội Chiêm Thành từ năm 1314 luôn tổ chức tấn công nhà Trần ở biên

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.75.

giới phía Nam nhằm đòi lại hai châu đã mất. Tình hình biên giới phía Nam chỉ tạm thời ổn định, khi quân đội Đại Việt dưới sự chỉ huy của Huệ Túc vương tổ chức đánh Chiêm Thành nhưng thất bại. Sau đó, những cuộc đụng đầu giữa hai nước ở biên giới phía Nam tạm thời chấm dứt cho đến nửa sau thế kỷ XIV.

Trong tình hình trên, các vương hầu quý tộc lại lui về thái ấp, hưởng thụ cuộc sống xa hoa và ngày càng không thiết gì đến công việc triều chính. Vua Trần Minh Tông trong bài thơ viết về Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư "Đường Chân Bình Thôn Tử Nhân Huệ vương<sup>1</sup> trang" (Trang trại của Nhân Huệ vương Đường Chân Bình Thôn Tử) đã cho thấy được hình ảnh Nhân Huệ vương xa lánh triều chính mà vui với cảnh câu cá, ngắm trăng:

*Trang gia kỷ thốc ỷ thiều nghiêu.  
Nhất chẩm cao miên viễn thị triều  
Hải giác dư đồ quy chính hóa,  
Thiên nhai nhân vật lạc ngư tiều.  
Khê thanh tịch tịch triều lại thiều,  
Đường ảnh sơ sơ nguyệt thường nhiêu.  
Lòng chuẩn hà tầng đồng điểu chuế,  
Biên chu hưu phiếm ngũ hồ dao.*

1. Nhân Huệ vương: tức Trần Khánh Dư. Đường Chân Bình Thôn tử là tên hiệu của ông.

Dịch nghĩa:

Mấy dãy nhà trong trang trại dựa vào núi cao chót vót,  
Một chiếc gối nằm khẽo ở xa triều chính và thành thi.  
Miền gốc biển trên bản đồ đã theo giáo hóa của vua,  
Nhân vật ở chân trời vui với việc câu cá hái củi.  
Tiếng suối chảy lặng lẽ, vì nước triều ít dâng lên,  
Bóng cây đường thưa thớt nên ánh trăng tràn ngập.  
Mũi rồng đâu có giống mỏ chim,  
Xin chờ thả thuyền lênh đênh trên Ngũ hồ xa xôi<sup>1</sup>.

Bộ máy chính trị của Nhà nước, những chức vụ trọng yếu của triều đình, trước đây chỉ dành cho người tôn thất thì giờ đây, càng ngày càng có sự tham gia ngày một nhiều của Nho sĩ xuất thân bằng khoa cử Nho giáo. Xu hướng quan liêu đang trên đà tranh chấp với tầng lớp quý tộc đồng tộc. Tầng lớp quan liêu muốn hạn chế quyền lực và quyền lợi của quý tộc tôn thất Trần. Họ muốn đem phép nước thay đổi theo tục phương Bắc. Cho nên, sau sự kiện phế Dương Nhật Lễ, Trần Nghệ Tông lên ngôi (tháng Giêng năm 1370), ông ra lệnh "mọi công việc đều theo lệ cũ đời Khai Thái (niên hiệu của Trần Minh Tông (từ 1324 đến 1329). Bởi vì, "khoảng năm Đại Trị (niên hiệu của vua Dụ Tông từ 1358 đến 1369) kẻ học trò mặt trăng được

1. *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, quyển Thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1989, tr.801-802.

dùng, không hiểu ý sâu xa của lập pháp, đem phép cũ của tổ tông thay đổi theo tục của phương Bắc cả, như vầy y phục nhạc chương<sup>1</sup>, nhà vua từng nói: "Triều trước dựng nước, tự có pháp đợt, không theo chế độ nhà Tống, là vì Nam - Bắc đều chủ nước mình, không phải noi nhau"<sup>2</sup>. Trong xã hội nảy sinh mâu thuẫn giữa tầng lớp quý tộc tôn thất và tầng lớp quan liêu. Rất tiếc Trần Nghệ Tông, người muốn lập lại thể chế nhà nước theo "phép cũ của tổ tông" lại là ông vua ở ngôi quá ngắn (từ tháng Giêng năm 1370 đến tháng 11 năm 1372). Đất nước từ sau đời Trần Nghệ Tông làm vua (1372), quyền hành trong nước đều do Hồ Quý Ly nắm giữ. Như vậy, đến lúc này, thế lực quý tộc tôn thất đã phải cúi đầu trước thế lực quan liêu. Về mặt nào đó, sự mất dần vai trò chính trị của tầng lớp quý tộc tôn thất đã làm cho vai trò nổi trội của chế độ thái ấp trước đây vì thế mà rơi dần vào thế xuống dốc. Nói cách khác, *thái ấp gắn liền với vị thế chính trị của vương hầu, quý tộc Trần*, hay, vị thế chính trị của quý tộc tôn thất "tỷ lệ thuận" với sự "phồn thịnh" của chế độ thái ấp.

### c. Ảnh hưởng và tác động của chế độ thái ấp - diễn trang đổi với văn hóa - xã hội.

Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc gắn liền với điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử. Điều kiện tự nhiên trải qua

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.175.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.175.

nhiều triều đại quân chủ thường ít biến đổi, điều kiện xã hội và lịch sử biến chuyển theo thời gian. Môi trường thiên nhiên Việt Nam với hệ sinh thái rừng, biển, đồng bằng, với nền nông nghiệp lúa nước mà hình thành trong tư duy người Việt ở các vùng văn hóa - sinh thái một khả năng biểu tượng hóa là "núi - sông" (hay "non - nước") như núi Ngự - sông Hương, núi Nùng - sông Nhị, núi Tản - sông Đà, núi Lịch - sông Thao v.v... Núi- sông và nhất là sông đã trở thành những điểm tựa cho sự định vị thái ấp thời Trần.

Đời sống của con người gắn bó mật thiết với điều kiện tự nhiên. Thức ăn cũng lấy từ sản phẩm thiên nhiên như rau, cỏ, cua, cá, ốc, hến. Yếu tố văn hóa mang đậm phong cách sống hòa quyện với thiên nhiên. Người vùng biển thì "ăn sóng, nói gió". Tổ tiên của nhà Trần xuất thân từ dân chài vùng biển nên ưa chuộng vũ dũng và thường thích vẽ hình rồng lên người. *Tư duy sông nước*<sup>1</sup> của nhà Trần vì thế mà trở thành một đặc điểm đặc sắc trong địa bàn văn hóa - sinh thái Đại Việt.

Có thể nói và dù đã nói mà không sợ thừa rằng *thành tựu văn hóa lớn nhất của thời đại nhà Trần là giữ vững nền độc lập cho dân tộc*. Thành tựu rực rỡ này thể hiện trình độ, tri thức của triều đình nhà Trần trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự và văn hóa. Kế thừa

1. Chúng tôi sử dụng thuật ngữ của Giáo sư Trần Quốc Vượng.

nền độc lập dân tộc của triều đại trước, giữ vững và phát huy trong thời đại nhà Trần. Nền văn minh Đại Việt liên tục phát triển theo tiến trình lịch sử mà không bị gián đoạn bởi đế chế ngoại bang.

Văn hóa là sản phẩm nhân tạo. Con người là chủ thể sản xuất ra văn hóa. Sản phẩm văn hóa thời Trần lại là chứng tích thể hiện trình độ văn hóa trên tất cả các lĩnh vực của con người.

Đi sản thơ văn thời Trần để lại đến ngày nay, ta có thể thấy phần nhiều là của các tôn thất nhà Trần, trong đó có những bài thơ đã ra đời từ những thải áp như trong thơ của Trần Quang Triều chẳng hạn.

Có thể nói, nhà Trần đã ghi dấu ấn trong lịch sử dân tộc một thời kỳ của những vị vua sáng tối hiền. Vua giỏi và những "trụ cột" của vua cũng giỏi. Đó là một nét văn hóa đặc sắc, sản phẩm của thời Trần. Các vương hầu quý tộc Trần là những người học rộng hiểu sâu, văn võ song toàn. Trần Quang Khải chẳng những là một tướng cầm quân giỏi, một nhà ngoại giao có tài mà còn là một nhà thơ. Công lao đối với đất nước của ông được vua Trần Thánh Tông đúc kết bằng hai câu thơ:

*Nhất đại công danh thiên hạ hữu  
Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.*

Nghĩa là:

*Công danh trọn một đời, thiên hạ còn có người như ông.*

*Tâm lòng trung hiếu đối với hai triều vua thì thế gian không ai có.*

Những tinh hoa thời Trần không chỉ rực rỡ trên lĩnh vực quân sự mà còn tỏa sáng trong văn chương. *Dụ chư tỳ tướng hịch văn* (*Hịch tướng sĩ*) của Trần Hưng Đạo là bài văn thể hiện tài năng văn chương trác luyệt và nhiệt tâm đối với quốc gia trước sự an nguy. Ông còn viết: *Binh gia diệu lý yếu lược* (Binh thư yếu lược) và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* thể hiện tầm cõi của một thiên tài về lĩnh vực quân sự và Đạo giáo. Trần Quang Triều và thơ của ông để lại đến ngày nay là khối tư liệu quý giá để tìm hiểu về thời đại nhà Trần trên nhiều phương diện.

Có thể nói, nét văn hóa mà không phải triều đại nào cũng có thể làm được như triều Trần, đó là *trọng dụng người tài vào việc nước*. Đây là một thực tế được thể hiện rõ qua việc lựa chọn và giao trách nhiệm cho các vương hầu quý tộc đi trấn trị ở các địa phương bằng chế độ phong thái ấp. Nét văn hóa này không chỉ khẳng định hào khí Đông Á, mà còn thể hiện sức sống cường tráng của một triều đại tồn tại gần hai thế kỷ.

Người không có tài, dứt khoát triều đình không cho đảm nhận chức vụ. Sử chép, Nguyễn Sĩ Cố và Chu Bộ đều là người gần gũi, hầu cận Trần Anh Tông từ khi còn là

Thái tử. Khi Anh Tông lên ngôi "Cố và Bộ vì đều không có  
hạnh kiểm nên đều không được nhắc dùng. Cố làm đến  
Thiên chương các học sĩ, chức này đặt làm vì, không phải  
thực chức; Bộ thì chỉ coi vài bộ cẩm binh mà thôi. Khi  
Thượng hoàng (Trần Anh Tông) thân đi đánh Chiêm  
Thành, Bộ chết trên, Cố thì chết dọc đường. Hai người  
phục vụ Thượng hoàng khó nhọc lâu ngày, nhưng vì tài  
không thể dùng được, cho nên để vào chức nhàn tản, đều  
cho bổng lộc tước trật ưu hậu cả, mà không khiến làm việc  
gi gì có quyền"<sup>1</sup>.

Không có tài thì ngay cả con trưởng của vua cũng bị  
phế truất quyền kế tục ngai vàng như trường hợp của  
Cung Túc vương Dục vì là người phóng đãng quá<sup>2</sup>. Bảo  
Hung vương là người tôn thất đối với vua Trần Anh Tông  
rất được yêu quý, nhưng tình cảm là một chuyện còn dùng  
người lại là chuyện khác. Đó là việc đại sự quốc gia, cho  
nên, Bảo Hung vương không được vua "uỷ cho làm việc  
chính sự, vì là không có tài làm được"<sup>3</sup>. Đối với người  
không phải tôn thất mà giỏi giang, vẫn được nhà vua  
trọng dụng như trường hợp Đoàn Nhữ Hài "... còn như  
Nhữ Hài là học trò thôi, vì có tài cho nên không ngại mà  
ủy dụng mau quá"<sup>4</sup>.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.122.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.147.

3. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.100.

4. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.100.

Có lẽ, quan điểm trọng dụng người tài của triều Trần được thực hiện nghiêm túc, công bằng cho nên kể cả những trường hợp vì kén tài đức bị truất quyền thừa kế ngôi báu cũng không xảy ra những biến loạn trên vũ đài chính trị như trường hợp Cung Túc vương Dục chẳng hạn. Vì thế, những nhân tài triều Trần đều được thể hiện tài năng của mình trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa... Điều mà ta có thể nhìn nhận rõ rệt qua cuộc đời và sự nghiệp của các vương hầu tôn thất, những người cai quản thái ấp nói riêng và triều đình nhà Trần nói chung. Vì thế mà Phan Huy Chú đã nhận xét: "Triều Trần dùng người thật là công bằng. Tuy đã đặt khoa mục mà trong việc kén dùng chỉ cốt tài là được, cho nên những nho sĩ có chí thường được trổ tài của mình, không đến nỗi bị bó buộc hạn chế vì tư cách, như khoảng đời Long Hưng (1293) Đại Khánh (1314) nhân tài có rất nhiều, mặc áo triều, ở ngôi trọng, học sinh với khoa giáp ngang nhau, lịch duyệt trên đường làm quan chưa từng khác nhau (làm quan ở triều bấy giờ duy có Đinh Chi, Trung Ngạn là người khoa giáp, còn bọn Hán Siêu, Sư Mạnh, Lê Quát, Phạm Mai đều do học sinh xuất thân), chỉ cần người dùng được, chứ không câu nệ ở đường xuất thân. Nhân tài và văn học được thịnh, cũng vì thế chăng"<sup>1</sup>.

Triều Trần xuất phát từ tinh thần tôn sùng đạo Phật, từ triều đình đến nhân dân, đã xây dựng cho đất nước

---

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb.Khoa học Xã hội, Hà Nội-1992, tr.539.

những cơ sở vật chất - cung đình, chùa chiền rất nhiều. Trong hầu hết các thái ấp, điền trang các quý tộc tôn thất đều xây dựng chùa. Các công trình kiến trúc nói chung, kiến trúc Phật giáo nói riêng là những di sản văn hóa dân tộc đã góp phần đưa nền kiến trúc dân tộc phát triển đáng tự hào. Nhưng những cuộc xâm lược của đế quốc Mông - Nguyên đã để lại vết thương chiến tranh mà chỉ riêng đối với nền kiến trúc nhiều hậu quả nặng nề. Nhiều cung điện, nhà cửa, lầu gác, chùa tháp đã bị tàn phá hủy hoại, nhất là kinh đô Thăng Long. Chiến tranh kết thúc, đất nước chưa kịp hồi sinh lại phải lo đối phó với nhiều đợt tấn công, cướp phá của Chiêm Thành. Có những lần như năm 1371, quân Chiêm đã vào Thăng Long "*đốt trụi cả cung điện đồ thư*"<sup>1</sup>. Chiến tranh đã hủy hoại nhiều công trình quý giá của dân tộc, nền kinh tế sau chiến tranh cũng trở nên suy kiệt, khủng hoảng, kho tàng Nhà nước cạn kiệt. Điều đó làm hạn chế khả năng phát triển của nền kiến trúc nước nhà. Suốt trong thế kỷ XIII, nhà Trần chỉ xây dựng được chùa Phổ Minh, sang đầu thế kỷ XIV xây thêm hai ngôi tháp Phổ Minh và Huệ Quang. Nhà Trần trong thời gian dài chỉ lo tu tạo mà thôi, không xây được những công trình kiến trúc lớn. Năm 1371, Trần Nghệ Tông thấy tình cảnh khổ cực của nhân dân đã phải xuống chiếu rằng: "Xây dựng cung tháp cần phải mộc mạc, chỉ lấy các tảng quan tôn thắt phục dịch, không nhiều

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.179.

đến súc dân"<sup>1</sup>. Điều đó lý giải vì sao những công trình kiến trúc như tháp chùa Phổ Minh, tháp Bình Sơn, chùa Bối Khê, chùa Dương Liễu, Trung tâm Phật giáo Yên Tử còn lại đến ngày nay chỉ mang tầm vóc vừa phải mà thiếu độ đồ sộ. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà kiến trúc thời Trần kém phần rực rỡ, nhất là kiến trúc Phật giáo. Mặc dù, vào nửa sau thế kỷ XIV, Nho giáo trên đà phát triển mạnh nhưng vẫn không ngăn cản được sự thịnh hành của Phật giáo. Lê Quát, một danh nho thời Trần, chủ trương bài xích Phật giáo đã phải thừa nhận: "... Nhà Phật lấy họa phúc để cảm động lòng người sao mà được người tin theo sâu bền như thế. Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, dù đến hết tiền của cũng không sỉn tiếc... Cho nên, trong tự kinh thành, ngoài đến châub phủ, cho đến thôn cùng ngõ hẻm, không phải ra lệnh mà tuân theo, không bắt phải thề mà giữ đúng, chõ nào có người tất có chùa Phật, bỏ đi rồi lại dựng lên, nát đi rồi lại sửa lại, lâu đài chuông trống chiếm đến nửa phần so với dân cư. Đạo Phật thực rất dễ mà được rất mực tôn sùng..."<sup>2</sup>. Cũng chính vì thế mà ngày nay, đa số di sản kiến trúc thời Trần còn tồn tại chủ yếu là kiến trúc Phật giáo - chùa, tháp. Ví như chùa Thái Lạc (Lạc Hồng, Văn Lâm, Hải Dương), chùa Dâu (Thanh Chương, Thuận Thành, Bắc Ninh), chùa Bối Khê (Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Tây),

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.180.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.161.

tháp chùa Phổ Minh (Nam Định), tháp Bình Sơn (Lập Thạch, Vĩnh Phúc), tháp Bảo Thắng, chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh) và cụm kiến trúc chùa Hoa Yên (Yên Tử), chùa Lẩm (Vân Đồn, Quảng Ninh)<sup>1</sup>. Từ những di sản chùa tháp này mà ta có thể tìm thấy ở đó nhiều loại hình nghệ thuật: chạm khắc gỗ trên những bộ vòi kèo, trụ chống gỗ, bộ cánh cửa chùa Phổ Minh và nghệ thuật trang trí trên tháp đá, đất nung.

Trải qua ba triều đại Lý - Trần - Lê sơ (từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XVI), chỉ riêng lĩnh vực kiến trúc, "Thư tịch cổ đã ghi lại được hơn 800 công trình cung điện, lầu, gác, chùa, tháp, giám đạo... do Nhà nước, các quan lại cao cấp hoặc các đại squire xây dựng"<sup>2</sup>. Nếu như theo ghi chép của Nguyễn Dữ (thế kỷ XVI) cho biết ở thời Trần làng nào cũng có một hay nhiều chùa trở lên<sup>3</sup> thì con số trên còn tăng nhiều hơn nữa. Rất tiếc rằng, cho đến nay Khảo cổ học và ngành Lịch sử Mỹ thuật chỉ phát hiện được 21 di tích (chiếm 2,5%) và hơn 80 di tích lẻ tẻ khác<sup>4</sup>. Mặc dù di tích còn lại rất ít nhưng những di tích ấy đã trở thành những di sản văn hóa quý giá của dân tộc. Nó không chỉ là nguồn tư liệu giúp cho chúng ta tìm hiểu về nền mỹ thuật

- 
1. Viện Nghệ thuật, *Mỹ thuật thời Trần*, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 1977, tr.40, 41,42.
  2. Tống Trung Tín: *Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc Lý - Trần (thế kỷ XI-XIV)*. Tư Liệu Viện Khảo cổ học.
  3. Nguyễn Dữ: *Truyền kỳ man lục*. Hà Nội - 1971. Tr152.
  4. Tống Trung Tín: *Tài liệu đã dẫn*.

thời Trần mà qua đó còn cung cấp những tư liệu, hiện vật tìm hiểu về đời sống tinh thần, trình độ văn hóa- nghệ thuật của tầng lớp quý tộc quan lại thời Trần nói riêng và trình độ tay nghề của các nghệ nhân cùng ngành nghề tiêu thủ công thời Trần nói chung.

Như chúng ta đã biết, tình hình kinh tế, chính trị của đất nước 50 năm sau chiến tranh có nhiều biến động, đã tác động không nhỏ trên bình diện xã hội. Từ thời điểm 1343 trở đi, triều đình phải lo lắng và dồn sức vào dẹp nhiều thứ tệ nạn xã hội, trong đó có nạn trộm cướp. Nếu như từ năm 1225, khi triều Trần lên nắm chính quyền đến năm 1343, trong khoảng 118 năm chỉ có một cuộc làm phản của Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang vào năm 1280, thì từ năm 1343-1400, trong vòng 57 năm ấy đã có tới 8 cuộc nổi dậy của nhân dân mà sử chép là giặc cướp. Trong đó, trong thời gian trị vì của vua Trần Dụ Tông (1341-1369) xảy ra nhiều hơn cả: 4 vụ, vào các năm 1343, 1344, 1351, 1354 và điển hình là cuộc nổi dậy của Ngô Bê ở núi Yên Phụ (hay thuộc tỉnh Hải Dương) kéo dài từ 1344-1360. Trong 8 cuộc nổi dậy trên, chỉ có 2 cuộc vào các năm 1343 và 1354 là có sự tham gia của các gia nô. *Toàn thư*<sup>1</sup> chép: "Năm ấy (1343), mất mùa, đói kém, nhân dân nhiều người trộm cướp, nhất là gia nô của các vương hầu" (Tr.149) và "bấy giờ (1354) vì đói kém, nhân dân gian khổ về giặc cướp. Có kẻ tự xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd.

đại vương tên là Tề tụ họp những gia nô trốn tránh các vương hầu làm giặc, cướp bóc các xứ Lạng Giang, Nam Sách (Tr.156). Ngay cả cuộc nổi dậy của Ngô Bê là một cuộc nổi dậy kéo dài nhất (16 năm) nhưng cũng không thấy sử cũ chép là có sự tham gia của gia nô. Chỉ tính riêng năm 1389 đã có tới 3 cuộc nổi dậy của dân chúng nhưng cả ba cuộc này cũng không có sự tham gia của gia nô. Trong đó có cuộc nổi dậy của nhà sư là Thiên nhiên tăng Phạm Sư Ôn tiến đánh kinh sư vào tháng 12 năm 1389. Đám quân của Phạm Sư Ôn sử chép là những "kẻ không quê quán". Sư Ôn ở kinh sư ba ngày rồi ra đóng ở Nộn Châu<sup>1</sup>.

Địa bàn xảy ra 8 cuộc nổi dậy trải rộng trên nhiều nơi: Giáp Sơn (Hải Dương), Lạng Giang, Nam Sách, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thanh Hóa (2 cuộc), Quốc Oai thương và các xứ Lập Thạch, Đáy Giang, Lịch Sơn ("ở địa phận huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang ngày nay - huyện Lập Thạch và huyện Đáy Giang thuộc trấn Tuyên Quang bấy giờ. Nay, huyện Lập Thạch thuộc tỉnh Vĩnh Phú, còn huyện Đáy Giang là một phần huyện Sơn Dương ngày nay"<sup>2</sup>, Đà Giang, Tân Viên.

Đói kém, sinh ra trộm cướp. Nhà nước đã hết khả năng chẩn cấp thóc gạo cho dân, phải kêu gọi sự hỗ trợ của nhà

1. *Nộn Châu: thuộc lỵ Quốc Oai, nay thuộc Phú Thọ gần đền Hùng - ở đó có núi Nộn (Nộn sơn).*

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư, tập II, Sđd, tr.323*

giàu, nhưng, thực tế cho thấy, nhiều nơi dân nổi dậy trộm cướp phần lớn là vì đói kém (chứ không phải chủ yếu vì sự bóc lột của các quý tộc, vương hầu- những chủ thái áp, điền trang). Nhà nước đã phải lập hẳn một đội quân chuyên đi bắt cướp - đội Phong đoàn. Đôi khi còn điều cả Cấm quân nữa.

Sẽ là không khách quan nếu nói rằng đất nước Đại Việt vào nửa cuối thế kỷ XIV xảy ra những cuộc khởi nghĩa của nông nô và nô tỳ. Đành rằng thành phần tham gia nổi dậy có cả nông nô, nô tỳ mà sử cũ gọi là "gia nô của các vương hầu" nhưng không phải là lực lượng điển hình. Mà, ở đây, như những ghi chép trong *Toàn thư*, đội quân đi trộm cướp lại chủ yếu là "dân chúng" thì đó là tập hợp của những "dân chúng" như trong cuộc nổi dậy của Ngô Bê (tr. 149), và, trong các cuộc nổi dậy khác là "đảng chúng" (tr.162), "nhân dân" (tr.204), "tụ họp bè lũ" (tr.205), "những kẻ không quê quán" (tr.207), "lương dân hơn một vạn người" (tr. 227).

Chúng tôi không cho rằng, do sự bóc lột nông nô, nô tỳ của các vương hầu mà nảy sinh những cuộc chống đối của họ. Bởi lẽ, *trước hết* sử cũ không hề có một câu một chữ nào nói về các vương hầu đem quân đi dẹp giặc cướp mà chỉ thấy lực lượng của Nhà nước như đội Phong đoàn, quân dân các lộ và Cấm quân. *Thứ hai*, tư liệu minh chuông, thần phả... cho biết những chủ nhân thái áp "tô thuế nhẹ, tha lao dịch" v.v... tức là các vương hầu quý tộc là những

người tuy có bóc lột sức lao động của gia nô nhưng không phải quá tàn tệ. Trong gia đình, gia nô không phải là người quá cách biệt với chủ. Sự kiện *Toàn thư* chép năm 1315 như sau: "Tháng 5, xuống chiếu cấm cha con, vợ chồng và gia nô không được tố cáo lấn nhau"<sup>1</sup>. Sự kiện này, ngoại trừ khuynh hướng Nhà nước Trần bảo vệ trật tự trong gia đình, thông qua đó, bảo vệ trật tự xã hội, còn thấy được thân phận của gia nô, họ không phải hạng người đứng ngoài khuôn khổ gia đình. *Thứ ba*, chúng ta thấy khi đói kém, nhân dân nhiều người bán con làm gia nô hoặc họ tình nguyện xin làm tăng và gia nô cho các thế gia. Dĩ nhiên đó cũng là sự lựa chọn khó khăn của họ, nhưng phải thấy rằng, dù sao họ cũng lựa chọn nơi có phần "dễ thở" hơn. Và, rất có thể, chính lực lượng bị biến thành gia nô vì đói kém này lại là đội quân tham gia vào những cuộc "nổi dậy" nói trên chẳng. *Thứ tư*, cũng vào thời Dụ Tông khi có nhiều cuộc nổi dậy của giặc cướp, để phân biệt gia nô với đám cướp thì gia nô phải thích chữ vào trán. "Tháng 11 (1360), xuống chiếu bắt gia nô của các vương hầu công chúa đều phải thích chữ vào trán chỉ rõ xưng hàm; kẻ nào không thích vào trán, không có tên trong sổ, tức là giặc cướp, tội nặng thì trị, tội nhẹ thì sung làm quan nô"<sup>2</sup>. Vì có "gia nô trốn tránh" tham gia vào "giặc cướp" nhưng không phải là tất cả, mà ở đây "giặc cướp" phần lớn nổi lên ở các lộ lại là dân, do đói kém mà sinh ra trộm cướp.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.115

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.163.

Ở trên chúng tôi đã nêu, vào thời Trần Dụ Tông có đến 4 cuộc nổi dậy (chiếm 1/2 tổng số) trong đó có cuộc kéo dài 16 năm do Ngô Bê cầm đầu. Chính ở thời Dụ Tông, đám "học trò mặt trăng" ra sức lộng quyền, nhà vua vốn là người "thông tuệ, học vấn cao minh" nhưng "*từ năm Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần từ đây suy*"<sup>1</sup>. Bọn quyền thần ý thế "là người quyền thế vua yêu" mà làm nhiều điều trái phép. Tư nghiệp Quốc Tử giám là Chu Văn An đã nhiều lần can ngăn Dụ Tông nhưng ông không nghe. Chu Văn An đề nghị chém đầu bảy tên nịnh thần (gọi là "thất tràm" só), nhưng không được vua chấp nhận. Trong khi dân chúng lâm vào cảnh nghèo đói thì Dụ Tông ra sức chơi bời, bắt các vương hầu, công chúa dâng trò chơi, lại chiêu tập các nhà giàu trong nước vào trong cung đánh bạc. Trước đây Thượng phẩm Nguyễn Hưng vì đánh bạc bị triều đình giết chết, thì nay ông vua của một nước lại công nhiên phá luật lệ tổ tiên và tự mình vi phạm. Chính vì Dụ Tông nghe những kẻ bê tê nịnh thần mà ra lệnh kiểm điểm tài sản của các nhà quyền quý, nghĩa là vật gì quý báu phải đem nộp vào Nhà nước mà trước đây đều thuộc con cháu họ sau khi họ qua đời. Thực chất, lúc này Dụ Tông đã bỏ mặc chính sự cho đám quan liêu và thế lực quan liêu đã lợi dụng Dụ Tông để thực hiện ý đồ đánh vào thế lực quý tộc tôn thất.

---

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, Sđd, tr.148.

Tầng lớp quan liêu từ nửa sau thế kỷ XIV, ngày càng nắm nhiều chức vụ trọng yếu trong triều. Quyền cao chức trọng, trong điều kiện kinh tế hàng hóa, ruộng đất tư hữu phát triển đã ngày càng không ngừng tăng cường thế lực kinh tế, chính trị, ngày càng ra sức bóc lột nông dân lao động. Đối với họ "sống chết mặc bay, tiền thây bỏ túi". Nếu tầng lớp vương hầu quý tộc mà làm như thế đối với gia nô thì người chịu hậu quả đầu tiên là chính bản thân họ. Vì thế, từ thời điểm này, nhân dân nhiều năm lâm vào cảnh đói. "Bấy giờ vì đói kém dân gian khổ vì giặc cướp" (*Toàn thư*, Tr.156). Trong xã hội không chỉ nảy sinh mâu thuẫn giữa Nhà nước quân chủ với tầng lớp quý tộc tôn thất, mâu thuẫn giữa tầng lớp quan liêu với tầng lớp quý tộc mà còn nảy sinh mâu thuẫn giữa nhân dân lao động với Nhà nước quân chủ trung ương đang chuyển sang xu hướng quan liêu hóa.

Chính vì xu hướng quan liêu hóa của Nhà nước trung ương Trần mà địa vị của kỳ lão trong xã hội cũng càng ngày càng không còn mấy vai trò.

Ở buổi đầu Nhà nước quân chủ quý tộc Trần, vai trò các kỳ lão rất quan trọng. Trong công xã nông thôn, kỳ lão và Hội đồng trưởng lão là những người đại diện nhân dân làm lễ tế thần và chia công điền. Hội đồng trưởng lão khống chế xã, vì thế, chức xã quan đã được Nhà nước đặt ra nhưng lúc có lúc không vì vai trò của kỳ lão còn lớn.

Các kỳ lão còn được tham gia chính sự. Nếu như năm 1284, họp Hội nghị Diên Hồng là họp "các phụ lão trong nước" để bàn kế sách đánh giặc Mông - Nguyên, thì vào năm 1405, dưới triều Hồ, để bàn kế đánh giặc Minh thi người được dự họp là An phủ sứ các lộ. Đến thời Lê sơ thì phụ lão được xếp ngang với đàn bà góa và trẻ mồ côi. Là bởi thời Lê sơ, hệ thống chính quyền quan liêu đã được thiết lập chặt chẽ đến cấp xã.

\*  
\* \*

Tìm hiểu chế độ thái ấp - điền trang cần phải tìm ngay trong bản chất xã hội thời Trần và ngược lại sự tồn tại thái ấp - điền trang là một yếu tố để tìm hiểu các vấn đề: Ruộng đất và sở hữu ruộng đất; Lực lượng sản xuất; Vị trí địa lý và vai trò quân sự; ảnh hưởng và tác động của chế độ thái ấp - điền trang đối với kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội.

Có thể nói, thái ấp là loại ruộng đất công làng xã thuộc sở hữu nhà nước mà đại diện tối cao là nhà vua, Nhà nước ban cấp cho các vương hầu quý tộc. Người được ban cấp chỉ được quyền sử dụng. Sau khi người chủ thái ấp qua đời,

một phần nhỏ ruộng đất được giữ lại làm ruộng thờ mình, còn thì trở thành ruộng công làng xã.

Về quy mô của thái ấp, tuy có những ý kiến khác nhau, nhưng từ việc nghiên cứu một số vấn đề, sử dụng các nguồn tài liệu khác nhau, trong đó có nhiều lần khảo sát thực địa, chúng tôi cho rằng: thái ấp là vùng có quy mô khá rộng và hầu hết các thái ấp có quy mô tương đương nhau.

Về điền trang, loại hình này khác hẳn thái ấp về mặt sở hữu ruộng đất. Nếu thái ấp chỉ dừng lại ở quyền sử dụng thì điền trang thuộc sở hữu tư nhân của các quý tộc Trần. Quy mô của các điền trang là do những điều kiện chủ quan và khách quan quy định.

Lực lượng lao động trong thái ấp và điền trang đều là những nông dân, nhưng thân phận của họ không hoàn toàn giống nhau. Người lao động trong các thái ấp tuy có lệ thuộc ít nhiều vào chủ nhưng cơ bản họ là những nông dân tự do; còn trong điền trang thì người lao động hoàn toàn lệ thuộc vào chủ, kiểu nông nô.

Do những điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử quy định, đại bộ phận thái ấp thời Trần được phân bố chủ yếu ở châu thổ Bắc Bộ; đặc biệt là ở các địa bàn hiểm yếu của đất nước. Cũng như thái ấp, điền trang trở thành một căn cứ kháng chiến khi có giặc ngoại xâm, nhưng đồng thời điền trang còn là hình thức để mở rộng địa bàn, phạm vi

cư trú của cư dân, và vì vậy nó có ý nghĩa vừa bảo vệ, vừa mở mang bờ cõi.

Chế độ thái ấp - điền trang đã có những tác động, ảnh hưởng tích cực đối với kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, nhưng ngược lại nó cũng bộc lộ những mặt hạn chế đối với các vấn đề trên.

Những điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử thế kỷ XIII- XIV, cùng với những chính sách của nhà nước Trần, trong đó đặc biệt là chính sách ban cấp thái ấp, lập điền trang đã tạo nên một thành tựu văn hoá rực rỡ, đó là khí phách Đại Việt trong công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc (hào khí Đông A). Tinh hoa văn hoá thời Trần còn được toả sáng trên các lĩnh vực tư tưởng, văn học và nghệ thuật.

## THAY LỜI KẾT

Triều đình nhà Trần tồn tại trong 175 năm, so với các triều đại quân chủ Việt Nam khác, triều Trần có nhiều điểm đặc biệt độc đáo, không những chỉ đối với giai đoạn lịch sử gần hai thế kỷ của nhà Trần, mà còn độc đáo trong lịch sử các nhà nước quân chủ Việt Nam thời Trung đại.

1. Triều đình với mối quan hệ đồng tộc, "tông miếu" và "xã tắc" trong quan niệm của nhà Trần là một. Các vương hầu quý tộc tôn thất là những người được "ăn học" đến nơi đến chốn, am tường nhiều lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, thơ văn. Họ được triều đình đặc biệt ưu đãi, trao giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều và được ban cấp những vùng đất rộng lớn làm thái ấp, được phép lập điền trang làm của riêng. Trong lịch sử các nhà nước quân chủ Việt Nam chỉ có dưới thời Trần mới có chế độ thái ấp - điền trang *giành cho tầng lớp quý tộc tôn thất*.

2. Thái ấp - điền trang là một chế độ bồng lộc đặc biệt dành cho quý tộc tôn thất thời Trần. Thái ấp và điền trang tuy cùng là loại hình ruộng đất, nhưng giữa chúng lại *khác nhau về nguồn gốc đất đai, tính chất sở hữu, tính chất sử dụng và mục đích ban cấp*.

- *Thái ấp* được ban cấp trên loại hình ruộng đất đã *thuần thực* (hay *thực địa*), các vương hầu quý tộc tôn thất được *hưởng hoa lợi* trên bộ phận ruộng đất đó chứ *không được sở hữu riêng* như điền trang và chỉ được hưởng một đời, không được phép truyền lại cho con cháu. Địa bàn thái ấp vừa là *nơi làm việc*, nơi *cư trú* lại vừa là *cơ sở sản xuất* của các vương hầu quý tộc tôn thất. Nhà nước Trần ban cấp thái ấp không chỉ nhằm đem lại quyền lợi kinh tế cho tầng lớp tôn thất mà quan trọng hơn là nhằm *mục đích chính trị và quốc phòng*. Những vương hầu, những người tài giỏi trong tôn thất được triều đình giao cho trọng trách trấn trị những vùng đất quan trọng của đất nước. Hay nói cách khác thái ấp là loại hình ruộng đất do *nha nước Trần chủ động* ban cấp cho các vương hầu quý tộc nhằm mục đích chính trị, quốc phòng của đất nước.

- *Điền trang*, là loại ruộng đất *khẩn hoang* mà không phải là thực địa. Điền trang thuộc *sở hữu tư nhân* của các vương hầu quý tộc mà *không thuộc sở hữu nhà nước* như thái ấp. Địa bàn điền trang chủ yếu là nơi *lao động sản xuất* đem lại *lợi ích kinh tế* cho chủ mà không phải là nơi làm việc và cư trú như ở thái ấp. Các vương hầu chỉ *xây dựng nhà* ở trong điền trang mà không xây dựng phủ đệ quy mô như ở thái ấp. Nếu như thái ấp do nhà nước chủ động ban cấp thì điền trang *quyền chủ động là do các vương hầu, quý tộc tôn thất*.

3. Có thể nói, chế độ thái áp - điền trang thời Trần thể hiện sự *kết hợp nhuần nhuyễn giữa công cuộc dựng nước đi đôi với giữ nước*. Triều đình Trần trong buổi đầu thiết lập vương triều đã có nhiều chính sách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự và văn hoá, trong đó có chế độ thái áp - điền trang, nhằm củng cố, xây dựng nhà nước quân chủ quý tộc, nhằm tăng cường sức mạnh của tầng lớp quý tộc, vương hầu tôn thất trong công cuộc giữ nước và bảo vệ quyền thống trị của dòng tộc Trần. Sự hiện diện các thái áp ở các địa bàn trọng yếu của đất nước không chỉ đơn giản là cho phép các vương hầu quý tộc hưởng tô thuế, lao dịch trên phạm vi đất đai đó mà quan trọng hơn và trách nhiệm nặng nề hơn là các quý tộc tôn thất là phải bảo vệ địa bàn đó. Đối với nhà Trần, công cuộc dựng nước và giữ nước cũng đồng thời là công cuộc củng cố và bảo vệ vương triều quân chủ quý tộc đồng tộc, đáp ứng mục tiêu chính trị, quân sự của vương triều Trần. Chính sách lập điền trang không chỉ là một đặc quyền, đặc lợi của tầng lớp quý tộc tôn thất, nhằm mở rộng diện tích canh tác, phát triển sản xuất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước mà còn nhằm phát triển những địa bàn dân cư khắp mọi miền đất nước, nhất là miền ven sông, ven biển và những nơi đất đai hoang hoá. Đó phải chăng là một chính sách nằm trong chiến lược giữ nước của triều đại nhà Trần.

4. Sự ra đời và tồn tại của thái áp - điền trang với mục tiêu xây dựng và củng cố đất nước *là một nhân tố tạo*

*nên sức mạnh cho vương triều, cho Nhà nước quân chủ quý tộc và cho đất nước* trong giai đoạn đầu và nhất là trong công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc. Các vương hầu quý tộc, những người được ban cấp thái ấp không những là những vị tướng cầm quân đánh giặc giỏi mà còn là những nhà văn hóa lớn của dân tộc. Tri thức của họ thể hiện toàn diện trên nhiều lĩnh vực: quân sự, chính trị, ngoại giao, văn hóa. Họ đã tạo nên cho triều đình, cho đất nước mối đoàn kết trong hoàng tộc, trong bộ máy nhà nước và trong các tầng lớp nhân dân để đưa thời đại nhà Trần lên đỉnh cao của vinh quang - ba lần chiến thắng oanh liệt giặc Mông - Nguyên ở thế kỷ XIII, giữ vững nền độc lập tự chủ của dân tộc và bảo vệ nhà nước quân chủ quý tộc Trần. Thành tựu "độc lập dân tộc" này không chỉ thể hiện năng lực quân sự tài giỏi của vua tôi nhà Trần mà còn là một *thành tựu văn hóa lớn của dân tộc*.

5. Quá trình thực hiện chế độ phong thái ấp cũng tức là quá trình Nhà nước quân chủ quý tộc Trần phân tán những vương tài, tướng giỏi đi trấn trị các địa phương, đồng thời là *quá trình triều đình tạo nên khả năng chia sẻ sức mạnh, phân tán thế lực của mình*, tạo ra quá trình tha hoá, phân liệt ý chí của quý tộc ở giai đoạn sau, nhất là từ nửa cuối thế kỷ XIV, nhà nước quân chủ quý tộc đã chuyển dần sang nhà nước quân chủ quan liêu. Tầng lớp quý tộc tôn thất, một thời vinh quang là thế thì đến thời điểm này đã phải nhường "ngôi" cho tầng lớp quan liêu xuất thân bằng khoa cử Nho giáo. Sau khi chiến

tranh kết thúc, tầng lớp quý tộc tôn thất không còn mấy quan tâm đến công việc triều chính, những chức vụ quan trọng trong triều mà trước đây triều đình chỉ giành cho tôn thất, thì nay, triều đình ngày càng giao cho tầng lớp nho sĩ tuyển chọn qua thi cử, dẫn đến cuộc đấu tranh giữa tầng lớp quý tộc và quan liêu để đến khi quyền điều hành đất nước vào tay Hồ Quý Ly thì tầng lớp quý tộc tôn thất Trần mất vị trí và vai trò lãnh đạo đất nước. Khi bộ máy chính trị của đất nước vận hành theo xu hướng quap liêu thì chế độ thái áp - điền trang, đặc quyền, đặc lợi của quý tộc tôn thất Trần, gắn liền với vị trí của nhà nước quân chủ quý tộc đã bị Hồ Quý Ly "xoá sổ" bằng chính sách "hạn điền, hạn nô". Như thế, *chế độ thái áp - điền trang gắn liền với vận mệnh của Nhà nước quân chủ quý tộc Trần.*

Trong tổng thể chung của nền kinh tế tiểu nông, tư hữu ruộng đất, kinh tế hàng hóa trên đà phát triển, thì chế độ thái áp - điền trang với nền kinh tế tự cấp tự túc, đã góp phần làm phong phú hơn kết cấu kinh tế, xã hội thời Trần. Tuy nhiên, thái áp - điền trang một thứ đặc quyền, đặc lợi của các vương hầu quý tộc đã làm cho tầng lớp quý tộc tôn thất ngày càng giàu có. Trong khi ngân sách quốc gia ngày càng cạn kiệt. Sự ban cấp thái áp từ ruộng công làng xã đã làm cho bộ phận ruộng công thu hẹp lại, nhà nước vì thế mà mất nguồn tô thuế. Bộ phận điền trang cũng không phải nộp tô thuế. Cho nên, sự tồn tại của thái áp lại là nguyên nhân mâu thuẫn với nhà nước tập quyền về mặt kinh tế.

6. Chế độ thái áp - điền trang mang tính lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn. Trước Trần, kiểu ban cấp bổn lộc tương tự như thái áp đã có nguồn gốc từ thời tiền Lê, Lý và đặc biệt phát triển đến đỉnh cao ở thời Trần. Sự ra đời của chế độ thái áp được hợp thành bởi các yếu tố: *Chính trị* (tức chính thể nhà nước), nơi để ra chế độ thái áp; *Quân sự - an sinh*; *Vị trí địa lý tự nhiên* và *yếu tố kinh tế*.

Môi trường tự nhiên - xã hội trong mối quan hệ giữa con người - chủ thể của xã hội và là sản phẩm của tự nhiên với các yếu tố sông, biển, đất, núi và rừng không chỉ là điểm, là diện trong mối quan hệ địa lý với đất nước nói chung mà còn quan hệ mật thiết với thái áp - điền trang, để thái áp - điền trang Trần vừa mang tính chính trị, kinh tế vừa mang tính quân sự lại vừa mang đậm yếu tố địa-sinh thái. Sự phát triển của điền trang thời Trần cũng tức là thước đo quá trình phát triển khẩn hoang, đồng thời là quá trình cải tạo tự nhiên, tăng diện tích canh tác, phát triển sản xuất nông nghiệp. Sự ra đời của thái áp - điền trang không thể tách rời môi trường tự nhiên. Nói cách khác, yếu tố địa- sinh thái là một trong những điều kiện để định vị trí địa lý cho thái áp - điền trang hình thành ở những vùng trọng yếu và những vùng ven sông, ven biển của đất nước, nhưng quan trọng hơn, thái áp - điền trang là *sản phẩm của thể chế chính trị quân chủ quý tộc đồng tộc nhằm đáp ứng nhu cầu chính trị, quốc phòng của đất nước*.

Sẽ là thiếu đầy đủ nếu chỉ đề cao vai trò kinh tế của thái ấp (tức cấp bổng lộc cho quý tộc vương hầu) mà theo chúng tôi, ban cấp thái ấp về cơ bản là đáp ứng mục đích chính trị kết hợp với mục đích quân sự - an sinh xã hội (*social security*). Vị trí các thái ấp mang tính quân sự- an sinh. Triều đình trong chiến lược phòng thủ đất nước đã chọn các vương tài tướng giỏi trấn trị ở những vùng đất có tầm quan trọng về quân sự để vừa bảo vệ vừa hưởng bổng lộc. Vì thế các thái ấp trong chiến tranh không chỉ là căn cứ địa mà còn là nơi cung cấp sức người, súc của. *Các thái ấp thực sự phát huy hiệu quả cao độ trong thời kỳ đất nước có chiến tranh*, đó là nét đặc sắc của chế độ thái ấp. Từ sau khi chiến tranh chống giặc Mông - Nguyên kết thúc, nhất là từ giữa thế kỷ XIV trở đi, khi vai trò của tầng lớp quan liêu càng ngày càng trở thành lực lượng quan trọng lãnh đạo đất nước, vai trò của tầng lớp vương hầu quý tộc tôn thất trong bộ máy nhà nước không còn mấy quan trọng thì chế độ thái ấp - điền trang trở nên mờ nhạt để rồi đi đến suy tàn vào cuối thời Trần. Các nhà nước quân chủ sau Trần không trở lại chế độ này nữa.

Quá trình tồn tại và phát triển của vương triều Trần trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội vừa mang tính kế thừa triều đại trước vừa mang sắc thái riêng với sự tồn tại của chế độ thái thượng hoàng, chế độ hôn nhân nội tộc và chế độ thái ấp - điền trang.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn An, *Ô Châú Cận lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội-1977.
2. Hoài An - Văn An, *Một vài nét tìm hiểu về công chúa Thụy Bảo và công chúa Huyền Trân đời Trần ở đất Vũ Bản*, Tài liệu của Bảo tàng Nam Định.
3. Đào Duy Anh: - *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hoá-1994.
  - *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XIX*, Quyển thượng, Tập san Đại học Sư phạm xuất bản, Hà Nội-1956.
4. Trần Huy Bá: - *Thử bàn vị trí thành Thăng Long đời Lý*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6-1959, tr.77-81.
  - *Bàn thêm về nội thành Thăng Long ở thời Lý* -Trần- Lê, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 91-1966, tr. 57-63.
  - *Một tấm bia cổ gần 900 năm mới được phát hiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 125- 1969, tr. 41-46.
  - *Chút ít tài liệu về việc mở mang thành phố Hà Nội*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 139 - 1971, tr. 50-58.
5. Huỳnh Công Bá, *Tìm hiểu công cuộc khai khẩn Bắc Quảng Nam dưới thời Trần (Qua tư liệu địa phương)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 (297)-1998, tr. 35-38.

6. Đặng Xuân Bằng, *Sử học bị khảo*, Viện Sử học - Nxb. Văn hóa- Thông tin, Hà Nội-1997.
7. Nguyễn Duyên Bằng, *Một số di tích lịch sử thờ các vị có công trong chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 tại Hải Phòng. Danh sách các vị có công và các tướng lĩnh tham gia chiến thắng Bạch Đằng được thờ ở Hải Phòng*. Văn bia Trần Quốc Bảo, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 & 4(240-241)-1988, tr. 87-94.
8. Hoa Bằng: - *Lược khảo về lịch sử đê qua các triều đại*, Tập san Văn Sử Địa, số 31-1957, tr. 1-17.
  - *Nhân đọc cuốn "Cố tích và thắng cảnh Hà Nội. Thủ tìm hiểu về thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê và các cửa ô cuối thế kỷ XVIII"*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 14-1960, tr. 73-79.
9. Bộ Quốc phòng- Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Trần Hưng Đạo nhà quân sự thiên tài*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội- 2000.
10. Nguyễn Lương Bích, *Một điểm nổi bật trong đường lối chỉ đạo chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta thời Lý-Trần: Vấn đề tổ chức hậu phương*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 115-1968, tr. 3-9,21.
11. Nguyễn Xuân Cần, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông trên đất Hà Bắc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1-1980, tr.65-73.
12. Nguyễn Mạnh Cường - Trần Viết Khoa, *Từ nghiên cứu kỹ thuật đồ gốm cổ đến thực nghiệm men trắng hoa nâu thời Trần*, Tạp chí Khảo Cổ học, số (1-2)-1988, tr. 116-120.

13. Phùng Văn Cường, *Một tấm bia đời Trần mới được phát hiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 156-1974, tr. 60-69.
14. Trương Hoàng Châu, *Đào thám sát di chỉ làng rèn sắt thời Trần ở Thụy Hưng (Thái Bình)*, Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1987, tr.140.
15. Nguyễn Đồng Chi: - *Ý nghĩa chính sách quân điền trong thời phong kiến Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 12-1960, tr. 41-48.
  - *Chế độ nô tỳ ở Việt Nam qua các triều đại Đinh-Lê-Lý-Trần*, Tạp chí Văn Sử Địa, số 19 -1956, tr. 29 - 44.
  - *Chế độ nô tỳ thời Lê Sơ và tác dụng của phong trào quần chúng ở thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV (trao đổi ý kiến với đồng chí Nguyễn Đức Nghinh)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 99-1967, tr.34-40.
  - *Vấn đề chiếm hữu nô lệ thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (169)- 1976, tr. 31-41.
16. Nguyễn Huệ Chi, *Văn học thời Trần trong âm hưởng của cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên- Mông*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số (3-4)-1988, tr.26-32.
17. Trần Bá Chí: - *Sử Hy Nhan và sứ Đức Huy - hai nhân vật lịch sử thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6-1979, tr. 48-55.
  - *Hồng giang thời cổ và sông Hồng ngày nay*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 (267)- 1993, tr. 56-59.
18. Nguyễn Đình Chiến, *Bài Minh trên chuông chùa Bình Lâm (Hà Tuyên) đời Trần Anh Tông*, Tạp chí Khảo Cổ học, số 4- 1980, tr.32-45.

19. *Cổ Mai bi ký* (xưa là Cổ Mai, nay là Hoàng Mai), Tài liệu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
20. Phan Huy Chú: - *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội- 1992.
  - *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội -1992.
  - *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập III, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội-1992.
21. Phan Đại Doãn: - *Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4(199)-1981, tr. 24-32.
  - *Tìm hiểu công cuộc khai hoang thành lập làng Cống Thuỷ (Ninh Bình) từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5-1997, tr. 33-45.
  - *Máy nét về thái ấp của Trần Nhật Duật*. Bản thảo do tác giả cung cấp.
22. Nguyễn Anh Dũng, *Chính sách ngũ binh u nông các thời Lý- Trần- Lê sơ (Thế kỷ XI- XV)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội-1981.
23. *Đại Nam nhất thống chí*, Tập II, V, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội-1971.
24. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội-1972.
25. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội-1971.
26. *Đại Việt Sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội- 1997.

27. Nguyễn Khắc Đạm: - *Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất và tô thuế thời Lý-Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (172) - 1977, tr.79-90.
- *Về chế độ chiếm hữu nô lệ thời Lý Trần (trao đổi ý kiến với ông Nguyễn Đăng Chi)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 1 (184)-1979, tr. 83-89.
- *Về vấn đề ruộng công và ruộng tư trong lịch sử Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (199) - 1981, tr. 20-21.
28. Bùi Huy Đáp- Nguyễn Diền, *Nông nghiệp Việt Nam từ cội nguồn đến đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1996.
29. Nguyễn Đình Đầu, *Thử phỏng đoán dân số nước ta từ 20 thế kỷ qua*, Tạp chí Xưa và Nay, số 33- 1996.
30. Lê Quý Đôn: - *Kiến Văn tiểu lục*. Phạm Trọng Diêm dịch và chú giải, Nxb. Sử học, Hà Nội- 1962.
- *Đại Việt thông sử*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội -1978.
- *Phủ biên tập lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1964.
31. Lê Trần Đức, *Tình hình y học thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5 (224)- 1985, tr. 71-76.
32. Phạm Minh Đức - Phạm Thị Nết - Phạm Thị Lan, *Hội lễ dân gian ở Thái Bình*, Sở Văn hoá- Thông tin Thái Bình xuất bản-1991.
33. Đỗ Danh Gia, *Vùng đất Hà Nam Ninh thời Trần (khảo cứu về địa giới và các đơn vị hành chính)*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông

sử UBND tỉnh Hà Nam Ninh xuất bản 1985, tr.60-62.

34. Vũ Minh Giang, *Sự phát triển của các hình thức sở hữu ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tạp chí Khoa học- Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 3- 1988, tr. 45-52.
35. Hoàng Giáp, *Mấy suy nghĩ về đất Quỳnh Phụ đời Trần*, Trong "Thái Bình với sự nghiệp thời Trần", Bộ phận lịch sử dân tộc -Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản 1986, tr.111.
36. Lâm Hà, *Một số tài liệu về địa tô phong kiến trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ I đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Tập san Văn Sử Địa, số 15- 1956, tr.36-50.
37. Trần Hà, *Xung quanh trận Bạch Đằng năm 1288*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 46- 1963, tr. 60-66.
38. Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, Nxb.Văn Học-1995.
39. Phạm Xuân Hàm: và B,V,T, *Điền trang của trưởng công chúa Thái Đường*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng thông tin- UBND tỉnh Hà Nam Ninh - 1985, tr.51.
40. Nguyễn Hùng Hậu, *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Phật giáo Trần Thái Tông*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội-1996.
41. Ngụy Khắc Hiếu, *Vài nét về tình hình kinh tế Hà Nam Ninh thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng thông tin UBND tỉnh Hà Nam Ninh-1985, tr.30 - 32.
42. Nguyễn Duy Hinh: - *Hệ tư tưởng Lý*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (226) - 1986, tr.7-15.

- *Hệ tư tưởng Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (229)-1986, tr.36-45.
  - *Kinh tế xã hội thời Lý-Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (287)-1996, tr.32-46.
  - *Hệ tư tưởng trước Lý*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5&6 (236-237)- 1987, tr.51-60.
  - *Hệ tư tưởng Nguyễn*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 &4 (246-247)-1989, tr. 6-18.
43. Tăng Bá Hoành, *Điền dã và thám sát Kiếp Bạc lần thứ 2*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1985, tr.172-174.
- *Thám sát di tích chùa Hồ Thiên*, Những phát hiện mới về Khảo Cổ học năm 1983, tr.216-218.
  - *Trần Hưng Đạo, với căn cứ vạn kiếp*, Trong: *Thời Trần và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà*, Sở Văn hoá-Thông tin Nam Hà xuất bản - 1996, tr. 270 - 273.
44. Thái Hoàng- Bùi Quý Lộ, *Thanh tra, giám sát, khảo sát quan lại thời phong kiến ở nước ta*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6- 1995, tr. 26-31.
45. Nguyễn Quốc Hội- Phạm Hồng Cư, *Các di vật lịch sử văn hoá thời Trần ở kho bảo tàng Nam Hà*, Tạp chí Khảo Cổ học, số 1- 1997, tr.72 - 86.
46. Phạm Như Hồ - Đặng Công Nga, *Khai quật một ngọn tháp thời Trần trên mỏm ghềnh tháp (Hoa Lư - Hà Nam Ninh)*, Tạp chí Khảo Cổ học, số 1&2-1988, tr. 84-90.

47. Vũ Thái Hồng, *Mấy ý kiến về Trần Quốc Toản*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (229)-1986, tr. 48-52.
48. Nguyễn Thế Huệ, *Về dân số Việt Nam thời cổ-Trung đại*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2-1991, tr. 60 - 65.
49. Nguyễn Văn Huyên, *Ngôi mộ lợ có thể thuộc đời Trần ở Tam Đường (Thái Bình)*, Tạp chí Khảo Cổ học, số 5-6 - 1970, tr. 93-97.
50. *Khám định Việt Sử Thông giám cương mục*, Tập I, Nxb. Giáo Dục1998.
51. Nguyễn Đình Khoa, *Thành phần nhân chủng học của một số nhóm dân tộc miền núi tỉnh Quảng Bình*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 121-1969, tr. 41-49.
52. Thanh Khê, *Một bà chủ đồn điền ở thế kỷ XIV*, Tạp chí Tri Tân, số 56- 1942 (28-7-1942).
53. Phạm Văn Kính: - *Một số nghề thủ công thế kỷ X-XIV: nghề dệt, nghề gốm, nghề khai khoáng và luyện kim*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3(168)-1976, tr.42-53.  
- *Bộ mặt thương nghiệp Việt Nam thời Lý- Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (188)- 1979, tr. 35-42.
54. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược.Q.1*. Bộ Giáo dục Trung tâm học hiệu xuất bản-1971.
55. Bùi Duy Lan, *Giếng gỗ Lưu Đồn (Thái Bình)*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1977, tr. 205-207.
56. Văn Lang- *Phát hiện mộ cổ ở Hoàng Mai (Hà Nội)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 50-1963, tr. 63-64.

- Tìm được vết tích chùa Chương Sơn và tháp Vạn Phong Thành Thiên đài Lý, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 59-1964, tr. 61-63.
- 57. Lê Tư Lành, *Tìm hiểu tấm bia thời Trần nói về công chúa Phụng Dương, vợ Trần Quang Khải*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 139-1971, tr.38-49.
- 58. Trần Lâm, *Phát hiện thêm bia và bệ đá ở thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 158 -1974, tr.77-78.
- 59. Phan Huy Lê:- *Lao động làm thuê trong chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XVIII về trước*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9 -1959, tr.40-57.
  - *Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của loại ruộng đất thuê nghiệp*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 (199)-1981, tr. 15-19.
  - *Nhận xét về tổ chức và tính chất nhà nước thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 235-1987, tr. 27-32
  - *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ*, Văn Sử Địa, Hà Nội -1959.
- 60. *Lịch sử đảng bộ huyện Lệ Thủy*, Tập I (1930-1954), Quảng Bình-1996
- 61. *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội-1971.
- 62. Trần Huy Liệu, *Đánh giá cao tinh thần yêu nước và chủ trương "nối sức dân" của Trần Quốc Tuấn*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 114-1968, tr.1-3.
- 63. Trần Hải Lượng:- *Bàn về địa giới thành Thăng Long*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 -1959, tr.77-81.

- *Vài suy nghĩ về sông Tô Lịch*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 250- 1990, tr.51-54.
- 64. Vũ Duy Mền, *Nhà Trần với quá trình dựng nghiệp ở Thái Bình*, Trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Bộ phận Lịch sử dân tộc- Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản 1986, tr.91.
- 65. Dương Thái Minh, *Về cuốn sách "Ô Châu cận lục"*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 161-1975, tr.75-77.
- 66. Nguyễn Xuân Năm, *Tư liệu mới về kỹ thuật xây dựng tháp Phố Minh (Nam Hà)*, Tạp chí Khảo Cổ học, số 2 - 1996, tr.53-58.
- 67. Phạm Thị Nết, *Thái Bình - hậu phương lớn đồi nhà Trần*, Trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Bộ phận lịch sử dân tộc - Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản 1986, tr. 166- 171.
- 68. Đặng Công Nga: - *Những di tích có liên quan tới công chúa Trần Thị Ngọc Một, triều Trần*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1985, tr.178-179.
  - *Gạch "Vĩnh Ninh trường" và địa danh "Trường Vĩnh Ninh"*, Những phát hiện khảo cổ học năm 1985, tr.165-166.
  - *Núi Thiên kiệu ở đâu?*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1984, tr. 172-174.
  - *Thái ấp- di tích thái ấp ở Hà Nam Ninh*, Tài liệu của Bảo tàng Nam Định.
- 69. Nguyễn Đức Nghinh: - *Tước đại vương và trưởng công chúa thời Trần và chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 57-1963, tr. 61-62.

- *Đi tìm dấu vết những sở đồn điền ở Đàng Ngoài (thế kỷ XV-Thế kỷ XVIII)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (228)-1986, tr.30.
  - *Về những sở đồn điền thời Lê, ở Đàng Ngoài thế kỷ XV-XVIII*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 230-1986, tr. 46.58.
  - *Về quyền sở hữu ruộng đất khẩn hoang dưới thời phong kiến*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 236&237 - 1987, tr. 41-50.
70. Đặng Kim Ngọc - Nguyễn Thị Dơn, *Di tích một thái ấp thời Trần ở Hà Nội*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1978, tr.336.
71. Nguyễn Quang Ngọc, *Góp thêm ý kiến về vấn đề Hoàng Thành Thăng Long thời Lý-Trần và lịch sử "Thập tam trại"*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 -1986, tr.25-33.
72. Đỗ Văn Ninh: - *Đô thị thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3&4 -1988, tr.33-36.  
- *Tiền cổ thời Lý-Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6- 1979, tr. 26- 34.  
- *Khảo cổ học và lịch sử nhà Trần*, Tạp chí Khảo Cổ học, số (11-12)-1971, tháng 12, tr.106-110.
73. *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Tập 1-2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội -1978.
74. Lê Xuân Phương (chủ biên) -Nguyễn Việt và Hướng Tân cộng tác, *Sơ thảo địa lý Việt Nam*, Quyển I, Nxb.Văn Sử Địa, Hà Nội-1957.

75. Nguyễn Danh Phiệt:- *Chính quyền trung ương thời Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần với vấn đề thống nhất đất nước và hiện tượng "cát cứ, phân liệt"*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4- 1976, tr.15-30.
- *Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 -1977, tr. 22-31.
  - *Thời Trần sau ba lần thắng giặc Nguyên-Mông*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số (240-241)- 1985, tr.15-20.
  - *Chế độ phong kiến trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV và những di sản của nó*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3-1990, tr. 21-37.
  - *Từ tục ngữ:"Phép vua thua lệ làng", suy nghĩ về chức năng và quyền hạn của chính quyền làng xã Việt Nam thời Trung đại*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6-1995, tr.38-42
  - *Hồ Quý Ly*, Nxb.Văn Hoá-Thông tin, Hà Nội-1997.
76. Nguyễn Hồng Phong: - *Xã thôn Việt Nam*, Nxb.Văn Sử Địa-1959.
- *Về chế độ quân chủ quý tộc thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4-1986, tr. 26-35.
  - *Văn hoá chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển và Nxb Văn hoá- Thông tin, Hà Nội-1998.
77. Vũ Huy Phúc, *Thủ phân loại và xác định hình thái sở hữu ruộng đất thời Lý- Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 68-1976, tr. 23-41.

78. Nguyễn Vinh Phúc: - *Trần Khát Chân (? - 1399)*, Trong: *Danh nhân Hà Nội*, Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản - 1973, tr.96 - 99.
- *Tìm ra thôn Bà già*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1986, tr. 280-282.
79. Hồ Hữu Phước, *Trong lịch sử Việt Nam đến giai đoạn nào thì ruộng tư chiếm ưu thế*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 69- 1964, tr. 39- 45.
80. Lê Xuân Phương, *Mưa ở nước ta ảnh hưởng đến vấn đề trồng trọt như thế nào*, Tập san Văn Sử Địa, số 30-1957, tr. 70-77.
81. Vũ Mạnh Quang, *Góp thêm cơ sở về việc chọn hướng rút lui chiến lược của nhà Trần trong các cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên*, Trong: "Thái Bình với sự nghiệp thời Trần", Bộ phận Lịch Sử dân tộc- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản 1986, tr.177 - 197.
82. Lê Xuân Quang: - *Làng Bà Liệt và nhân vật Hoài Văn hâu Trần Quốc Toản*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 229-1986, tr. 46-47.
- *Trần Nhật Duật và người mẹ của ông*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông tin- UBND tỉnh Hà Nam Ninh -1985, tr.54.
83. Trương Hữu Quýnh: - *Thủ bàn về quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 93- 1966, tr.37- 46.

- *Tìm hiểu chế độ nô tỳ thời Lê sơ qua luật pháp*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 155- 1974, tr.56-67.
  - *Chế độ sở hữu Nhà nước về ruộng đất thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 168-1976, tr.8-22.
  - *Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất thời Lý - Trần (các thế kỷ XI-XII)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 189-1979, tr. 17 - 25.
  - *Hai mươi lăm năm nghiên cứu vấn đề ruộng đất và phong trào nông dân trong lịch sử chế độ phong kiến nước ta*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 198-1981, tr.1-7
  - *Quá trình nẩy sinh và xác lập của chế độ phong kiến ở Việt Nam (chủ yếu thông qua các tư liệu về ruộng đất)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 199-1981, tr.52 - 62.
  - *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, Tập 1: thế kỷ XI-XV, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội-1982.
  - *Mấy nét lớn về tình hình ruộng đất Thanh Hoá dưới thời Lý - Trần*, Bản thảo do Ban Nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Thanh Hoá cung cấp.
  - *Mấy vấn đề về ruộng đất thời Trần trước chiến thắng Bạch Đằng lịch sử*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3-4 (240-241)-1988, tr.11 - 14, 20.
  - *Hệ thống hành chính quốc gia ở nước ta thời xưa: Một di sản cần nghiên cứu*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 293-1995, tr. 16 - 19.
84. Trương Hữu Quýnh - Nguyễn Danh Phiệt, *Mấy suy nghĩ về hệ thống hành chính địa phương ở nước ta thời phong kiến*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6- 1995, tr.32-37.

85. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) - Phan Đại Doãn-Nguyễn Cảnh Minh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb.Giáo Dục, Hà Nội -1998.
86. Nguyễn Ngọc Rao - Vũ Mạnh Quang, *A sào và xác định lại vị trí A Sào*, Trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Bộ phân lịch sử dân tộc Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản -1986, tr. 212 - 224.
87. Vũ Tuấn Sán, *Chu Văn An, thầy dạy học và trí thức nổi tiếng cuối đời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 137-1971, tr. 43- 48.
88. Bùi Văn Tam: - *Lê Tông*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông sử- UBND tỉnh Hà Nam Ninh xuất bản 1985, tr.58.  
- *Ba công chúa thời Trần trên đất Thiên Bản*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 308-2000, tr.83-85.
89. Bùi Văn Tam - Phạm Xuân Hàm, *Làng Miễn Hoàn một vùng đất khai hoang đời Trần ở Vu Bản*, Tài liệu của Bảo tàng Nam Định.
90. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội- 1976.
91. Văn Tân: - *Ý thức dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử Lý- Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 44-1962, tr. 8-15.  
- *Sự khác biệt về chất giữa xã hội Trần và xã hội thời Lê sơ*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 45-1962, tr.3-11.  
- *Bàn thêm về nguyên nhân khiến cho cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ hồi thế kỷ XIII đi đến thắng lợi*,

Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số (66,67)-1964, tr. 2-7 và  
39-45,57.

- *Vài sai lầm về tài liệu của bộ "Đại Việt sử ký toàn thư"*,  
Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 93-1966, tr. 28-32.
  - *Chế độ quân chủ tập quyền trong lịch sử Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 110-1968, tr. 19-25.
  - *Những nét đặc biệt của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ*, Lịch Tạp chí Nghiên cứu sử, số 114-1969, tr.9-15.
  - *Những nhân tố đưa đến chiến thắng quân Nguyên hồi thế kỷ XIII*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3-1978, tr. 5-14.
  - *Đường giao thông từ Bắc vào Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 203- 1982, tr.52 - 54.
92. Phạm Thị Tâm - Hà Văn Tấn, *Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 52- 1963, tr. 20-30,62.
93. Hà Văn Tấn-Phạm Thị Tâm: - *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề về lịch sử đời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 88-1966, tr. 25-32.  
- *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỷ XIII*. In lần thứ tư, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội - 1975.
94. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Nam Định, *Anh hùng dân tộc thiêng tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2000.

95. Nguyễn Thị Thảo, *Bước đầu khảo sát về Bát Đạt trang thời Trần*, Trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Bộ phận lịch sử dân tộc- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản 1986, tr. 206 -212.
96. Trần Đức Thảo, *Bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo và xã hội Việt Nam trong thời kỳ thịnh của chế độ phong kiến*, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, số 5-1955, tr.31-39.
97. *Thần tích xã Thọ Lão, tổng Thọ Lão, huyện Đan Phượng, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông*, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Ký hiệu AE a2/13.
98. *Thần sắc xã Thọ Lão, tổng Thọ Lão, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông*, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Ký hiệu AE a2/21.
99. Hồ Thọ - Dương Văn Vượng, *Vài nét về tấm bia họ Ngô*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Hà Nam Ninh, Phòng Thông tin - UBND tỉnh Hà Nam Ninh -1985, tr. 59.
100. Nguyễn Khánh Thiện, *Cung Thiên Trường*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh. Phòng thông tin - UBND tỉnh Hà Nam Ninh-1985, tr. 33-36.
101. *Thơ Văn Lý - Trần*, Quyển thương, tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội-1989
102. Dinh Khắc Thuân, *Đất Long Hưng đời Trần*, Trong: *Thái Bình với sự nghiệp thời Trần*, Bộ phận lịch sử dân tộc- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình xuất bản 1986, tr. 101 -110.

103. Đinh Khắc Thuân - Tống Trung Tín, *Về tấm bia đá ở chùa Thiệu Long (Hà Nội)*, Tạp chí Khảo cổ học, số 2-1991, tr. 64-67.
104. Tống Trung Tín, *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần (Thế kỷ XI-XIV)*, Nxb.Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1997.
105. Lê Như Thủy, *Bà Trần Thị Ngọc Hào, vợ vua Trần Duệ Tông (1373-1377)*, Tạp chí Tri Tân, số 70 (3-11)-1942, tr. 20-21.
106. Nguyễn Tài Thư, *Tư tưởng Lê Thánh Tông và triều đại thịnh trị của ông, Lê Thánh Tông (1442-1497) con người và sự nghiệp*, Đại học Quốc gia xuất bản, Hà Nội - 1997, tr. 88-93.
107. Nguyễn Đình Thực: -*Tìm hiểu hình thể sông ngòi và những thay đổi lớn các dòng sông chính ở đồng bằng Thanh Hoá*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1- 1989, tr. 48-56.
  - *Về các công trình giao thông thuỷ lợi trên đất ái châu thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 100-1980, tr. 63-64.
108. *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý- Trần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1981.
109. *Thăng Long- Đông Đô- Hà Nội*, (Địa chí Văn hoá dân gian), Sở Văn hoá và Thông tin Hà Nội, Hà Nội-1991.
110. Vũ Văn Tỉnh, *Một chút tài liệu về lịch sử đất đai Hà Nội*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 111-1968, tr. 53-56.

111. Lê Trắc: *An Nam chí lược* (Bản đánh máy-Viện Sử học (thiếu quyển 20, còn 19 quyển).
112. Bùi Minh Trí, *Tháp cổ thời Trần mới được phát hiện ở huyện Lục Yên - Yên Bái*, Tạp chí Khảo cổ học, số 1-1997, tr. 97.
113. Nguyễn Văn Trò: - *Di tích Trần Quốc Tảng ở Hà Nam Ninh*, Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1984, tr.177.
  - *Xác minh hành cung ứng Phong thời Lý- Trần*, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1983, tr.213-216.
114. Cao Hùng Trung: *An Nam chí nguyên*, Bản đánh máy của Viện Sử học.
115. Chu Quang Trú, *Mỹ thuật thời Trần*, Tạp chí Khảo cổ học, số (5-6)-1970, tr.98-109.
116. Đào Thế Tuấn: - *Phác thảo lịch sử nông nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Xưa & Nay, số 8,9,10,11-1994.
  - *Dân số Việt Nam trong lịch sử*, Tạp chí Xưa & Nay, số 33 tháng 9 - 1996.
117. Vương Hoàng Tuyên, *Một vài ý kiến về nguyên nhân hình thành của nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 - 1959, tr.59-65.
118. Trần Từ, *Góp phần tìm hiểu làng xã cổ truyền: làng xã Hương Sơn*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 165- 1975, tr.34-38.
119. Đào Đình Tửu, *Giếng thời Trần ở Túc Mắc (Nam Hà)*, Tạp chí Khảo cổ học, số 5-6 tháng 6 -1970, tr.89-92.

120. Đào Đình Túu- Đặng Văn Nhiên, *Thái áp của Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải*. Trong: *Thời Trần và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà*, Sở Văn hoá - Thông tin Nam Hà xuất bản 1996, tr. 278-290.
121. *Trần triều danh tướng thần tích* (thần tích An Nghĩa Đại vương của xã Đức Đại, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Hưng).
122. *Trần Thủ Độ- con người và sự nghiệp*, Sở Văn hoá - Thông tin Thái Bình xuất bản - 1994.
123. Đào Tố Uyên- Nguyễn Cảnh Minh, *Tìm hiểu tổ chức chính quyền Trung ương ở nước ta thời phong kiến*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6- 1995, tr. 20-25.
124. Phan Viêng: *Tìm hiểu làng Thành Thị cổ truyền*, Luận văn tốt nghiệp, Khoa 1983-1987, Khoa Sử- Đại học Tổng hợp Hà Nội.
125. Viện Nghệ thuật- Bộ Văn hoá, *Mỹ thuật thời Trần*, Nxb.Văn Hoá, Hà Nội-1977.
126. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Nghề nông cổ truyền Việt Nam qua thư tịch Hán Nôm*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội- 1994.
127. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Kế sách giữ nước thời Lý- Trần*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội- 1994.
128. Trần Thị Vinh: - *Công tác triều và thuỷ lợi thời Lý- Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3-1976, tr.54-59.  
- *Tìm hiểu thiết chế và tổ chức nhà nước thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 & 4 - 1988, tr.21-25.

129. Huy Vũ, *Sơ lược về quá trình phát triển kiến trúc thời Lý-Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 150- 1973, tr. 52.
130. Việt Sử lược, Trần Quốc Vượng dịch và chú giải, Nxb Văn Sử Địa - 1960
131. Trần Quốc Vượng: - *Một vấn đề địa lý học lịch sử: Những trung tâm chính trị của đất nước ta trong thời cổ đại (Từ mạt kỳ cộng sản nguyên thuỷ đến thời kỳ thuộc Hán)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 - 1959.
- *Địa lý lịch sử miền Hà Nội (Trước thế kỷ XI)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 15 - 1960, tr. 48-57.
  - *Địa lý miền Hà Nội (Trước thế kỷ XI)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 17 - 1960, tr. 44-53.
  - *Bàn thêm về thành Thăng Long đời Lý-Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 85- 1966, tr. 35-45.
  - *Văn minh Việt Nam thế kỷ X-XV*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (198) -1981, tr. 4-10.
  - *Theo dòng lịch sử- Những vùng đất, Thành và t菑 thúc người Việt*, Nxb.Văn hoá- Thông tin, Hà Nội - 1996.
  - *Về gốc gác nhà Trần*. Trong: *Thời Trần và Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà*, Sở Văn hoá- Thông tin Nam Hà xuất bản 1996, tr. 32-35.
  - *Việt Nam cái nhìn Địa - Văn Hoá*, Văn hoá dân tộc- Tạp chí Nghệ thuật xuất bản, Hà Nội - 1998.
132. Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, In lần thứ 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội- 1963.